

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN
MÔN

KHOA HỌC XÃ HỘI

LỚP **7**

(SÁCH THỬ NGHIỆM)
(Tái bản lần thứ nhất
có chỉnh lí, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NXBGDVN

MỞ ĐẦU

Mô hình trường học mới thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Nội dung các bài học theo mô hình trường học mới được xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đồng thời phù hợp với việc thực hiện các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực học sinh.

Tiến trình bài học trong mô hình trường học mới được thiết kế thành các hoạt động học theo tiến trình sư phạm của các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học giải quyết vấn đề, dạy học tìm tòi nghiên cứu, phương pháp "Bàn tay nặn bột" và các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn... Tuy có những điểm khác nhau nhưng tiến trình sư phạm của các phương pháp dạy học tích cực đều tuân theo con đường nhận thức chung là: *từ vấn đề cần giải quyết – học sinh phải học kiến thức mới, kĩ năng mới để giải quyết vấn đề – vận dụng, mở rộng kiến thức, kĩ năng mới vào thực tiễn*. Vì vậy, mỗi bài học trong mô hình trường học mới đều được thiết kế theo 5 hoạt động: *Khởi động, Hình thành kiến thức, Luyện tập, Vận dụng, Tìm tòi mở rộng*. Giáo viên cần hiểu đúng bản chất của từng hoạt động trong mỗi bài học, trong đó hoạt động cốt lõi là "*Hình thành kiến thức*" và "*Luyện tập*" để đảm bảo cho tất cả học sinh phải học được kiến thức mới, luyện được kĩ năng mới theo mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Cụ thể như sau:

Hoạt động khởi động nhằm tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu Hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, giúp học sinh bộc lộ quan niệm của mình về vấn đề sắp học để nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết. Vì vậy, các câu hỏi/nhiệm vụ trong hoạt động khởi động là những câu hỏi/vấn đề mở, không cần và không thể có câu trả lời hoàn chỉnh. *Kết thúc hoạt động này, giáo viên không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp học sinh phát biểu được vấn đề để học sinh chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kĩ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.*

Hoạt động hình thành kiến thức nhằm giúp học sinh chiếm lĩnh được kiến thức, kĩ năng mới thông qua việc nghiên cứu tài liệu; tiến hành thí nghiệm, thực hành; hoạt động trải nghiệm sáng tạo... *Kết thúc hoạt động này, trên cơ sở kết quả hoạt động học của học sinh thể hiện ở các sản phẩm học tập mà học sinh/nhóm học sinh hoàn thành, giáo viên cần chốt kiến thức mới để học sinh chính thức ghi nhận và vận dụng.*

Hoạt động luyện tập nhằm giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được thông qua yêu cầu áp dụng trực tiếp kiến thức vào giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề trong học tập. *Kết thúc hoạt động này, nếu cần, giáo viên có thể lựa chọn những vấn đề cơ bản về phương pháp, cách thức giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề để học sinh ghi nhận và vận dụng, trước hết là vận dụng để hoàn chỉnh câu trả lời/giải quyết vấn đề đặt ra trong "Hoạt động khởi động".*

Hoạt động vận dụng nhằm giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để phát hiện và giải quyết các tình huống/vấn đề trong cuộc sống ở gia đình, địa phương. Giáo viên cần gợi ý học sinh về những hoạt động, sự kiện, hiện tượng cần quan sát trong cuộc sống hằng ngày, mô tả yêu cầu về sản phẩm mà học sinh cần hoàn thành để học sinh quan tâm thực hiện. *Hoạt động này không cần tổ chức ở trên lớp và không đòi hỏi tất cả học sinh phải tham gia. Tuy nhiên, giáo viên cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều học sinh tham gia một cách tự nguyện; khuyến khích những học sinh có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.*

Hoạt động tìm tòi mở rộng nhằm tạo thói quen cho học sinh không bao giờ dừng lại với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học, ham mê học tập suốt đời. Giáo viên cần giúp học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau. *Cũng như "Hoạt động vận dụng", hoạt động này không cần tổ chức ở trên lớp và không đòi hỏi tất cả học sinh phải tham gia. Tuy nhiên, giáo viên cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều học sinh tham gia một cách tự nguyện; khuyến khích những học sinh có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.*

Mỗi hoạt động học của học sinh trong tiến trình trên phải được tổ chức một cách linh hoạt giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp. Không nên bố trí học sinh ngồi theo các nhóm cố định mà phải chia nhóm theo yêu cầu của hoạt động học. Nghĩa là các nhóm học tập nói chung đều được hình thành một cách linh hoạt theo từng nội dung học tập. Nếu là hoạt động cá nhân, cặp đôi và toàn lớp thì không cần và không nên bố trí học sinh ngồi thành nhóm, nhất là trong điều kiện lớp học không cho phép. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và việc thiết kế hoạt động của giáo viên. Nhìn chung, quy trình tổ chức mỗi hoạt động học như sau:

– *Làm việc cá nhân*: Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân phải tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận trong nhóm. Tần suất của các hoạt động cá nhân rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác.

– *Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm*: Sau khi học sinh làm việc cá nhân, học sinh cần được hướng dẫn thảo luận với bạn về nội dung học tập. Tùy điều kiện cụ thể của lớp học và nội dung học tập, giáo viên quyết định giao cho học sinh thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm để hoàn thành sản phẩm học tập được giao. *Để hoạt động nhóm đạt hiệu quả, mỗi nhóm chỉ nên có 4 học sinh.*

– *Làm việc cả lớp*: Trong mỗi hoạt động học, sau khi học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm, giáo viên tổ chức làm việc chung cả lớp để học sinh được trình bày, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập của học sinh; định hướng hoạt động học tiếp theo; chốt kiến thức, kỹ năng mới để học sinh chính thức ghi nhận và vận dụng.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm hay toàn lớp phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, giáo viên không nên luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình thực tế, giáo viên có thể điều chỉnh một cách linh hoạt, tạo hứng thú cho học sinh trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học.

Khi tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên cần chú ý giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng; đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm học sinh làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho từng học sinh và cả nhóm; hướng dẫn học sinh ghi tóm tắt kết quả hoạt động cá nhân và kết quả thảo luận nhóm vào vở; không được đọc cho học sinh ghi bài, không yêu cầu học sinh chép lại toàn bộ nội dung bài học trong tài liệu Hướng dẫn học. Khi giúp đỡ học sinh, cần gợi mở để học sinh tự lực hoàn thành nhiệm vụ; khuyến khích để học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập; kết hợp nhận xét, đánh giá bằng lời nói; trong mỗi giờ học cần tranh thủ ghi nhận xét, đánh giá và có thể cho điểm vào vở học của một số học sinh và luân phiên để mỗi học sinh được ghi từ 2 – 4 lần trong mỗi học kì thay cho việc kiểm tra miệng, 15 phút, 45 phút trước đây.

NXBGDVN

PHẦN THỨ NHẤT

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

I. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC

1. Nguyên tắc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học

Theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh (HS), quá trình dạy học theo mô hình trường học mới, HS được phát huy tối đa vai trò dân chủ trong học tập và thi đua lành mạnh. Theo đó, việc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

– Về nội dung, tài liệu Hướng dẫn học các môn học được biên soạn theo các chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực và tự lực của HS. Hoạt động học của mỗi chủ đề cần phải được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ở nhà và cộng đồng. Số tiết phân phối cho mỗi chủ đề là số tiết dành để tổ chức các hoạt động trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học (PPDH) tích cực được sử dụng.

Đối với các môn Khoa học tự nhiên (KHTN), Khoa học xã hội (KHXX) và Hoạt động giáo dục, ngoài các chủ đề tích hợp trong các phân môn, có một số chủ đề tích hợp liên môn được xây dựng từ các nội dung dạy học trùng nhau hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau trong các phân môn.

– Về PPDH, tài liệu Hướng dẫn học được biên soạn theo các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực, thể hiện ở các hoạt động học tích cực, tự lực và sáng tạo của HS. Trong mỗi chủ đề, các hoạt động học được thiết kế theo tiến trình sư phạm của PPDH được sử dụng, phù hợp với đặc thù môn học và nội dung học tập. Tuy có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung chuỗi hoạt động học của mỗi chủ đề đều phải tuân theo con đường nhận thức chung là: từ một vấn đề mới đòi hỏi phải học thêm kiến thức, kĩ năng mới để giải quyết; có thêm kiến thức, kĩ năng mới cần tiếp tục tìm tòi, mở rộng và vận dụng vào thực tiễn; khi vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn lại nảy sinh vấn đề mới... Theo tiến trình đó, mỗi hoạt động học, HS được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể để có thể tự học một cách tích cực, tự lực và sáng tạo, trong đó có sự kết hợp hài hoà giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp.

– Về đánh giá, mỗi hoạt động học của HS được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học đều phải thể hiện rõ sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành. Trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS, giáo viên (GV) quan sát, phát hiện những khó khăn mà HS gặp phải để có biện pháp hỗ trợ phù hợp; hướng dẫn HS hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhận xét, đánh giá quá trình và sản phẩm học tập của HS, qua đó đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực của HS.

2. Yêu cầu chung về thiết kế bài học

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học theo mô hình trường học mới, mỗi bài học thường được xây dựng dựa trên một chủ đề dạy học, nhằm giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kĩ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của HS trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Chuỗi hoạt động học của HS thể hiện rõ tiến trình sự phạm của PPDH tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của HS theo các PPDH tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kĩ năng của mình để giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kĩ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng mới; vận dụng kiến thức, kĩ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập mới...

b) Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho HS, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành. Mỗi bài học có thể được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số hoạt động học trong tiến trình bài học theo PPDH tích cực được sử dụng.

c) Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã thiết kế. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.

d) Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học tập mà HS đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS.

3. Thiết kế bài học

Theo nguyên tắc và yêu cầu nói trên, mỗi bài học theo mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở đều được thiết kế thành các hoạt động học theo tiến trình của các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực phù hợp với từng môn học/hoạt động giáo dục. Dưới đây trình bày rõ bản chất từng hoạt động (trong 5 hoạt động của bài học) cần được vận dụng linh hoạt, phù hợp với đặc thù môn học:

a) Hoạt động khởi động: Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" HS đã biết, bổ sung những gì HS còn thiếu, giúp HS nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập. Vì vậy, các câu hỏi/nhiệm vụ trong hoạt động khởi động là những câu hỏi/vấn đề mở, không cần có câu trả lời hoàn chỉnh. *Kết thúc hoạt động này, GV không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp HS phát biểu được vấn đề để HS chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kĩ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.*

b) Hoạt động hình thành kiến thức: Mục đích của hoạt động này là giúp HS chiếm lĩnh được kiến thức, kĩ năng mới và đưa các kiến thức, kĩ năng mới vào hệ thống kiến thức, kĩ năng của bản thân. GV giúp HS xây dựng được những kiến thức mới thông qua các hoạt động khác nhau như: nghiên cứu tài liệu; tiến hành thí nghiệm, thực hành; hoạt động trải nghiệm sáng tạo,... *Kết thúc hoạt động này, trên cơ sở kết quả hoạt động học của HS thể hiện ở các sản phẩm học tập mà HS hoàn thành, GV cần chốt kiến thức mới để HS chính thức ghi nhận và vận dụng.*

c) Hoạt động luyện tập: Mục đích của hoạt động này là giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được. Trong hoạt động này, HS được

yêu cầu áp dụng trực tiếp kiến thức vào giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề trong học tập. *Kết thúc hoạt động này, nếu cần, GV có thể lựa chọn những vấn đề cơ bản về phương pháp, cách thức giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề để HS ghi nhận và vận dụng, trước hết là vận dụng để hoàn chỉnh câu trả lời/giải quyết vấn đề đặt ra trong "Hoạt động khởi động".*

d) Hoạt động vận dụng: Mục đích của hoạt động này là giúp HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để phát hiện và giải quyết các tình huống/vấn đề trong cuộc sống ở gia đình, địa phương. GV cần gợi ý cho HS về những hoạt động, sự kiện, hiện tượng cần quan sát trong cuộc sống hằng ngày, mô tả yêu cầu về sản phẩm mà HS cần hoàn thành để HS quan tâm thực hiện. *Hoạt động này không cần tổ chức ở trên lớp và không đòi hỏi tất cả HS phải tham gia. Tuy nhiên, GV cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều HS tham gia một cách tự nguyện; khuyến khích những HS có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.*

e) Hoạt động tìm tòi mở rộng: Mục đích của hoạt động này là giúp HS không bao giờ dừng lại với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học, ham mê học tập suốt đời. GV cần khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. HS tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau. *Cũng như "Hoạt động vận dụng", hoạt động này không cần tổ chức ở trên lớp và không đòi hỏi tất cả HS phải tham gia. Tuy nhiên, GV cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều HS tham gia một cách tự nguyện; khuyến khích những HS có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.*

II. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương thức tổ chức hoạt động học của HS

a) Hoạt động cá nhân là hoạt động yêu cầu HS thực hiện các bài tập/nhiệm vụ một cách độc lập. Loại hoạt động này nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của HS. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập/nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. GV cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của HS sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kĩ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.

b) Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm là những hoạt động nhằm giúp HS phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 em. Ví dụ: kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,... Hình thức hoạt động nhóm (từ 3 em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) Hoạt động chung cả lớp là hình thức hoạt động phù hợp với số đông HS. Đây là hình thức nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau: nghe GV hướng dẫn chung; nghe GV nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; HS luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, GV tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

d) Hoạt động với cộng đồng là hình thức hoạt động của HS trong mối tương tác với xã hội. Hoạt động với cộng đồng bao gồm các hình thức, từ đơn giản như: nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như: tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương,...

2. Đánh giá HS trong mô hình trường học mới

– Đánh giá HS trong mô hình trường học mới trung học cơ sở được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của HS.

– Trong quá trình học tập, HS được tham gia đánh giá, tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của HS trong quá trình giáo dục.

– Thông qua đánh giá quá trình, GV rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi HS để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS.

– Cha mẹ HS hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ HS), cộng đồng được tham gia vào quá trình đánh giá HS, tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của HS; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục HS.

Với việc tổ chức như trên, ngoài việc thực hiện được mục tiêu tăng cường hoạt động tự chủ, tự lực, sáng tạo của HS trong học tập ở lớp, ở trường, ngoài trường; tạo không khí thi đua học tập giữa các HS với nhau; đồng thời tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa GV – HS, HS – HS, gia đình – nhà trường – xã hội như chúng ta hằng mong muốn.

Mục tiêu, nguyên tắc đánh giá, nội dung, quy trình tổ chức kiểm tra, đánh giá HS theo mô hình trường học mới xem Công văn hướng dẫn kiểm tra đánh giá HS.

3. Tiến trình tổ chức hoạt động nhóm

Ở các lớp học theo phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực như trong mô hình trường học mới, hoạt động học của HS trong mỗi giờ học thường được tổ chức một cách linh hoạt giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp. *Nếu điều kiện về không gian lớp học cho phép để bố trí HS ngồi theo nhóm từ 4 – 6 HS thì việc tổ chức các phương thức hoạt động học khác nhau của HS trong mỗi giờ học có thể được thực hiện một cách linh hoạt, thuận lợi. Trong trường hợp không gian lớp học không cho phép bố trí HS ngồi theo nhóm, HS vẫn ngồi theo lớp học truyền thống thì việc tổ chức hoạt động học của HS theo mô hình trường học mới vẫn có thể được tổ chức một cách hiệu quả, trong đó hoạt động học theo nhóm hoặc được thay bằng hoạt động cặp đôi; hoạt động cá nhân và hoạt động toàn lớp vẫn được thực hiện như khi bố trí HS ngồi theo nhóm.*

Trong trường hợp được bố trí ngồi theo nhóm thì HS không phải lúc nào cũng hoạt động học theo nhóm mà phải thường xuyên làm việc cá nhân trước khi tiến

hành thảo luận theo cặp và theo nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và việc thiết kế hoạt động của GV.

– *Làm việc cá nhân*: Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc văn bản, giải bài toán để tìm kết quả,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp HS có thời gian tập trung tự nghiên cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, HS có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ GV hỗ trợ.

– *Làm việc theo cặp (2 HS)*: Tuỳ theo hoạt động học tập, có lúc HS sẽ làm việc theo cặp trong nhóm. GV lưu ý cách chia nhóm sao cho không HS nào bị lẻ khi hoạt động theo cặp. Nếu không, GV phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả HS đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như: kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin; thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ như nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp HS tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

– *Làm việc chung cả nhóm*: Trong các giờ học có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ, sau khi HS tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó; hoặc sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài toán, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về cách giải bài toán đó; hoặc là HS trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng,... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này để phù hợp với các hoạt

động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là HS cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

– *Làm việc cả lớp*: Kết thúc "Hoạt động hình thành kiến thức", thông thường cần tổ chức hoạt động chung cả lớp để HS được trình bày, thảo luận về kết quả hoạt động nhóm; GV chốt kiến thức cho HS ghi nhận và vận dụng. Trong quá trình tổ chức "Hoạt động luyện tập", nếu phát hiện HS có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều HS không thể vượt qua, GV có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn chưa thống nhất hoặc chưa rõ.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm hay toàn lớp phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, GV không nên luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình thực tế, GV có thể điều chỉnh một cách linh hoạt, tạo hứng thú cho HS trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học và phù hợp với điều kiện thực tế của lớp học, của nhà trường.

4. Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức. Trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm. Cụ thể là:

a) *Cá nhân*: tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ học tập, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của GV.

Mỗi HS cần phải được hướng dẫn cụ thể để biết ghi chép những kết quả học tập của mình vào vở học tập, thể hiện ở câu trả lời cho câu hỏi/lời giải của các bài tập/kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

b) *Nhóm trưởng*: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác; phân công các bạn giúp đỡ nhau; tổ chức cho cả nhóm thảo luận để thực hiện nhiệm vụ học tập; thay mặt nhóm để liên hệ với GV và xin trợ giúp; báo cáo tiến trình học tập nhóm.

c) *Thư kí của nhóm*: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác; ghi chép lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm để trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp.

d) *Vai trò của GV*: khi tổ chức hoạt động học của HS, GV thực hiện vai trò sau:

– Giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.

– Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm HS làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho từng HS và cả nhóm. Khi giúp đỡ HS, cần gợi mở để HS tự lực hoàn thành nhiệm vụ; khuyến khích để HS hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập; kết hợp nhận xét, đánh giá bằng lời nói; trong mỗi giờ học cần tranh thủ ghi nhận xét, đánh giá (có thể cho điểm để HS biết được năng lực của mình đang ở đâu) vào vở học của một số HS và luân phiên để mỗi HS được ghi từ 2 – 4 lần trong mỗi học kì (thay cho việc kiểm tra miệng, 15 phút, 45 phút trước đây); giao thêm nhiệm vụ cho những HS hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác...). Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn GV.

– Nhận thức đúng và hướng dẫn tốt việc ghi bài của HS; hướng dẫn HS ghi tóm tắt kết quả hoạt động cá nhân và kết quả thảo luận nhóm vào vở; không được đọc cho HS ghi bài, không yêu cầu HS chép lại toàn bộ nội dung bài học trong tài liệu Hướng dẫn học.

III. KHUNG KẾ HOẠCH ĐỐI VỚI MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI

1. Hướng dẫn chung

– Khung Phân phối chương trình (PPCT) này áp dụng cho lớp 7 theo mô hình trường học mới, từ năm học 2016 – 2017.

– Khung PPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình.

– Thời lượng quy định tại khung PPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì 1 và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường thực hiện mô hình trường học mới lớp 7 trong cả nước.

Căn cứ khung PPCT, các trường thực hiện mô hình trường học mới cụ thể hoá thành PPCT chi tiết sao cho phù hợp với nhà trường.

Các trường thực hiện mô hình trường học mới có điều kiện bố trí dạy học 2 buổi/ngày, có thể điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*hiệu trưởng phê duyệt, kí tên, đóng dấu và báo cáo phòng GDĐT*).

Khung phân phối chương trình

	Số tuần/ tiết thực hiện	Tổng số tiết	
		Số tiết thực hiện bài học Liên môn, phân môn Lịch sử, Địa lí	Số tiết ôn tập, kiểm tra, dự phòng
Cả năm	35/140	120	20
Học kì I	18/72	62	10
Học kì II	17/68	58	10

Kết thúc học kì I:

– Phần các bài liên môn 08 tiết: Bài 1. Các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV–XVI và Bài 2. Thế giới rộng lớn và đa dạng được thực hiện trong những tuần đầu năm học, trước khi thực hiện các bài học theo phân môn Lịch sử và Địa lí.

– Phân môn Địa lí: từ Bài 3. Môi trường đới nóng đến Bài 10. Các khu vực châu Phi.

– Phân môn Lịch sử: từ Bài 11. Châu Âu thời sơ – trung kì, trung đại đến Bài 17. Đời sống kinh tế, văn hoá thời Lý, Trần, Hồ (Thế kỉ XIV).

– Ôn tập và kiểm tra: Các phiếu ôn tập ở tập một và các bài kiểm tra của học kì I (thời điểm kiểm tra định kì, học kì do các nhà trường quy định).

Kết thúc học kì II:

– Phân môn Địa lí: Thực hiện các bài còn lại.

– Phân môn Lịch sử: Thực hiện các bài còn lại

– Ôn tập và kiểm tra: Các phiếu ôn tập ở tập hai và các bài kiểm tra của học kì II (thời điểm kiểm tra định kì, học kì do các nhà trường quy định).

2. Gợi ý phân phối chương trình chi tiết

Bài	Số tiết	Ghi chú
Học kì I		
Bài 1. Các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI	4	Bài học liên môn

Bài 2. Thế giới rộng lớn và đa dạng	4	Bài học liên môn
Bài 3. Môi trường đới nóng	3	
Bài 4. Môi trường đới ôn hoà	3	
Bài 5. Môi trường đới lạnh	3	
Bài 6. Môi trường hoang mạc, vùng núi, biển và đại dương	4	
Bài 7. Thành phần nhân văn của môi trường	3	
Bài 8. Tự nhiên, dân cư và xã hội châu Phi	4	
Bài 9. Kinh tế châu Phi	3	
Bài 10. Các khu vực châu Phi	4	
Bài 11. Châu Âu thời sơ – trung kì, trung đại	3	
Bài 12. Châu Âu thời hậu kì trung đại	4	
Bài 13. Trung Quốc và Ấn Độ thời phong kiến	4	
Bài 14. Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á	3	
Bài 15. Buổi đầu độc lập thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (thế kỉ X)	3	
Bài 16. Sự hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến Lý, Trần, Hồ (Thế kỉ X – XIV)	5	
Bài 17. Đời sống kinh tế, văn hoá thời Lý, Trần, Hồ (Thế kỉ XIV)	5	
Bài 18. Các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm thời Lý, Trần, Hồ (Thế kỉ X – đầu thế kỉ XV)		
Các tiết còn lại: ôn tập, kiểm tra, dự phòng		
Học kì II		
Bài 19. Tự nhiên châu Mỹ	3	
Bài 20. Dân cư, xã hội châu Mỹ	3	
Bài 21. Kinh tế châu Mỹ	3	

Bài 22. Các khu vực châu Mỹ	3	
Bài 23. Châu Nam Cực	2	
Bài 24. Châu Đại Dương	3	
Bài 25. Tự nhiên châu Âu	3	
Bài 26. Dân cư và xã hội châu Âu	2	
Bài 27. Kinh tế châu Âu	3	
Bài 28. Các khu vực châu Âu	4	
Bài 29. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	5	
Bài 30. Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527)	4	
Bài 31. Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII	5	
Bài 32. Phong trào Tây Sơn	5	
Bài 33. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX	5	
Các tiết còn lại: ôn tập, kiểm tra, dự phòng		

3. Một số vấn đề cần lưu ý

– Khung phân phối chương trình môn KHXH thực hiện như hướng dẫn ở phần I, kế hoạch dạy học cụ thể, chi tiết cho từng tuần, từng học kì do nhà trường chủ động xây dựng, sao cho đảm bảo nội dung của từng phân môn Lịch sử và Địa lí trong mỗi học kì được thực hiện song song.

– Số tiết của mỗi bài trong PPCT chi tiết nêu ở trên chỉ là gợi ý, không bắt buộc các trường phải thực hiện đúng như trên, tổ (nhóm) chuyên môn có thể điều chỉnh sao cho phù hợp và trình hiệu trưởng phê duyệt.

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

BÀI 1. CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ THẾ KỈ XV – XVI

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Lí giải được nguyên nhân và điều kiện dẫn tới các cuộc phát kiến địa lí cuối thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI.
- Trình bày được những cuộc phát kiến địa lí lớn của người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha.
- Đánh giá được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí đối với nhân loại.
- Rèn luyện kĩ năng thuyết trình nội dung lịch sử trên lược đồ, kĩ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.
- Có ý thức khâm phục sự dũng cảm của những nhà hàng hải và sự quyết tâm chinh phục cái mới.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động nhằm gợi lại những kiến thức đã biết hoặc cả những vấn đề mà HS chưa biết, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào nội dung kiến thức cần tìm hiểu của bài học: Lí giải nguyên nhân và những điều kiện để thúc đẩy các cuộc phát kiến địa lí của các vương triều ở Tây Âu; đánh giá vai trò của các cuộc phát kiến địa lí đối với sự phát triển của kinh tế, khoa học – kĩ thuật. GV cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mâu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết về sự kiện lịch sử được đề cập đến, từ đó kích thích sự hứng thú, khát khao tìm hiểu những vấn đề chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức của bài học.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS (theo sách HDHKHXH7/1). GV có thể hướng dẫn thêm cho HS như sau: Những hình ảnh này có liên quan chặt chẽ với nhau, em hãy nêu hiểu biết của mình về các nội dung sự kiện lịch sử đó.

Tuỳ theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.

** Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn 1 sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới. Tuy nhiên, những hiểu biết đó chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu.

HS muốn biết được đầy đủ, chi tiết những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học.

Có thể có HS không biết được nội dung của những hình ảnh trên, GV gợi ý để HS nhớ lại những hình ảnh đó liên quan đến các cuộc phát kiến địa lí, sau đó dẫn dắt các em vào tìm hiểu những nội dung cụ thể của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu nguyên nhân và những điều kiện của các cuộc phát kiến địa lí

** Mục tiêu:*

Nêu được nguyên nhân và điều kiện của các cuộc phát kiến địa lí.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh, hãy:

– Miêu tả hoạt động của con người trong hình 4, sách HDHKHXH7/1. Theo em, hình ảnh này có mối quan hệ như thế nào với các cuộc phát kiến địa lí? (có thể gợi ý: quan sát về quang cảnh, các hoạt động mua bán...).

– Trình bày về nguyên nhân và các điều kiện dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI.

– Kể tên các tiến bộ khoa học – kĩ thuật ở thế kỉ XV mà em biết. Hãy nêu tác dụng của các tiến bộ khoa học – kĩ thuật đó đối với các cuộc phát kiến địa lí.

Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi, đàm thoại theo các cặp đôi, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong sách HDHKHXH7/1, đó là nguồn thông tin cần khai thác để HS hiểu sâu sắc hơn nội

dung của hoạt động này. Hình ảnh về các tiến bộ khoa học – kĩ thuật như thiết bị đo thiên văn, quan niệm về Trái Đất hình cầu,... cùng với một số tiến bộ khác như hải đồ, kĩ thuật đóng tàu lớn đã cho phép các nhà hàng hải có thể tổ chức những chuyến vượt đại dương.

Trong quá trình HS làm việc, GV cần chú ý đến tất cả các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Với các câu hỏi trên, gợi ý sản phẩm là:

– Trình bày về nguyên nhân và các điều kiện dẫn tới các cuộc phát kiến địa lí.

Thế kỉ XV, kinh tế hàng hoá ở Tây Âu đã khá phát triển, nhu cầu về thị trường tăng cao. Giai cấp tư sản Tây Âu muốn mở rộng thị trường sang phương Đông, mơ ước tới những nguồn hương liệu từ phương Đông. Tại Tây Âu, tầng lớp giàu có cũng tăng lên, do đó nhu cầu về các mặt hàng đặc sản cao cấp có nguồn gốc từ phương Đông như tiêu, quế, trầm hương, lụa tơ tằm, ngà voi... tăng vọt hẳn lên. Trong khi đó, con đường tơ lụa mà người phương Tây đã biết từ thời cổ đại lại đang bị đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ (theo đạo Hồi) chiếm giữ. Vì vậy, chỉ có cách tìm con đường đi mới trên biển. Lúc đó, ở Tây Âu đã có nhiều người tin vào giả thuyết Trái Đất hình cầu. Họ cũng đóng được những con tàu buồm đáy nhọn, thành cao, có khả năng vượt đại dương, mỗi tàu lại đều có la bàn và thước phương vị, điều đó đã tăng thêm sự quyết tâm cho những thủy thủ dũng cảm.

– Kể tên các tiến bộ khoa học – kĩ thuật ở thế kỉ XV mà em biết. Hãy nêu tác dụng của các tiến bộ khoa học – kĩ thuật đó đối với các cuộc phát kiến địa lí.

Ví dụ: *La bàn*, theo cách gọi thông thường, dùng kim *nam châm* đặt trên trụ xoay để nam châm định hướng được trong *từ trường Trái Đất*. Tất cả được đặt trong vỏ hay hộp đựng ngoài. La bàn đầu tiên do người Trung Quốc phát minh và được sử dụng để xác định phương hướng khi đi biển, đi rừng, đi trên sa mạc.

Tàu Ca-ra-ven, do người Tây Ban Nha chế tạo ra vào thế kỉ XV, loại tàu bằng gỗ vững chắc dễ điều khiển, có 2 hoặc 3 cột buồm căng lớn, vỏ thuyền cao, dày giúp vượt qua được sóng lớn, thích hợp cho những chuyến vượt biển dài ngày.

2. Khám phá về hành trình của các nhà thám hiểm đường biển cuối thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI

* *Mục tiêu:*

Trình bày được các cuộc phát kiến địa lí tiêu biểu.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình ảnh, hãy:

- Trình bày các cuộc phát kiến địa lí của B. Đì-a-xơ, Va-xcô đơ Ga-ma, C. Cô-lôm-bô, Ph. Ma-gien-lan trên lược đồ và đánh giá công lao của họ.
- Miêu tả quang cảnh cảng Lix-bon (Bồ Đào Nha) nửa cuối thế kỉ XV qua hình 8.
- Nêu hướng đi trong các cuộc phát kiến địa lí và kết quả đạt được của các nhà hàng hải người Tây Ban Nha.

Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học bộ môn, các kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập cá nhân và trao đổi cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp. Hoạch cho HS đóng vai.

Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Các cuộc phát kiến địa lí:

+ Năm 1487, đoàn thám hiểm Bồ Đào Nha do B. Đì-a-xơ chỉ huy đi theo hướng nam đã tới được cực nam châu Phi, tại đây do gặp bão lớn không thể đi tiếp nên đã trở về, họ đặt tên vùng đất này là mũi Hi Vọng (hoặc Hảo Vọng).

Năm 1598, Va-xcô đơ Ga-ma cũng đi xuống phía nam, vòng qua cực nam châu Phi và đoàn thám hiểm Bồ Đào Nha này tới được Ấn Độ.

+ Năm 1492, một đoàn thám hiểm do C. Cô-lôm-bô chỉ huy, đi sang hướng tây đã tới được quần đảo miền Trung châu Mỹ, nhưng ông lại nhầm tưởng đã tới được Ấn Độ. Ông gọi những người thổ dân ở đây là Indian. Sau này, một nhà hàng hải người Ý là Amerigo Vespucci mới phát hiện ra Ấn Độ của Cô-lôm-bô không phải là Ấn Độ mà là một vùng đất hoàn toàn mới đối với người châu Âu. A-me-ri-go đã viết một cuốn sách để chứng minh điều đó. Vùng đất mới đó sau này mang tên A-me-ri-ca, nghĩa là châu Mỹ.

+ Năm 1519 – 1522, Ph. Ma-gien-lan đã dẫn đầu đoàn thám hiểm Tây Ban Nha lần đầu tiên đi vòng quanh thế giới. Một hạm đội gồm 5 tàu với 265 người đã vượt Đại Tây Dương tới bờ biển phía đông của Nam Mỹ. Họ đã đi theo một eo biển hẹp gần cực nam châu Mỹ và sang được một đại dương mênh mông ở phía bên kia. Suốt quá trình vượt đại dương mênh mông đó, đoàn tàu buồm của Ma-gien-lan hầu như không gặp một cơn bão đáng kể nào. Ông đặt tên cho đại dương mới đó là Thái Bình Dương. Ph. Ma-gien-lan đã bỏ mạng ở Phi-líp-pin do trúng mũi tên độc của thổ dân. Đoàn thám hiểm của ông cũng chỉ có 18 người

sống sót trở về được tới quê hương. 247 người bỏ mạng trên tất cả các vùng biển và các hòn đảo trên thế giới vì những nguyên nhân khác nhau. Nhưng thành công lớn nhất mà chuyến đi đạt được là lần đầu tiên con người đã đi vòng quanh thế giới.

– Miêu tả quang cảnh cảng Li-xbon:

Cảng Li-xbon của Bồ Đào Nha, một cảng thị phát triển bậc nhất ở châu Âu lúc bấy giờ. Cảnh tấp nập “trên bến dưới thuyền” đã cho thấy hoạt động buôn bán – kinh doanh thương mại phát triển mạnh mẽ. Vào thế kỉ XV, công cuộc phát kiến địa lí của người Bồ Đào Nha vào cuối thế kỉ XV, đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của thế giới. Nhiều cuộc phát kiến địa lí đã bắt đầu từ bến cảng này.

3. Tìm hiểu hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

** Mục tiêu:*

Trình bày được những tác động của các cuộc phát kiến địa lí.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, hãy:

+ Cho biết những tác động tích cực của các cuộc phát kiến địa lí. Trong những tác động đó, tác động nào là quan trọng nhất? Vì sao?

+ Quan sát hình ảnh 12, 13 (sách HDHKHXH7/1). Những hình ảnh này chứng tỏ điều gì? Nhận xét về số phận những con người trong hình.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, đàm thoại ở các cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về những tác động của các cuộc phát kiến địa lí. GV có thể sử dụng kĩ thuật tranh luận, phản biện để các em đưa ra ý kiến của cá nhân mình khi lựa chọn tác động quan trọng nhất hoặc bày tỏ về những chia sẻ đối với nhân vật trong hình. Ví dụ, GV có thể chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm đại diện cho 1 tuyến nhân vật: thương nhân phương Tây và thổ dân da đỏ trình bày quan điểm của mình về các cuộc phát kiến địa lí.

** Gợi ý sản phẩm:*

Những tác động của các cuộc phát kiến địa lí:

– Các nhà thám hiểm bằng những chuyến đi thực tế đầy dũng cảm của mình đã chứng minh cho giả thuyết Trái Đất hình cầu. Họ còn cung cấp cho các nhà khoa học rất nhiều hiểu biết mới về địa lí, thiên văn, hàng hải, sinh vật học...

– Phát kiến địa lí được coi như một “cuộc cách mạng thực sự” trong lĩnh vực giao thông và tri thức: lần đầu tiên con người hình dung được hình ảnh chính xác về hành tinh, về bề rộng và hình thái Trái Đất. Nó có đóng góp quyết định về lí luận cũng như thực tiễn cho sự phát hiện ra loài người ở mọi nơi trên thế giới đều giống nhau. Như thế, phát kiến địa lí đã đem lại cho loài người những hiểu biết về những con đường mới, những vùng đất mới, những dân tộc mới.

– Sau những cuộc phát kiến này, một sự tiếp xúc giữa các nền văn hoá trên thế giới diễn ra do các cá nhân có nguồn gốc văn hoá khác nhau như các giáo sĩ, nhà buôn, những người khai phá vùng đất mới, những quân nhân... Một làn sóng di chuyển dân cư lớn trên thế giới trong thế kỉ XVI – XVIII với những dòng người châu Âu di chuyển sang châu Mỹ, châu Úc. Nhiều nô lệ da đen cũng bị cưỡng bức rời khỏi quê hương xứ sở sang châu Mỹ. Hoạt động buôn bán trên thế giới trở nên sôi nổi, nhiều công ti buôn bán tầm cỡ quốc tế được thành lập. Những cuộc phát kiến địa lí này cũng gây ra không ít hậu quả tiêu cực như nạn cướp bóc thuộc địa, buôn bán nô lệ da đen và sau này là chế độ thực dân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về các cuộc phát kiến địa lí.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/ cô giáo.

1. Dựa vào nội dung bài học, em hãy lập bảng sau vào vở và điền nội dung phù hợp về các cuộc phát kiến địa lí.

Với yêu cầu trên nhằm vừa củng cố kiến thức về các cuộc phát kiến địa lí, vừa rèn luyện kĩ năng thực hành lập bảng biểu.

Các nhà hàng hải	Thời gian thực hiện các cuộc phát kiến địa lí	Kết quả
B. Đì-a-xơ		
C. Cô-lôm-bô		
Ph. Ma-gien-lan		
Va-xcô đơ Ga-ma		

2. Hãy nối tên nhân vật ở cột bên trái với nội dung ở cột bên phải cho phù hợp.

Thông qua một hoạt động để đánh giá nhận thức, khả năng tiếp nhận kiến thức của các em, GV có thể thiết kế thành một trò chơi “Ai nhanh hơn” để chọn ra HS/nhóm HS có kết quả đúng và nhanh nhất.

3. Giới thiệu hành trình vòng quanh thế giới bằng đường biển của Ma-gien-lan.

GV dựa vào lược đồ hình 14 sách HDHKHXH7/1, có thể cho HS “đóng vai”, tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập. Các em có thể vào vai một hướng dẫn viên ở bảo tàng hàng hải, giới thiệu về cuộc thám hiểm hoặc có thể đóng vai một người thủy thủ còn sống sót sau chuyến thám hiểm đó kể lại...

* *Gợi ý sản phẩm:*

1. Bảng thống kê về các cuộc phát kiến địa lí

Các nhà hàng hải	Thời gian thực hiện các cuộc phát kiến địa lí	Kết quả
B. Đi-a-xơ	1487	Đi vòng qua cực Nam châu Phi (mũi Hảo Vọng)
C. Cô-lôm-bô	1492	Tìm ra được châu Mỹ
Ph. Ma-gien-lan	1519 – 1522	Đi vòng quanh thế giới bằng đường biển
Va-xcô đơ Ga-ma	1598	Đi vòng qua mũi Hảo Vọng, cập cảng ở Tây Nam Ấn Độ

2. Nối tên các nhân vật với các sự kiện

1 – B; 2 – A; 3 – C; 4 – D

3. Giới thiệu hành trình vòng quanh thế giới bằng đường biển của Ma-gien-lan

Ví dụ: HS đóng vai là một hướng dẫn viên trong bảo tàng

Xin chào! Tôi là hướng dẫn viên của Bảo tàng Hàng hải

Hôm nay vui mừng được chào mừng và giới thiệu về cuộc hành trình của nhà hàng hải nổi tiếng Ph. Ma-gien-lan. Ông sinh vào khoảng năm 1480, tại một ngôi làng nhỏ thuộc Bồ Đào Nha, say mê khám phá thế giới xung quanh từ nhỏ.

Năm 1519 – 1522, Ph. Ma-gien-lan đã được sự ủng hộ của Vương triều Tây Ban Nha lần đầu tiên đi vòng quanh thế giới. Một hạm đội gồm 5 tàu với 265 người đã vượt Đại Tây Dương tới bờ biển phía đông của Nam Mỹ. Họ đã đi theo một eo biển hẹp gần cực nam châu Mỹ và sang được một đại dương mênh mông

ở phía bên kia. Suốt quá trình vượt đại dương mênh mông đó, đoàn tàu buồm của Ph. Ma-gien-lan hầu như không gặp một cơn bão đáng kể nào. Ông đặt tên cho đại dương mới đó là Thái Bình Dương. Ph. Ma-gien-lan đã bỏ mạng ở Phi-líp-pin do trúng mũi tên độc của thổ dân. Đoàn thám hiểm của ông cũng chỉ có 18 người sống sót trở về được tới quê hương. 247 người bỏ mạng trên tất cả các vùng biển và các hòn đảo trên thế giới vì những nguyên nhân khác nhau. Nhưng thành công lớn nhất mà chuyến đi đạt được là lần đầu tiên con người đã đi vòng quanh thế giới.

4. Các nhà hàng hải châu Âu đã mua những mặt hàng gì ở châu Á? Tại sao họ lại mua những mặt hàng đó ? (GV yêu cầu HS dựa vào sách HDHKHXH7/1 để trả lời).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:*

Nhằm vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS:

1. Là người châu Á em bày tỏ thái độ như thế nào về sự có mặt của người châu Âu tại châu Á sau các cuộc phát kiến địa lí?
2. Nếu sống ở thế kỉ XV, em có tán dương hướng đi tìm con đường sang phương Đông của C. Cô-lôm-bô không? Vì sao?
3. Tại sao người ta lại gọi châu Âu là lục địa “già”, châu Mỹ là lục địa “trẻ”?

** Gợi ý sản phẩm:*

Đây là những câu hỏi mở nên GV hướng dẫn HS trình bày theo ý hiểu của mình tán đồng hay không, đồng thời đưa ra những chứng cứ, lập luận để chứng minh.

** Lưu ý:*

- Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.
- HS chia sẻ với bạn bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử...
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÀI MỞ RỘNG

- Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.
- Sưu tầm tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của các nhà hàng hải châu Âu thế kỉ XV – XVI.

BÀI 2. THẾ GIỚI RỘNG LỚN VÀ ĐA DẠNG

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Nêu được tên các lục địa và châu lục trên thế giới. Phân biệt được lục địa và châu lục.
- Nhận biết được sự khác nhau giữa các chủng tộc Môn-gô-lô-it, Nê-grô-it và Ơ-rô-pê-ô-it về hình thái của cơ thể và nơi sinh sống chủ yếu.
- Biết được sự đa dạng về văn hoá trên thế giới thời phong kiến.
- Phân biệt được các nước phát triển và đang phát triển.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích số liệu thống kê về kinh tế – xã hội.
- Có thái độ thân thiện, hoà nhập với cộng đồng thế giới.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài 2. Thế giới rộng lớn và đa dạng được thực hiện trong 4 tiết, đây là bài được xây dựng từ kiến thức liên môn giữa hai môn Lịch sử và Địa lí.

Bài bao gồm 4 hoạt động (hoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng được tích hợp lại), các hoạt động tạo thành chuỗi. Ở bài học, HS được tìm hiểu thế giới rộng lớn và đa dạng ở các khía cạnh: các lục địa và châu lục; nhận biết sự khác nhau giữa các chủng tộc; khám phá sự đa dạng về văn hoá trên thế giới ở thời phong kiến; nhận biết các nhóm nước trên thế giới hiện nay.

Để thực hiện nội dung bài học này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học tập cho HS, đảm bảo HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:* Giúp cho HS huy động kiến thức đã có của mình viết ra được những dẫn chứng để chứng minh thế giới rộng lớn và đa dạng, từ đó HS kết nối từ kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

* *Phương thức hoạt động*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu Hướng dẫn học khoa học xã hội 7, tập một (HDHKHXH7/1). GV có thể hướng dẫn cho HS như sau: cho cụm từ “*thế giới*

rộng lớn và đa dạng”, yêu cầu HS bằng hiểu biết của mình về tự nhiên hoặc dân cư, văn hoá, tôn giáo,... em hãy lấy dẫn chứng để làm rõ cụm từ trên.

– Tùy theo đặc điểm lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi. Ví dụ: GV cho HS viết những hiểu biết của mình ra giấy nháp.

** Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi HS có thể viết ra những hiểu biết của mình rất khác nhau, GV lựa chọn một sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Khám phá các lục địa và các châu lục

** Mục tiêu:* Nêu được tên các lục địa và tên các châu lục trên thế giới. Phân biệt được lục địa và châu lục.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– GV có thể hướng dẫn thêm: HS quan sát hình 1, 2 sẽ nêu được tên và xác định được vị trí của các lục địa và châu lục. HS có nhiều cách trình bày khác nhau, GV có thể hướng dẫn HS trình bày theo bảng.

** Gợi ý sản phẩm:*

Tên lục địa	Vị trí	Tên châu lục	Vị trí
Lục địa Á – Âu	Giáp với lục địa Phi và các đại dương: Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương.	Châu Á	Giáp châu Âu, châu Phi và các đại dương: Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương.
Lục địa Phi	Giáp lục địa Á – Âu và các đại dương: Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.	Châu Âu	Giáp với châu Á và các đại dương: Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương.
Lục địa Bắc Mỹ	Giáp lục địa Nam Mỹ và các đại dương: Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương.	Châu Phi	Giáp với châu Á và các đại dương: Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.
Lục địa Nam Mỹ	Giáp lục địa Bắc Mỹ và các đại dương: Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.	Châu Mỹ	Giáp với Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương.

Lục địa Ô-xtrây-li-a	Giáp với Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.	Châu Đại Dương	Giáp với Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.
Lục địa Nam Cực	Nằm từ vòng cực Nam đến cực Nam Trái Đất.	Châu Nam Cực	Nằm từ vòng cực Nam đến cực Nam Trái Đất.

– Sự khác nhau giữa lục địa và châu lục: sự phân chia lục địa mang ý nghĩa về mặt tự nhiên, còn sự phân chia châu lục mang ý nghĩa lịch sử, kinh tế, chính trị.

2. Nhận biết sự khác nhau giữa các chủng tộc

* *Mục tiêu:* Nhận biết được sự khác nhau giữa các chủng tộc Môn-gô-lô-it, Nê-grô-it và Ô-rô-pê-ô-it về hình thái cơ thể và nơi sinh sống chủ yếu.

* *Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1. Đây là nhiệm vụ không khó, HS dựa vào thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Căn cứ để chia dân cư trên thế giới thành ba chủng tộc chính (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

– Nơi sinh sống của các chủng tộc (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

3. Khám phá sự đa dạng về văn hoá trên thế giới thời phong kiến

* *Mục tiêu:* HS nêu được sự đa dạng về văn hoá trên thế giới thời phong kiến.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– Câu hỏi 1, GV hướng dẫn HS dựa vào tài liệu HDHKHXH7/1 để trả lời. Câu hỏi 2, GV hướng dẫn HS chọn một trong hai nhân vật để nêu hiểu biết. Đối với trường hợp HS không nêu được hiểu biết về hai nhân vật này, GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà tra cứu thông tin để tìm hiểu thêm.

* *Gợi ý sản phẩm:* câu hỏi 1, theo tài liệu HDHKHXH7/1. Câu 2, HS về nhà tìm hiểu thêm.

4. Nhận biết các nhóm nước trên thế giới hiện nay

* *Mục tiêu:* Phân biệt được các nước phát triển và đang phát triển; rèn luyện kĩ năng phân tích số liệu thống kê về kinh tế – xã hội.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- GV hướng dẫn HS đọc thông tin để trả lời câu hỏi 1, đối với câu hỏi 2, GV hướng dẫn HS lấy GDP/người của các quốc gia năm 2013 chia cho GDP/người của năm 1960 sẽ biết GDP tăng bao nhiêu lần và nhận xét.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Những chỉ tiêu để phân chia các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).
- Từ năm 1960 đến năm 2013, GDP/người của Nhật Bản tăng lên hơn 80 lần, Thái Lan tăng hơn 62 lần, Ô-xtrây-li-a tăng 37,4 lần, Ca-na-đa tăng 22,8 lần.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:* Nhằm củng cố lại kiến thức đã học về các chỉ tiêu để xếp các quốc gia vào nhóm quốc gia có nền kinh tế phát triển và đang phát triển; hệ thống hoá lại các nội dung chứng minh cho từ chìa khoá “thế giới rộng lớn và đa dạng”.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- GV cần hướng dẫn thêm: để xếp được các quốc gia vào các nhóm nước cần phân tích tổng hợp cả 3 chỉ tiêu, GV đưa ra mức như sau: GDP/người trên 20000 USD/năm, tỉ lệ tử vong trẻ em rất thấp, chỉ số HDI từ 0,7 đến gần bằng 1 là các nước phát triển; và ngược lại GDP/người dưới 20000 USD/năm, tỉ lệ tử vong trẻ em cao, chỉ số HDI dưới 0,7 là các nước đang phát triển. Trên cơ sở đó, HS xếp các quốc gia ở bảng vào các nhóm nước.

– Câu hỏi 2 chính là nhiệm vụ hệ thống hoá lại kiến thức của bài học. HS có nhiều cách hệ thống hoá kiến thức bài học (GV có thể hướng dẫn HS vẽ sơ đồ).

** Gợi ý sản phẩm:*

- Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a là các nước phát triển. Thái Lan, Ni-giê, Việt Nam là các nước đang phát triển.
- Nói rằng “Thế giới chúng ta đang sống thật rộng lớn và đa dạng” vì: có sáu lục địa, sáu châu lục; các chủng tộc, ngôn ngữ, văn hoá đa dạng, các quốc gia lại được chia thành nhóm nước có nền kinh tế phát triển và đang phát triển.

D-E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách sưu tầm các tư liệu, hình ảnh, video clip về một nền văn minh nào đó trên thế giới hoặc Việt Nam.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV hướng dẫn HS tùy chọn một nền văn minh nào đó để sưu tầm, hoặc chọn Việt Nam. Nội dung sưu tầm do HS lựa chọn và các HS chọn khác nhau: có thể là văn hoá, có thể là dân cư, dân tộc, có thể là kinh tế hay một công trình nào đó,...
- Sau khi HS sưu tầm GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 3. MÔI TRƯỜNG ĐỐI NÓNG

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Biết được vị trí đới nóng trên lược đồ.
- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên của môi trường đới nóng.
- Rèn luyện được kĩ năng sử dụng lược đồ, biểu đồ để nhận biết các đặc điểm tự nhiên của đới nóng.
- Có thái độ thân thiện, gần gũi với môi trường và con người ở đới nóng.

1. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành 4 hoạt động (hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng được tích hợp lại), thông qua việc tìm hiểu, phân tích kiến thức, kĩ năng, áp dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực giúp HS biết được vị trí đới nóng trên lược đồ; Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên của môi trường đới nóng.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Ngoài một số phương pháp được sử dụng trong bài học như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, phương pháp trực

quan (bản đồ, phân tích tranh ảnh, biểu đồ, hình vẽ,...),... GV có thể sử dụng các phương pháp khác.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:* Nêu được những hiểu biết của bản thân về môi trường đới nóng.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo HDHKHXH7/1.
- + Với câu 1, HS quan sát lược đồ hình 1, kể tên các môi trường trên Trái Đất.
- + Với câu 2, GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi ra giấy những hiểu biết của mình về môi trường đới nóng và sau đó có thể trao đổi kết quả với các bạn bên cạnh.
- GV gọi hai HS báo cáo kết quả trước lớp hoặc GV thu vài sản phẩm của HS và đọc trước lớp (GV cũng có thể làm theo cách khác).

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm sẽ có sự khác nhau giữa các HS, lúc này GV sẽ gợi mở dẫn dắt vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Xác định vị trí địa lí và tìm hiểu đặc điểm của môi trường đới nóng

* *Mục tiêu:* Xác định được vị trí địa lí của môi trường đới nóng và trình bày được những đặc điểm nổi bật của môi trường đới nóng.

* *Phương thức hoạt động:*

- Đây là nội dung không khó, GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1. Với câu 1 và câu 2, HS dựa vào hình 1 và thông tin ghi ngắn gọn kết quả ra giấy; câu 3, GV gợi ý HS dựa vào chú giải hình 1, nêu các kiểu môi trường đới nóng.

– HS trao đổi, bổ sung cho nhau; báo cáo kết quả trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Vị trí địa lí của môi trường đới nóng (xem tài liệu HDHKHXH7/1).
- Đặc điểm nổi bật của môi trường đới nóng. (xem tài liệu HDHKHXH7/1).
- Các kiểu môi trường trong đới nóng (xem tài liệu HDHKHXH7/1).

2. Tìm hiểu về các kiểu môi trường ở đới nóng

* *Mục tiêu:* Trình bày được một số đặc điểm cơ bản về các kiểu môi trường ở đới nóng.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV hướng dẫn HS quan sát các hình 1, 2, 3, 4, đọc thông tin và hoàn thành nội dung bảng đặc điểm cơ bản về các kiểu môi trường ở đới nóng.

Nội dung này không khó, HS quan sát hình, đọc kĩ thông tin, ghi tóm tắt đặc điểm cơ bản về các kiểu môi trường đới nóng ra vở.

– Trao đổi, báo cáo, góp ý, bổ sung và chỉnh sửa sản phẩm.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Đặc điểm	Môi trường xích đạo ẩm	Môi trường nhiệt đới	Môi trường nhiệt đới gió mùa
Giới hạn, phạm vi	khoảng từ 5°B đến 5°N.	Khoảng từ vĩ tuyến 5° đến chí tuyến ở cả hai bán cầu.	Ở Nam Á và Đông Nam Á.
Nhiệt độ	Trung bình năm trên 25°C.	Trung bình năm trên 20°C.	Trung bình năm trên 20°C.
Lượng mưa	1500 – 2500mm.	500 – 1500mm.	Khoảng 1000mm
Thực vật	Rừng nhiều tầng, rậm rạp.	Thay đổi dần về phía hai chí tuyến: rừng thưa chuyển sang đồng cỏ cao nhiệt đới (xavan) và cuối cùng là những vùng cỏ thưa thớt với cây bụi gai (nửa hoang mạc).	Nơi mưa nhiều có rừng nhiều tầng, nơi mưa ít có đồng cỏ cao nhiệt đới, ở vùng cửa sông, ven biển có rừng ngập mặn.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học; rèn luyện kĩ năng phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa, lát cắt rừng rậm xanh quanh năm.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn, hỏi GV những điều chưa hiểu.
- Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- Sau mỗi bài, GV gọi HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung và hoàn thiện sản phẩm.

Lưu ý:

+ Với câu 1: GV có thể gợi ý HS nhận xét về nhiệt độ (đường biểu diễn nhiệt độ cao hay thấp, biên độ nhiệt độ trong năm có sự dao động như thế nào?...) và về lượng mưa (cả năm cao hay thấp/khoảng bao nhiêu mm, phân bố lượng mưa trong năm ra sao, chênh lệch lượng mưa giữa tháng thấp nhất với tháng cao nhất như thế nào,...); sau đó yêu cầu HS đọc (liên hệ) lại kiến thức đã học ở mục 2 (các kiểu môi trường ở đới nóng) xem mỗi trạm khí tượng (biểu đồ khí hậu) tương ứng với kiểu môi trường nào ở đới nóng.

+ Với câu 2: Nội dung khó là giải thích tại sao rừng rậm xanh quanh năm lại có nhiều tầng. GV có thể gợi ý HS liên hệ với đặc điểm khí hậu kiểu môi trường xích đạo ẩm để trả lời.

* *Gợi ý sản phẩm:*

1. Đọc biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của 3 trạm: Xin-ga-po, Mum-bai, Gia-mê-na.

– Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Xin-ga-po:

+ Nhiệt độ trong năm khoảng trên 25°C và ít dao động, nóng quanh năm.

+ Lượng mưa: mưa nhiều và mưa quanh năm, tháng mưa ít cũng khoảng 170mm, tháng mưa nhiều là gần 250mm.

– Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Mum-bai (Ấn Độ):

+ Nhiệt độ: nhiệt độ cao, có dao động thất thường, tháng thấp nhất khoảng 23°C , tháng cao nhất gần 30°C .

+ Lượng mưa: lượng mưa lớn, phân bố theo mùa (mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 9), có mùa khô nhưng không có thời kì khô hạn kéo dài.

– Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Gia-mê-na (Sát):

+ Nhiệt độ: cao, dao động mạnh từ 22°C đến 34°C , trong năm có 2 lần tăng cao (tháng 3 – 4 và tháng 9 – 10).

+ Lượng mưa: có một mùa mưa và một mùa khô hạn kéo dài (khoảng 5 tháng).

– Căn cứ vào đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa, có thể xếp:

+ Trạm Xin-ga-po tương ứng với kiểu môi trường xích đạo ẩm.

+ Trạm Mum-bai (Ấn Độ) tương ứng với kiểu môi trường nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ Trạm Gia-mê-na (Sát) tương ứng với kiểu môi trường nhiệt đới.

2. Phân tích lát cắt hình 6 – rừng rậm xanh quanh năm.

– Rừng rậm xanh quanh năm gồm:

+ Tầng cỏ quyết, tầng cây bụi, tầng cây gỗ cao trung bình, tầng cây gỗ cao, tầng cây vượt tán.

+ Trong rừng còn có các loại dây leo thân gỗ, phong lan... chim, thú.

– Rừng ở đây lại có nhiều tầng vì ở đây có độ ẩm và nhiệt độ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho rừng phát triển rậm rạp, nhiều tầng tán.

D-E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để tìm tòi mở rộng thêm những hiểu biết của bản thân về đặc điểm tự nhiên môi trường đới nóng (cụ thể là liên hệ thực tế Việt Nam).

* *Phương thức hoạt động:*

– HS tự sưu tầm các thông tin, hình ảnh về khí hậu, rừng ở Việt Nam để viết một báo cáo ngắn chứng minh: Việt Nam nằm trong kiểu môi trường nhiệt đới gió mùa

– Khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ, chia sẻ sản phẩm với các bạn trong lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể là bài viết, đoạn thông tin, hình ảnh về khí hậu, rừng ở Việt Nam.

BÀI 4. MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HOÀ

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Biết được vị trí đới ôn hoà trên lược đồ.
- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên của môi trường đới ôn hoà.
- Sử dụng lược đồ, biểu đồ để nhận biết được các đặc điểm tự nhiên của đới ôn hoà.
- Có thái độ thân thiện, gần gũi với môi trường và con người ở đới ôn hoà.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành 4 hoạt động (hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng được tích hợp lại) nhằm giúp HS biết được vị trí đới ôn hoà; trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên của môi trường đới ôn hoà.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Một số phương pháp có thể được sử dụng trong bài học như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, phương pháp trực quan (bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, phân tích số liệu thống kê),... và một số phương pháp khác, GV có thể vận dụng sao cho phù hợp để đạt được mục tiêu của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:* Tạo tâm thế để HS có hứng thú muốn tìm hiểu về môi trường đới ôn hoà.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1. Ghi ra giấy những hiểu biết của mình về môi trường đới ôn hoà.

– GV gọi hai HS báo cáo kết quả trước lớp (GV cũng có thể làm theo cách khác, ví dụ như dán sản phẩm của vài HS lên bảng và đọc kết quả sản phẩm...).

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Sản phẩm sẽ rất đa dạng: có thể HS chỉ nêu được vị trí đới ôn hoà, có thể có HS nêu được các kiểu môi trường ở đới ôn hoà, có thể có HS lại nêu được các đặc điểm khác,...

– Dựa vào những hiểu biết của HS, GV sẽ gợi mở dẫn dắt vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Xác định vị trí địa lí và tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của môi trường đới ôn hoà

* *Mục tiêu:*

Xác định được vị trí môi trường đới ôn hoà; trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên của môi trường đới ôn hoà.

* *Phương thức hoạt động:*

– Với nội dung này, GV có thể thay đổi một chút so với tài liệu HDHKHXH7/1: GV yêu cầu HS quan sát hình 1 (bài 3) và hình 1 trong bài, kết hợp đọc thông tin để xác định vị trí địa lí của môi trường đới ôn hoà và nêu những đặc điểm nổi bật về thiên nhiên của môi trường đới ôn hoà.

(Câu hỏi: Kể tên các kiểu môi trường trong đới ôn hoà, chuyển sang mục 2).

– HS thực hiện nhiệm vụ, ghi tóm tắt kết quả ra vở, trao đổi; báo cáo kết quả; nhận xét, bổ sung và chỉnh sửa sản phẩm.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Vị trí địa lí của môi trường đới ôn hoà:

+ Đới ôn hoà nằm giữa đới nóng và đới lạnh, khoảng từ chí tuyến đến hai vòng cực ở cả hai bán cầu.

+ Phần lớn diện tích đất nổi của đới ôn hoà nằm ở nửa cầu Bắc.

– Những đặc điểm nổi bật về thiên nhiên của môi trường đới ôn hoà:

+ Khí hậu đới ôn hoà mang tính chất trung gian giữa đới nóng và đới lạnh, thời tiết thay đổi thất thường.

+ Thiên nhiên đới ôn hoà thay đổi rõ rệt theo thời gian với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông và theo không gian từ bắc xuống nam và từ tây sang đông.

2. Tìm hiểu về các kiểu môi trường ở đới ôn hoà

* *Mục tiêu:* Nêu được các kiểu môi trường và trình bày được đặc điểm tự nhiên cơ bản của các kiểu môi trường ở đới ôn hoà.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra vở, trao đổi và bổ sung cho nhau.

– Báo cáo, nhận xét, chỉnh sửa sản phẩm/kết quả.

Lưu ý: việc xác định vị trí của các kiểu môi trường ở đới ôn hoà có thể sẽ khó với HS vì có nhiều kiểu và các kiểu môi trường có sự thay đổi theo không gian.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Tên các kiểu môi trường trong đới ôn hoà (xem tài liệu HDHKHXH7/1).

– Hoàn thành bảng một số đặc điểm tự nhiên của các kiểu môi trường ở đới ôn hoà:

Kiểu môi trường	Vị trí	Đặc điểm khí hậu	Đặc điểm thực vật
Môi trường ôn đới hải dương	Chủ yếu ở bờ Tây của lục địa.	Ấm ướt quanh năm, mùa hạ mát mẻ, mùa đông không lạnh lắm.	Thực vật chủ yếu là rừng lá rộng.
Môi trường ôn đới lục địa	Nằm sâu trong đất liền và bờ Đông của lục địa.	Lượng mưa giảm dần, mùa hạ nóng, mùa đông lạnh, có nhiều tuyết rơi.	Thực vật là rừng hỗn giao và rừng lá kim.
Môi trường địa trung hải	Ven biển Địa Trung Hải.	Mùa hạ nóng và khô, mùa đông ẩm áp, mưa vào mùa thu – đông.	Thực vật chủ yếu là rừng cây bụi gai.
Môi trường cận nhiệt đới gió mùa, cận nhiệt đới ẩm	Gần chí tuyến.	Nóng và ẩm hơn các kiểu môi trường khác trong đới ôn hoà.	Thực vật tự nhiên phần lớn là rừng hỗn giao, rừng cây bụi và thảo nguyên.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* Củng cố, khắc sâu kiến thức, kĩ năng đã học; rèn luyện kĩ năng phân tích số liệu và biểu đồ.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS theo tài liệu HDHKHXH7/1, sau đó HS trao đổi kết quả với bạn bên cạnh.

– HS thực hiện lần lượt từng nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Ở câu 1. Chứng minh đới ôn hoà mang tính chất trung gian giữa đới nóng và đới lạnh.

– Vị trí:

+ Đới ôn hoà nằm giữa đới nóng và đới lạnh.

+ Nhiệt độ trung bình năm: không nóng bằng đới nóng và không lạnh bằng đới lạnh (dẫn chứng).

+ Lượng mưa hàng năm: không nhiều như đới nóng và không ít như đới lạnh (dẫn chứng).

Ở câu 2. Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa một số địa điểm ở đới ôn hoà trong hình 3 và hoàn thành bảng.

a) Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

– Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở ôn đới hải dương:

+ Nhiệt độ trung bình năm: 10,8°C; tháng 1 khoảng 6°C, tháng 7 khoảng 16°C.

+ Lượng mưa trung bình năm: 1126mm; mưa quanh năm, nhất là vào mùa đông do có nhiều nhiễu loạn thời tiết.

– Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở ôn đới lục địa:

+ Nhiệt độ trung bình năm: 4°C; nhiệt độ tháng 1 là –10°C, tháng 7 khoảng 19°C.

+ Lượng mưa trung bình năm: 560mm; mưa nhiều vào mùa hạ.

– Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở ven Địa Trung Hải:

+ Nhiệt độ trung bình năm: 17,3°C, tháng 1 khoảng 10°C, tháng 7 khoảng 28°C.

+ Lượng mưa trung bình năm: 402mm, mưa nhiều vào thu đông.

b) Hoàn thành bảng

Các kiểu môi trường	Nhiệt độ (°C)			Lượng mưa (mm)		
	Tháng 1	Tháng 7	Trung bình năm	Tháng 1	Tháng 7	Trung bình năm
Ôn đới hải dương	6	16	10,8	133	62	1126
Ôn đới lục địa	–10	19	4	31	74	560
Địa trung hải	10	28	17,3	69	9	402

D-E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học và tìm kiếm thông tin để chứng minh sự đa dạng về sản phẩm nông nghiệp ở môi trường đới ôn hoà.

* *Phương thức hoạt động:*

– HS dựa vào kiến thức đã học, hiểu biết của bản thân và tìm các thông tin, hình ảnh để chứng minh được ở đới ôn hoà với mỗi kiểu môi trường khác nhau thì sản phẩm nông nghiệp chủ yếu cũng khác nhau.

– Khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ; trao đổi sản phẩm cho nhau để mở rộng thêm hiểu biết về môi trường đới ôn hoà.

Lưu ý: GV có thể thay đổi nội dung này bằng một nội dung khác sao cho phù hợp với thực tế và HS thấy hứng thú khi tìm tòi mở rộng.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là các thông tin hoặc hình ảnh để làm rõ được nội dung tìm hiểu.

BÀI 5. MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Biết được giới hạn đới lạnh trên lược đồ.
- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới lạnh.
- Nêu được sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường đới lạnh.
- Đọc được lược đồ môi trường đới lạnh ở vùng Bắc Cực và vùng Nam Cực.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích biểu đồ, quan sát tranh ảnh về tự nhiên ở môi trường đới lạnh.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo một chuỗi 5 hoạt động, nhằm giúp HS biết được giới hạn đới lạnh trên lược đồ; trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới lạnh; nêu được sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường đới lạnh.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Có thể vận dụng các PPDH tích cực như nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp trực quan (bản đồ, biểu đồ, phân tích tranh ảnh,...) cho phù hợp với thực tế để đảm bảo mục tiêu bài học, góp phần hình thành những năng lực và phẩm chất cần thiết cho HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:* Gợi lại những kiến thức đã có liên quan tới môi trường đới lạnh, tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với học bài mới.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi ra giấy những ý kiến của mình theo yêu cầu của câu hỏi trong tài liệu HDHKHXH7/1.

– Gợi hai HS báo cáo kết quả trước lớp; GV có thể đặt câu hỏi, tại sao em lại cho những hình đó là phù hợp với môi trường đới lạnh mà không phải là những hình khác? Lúc này sẽ tạo điều kiện để HS phát huy kĩ năng đọc, phân tích hình ảnh địa lí cũng như tư duy phán đoán, suy luận.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể rất khác nhau, mục đích giúp HS có những ý niệm ban đầu về vấn đề sắp được tìm hiểu trong bài học. Từ đó GV dẫn dắt HS vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Xác định giới hạn đới lạnh

* *Mục tiêu:* Biết được giới hạn đới lạnh trên lược đồ.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– HS thực hiện nhiệm vụ, quan sát hình 7 và 8, tìm ranh giới của môi trường đới lạnh. GV gợi ý: đường vòng cực được thể hiện bằng vòng tròn nét đứt màu xanh.

– HS trao đổi kết quả với bạn bên cạnh; báo cáo trước lớp, bổ sung hoàn thiện sản phẩm.

– GV có thể lưu ý sự khác nhau giữa môi trường đới lạnh ở nửa cầu Bắc với môi trường đới lạnh ở nửa cầu Nam: môi trường đới lạnh ở nửa cầu Bắc chủ yếu là Bắc Băng Dương, ở nửa cầu Nam chủ yếu là châu Nam Cực.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Giới hạn của đới lạnh: nằm trong khoảng từ hai vòng cực đến hai cực.

2. Tìm hiểu đặc điểm khí hậu

* *Mục tiêu:* Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm khí hậu môi trường đới lạnh.

** Phương thức hoạt động:*

– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trong tài liệu HDHKHXH7/1. Với nội dung này, GV có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm.

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ, sau đó sẽ cùng nhóm trao đổi hoàn thành sản phẩm.

– Đây là nội dung khó, GV lưu ý HS khi đọc Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Hon-man (Ca-na-đa) khác với các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa đã học ở chỗ: biểu đồ cột thể hiện cả lượng mưa và tuyết rơi trong một tháng. Màu xanh đậm thể hiện lượng mưa trung bình của tháng. Màu xanh nhạt thể hiện lượng tuyết trong tháng.

Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Hon-man, tháng ít tuyết rơi là tháng 7, 8; tháng có nhiều tuyết rơi là tháng 10.

– Trong quá trình các nhóm làm việc, GV có thể hỗ trợ các nhóm (nếu cần) để tìm ra những đặc điểm cơ bản về khí hậu môi trường đới lạnh:

Nhiệt độ trung bình năm là $-12,3^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ tháng cao nhất (tháng 7 dưới 10°C), nhiệt độ tháng thấp nhất (tháng 2 dưới -30°C); về số tháng có nhiệt độ trên 0°C (từ tháng 6 đến giữa tháng 9 là 3,5 tháng) và số tháng dưới 0°C (từ giữa tháng 9 đến tháng 5 là 8,5 tháng) ; về biên độ nhiệt độ năm (đến 40°C). Từ đó, HS sẽ có thể rút ra kết luận về đặc điểm nhiệt độ đới lạnh là quanh năm lạnh lẽo, tháng mùa hạ không bao giờ nhiệt độ vượt 10°C .

Lượng mưa trung bình năm là 133mm, các tháng mưa nhiều là tháng 7 và tháng 8 (không quá 20mm/tháng); các tháng còn lại mưa ít (chủ yếu dưới dạng tuyết rơi). Như vậy, ta thấy ở đới lạnh: mưa rất ít, phần lớn dưới dạng tuyết rơi.

– Dựa vào các đặc điểm chính về nhiệt độ và lượng mưa, HS tổng hợp lại thành đặc điểm cơ bản của khí hậu đới lạnh.

(Lưu ý: GV có thể đặt câu hỏi phụ cho các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ, ví dụ: Tại sao đới lạnh có khí hậu lạnh lẽo, mưa ít, chủ yếu dưới dạng tuyết rơi? Lúc này HS sẽ phải căn cứ vào vị trí địa lí, vận dụng kiến thức đã học ở lớp 6 – sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời; hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa,... để trả lời).

** Gợi ý sản phẩm:*

Đặc điểm cơ bản của khí hậu đới lạnh: khí hậu vô cùng khắc nghiệt: mùa đông lạnh lẽo kéo dài, thường có bão tuyết; mùa hạ ngắn ngủi; mưa ít, chủ yếu dưới dạng tuyết rơi.

3. Tìm hiểu một số đặc điểm khác của môi trường đới lạnh

a) Băng tuyết

* *Mục tiêu:* Biết được băng tuyết là quang cảnh chủ yếu ở môi trường đới lạnh và giải thích được nguyên nhân của việc thu hẹp diện tích băng ở môi trường đới lạnh.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
– HS thực hiện nhiệm vụ: Dựa vào hình 7, 8 chỉ ra những khu vực đóng băng vào mùa đông ở vùng Bắc Cực và Nam Cực. Cho biết tác động của biến đổi khí hậu tới môi trường đới lạnh.

– Sau khi cá nhân thực hiện xong nhiệm vụ sẽ trao đổi sản phẩm với bạn bên cạnh để sửa chữa cho nhau.

– Báo cáo kết quả trước lớp ; nhận xét, góp ý, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm.

Lưu ý: GV có thể đặt thêm câu hỏi: băng tan có ảnh hưởng như thế nào tới Việt Nam.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Xác định các khu vực đóng băng vào mùa đông ở vùng Bắc Cực và Nam Cực (dựa vào lược đồ hình 7, 8 trong tài liệu HDHKHXH7/1).

– Biến đổi khí hậu làm cho Trái Đất nóng lên, băng ở hai vùng cực tan chảy bớt, diện tích phủ băng thu hẹp lại.

b) Sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường đới lạnh

* *Mục tiêu:* Biết được các động, thực vật chính ở môi trường đới lạnh và giải thích được sự thích nghi của chúng ở môi trường này.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo tài liệu HDHKHXH7/1.
– Đối với câu hỏi giải thích vì sao các loài động vật lại thích nghi được với môi trường đới lạnh và lí do vì sao cuộc sống của sinh vật ở đới lạnh lại sinh động hẳn lên vào mùa hạ. HS căn cứ vào thông tin trong tài liệu là có thể trả lời được.

– Sau khi HS thực hiện xong nhiệm vụ, GV cho một vài HS báo cáo kết quả; nhận xét, bổ sung (nếu cần) và chốt kiến thức.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Tên các loài thực vật và động vật chính ở môi trường đới lạnh (xem tài liệu HDHKHXH7/1).

– Các loài động vật thích nghi được với môi trường đới lạnh vì chúng có lớp mỡ dày, lông dày hoặc bộ lông không thấm nước; sống thành đàn đông đúc để bảo vệ và sưởi ấm cho nhau hoặc ngủ đông,...

– Sinh vật ở đới lạnh sinh động hẳn lên vào mùa hạ vì vào mùa hạ ấm áp, cây cỏ, rêu, địa y... nở rộ trên đất liền, các sinh vật phù du phát triển mạnh trong đại dương (đã tan lớp băng trên mặt), đó là nguồn thức ăn dồi dào cho các loài chim, thú, cá,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* Củng cố và khắc sâu kiến thức đã học có liên quan tới môi trường đới lạnh.

* *Phương thức hoạt động:*

– Với câu 1:

+ GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “giải ô chữ”.

+ Lần lượt thực hiện theo tài liệu HDHKHXH7/1.

+ GV quy định thời gian cho từng câu hỏi.

+ Chuẩn bị phần thưởng (nếu có) cho HS nào giải được nhiều ô chữ.

+ Với câu 2: thực hiện theo yêu cầu trong tài liệu HDHKHXH7/1.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Câu 1

a) TUẦN LỘC

b) MÙA HẠ

c) NÚI BĂNG

d) ĐỚI LẠNH

đ) THUNG LŨNG

e) NƯỚC BIỂN DÂNG

g) CHIM CÁNH CỤT

Từ chìa khoá **LẠNH GIÁ**

– Câu 2: 1 – b, c, đ, g; 2 – a, d, e

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học sưu tầm thêm thông tin để biết được sự thích nghi của con người ở đới lạnh.

* *Phương thức hoạt động:*

– Đọc thông tin trong tài liệu hoặc tìm hiểu từ những nguồn thông tin khác.

– GV có thể thay đổi nội dung này bằng một nội dung khác cho phù hợp với thực tế.

– Khuyến khích HS trao đổi sản phẩm để cùng tham khảo.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Giúp HS có hứng thú tìm tòi thêm những nội dung liên quan đến bài học.

* *Phương thức hoạt động:* Khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ; GV cũng có thể gợi ý những nội dung khác, để HS thấy hứng thú và tự tìm tòi thêm.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể là thông tin, tranh ảnh để làm rõ nội dung tìm hiểu.

BÀI 6. MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC, VÙNG NÚI, BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của môi trường hoang mạc ; môi trường vùng núi ; môi trường biển và đại dương.
- Nêu được sự thích nghi của thực vật và động vật ở môi trường hoang mạc ; nơi cư trú của con người ở vùng núi.
- Sử dụng lược đồ để biết được sự phân bố hoang mạc, đại dương trên thế giới.
- Đọc và phân tích được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa, cảnh quan của một số địa điểm ở môi trường hoang mạc, môi trường vùng núi.

1. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động nhằm giúp HS trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của môi trường hoang mạc; môi trường vùng núi ; môi trường biển và đại dương. Nêu được sự thích nghi của thực vật và động vật ở môi trường hoang mạc ; nơi cư trú của con người ở vùng núi.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của bài học. GV có thể sử dụng một số phương pháp như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, phương pháp trực quan (bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hình vẽ),... hoặc các phương pháp khác.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:* Gợi lại những kiến thức mà HS đã biết về một trong các môi trường: hoang mạc, vùng núi, biển và đại dương; tạo tâm thế học tập, giúp HS có ý thức về nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi ra giấy những hiểu biết của mình về một môi trường nào đó.

– Gọi hai HS báo cáo, chia sẻ những hiểu biết của mình về môi trường mình lựa chọn.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm sẽ đa dạng; trên cơ sở những hiểu biết của HS, GV dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu môi trường hoang mạc

a) Phân bố hoang mạc

* *Mục tiêu:* Biết được sự phân bố của các hoang mạc trên thế giới.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– Nhiệm vụ tìm vị trí của hoang mạc Xa-ha-ra và hoang mạc Gô-bi và cho biết các hoang mạc trên thế giới thường phân bố ở đâu không khó, HS dựa vào lược đồ có thể trả lời được.

– HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Vị trí của hoang mạc Xa-ha-ra và hoang mạc Gô-bi (dựa vào hình 1 tài liệu HDHKHXH7/1).

– Các hoang mạc thường nằm dọc theo hai đường chí tuyến và giữa lục địa Á-Âu.

b) Đặc điểm khí hậu

* *Mục tiêu:* Trình bày được những đặc điểm chung của khí hậu hoang mạc.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– HS thực hiện nhiệm vụ (ghi nhận xét ra vở), trao đổi và báo cáo sản phẩm.

Lưu ý: Đây là nội dung khó, với câu 1 GV có thể gợi ý để HS trả lời:

+ Các hoang mạc này nằm ở môi trường đới nào? (Xa-ha-ra nằm ở đới nóng, Gô-bi nằm ở đới ôn hoà).

+ Sự khác nhau về chế độ nhiệt của hai hoang mạc, lưu ý đường thẳng (màu vàng đậm 0°C).

+ Sự khác nhau về mùa mưa và lượng mưa.

– Trên cơ sở phân tích hai biểu đồ và đọc thông tin, HS rút ra đặc điểm chung của khí hậu hoang mạc (ghi ra vở).

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Sự khác nhau về chế độ nhiệt và lượng mưa của hai hoang mạc Xa-ha-ra và Gô-bi.

+ Hoang mạc Xa-ha-ra nằm ở đới nóng, hoang mạc Gô-bi nằm ở đới ôn hoà.

+ Về nhiệt độ: Hoang mạc Xa-ha-ra có nhiệt độ rất cao (rất nóng), biên độ nhiệt độ trong năm cao (dẫn chứng). Hoang mạc Gô-bi, nhiệt độ thấp hơn Xa-ha-ra, biên độ nhiệt độ trong năm rất cao (dẫn chứng).

+ Về lượng mưa: Hoang mạc Xa-ha-ra có số tháng mưa và lượng mưa trong năm cực kì ít. Gô-bi có số tháng mưa và lượng mưa nhiều hơn Xa-ha-ra nhưng nhìn chung cũng rất ít (dẫn chứng).

– Đặc điểm chung của khí hậu hoang mạc: lượng mưa rất ít, khô hạn; chênh lệch nhiệt độ trong ngày và trong năm rất lớn.

c) Các đặc điểm khác của môi trường hoang mạc

* *Mục tiêu:* Nhận biết được cảnh quan hoang mạc; nêu và giải thích được ở mức độ đơn giản sự thích nghi của sinh vật ở môi trường hoang mạc.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– HS thực hiện nhiệm vụ, với câu 1 HS có thể ghi vào giấy nháp hoặc hình dung trong đầu và báo cáo kết quả trước lớp. Để hoàn thành bảng sự thích nghi của thực, động vật ở hoang mạc, trước khi hoàn thành bảng, GV có thể bổ sung thêm câu hỏi về các cách thích nghi với cuộc sống hoang mạc của sinh vật, sau đó đọc thông tin để hoàn thành bảng vào vở. Báo cáo kết quả trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Mô tả cảnh quan hoang mạc.

+ Hình 4: Hoang mạc cát và các ốc đảo ở châu Phi nhìn như một biển cát mênh mông với những đụn cát di động. Một số nơi là ốc đảo với các cây chà là có hình dáng như cây dừa.

+ Hình 5: Hoang mạc ở Bắc Mỹ là vùng đất sỏi đá với các cây bụi gai và các cây xương rồng nển khổng lồ, mọc rải rác.

– Các cách thích nghi với cuộc sống hoang mạc của sinh vật: hạn chế sự mất nước; tăng cường dự trữ nước, dự trữ chất dinh dưỡng.

– Hoàn thành bảng: sự thích nghi của thực, động vật ở hoang mạc (xem tài liệu HDHKHXH7/1).

2. Tìm hiểu môi trường vùng núi

* *Mục tiêu:* Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm khí hậu và sinh vật môi trường vùng núi.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– Câu hỏi 1, HS quan sát hình 6, đọc thông tin trình bày vào vở đặc điểm khí hậu và sinh vật ở môi trường vùng núi. Trao đổi kết quả, báo cáo trước lớp.

– Câu hỏi 2, dựa vào hình 7, hoàn thành bảng Độ cao của các tầng thực vật ở hai sườn Bắc, Nam trên dãy An-pơ.

Lưu ý: với nhiệm vụ này, GV có thể thay đổi bằng nội dung như sau: quan sát hình 7, nhận xét sự phân tầng thực vật ở hai sườn của dãy núi An-pơ. Cho biết nguyên nhân.

GV lưu ý HS về sự khác nhau giữa các tầng thực vật theo độ cao ở hai sườn, từ đó có thể đặt câu hỏi tại sao.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Đặc điểm về khí hậu và sinh vật ở môi trường vùng núi:

+ Ở vùng núi, khí hậu và thực vật thay đổi theo độ cao. Sự thay đổi nhiệt độ, độ ẩm không khí từ chân núi lên đỉnh núi đã tạo nên sự phân tầng thực vật theo độ cao.

+ Khí hậu và thực vật còn thay đổi theo hướng của sườn núi (dẫn chứng).

– Độ cao của các tầng thực vật ở hai sườn Bắc, Nam trên dãy núi An-pơ.

Sườn núi Tầng thực vật	Độ cao (m)	
	Bắc	Nam
Rừng lá rộng	Khoảng 0 – 500	Khoảng 1000 – 2000
Rừng cây lá kim	Khoảng từ 500 – gần 1500	Khoảng 2000 – 2500
Đồng cỏ	Khoảng gần 1500 – 2500	Khoảng 2500 – 3000
Tuyết	Trên 2500	Trên 3000

Lưu ý: nếu GV sử dụng câu hỏi thay thế: nhận xét về sự phân tầng thực vật ở hai sườn của dãy An-pơ. Cho biết nguyên nhân.

Sản phẩm gợi ý như sau:

+ Có sự khác nhau về phân bố thực vật giữa sườn đón nắng và sườn khuất nắng ở dãy An-pơ: các vành đai thực vật ở sườn đón nắng nằm cao hơn sườn khuất nắng.

+ Nguyên nhân: sườn đón nắng ấm hơn sườn khuất nắng.

3. Tìm hiểu môi trường biển và đại dương

* *Mục tiêu:* Nêu được quy mô của biển và đại dương; trình bày được vai trò của biển và đại dương; giải thích được ở mức độ đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển và đại dương.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.

Lưu ý: với 2 câu hỏi đầu không khó, HS dựa vào thông tin trong tài liệu để trả lời. Với câu hỏi thứ ba, GV có thể hướng dẫn HS liên hệ đến vai trò của biển và đại dương, liên hệ với thực tiễn địa phương...

* *Gợi ý sản phẩm:*

- So sánh diện tích của biển và đại dương với diện tích các lục địa (xem tài liệu HDHKHXH7/1 để trả lời).
- Nêu vai trò của biển và đại dương (xem tài liệu HDHKHXH7/1 để trả lời).
- Cần phải bảo vệ môi trường biển và đại dương vì:
 - + Biển và đại dương có vai trò rất quan trọng đối với con người.
 - + Tài nguyên biển và đại dương đang được khai thác quá mức.
 - + Môi trường biển và đại dương đang bị ô nhiễm...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* Củng cố và khắc sâu lại kiến thức đã học về môi trường hoang mạc, vùng núi, biển và đại dương.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HS có thể trao đổi, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ.

– Hết một nhiệm vụ sẽ yêu cầu HS báo cáo để bổ sung và chỉnh sửa sản phẩm.

Lưu ý: với câu hỏi 3, GV gợi ý HS vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết thực tế để trả lời.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Câu hỏi 1:

+ Xác định số lượng các vành đai thực vật ở vùng núi đới nóng và vùng núi đới ôn hoà.

+ Giải thích: vị trí địa lí, độ cao của địa hình vùng núi dẫn tới sự khác nhau về vành đai thực vật đới nóng và đới ôn hoà.

– Câu hỏi 2

+ Nguyên nhân hình thành hoang mạc: do ảnh hưởng của dòng biển lạnh hoặc do vị trí xa biển hoặc nằm sâu trong lục địa hoặc ở những nơi khí hậu khô hạn và ít mưa.

+ Hoang mạc phân bố nhiều ở dọc hai đường chí tuyến vì ở đây chịu ảnh hưởng của dòng biển lạnh, ít mưa, khí hậu khô hạn,...

– Câu hỏi 3:

Môi trường hay xảy ra lũ quét và sạt lở đất là môi trường vùng núi. Liên hệ vùng núi nước ta.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

** Phương thức hoạt động:*

– Vận dụng kiến thức đã học, chia sẻ ý kiến của mình với người dân sống ở vùng núi về việc làm thế nào để hạn chế những thiệt hại do lũ quét và sạt lở đất gây ra.

– Có thể kể những thiệt hại về lũ quét và sạt lở đất mà em biết, sau đó cùng trao đổi giải pháp khắc phục.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Giúp HS ham muốn tìm hiểu thêm những nội dung liên quan đến bài học.

* *Phương thức hoạt động:*

Khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ.

Lưu ý: không nhất thiết phải thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDHKHXH7/1; HS có thể lựa chọn một vấn đề khác có liên quan đến bài học mà HS thấy hứng thú để tìm hiểu sâu thêm.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể là đoạn thông tin, tranh ảnh đẹp về các hoang mạc trên thế giới.

BÀI 7. THÀNH PHẦN NHÂN VĂN CỦA MÔI TRƯỜNG

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được quá trình phát triển và tình hình gia tăng dân số thế giới, nguyên nhân và hậu quả của nó.
- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản về sự phân bố dân cư trên thế giới.
- Phân biệt được quần cư nông thôn và quần cư thành thị.
- Biết được sơ lược quá trình đô thị hoá.
- Đọc được biểu đồ tháp dân số, biểu đồ gia tăng dân số, lược đồ phân bố dân cư.
- Có thái độ thân thiện, lối sống hoà nhập với cộng đồng.

1. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành một chuỗi 5 hoạt động, nhằm giải quyết vấn đề tìm hiểu môi trường nhân văn trên thế giới với các nội dung: tìm hiểu dân số và nguồn lao động; phân tích tình hình tăng dân số trên thế giới; tìm hiểu sự phân bố dân cư trên thế giới; phân biệt các loại hình quần cư và nhận biết quá trình đô thị hoá.

Ở bài này ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HS, GV cần

chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lí số liệu thống kê,... đảm bảo HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

** Mục tiêu:*

– Giúp cho HS huy động kiến thức đã có để trao đổi về một trong những vấn đề mà đoạn thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 nêu ra.

– HS được rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản, kĩ năng sắp xếp thông tin.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– GV hướng dẫn HS đọc đoạn thông tin xem đoạn thông tin đó nói về những vấn đề gì, liệt kê ra giấy nháp. Trên cơ sở đó chọn một vấn đề mà HS thấy thuận lợi nhất và nêu những hiểu biết của mình về vấn đề đó, rồi trao đổi với bạn và báo cáo với GV.

– Tùy theo đặc điểm lớp học, GV có thể tổ chức hoạt động cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi. Ví dụ: GV cho hai HS sử dụng bảng để viết ra những hiểu biết của mình, HS khác viết ra giấy nháp.

** Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi HS có thể viết ra những hiểu biết của mình rất khác nhau, trên cơ sở báo cáo của HS, GV tổng hợp, tạo ra tình huống để dẫn dắt vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về dân số và nguồn lao động

** Mục tiêu:* Trình bày được quan niệm về dân số, biết những thông tin thu thập được qua tổng điều tra dân số, tháp dân số.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– Ở câu hỏi 1, HS dễ dàng thực hiện được. Nội dung phân tích tháp tuổi, GV cần hướng dẫn HS phân tích đáy tháp tuổi sẽ cho biết về tỉ lệ sinh và dự báo nguồn lao động trong tương lai (màu xanh nhạt, độ tuổi từ 0 – 4 đến 10 – 14), thân tháp và độ dốc tháp cho biết nguồn lao động hiện tại (màu xanh, độ tuổi từ 15 – 19 đến 55 – 59), đỉnh tháp (phần còn lại) cho biết các thông tin về tuổi thọ, số người

cao tuổi, phân tích hai bên tháp (*nam, nữ*) cho biết thông tin về giới tính của quốc gia tại thời điểm nào đó.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Câu hỏi 1, 2 (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

2. Phân tích tình hình gia tăng dân số trên thế giới

* *Mục tiêu:* Trình bày được quá trình phát triển và tình hình gia tăng dân số thế giới, nguyên nhân và hậu quả của nó.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS như tài liệu HDHKHXH7/1. GV cần hướng dẫn thêm:
– Về tình hình gia tăng dân số trên thế giới từ năm 1000 đến năm 2013, HS có thể lập bảng thống kê như sau:

Giai đoạn	1000–1804	1804–1927	1927–1960	1960–1974	1974–1987	1987–1999	1999–2013	2013–2050
Số dân tăng thêm								
Số năm								

+ Trên cơ sở đó, HS dễ dàng trả lời câu hỏi 1.

– Về nguyên nhân, hậu quả và phương hướng giải quyết, GV yêu cầu HS trả lời thật khái quát dựa vào thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Tình hình gia tăng dân số trên thế giới từ năm 1000 đến năm 2013

Giai đoạn	1000–1804	1804–1927	1927–1960	1960–1974	1974–1987	1987–1999	1999–2013	2013–2050
Số dân tăng thêm (tỉ người)	0,73	1	1	1	1	1	1,14	2,86
Số năm (năm)	804	123	33	14	13	12	14	37

– Dân số thế giới tăng nhanh và đột ngột trong thời gian: từ 1960 đến đầu những năm 2000.

– Nguyên nhân, hậu quả và phương hướng giải quyết (xem thông tin tài liệu HDHKHXH7/1).

3. Tìm hiểu sự phân bố dân cư trên thế giới

* *Mục tiêu:* Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản về sự phân bố dân cư trên thế giới.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– Đối với câu hỏi: So sánh mật độ dân số của các châu lục với thế giới năm 2013, GV hướng dẫn HS so sánh với mật độ chung của thế giới để chỉ ra các châu lục có mật độ dân số cao và các châu lục có mật độ dân số thấp hơn so với thế giới.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Câu hỏi 1 (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

– Câu hỏi 2:

+ Mật độ dân số thế giới năm 2013 là 53 người/km².

+ Trong đó: Châu Á có mật độ dân số cao nhất 136 người/km² (không kể Liên bang Nga); châu Phi, châu Âu, châu Mỹ, châu Đại Dương có mật độ dân số thấp hơn mật độ dân số thế giới. Thấp nhất là châu Đại Dương, chỉ với 5 người/km².

– Câu hỏi 3:

+ Các nhân tố tự nhiên như: khí hậu, địa hình,...

+ Các nhân tố kinh tế – xã hội như: tiến bộ khoa học kĩ thuật, cơ sở hạ tầng,...

4. Phân biệt các loại hình quần cư

* *Mục tiêu:*

– Phân biệt được quần cư nông thôn và quần cư đô thị.

– Rèn luyện kĩ năng phân tích tranh ảnh.

* *Phương thức hoạt động:*

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ học tập trong tài liệu HDHKHXH7/1. GV hướng dẫn HS để điền được nội dung về mật độ dân số, nhà cửa, đường sá vào bảng. HS cần quan sát hai bức ảnh kết hợp với đọc thông tin để nhận xét mật độ đông hay thưa, nhà cửa, đường sá như thế nào?

* *Gợi ý sản phẩm:*

Nội dung	Quần cư nông thôn	Quần cư đô thị
Mật độ dân số	Thưa.	Đông đúc.
Nhà cửa, đường sá	Làng mạc thôn xóm phân tán và đơn giản.	Tập trung với mật độ cao, đường sá hiện đại.
Hoạt động kinh tế chủ yếu	Nông nghiệp.	Công nghiệp và dịch vụ.
Lối sống	Nông thôn.	Đô thị.

5. Nhận biết quá trình đô thị hoá

* *Mục tiêu:* Biết được sơ lược quá trình đô thị hoá.

* *Phương thức hoạt động:*

Nhiệm vụ học tập này được trình bày khá rõ ràng trong tài liệu HDHKHXH7/1, GV cho HS tự xác định nhiệm vụ học tập, sau đó GV hướng dẫn thêm để HS đọc thông tin và hoàn thành câu trả lời.

Đối với câu hỏi: Nêu hậu quả của sự phát triển tự phát nhiều đô thị mới và siêu đô thị, GV hướng dẫn thêm cho HS nêu hậu quả về: môi trường, giao thông, sức khỏe,...

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Câu hỏi 1 (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).
- Sự phát triển tự phát nhiều đô thị mới và siêu đô thị để lại hậu quả về môi trường, sức khỏe và vấn đề giao thông vận tải, nhà ở,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* Đọc được tháp dân số, lược đồ phân bố dân cư.

* *Phương thức hoạt động:*

Với hai câu trong phần luyện tập, GV có thể tổ chức thành hai hoạt động.

– Hoạt động thứ nhất: HS chỉ ra những điểm khác biệt ở hai tháp tuổi hình 1 tài liệu HDHKHXH7/1: HS quan sát đáy, đỉnh và độ dốc của tháp tuổi. Cho biết tháp hình dạng như thế nào thì người trong độ tuổi lao động cao. Yêu cầu HS quan sát đoạn giữa của tháp (màu xanh đậm tương ứng độ tuổi 15 – 19 đến 55 – 59). HS có thể trình bày sản phẩm dưới dạng bảng thống kê.

– Hoạt động thứ hai: GV hướng dẫn HS dựa vào lược đồ hình 5, trước tiên HS phân tích bảng chú giải để thấy được dân cư trên thế giới phân bố không đều, sau đó HS tìm các khu vực có dân cư phân bố đông và thưa trên thế giới.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Hình dạng hai tháp dân số có sự khác nhau:

	Tháp thứ nhất (bên trái)	Tháp thứ hai (bên phải)
Đáy tháp	Đáy rộng.	Đáy hẹp hơn.
Thân tháp và độ dốc	Thân tháp có độ dốc kiểu hình nón.	Thân tháp phình to ra, đặc biệt độ tuổi 30 – 34, 35 – 39.
Đỉnh tháp	Nhọn và thấp.	Tù và cao hơn.
Tháp có trong độ tuổi lao động cao là tháp thứ hai (bên phải)		

– Các khu vực tập trung đông dân là: khu vực Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á, Tây và Trung Âu, Trung Đông và một phần Tây Phi, Đông Bắc Hoa Kỳ, Đông Nam Bra-xin.

– Các khu vực thưa dân là Bắc Á, Bắc Âu, Châu Đại Dương, Ca-na-đa, một phần Nam Mỹ, một phần Tây và Nam Phi.

– Nguyên nhân: do điều kiện tự nhiên (khí hậu, địa hình), điều kiện kinh tế – xã hội (lịch sử định cư, trình độ và phương thức sản xuất).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* *Mục tiêu:* Giúp HS biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của cuộc sống

* *Phương thức hoạt động:*

– GV hướng dẫn HS về nhà tra cứu thông tin, kết hợp trao đổi với người thân viết những hiểu biết của mình về tình hình đô thị hoá tại địa phương. HS có thể chọn quy mô: tỉnh (thành phố) hoặc huyện (quận).

– HS tra cứu các thông tin như: tỉ lệ dân thành thị, số lượng thành phố, thị xã, thị trấn, sơ lược về sự hình thành thành phố, thị xã, thị trấn,... rồi sắp xếp và viết thành bài viết.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm của HS rất khác nhau, tùy theo địa bàn HS chọn, GV khuyến khích HS thực hiện và trao đổi sản phẩm với nhau.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Giúp HS mở rộng kiến thức của bài học theo sở thích của HS.

* *Phương thức hoạt động:* GV khuyến khích HS thực hiện và chia sẻ sản phẩm với cả lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là những thông tin viết về nội dung mà mỗi HS tự chọn.

BÀI 8. TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI CHÂU PHI

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Nêu được giới hạn, vị trí địa lí và hình dạng của châu Phi.
- Trình bày và giải thích được một số đặc điểm tự nhiên, dân cư và xã hội châu Phi.
- Sử dụng được tranh ảnh, lược đồ, biểu đồ và thu thập được thông tin để tìm hiểu đặc điểm tự nhiên, dân cư và xã hội châu Phi.
- Nhận biết và chia sẻ một số khó khăn trong cuộc sống của người dân châu Phi.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm một chuỗi 5 hoạt động nối tiếp nhau theo một lôgic chặt chẽ

Để giải quyết vấn đề trên, bài học có các nội dung như: giới hạn và vị trí địa lí của châu Phi; một số đặc điểm tự nhiên, dân cư và xã hội châu Phi. Qua bài học này, HS có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn như xác định vị trí kênh đào Xuy-ê và cho biết ý nghĩa của nó đối với giao thông đường biển trên thế giới; HS cũng có thể tìm hiểu thêm được một số vấn đề gần gũi với các kiến thức mới đã học trong bài như: tìm hiểu về những loài thực vật, động vật đặc biệt ở châu Phi, về chất lượng cuộc sống của đại bộ phận người dân châu Phi.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS, làm sao để HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

Nhằm huy động kĩ năng quan sát tranh ảnh của HS, để từ đó HS có thể đưa ra được những nhận xét và nêu được một vài đặc điểm về tự nhiên, dân cư và xã hội châu Phi. Qua đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1. GV có thể hướng dẫn thêm cho HS như sau: trong các hình, hình nào thể hiện đặc điểm tự nhiên châu Phi (cảnh quan tự nhiên; loài động vật, thực vật), hình nào thể hiện đặc điểm dân cư, xã hội (chủng tộc, màu da của người dân; công trình kiến trúc)?

– Tùy theo đặc điểm lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi. HS viết ý kiến của cá nhân hoặc cặp đôi ra giấy nháp.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Sản phẩm rất đa dạng là các ý kiến của cá nhân hoặc cặp đôi về những nội dung đã tìm hiểu.

– GV lựa chọn một sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Xác định giới hạn và vị trí địa lí

** Mục tiêu:*

Nêu được giới hạn, vị trí địa lí và hình dạng của châu Phi.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– Nhìn chung các câu hỏi ở mục này có những ý khó trả lời, yêu cầu HS phải suy luận, vì vậy GV nên tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc hoạt động nhóm để trả lời. Đồng thời GV cần làm rõ yêu cầu của các câu hỏi thông qua một vài gợi ý.

– Với các câu hỏi của mục này, GV có thể gợi ý HS như sau:

+ Về giới hạn và vị trí địa lí, HS cần nêu được phần đất liền của châu Phi tiếp giáp với các châu lục, biển và đại dương nào. Ý nghĩa của vị trí địa lí.

+ Châu Phi có hình dạng lãnh thổ và đặc điểm bờ biển như thế nào?

+ Đặc điểm của vị trí địa lí, hình dạng và đặc điểm bờ biển có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu của châu Phi?

– Kết thúc hoạt động này, HS phải trình bày kết quả và thảo luận với GV.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Về giới hạn phần đất liền: phía bắc giáp với Địa Trung Hải, phía tây giáp Đại Tây Dương, phía đông bắc giáp Biển Đỏ, ngăn cách với châu Á bởi kênh đào Xuy-ê, phía đông nam giáp Ấn Độ Dương.

– Ý nghĩa của vị trí địa lí: thuận lợi giao lưu với các châu lục khác trên thế giới.

– Lãnh thổ châu Phi có dạng hình khối, đường bờ biển ít bị chia cắt.

– Đặc điểm của vị trí địa lí, hình dạng và đặc điểm bờ biển châu Phi làm cho châu Phi có khí hậu nóng và khô.

2. Khám phá tự nhiên

** Mục tiêu:*

Trình bày và giải thích được một số đặc điểm tự nhiên của châu Phi.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– Các câu hỏi ở mục a) không khó, GV có thể cho HS làm việc cá nhân, yêu cầu HS quan sát lược đồ, kết hợp đọc thông tin để rút ra nhận xét, đồng thời cũng yêu cầu HS kể tên một số sơn nguyên và bồn địa lớn, tên một số loại khoáng sản chính ở châu Phi.

– Ở mục b) có câu hỏi yêu cầu HS phải giải thích đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi. Vì vậy, GV nên tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc hoạt động nhóm. Với câu hỏi này, GV gợi ý HS huy động những kiến thức đã học (vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, đặc điểm bờ biển) để giải thích ở mức độ đơn giản.

– Với mục c), GV nên tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi để hoàn thành nội dung của bảng.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Mục a) Địa hình, khoáng sản

+ Tên các dạng địa hình và nhận xét chung về địa hình châu Phi (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

+ Tên các sơn nguyên lớn: Ê-ti-ô-pi-a, Đông Phi và các bồn địa lớn: Sát, Nin Thượng, Công-gô, Ca-la-ha-ri.

+ Tên một số loại khoáng sản chính: dầu mỏ, sắt, vàng, cô-ban, man-gan, đồng, kim cương, chì, crôm,...

– Mục b) Khí hậu

+ Nhận xét về lượng mưa và sự phân bố mưa (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

+ Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1). Châu Phi có khí hậu nóng và khô vào bậc nhất thế giới là do phần lớn lãnh thổ châu Phi nằm giữa hai chí tuyến, nên châu Phi có khí hậu nóng; châu Phi là một lục địa hình khối, có kích thước rất lớn, đường bờ biển ít bị cắt xẻ làm cho ảnh hưởng của biển không vào được sâu trong đất liền, nên châu Phi có khí hậu khô.

– Mục c) Các đặc điểm khác của môi trường tự nhiên

Môi trường tự nhiên	Vị trí địa lí lãnh thổ	Một số đặc điểm tự nhiên
Xích đạo ẩm	Bồn địa Công-gô, duyên hải ven vịnh Ghi-nê.	Rừng rậm xanh quanh năm.
Nhiệt đới	Phía bắc và nam Xích đạo.	Rừng thưa và xa van cây bụi; nhiều động vật ăn cỏ và động vật ăn thịt.
Hoang mạc	Hoang mạc Xa-ha-ra ở Bắc Phi và hoang mạc Ca-la-ha-ri, Na-mip ở Nam Phi.	Khí hậu khắc nghiệt, hiếm mưa; thực, động vật nghèo nàn.
Địa trung hải	Dãy Atlas, vùng đồng bằng ven biển Bắc Phi và vùng cực nam châu Phi.	Mùa đông mát mẻ và có mưa, mùa hạ nóng và khô. Thực vật là rừng cây bụi lá cứng.

3. Tìm hiểu dân cư

* Mục tiêu:

Trình bày và giải thích được một số đặc điểm dân cư châu Phi.

* Phương thức hoạt động:

– Mục a) Sự gia tăng dân số

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1. Đây là nhiệm vụ không khó, HS dựa vào thông tin và khai thác số liệu từ biểu đồ trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

– Mục b) Phân bố dân cư, đô thị hoá

+ GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

+ Ở mục này có câu hỏi yêu cầu HS phải giải thích đặc điểm phân bố dân cư và các thành phố lớn ở châu Phi. Vì vậy, GV nên tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc hoạt động nhóm. Với câu hỏi này, GV gợi ý HS huy động những kiến thức đã học về đặc điểm tự nhiên của châu Phi để giải thích.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Mục a: Các câu trả lời của HS (xem tài liệu HDHKHXH7/1).

– Mục b:

+ Trình bày và giải thích đặc điểm phân bố dân cư châu Phi: dân cư phân bố không đều, tập trung đông đúc ở các vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi như vùng duyên hải ở phần cực Bắc và cực Nam, ven vịnh Ghi-nê và nhất là thung lũng sông Nin. Ngược lại, vùng rừng rậm xích đạo và các hoang mạc dân cư thưa thớt.

+ Tên các thành phố có từ 1 triệu dân trở lên (dựa vào tài liệu HDHKHXH7/1). Các thành phố lớn ở châu Phi thường là các thành phố cảng, vì vậy các thành phố này chủ yếu tập trung ở ven biển.

+ Dân số thành thị ở châu Phi tăng nhanh đã làm xuất hiện nhiều khu nhà ổ chuột, ảnh hưởng tới môi trường, vấn đề giải quyết việc làm,...

4. Tìm hiểu một số vấn đề xã hội

** Mục tiêu:*

Trình bày và giải thích được một số đặc điểm xã hội châu Phi.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS đọc thông tin để trả lời câu hỏi 1. Với câu hỏi 2, đòi hỏi HS phải tổng hợp kiến thức trong bài và suy luận để trả lời, vì vậy GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi để trả lời.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Câu hỏi 1 (dựa vào tài liệu HDHKHXH7/1 để trả lời)

– Báo cáo kết quả thảo luận và trả lời câu hỏi 2 của các cặp: Những khó khăn

về mặt xã hội ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế – xã hội của châu Phi là sự bùng nổ dân số, xung đột tộc người, đại dịch AIDS, sự can thiệp của nước ngoài.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng vừa học được về tự nhiên, dân cư và xã hội châu Phi, đồng thời giúp HS phân tích được mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố tự nhiên.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– Ý 1 và 2 của câu 1 yêu cầu HS phân tích mối quan hệ giữa lượng mưa và lớp phủ thực vật, trình bày nguyên nhân làm cho môi trường hoang mạc chiếm diện tích lớn ở châu Phi. GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, gợi ý HS nhớ lại những kiến thức đã học trong bài và kết nối các kiến thức với nhau để giải quyết bài tập này.

– Ý 3 của câu 1 và câu 2 chỉ đòi hỏi HS tái hiện lại kiến thức đã học, HS có thể làm việc cá nhân.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Câu 1:

+ Ý 1. Mối quan hệ giữa lượng mưa và lớp phủ thực vật ở châu Phi: những nơi có lượng mưa lớn (trung bình năm trên 2000mm) phát triển thảm thực vật rừng rậm xanh quanh năm; những nơi có lượng mưa ít hơn (trung bình năm từ 200 đến 2000mm) phát triển kiểu rừng thưa và xa van cây bụi; những nơi mưa rất hiếm (trung bình năm dưới 200mm) thì thực vật nghèo nàn.

+ Ý 2. Nguyên nhân làm cho môi trường hoang mạc chiếm diện tích lớn ở châu Phi là do vị trí địa lí, hình dạng bờ biển và kích thước lãnh thổ rộng lớn đã dẫn đến châu Phi là một châu lục nóng và khô, đồng thời tạo ra sự phân bố lượng mưa không đều trên lãnh thổ châu Phi. Vì vậy, môi trường hoang mạc chiếm diện tích lớn ở châu Phi.

+ Ý 3. Ghép các ý: 1 với d, 2 với c, 3 với a, 4 với b.

– Câu 2. Các ý đúng là: a, c, đ, e, g.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:*

Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để trình bày ý nghĩa của kênh đào Xuy-ê đối với giao thông đường biển trên thế giới và giải thích tại sao hoang mạc Na-mip lại xuất hiện ở vùng ven biển Nam Phi.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- GV hướng dẫn HS kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ. Yêu cầu HS trình bày ý nghĩa của kênh đào Xuy-ê đối với giao thông đường biển trên thế giới, đây là vấn đề gắn với thực tiễn, GV gợi ý HS tranh thủ sự hướng dẫn của người thân để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Ý nghĩa của kênh đào Xuy-ê đối với giao thông đường biển trên thế giới: kênh Xuy-ê nối liền Địa Trung Hải và Biển Đỏ đã góp phần rút ngắn các khoảng cách vận tải trên biển; kênh Xuy-ê là con đường ngắn nhất nối Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.
- Hoang mạc Na-mip xuất hiện ở vùng ven biển Nam Phi do ảnh hưởng của dòng biển lạnh Ben-ghe-la (xem thêm thông tin ở mục 2b trong bài).

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

** Mục tiêu:*

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về thực vật, động vật đặc biệt ở châu Phi hoặc về chất lượng cuộc sống của đại bộ phận người dân châu Phi.

** Phương thức hoạt động:*

- GV cho HS chọn một trong hai nội dung để tìm hiểu.
- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 9. KINH TẾ CHÂU PHI

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm kinh tế chung và các ngành kinh tế của châu Phi.
- Sử dụng được lược đồ để nhận xét đặc điểm kinh tế châu Phi.
- Thu thập được một số tư liệu về một hoạt động kinh tế của người dân châu Phi.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm 4 hoạt động (hoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng được tích hợp lại) nối tiếp nhau theo một logic chặt chẽ.

Bài học có các nội dung: Đặc điểm chung về kinh tế, các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt là các PPDH đặc thù của bộ môn như sử dụng lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh. GV cần tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện dạy học (lớp học, phương tiện dạy học...), làm sao HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:*

Nhằm huy động kĩ năng quan sát tranh ảnh và vốn hiểu biết của HS để kể tên các hoạt động kinh tế chủ yếu của châu Phi và giải thích vì sao ở châu Phi có các hoạt động kinh tế đó.

Qua đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- GV gợi ý HS nhớ lại kiến thức đã học về đặc điểm tự nhiên (khí hậu, khoáng sản) của châu Phi để giải thích vì sao ở châu Phi có các hoạt động kinh tế đó.
- Với nhiệm vụ này, HS có thể làm việc cá nhân. GV yêu cầu HS viết ý kiến của cá nhân ra giấy nháp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Các bản viết nháp của HS, trong đó ghi các ý kiến của cá nhân về những nội dung đã tìm hiểu.

GV lựa chọn một sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Nhận xét đặc điểm chung về kinh tế

* *Mục tiêu:*

Trình bày được đặc điểm chung về kinh tế của châu Phi.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- Yêu cầu của nhiệm vụ không khó, HS chỉ cần đọc và khai thác thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Đặc điểm chung về kinh tế:

- + Chậm phát triển, chuyên môn hoá phiến diện.
- + Chú trọng trồng cây công nghiệp nhiệt đới và khai thác khoáng sản để xuất khẩu.
- + Giao thông kém phát triển.
- Điều kiện làm cho nền kinh tế của một số nước ở châu Phi tăng trưởng khá hơn:
 - + Tăng cường khai thác tài nguyên khoáng sản.
 - + Cơ cấu dân số trẻ nên có nguồn nhân lực dồi dào.
 - + Có vốn đầu tư của nước ngoài.

2. Tìm hiểu về nông nghiệp

* *Mục tiêu:*

Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm ngành nông nghiệp của châu Phi.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- Yêu cầu của nhiệm vụ 1 không khó, HS chỉ cần đọc và khai thác thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ. Với nhiệm vụ 2, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cặp đôi để hoàn thành nội dung bảng.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Đặc điểm nổi bật của ngành nông nghiệp (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).
- Hoàn thành nội dung của bảng.

Bảng phân bố nông sản chính ở châu Phi

Loại nông sản	Phân bố (quốc gia, khu vực)
Cây công nghiệp – Ca cao – Cà phê – Cọ dầu – Bông – Lạc	Ở vùng duyên hải phía bắc vịnh Ghi-nê. Vùng duyên hải vịnh Ghi-nê và cao nguyên Đông Phi. Vùng duyên hải vịnh Ghi-nê, Trung Phi và duyên hải Đông Phi. Ai Cập, Kê-ni-a,... Ni-giê, Ca-mơ-run, Xu-đăng, CHDC Công-gô,...
Cây lương thực – Lúa mì và ngô – Lúa gạo	Phân bố ở Cộng hoà Nam Phi và các nước ven Địa Trung Hải. Ai Cập
Cây ăn quả cận nhiệt	Cam, chanh, nho, ô liu phân bố chủ yếu ở ven Địa Trung Hải và ven biển cực Nam châu Phi.
Chăn nuôi	
– Cừu, dê – Bò – Lợn	Ở các đồng cỏ trên cao nguyên các vùng nửa hoang mạc. Ê-ti-ô-pi-a, Ni-giê-ri-a,... Ở các nước Trung Phi và Nam Phi.

3. Tìm hiểu về công nghiệp

* *Mục tiêu:*

Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm ngành công nghiệp của châu Phi.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- Yêu cầu của câu hỏi 1 không khó, HS chỉ cần đọc và khai thác thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ. Với câu hỏi 2, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cặp đôi để hoàn thành nội dung bảng thống kê.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Giải thích vì sao châu Phi giàu khoáng sản nhưng công nghiệp còn chậm phát triển (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).
- Hoàn thành nội dung của bảng.

Bảng phân bố một số ngành công nghiệp ở châu Phi

Ngành công nghiệp	Phân bố
Khai thác khoáng sản	Cộng hoà Nam Phi, An-giê-ri, CHDC Công-gô,...
Luyện kim màu	Cộng hoà Nam Phi, Na-mi-bi-a, Dăm-bi-a,...
Cơ khí	Cộng hoà Nam Phi, Ai Cập, Dăm-bi-a, An-giê-ri,...
Dầu, khí	Li-bi, An-giê-ri, Tuy-ni-di,...
Dệt	Ma-rốc, Ai-Cập, An-giê-ri, Cộng hoà Nam Phi...

4. Tìm hiểu về ngành dịch vụ

* *Mục tiêu:*

Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm ngành dịch vụ của châu Phi.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- Yêu cầu của câu hỏi 1 và 2 không khó, HS chỉ cần đọc và khai thác thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ. GV có thể cho hai HS đóng vai bạn A và bạn B đọc đoạn hội thoại. HS cả lớp lắng nghe và thu thập thông tin để hoàn thành nhiệm vụ 1 và 2.

– Câu hỏi 3 khó hơn, đòi hỏi HS phải liên hệ, kết nối các kiến thức đã học trong bài, phải phân tích và tổng hợp, vì vậy GV nên tổ chức cho HS thảo luận nhóm. Nhằm giúp hoàn thành nhiệm vụ này, GV gợi ý HS nhớ lại đặc điểm chung của nền kinh tế châu Phi, quan sát hình 7 để nêu tên các cảng biển, xác định vị trí của các cảng biển, từ đó nêu được vai trò của các biển đối với nền kinh tế châu Phi. Kết thúc hoạt động nhóm, HS phải trình bày kết quả và thảo luận với GV.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Tên các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chủ yếu của châu Phi (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

– Giải thích vì sao hoạt động kinh tế đối ngoại của hầu hết các nước châu Phi lại đơn giản (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

– Tên các cảng biển và vai trò của các cảng biển đối với nền kinh tế châu Phi:

+ Tên các cảng biển: Ca-xa-blan-ca, An-giê (Bắc Phi); Đa-ca, A-bit-gian, La-gôt (Tây Phi); Mom-ba-xa (Đông Phi); Kêp-tao, Đuôc-ban (Nam Phi).

+ Vai trò của các cảng biển: Nền kinh tế châu Phi là nền kinh tế phục vụ cho hoạt động xuất khẩu (trồng cây công nghiệp xuất khẩu, khai thác khoáng sản xuất khẩu,...). Mặt khác, châu Phi không chú trọng vào sản xuất lương thực, công nghiệp lại kém phát triển, nên châu Phi phải nhập khẩu lương thực, máy móc, thiết bị và hàng tiêu dùng. Bởi vậy, các cảng biển đóng vai trò quan trọng trong hoạt động xuất, nhập khẩu của châu Phi.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về đặc điểm kinh tế chung và các ngành kinh tế của châu Phi; rèn luyện kỹ năng vẽ và phân tích biểu đồ cơ cấu GDP.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– GV hướng dẫn HS vẽ ba biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu kinh tế của ba quốc gia ở châu Phi, các hình tròn này có đường kính bằng nhau.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Câu 1. Nhận xét cơ cấu GDP:

+ Xu-đăng: ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn nhất với hơn 50% cơ cấu GDP.

+ Ê-ti-ô-pi-a: ngành công nghiệp, xây dựng chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ: 11,9% trong cơ cấu GDP.

+ Cộng hoà Nam Phi: tỉ trọng của ngành dịch vụ chiếm 67,8%, trong khi đó tỉ trọng của ngành nông, lâm, ngư nghiệp chỉ chiếm 2,3 % cơ cấu GDP.

– Câu 2.

+ Các ý đúng: a, b, đ, h.

+ Sửa lại các ý chưa đúng:

c) Công nghiệp châu Phi chậm phát triển

d) Cây công nghiệp nhiệt đới được trồng trong các đồn điền theo quy mô lớn.

e) Kinh tế đối ngoại của các nước châu Phi tương đối đơn giản.

g) Sản phẩm xuất khẩu của các nước châu Phi là sản phẩm cây công nghiệp, khoáng sản, nguyên liệu chưa chế biến.

D-E HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

* Mục tiêu:

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về nền văn minh sông Nin ở châu Phi.

* Phương thức hoạt động:

- Cá nhân HS thu thập tư liệu.
- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

* Gợi ý sản phẩm:

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 10. CÁC KHU VỰC CHÂU PHI

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Nêu được vị trí, giới hạn ba khu vực: Bắc Phi, Trung Phi, Nam Phi.
- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế của ba khu vực.
- Thu thập được thông tin, sử dụng được tranh ảnh, lược đồ để tìm hiểu những đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế của ba khu vực.
- Đồng cảm, chia sẻ với những khó khăn trong đời sống của người dân nhiều nước châu Phi.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm một chuỗi 5 hoạt động nối tiếp nhau theo một logic chặt chẽ.

Vấn đề HS cần phải tìm hiểu và giải quyết trong bài là: Vị trí, giới hạn và đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế của ba khu vực: Bắc Phi, Trung Phi, Nam Phi.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt là các PPDH đặc thù của bộ môn như sử dụng lược đồ, tranh ảnh. GV cần tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện dạy học (lớp học, phương tiện dạy học...), làm sao HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

** Mục tiêu:*

– Nhằm huy động kiến thức đã học và kĩ năng sử dụng lược đồ của HS để kể tên một số nước ở các khu vực của châu Phi và một vài hoạt động sản xuất ở từng khu vực.

– Qua đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– GV cho HS dựa vào hình 1, kể tên một số nước ở từng khu vực. Với nhiệm vụ 2, GV gợi ý HS dựa vào kiến thức đã học về kinh tế châu Phi để kể tên một vài hoạt động sản xuất ở từng khu vực.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Tên một số nước ở các khu vực:

+ Bắc Phi: Xa-ra-uy, Ma-rốc, An-giê-ri, Li-bi, Ai-Cập, Mô-ri-ta-ni, Ma-li,...

+ Trung Phi: Xê-nê-gan, Ghi-nê, Li-bê-ri-a, Ni-giê-ri-a, Ca-mơ-run, CHDC Công-gô, Tan-da-ni-a,...

+ Nam Phi: An-gô-la, Dăm-bi-a, Dim-ba-bu-ê, Na-mi-bi-a, Mô-dăm-bich, CH Nam Phi,...

– Tên một số hoạt động sản xuất ở các khu vực:

+ Bắc Phi: hoạt động sản xuất công nghiệp: khai thác khoáng sản, cơ khí, dầu khí, dệt,...; hoạt động sản xuất nông nghiệp: trồng cây ăn quả cận nhiệt, bông, lúa mì, ngô,...

+ Trung Phi: hoạt động sản xuất công nghiệp: khai thác khoáng sản, luyện kim màu,...; hoạt động sản xuất nông nghiệp: trồng ca cao, cà phê, lạc,...

+ Nam Phi: hoạt động sản xuất công nghiệp: khai thác khoáng sản, cơ khí, luyện kim màu, dệt,...; hoạt động sản xuất nông nghiệp: trồng cây ăn quả cận nhiệt, lúa mì, ngô,...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Khám phá khu vực Bắc Phi

** Mục tiêu:*

- Nêu được vị trí, giới hạn của khu vực Bắc Phi.
- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế – xã hội của khu vực Bắc Phi.

** Phương thức hoạt động:*

- Mục a) Khái quát tự nhiên
 - + GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
 - + Các câu hỏi không khó, HS chỉ cần dựa vào lược đồ các khu vực châu Phi và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.
- Mục b) Khái quát kinh tế – xã hội
 - + GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
 - + Các câu hỏi không khó, HS chỉ cần dựa vào lược đồ kinh tế chung châu Phi và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Mục a) Khái quát tự nhiên
 - + Xác định giới hạn khu vực Bắc Phi trên lược đồ hình 1 (dựa vào lược đồ các khu vực châu Phi).
 - + Đặc điểm nổi bật của tự nhiên Bắc Phi. (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).
- Mục b) Khái quát kinh tế – xã hội
 - + Đặc điểm nổi bật về dân cư của Bắc Phi (xem thông tin mục 1b trong tài liệu HDHKHXH7/1).

+ Giải thích tại sao kinh tế của khu vực Bắc Phi tương đối phát triển (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

+ Tên và sự phân bố các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp (xem bảng phân bố một số loại nông sản chính và bảng phân bố một số ngành công nghiệp ở châu Phi – bài kinh tế châu Phi để xác định tên và sự phân bố các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp của khu vực Bắc Phi).

2. Khám phá khu vực Trung Phi

* Mục tiêu:

– Nêu được vị trí, giới hạn của khu vực Trung Phi.

– Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế – xã hội của khu vực Trung Phi.

* Phương thức hoạt động:

– Mục a) Khái quát tự nhiên

+ GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

+ Câu hỏi không khó, HS chỉ cần dựa vào lược đồ các khu vực châu Phi, lược đồ tự nhiên châu Phi và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

– Mục b) Khái quát kinh tế – xã hội

+ GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

+ Để trả lời các câu hỏi, ngoài việc quan sát lược đồ kinh tế châu Phi, đọc thông tin, GV cần gợi ý HS phân tích mối quan hệ giữa đặc điểm tự nhiên và phân bố dân cư của khu vực để giải thích vì sao dân cư tập trung đông đúc ở khu vực Trung Phi.

* Gợi ý sản phẩm:

– Mục a) Khái quát tự nhiên

+ Xác định giới hạn khu vực Trung Phi trên lược đồ hình 1 (dựa vào lược đồ các khu vực châu Phi).

+ Hoàn thành nội dung của bảng:

Bảng so sánh sự khác biệt về tự nhiên giữa phần phía tây và phần phía đông của khu vực Trung Phi

Thành phần tự nhiên	Phần phía tây	Phần phía đông
Địa hình (dạng chủ yếu)	Bồn địa.	Sơn nguyên.
Khí hậu	Xích đạo ẩm và nhiệt đới.	Gió mùa xích đạo.
Thảm thực vật	Rừng rậm xanh quanh năm, rừng thưa và xa van.	Xa van công viên trên các sơn nguyên; rừng rậm trên sườn núi đón gió và mưa nhiều.

– Mục b) Khái quát kinh tế – xã hội

+ Dân cư tập trung đông đúc ở khu vực Trung Phi do ở đây có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho cuộc sống của người dân hơn khu vực Bắc Phi (khí hậu, đất đai, sông ngòi, thảm thực vật).

+ Đặc điểm kinh tế nổi bật nhất của khu vực Trung Phi (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

+ Tên và sự phân bố các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp (xem bảng phân bố một số loại nông sản chính và bảng phân bố một số ngành công nghiệp ở châu Phi – bài kinh tế châu Phi để xác định tên và sự phân bố các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp của khu vực Trung Phi).

– Nguyên nhân của nạn đói thường xuyên xảy ra ở Trung Phi (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

3. Khám phá khu vực Nam Phi

** Mục tiêu:*

– Nêu được vị trí, giới hạn của khu vực Nam Phi.

– Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế – xã hội của khu vực Nam Phi.

** Phương thức hoạt động:*

– Mục a) Khái quát tự nhiên

+ GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

+ Câu hỏi không khó, HS chỉ cần dựa vào lược đồ các khu vực châu Phi và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

– Mục b) Khái quát kinh tế – xã hội

+ GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

+ Để trả lời được các câu hỏi, ngoài việc quan sát lược đồ kinh tế châu Phi, đọc thông tin, GV yêu cầu HS liên hệ với kiến thức đã học để tìm ra sự khác nhau về thành phần chủng tộc của khu vực Nam Phi với khu vực Bắc Phi và Trung Phi.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Mục a) Khái quát tự nhiên

+ Xác định giới hạn khu vực Nam Phi trên lược đồ hình 1 (dựa vào lược đồ các khu vực châu Phi).

+ Đặc điểm nổi bật về tự nhiên của khu vực Nam Phi (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

– Mục b) Khái quát kinh tế – xã hội

+ Sự khác nhau về thành phần chủng tộc của khu vực Nam Phi với khu vực Bắc Phi và Trung Phi: dân cư Bắc Phi chủ yếu thuộc chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it; dân cư Trung Phi chủ yếu thuộc chủng tộc Nê-grô-it; dân cư Nam Phi thuộc các chủng tộc: Nê-grô-it, Ô-rô-pê-ô-it, trên đảo Ma-đa-ga-xca có người Man-gat thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it.

+ Tên và sự phân bố các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp (xem bảng phân bố một số loại nông sản chính và bảng phân bố một số ngành công nghiệp ở châu Phi – bài kinh tế châu Phi để xác định tên và sự phân bố các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp của khu vực Nam Phi).

+ Nhận xét trình độ phát triển kinh tế của các quốc gia khu vực Nam Phi (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/1).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:*

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về đặc điểm tự nhiên và đặc điểm kinh tế – xã hội của ba khu vực; củng cố và phát triển kỹ năng sử dụng lược đồ.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.

– HS có thể làm việc cá nhân hoặc cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Bảng so sánh đặc điểm tự nhiên của ba khu vực ở châu Phi

Đặc điểm tự nhiên	Bắc Phi	Trung Phi	Nam Phi
Địa hình	– Phía tây bắc có dãy núi trẻ Át-lat; các đồng bằng ven Địa Trung Hải. – Phía nam là hoang mạc Xa-ha-ra.	– Phía Tây chủ yếu là các bồn địa. – Phía Đông là các sơn nguyên.	– Độ cao trung bình trên 1000m. – Phần trung tâm là bồn địa Ca-la-ha-ri. – Phần đông nam là dãy núi cao trên 3000m.
Khoáng sản	Chủ yếu là dầu, khí.	Chì, kim cương, đồng.	Niken, vàng, kim cương.
Khí hậu	Khí hậu khô và nóng	Khí hậu xích đạo và nhiệt đới.	Phần lớn có khí hậu nhiệt đới, riêng phần cực Nam có khí hậu địa trung hải.
Môi trường tự nhiên	Môi trường nhiệt đới.	Môi trường xích đạo ẩm, nhiệt đới, gió mùa xích đạo.	Phần lớn trong môi trường nhiệt đới.

Bảng so sánh đặc điểm kinh tế – xã hội của ba khu vực ở châu Phi

Khu vực	Dân cư	Tôn giáo	Đặc điểm chính của nền kinh tế
Bắc Phi	Chủ yếu thuộc chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it.	Đạo Hồi.	Kinh tế tương đối phát triển, chủ yếu dựa vào khai thác khoáng sản và phát triển du lịch.
Trung Phi	Chủ yếu thuộc chủng tộc Nê-grô-it.	Tín ngưỡng đa dạng.	Kinh tế chậm phát triển; chủ yếu dựa vào khai thác lâm sản, khoáng sản và trồng cây công nghiệp xuất khẩu.
Nam Phi	Dân cư thuộc chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it, Nê-grô-it và Môn-gô-lô-it.	Phần lớn theo đạo Thiên Chúa.	Kinh tế có sự chênh lệch lớn. Cộng hoà Nam Phi là nước công nghiệp phát triển nhất, các nước khác là nước nông nghiệp lạc hậu.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* *Mục tiêu:*

Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài, liên hệ thực tế Việt Nam để nêu ý kiến về việc xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và châu Phi.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- HS nêu ý kiến cá nhân, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh về ý kiến của mình.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Việt Nam có thể xuất khẩu gạo, lương thực, hàng may mặc, da giày sang châu Phi, có thể nhập khẩu một số loại khoáng sản về Việt Nam, do thế mạnh của hai bên.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:*

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về một nước ở châu Phi.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/1.
- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 11. CHÂU ÂU THỜI SƠ – TRUNG KÌ TRUNG ĐẠI

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Biết được quá trình hình thành chế độ phong kiến ở châu Âu.
- Trình bày được những đặc trưng về kinh tế, chính trị, xã hội của chế độ phong kiến châu Âu.
- Nêu được nguyên nhân xuất hiện thành thị trung đại và đánh giá được vai trò của sự xuất hiện các thành thị trung đại.
- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình một nội dung lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.
- Có ý thức đấu tranh chống chế độ áp bức bóc lột.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động gọi lại những kiến thức đã biết, trên cơ sở đó dẫn dắt với nội dung kiến thức mà HS cần tìm hiểu của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:*

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết, tạo hứng thú cho HS. Đối với phần khởi động, dựa vào hai bức tranh hình 1 và 2, HS sẽ có những ấn tượng ban đầu về khung cảnh lãnh địa và thành thị trung đại, đồng thời nhận ra mối liên quan giữa các nội dung lịch sử sắp tìm hiểu.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Quan sát các hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1 và nêu những hiểu biết của em về châu Âu thời phong kiến. GV có thể hướng dẫn thêm cho HS như sau: Đây là hai bức tranh về *lâu đài phong kiến và thành thị trung đại*, em hãy so sánh và tìm ra một số điểm khác biệt về quang cảnh, hoạt động của các nhân vật trong bức ảnh.

– Hoặc GV có thể sử dụng *Sân khấu tương tác*: xây dựng tiểu phẩm ngắn về một lữ khách đi lạc từ lãnh địa sang các thành thị trung đại, nhân vật lữ khách biểu hiện được sự ngạc nhiên thay đổi trạng thái và đưa ra một số nhận xét, đề nghị các bạn cho ý kiến và bình luận.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn 1 sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

HS có thể biết được những hình ảnh đó liên quan đến thời kì của chế độ phong kiến ở châu Âu. Tuy nhiên, những hiểu biết đó chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu.

HS muốn biết được đầy đủ, chi tiết hơn những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về sự hình thành xã hội phong kiến ở châu Âu

** Mục tiêu:*

Trình bày được quá trình hình thành chế độ phong kiến châu Âu.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình ảnh, hãy:
+ Xác định trên lược đồ (hình 3, sách HDHKHXH7/1, tr. 83) lãnh thổ của đế quốc Rô-ma.

+ Cho biết người Giéc-man đã làm gì khi tràn vào lãnh thổ Rô-ma.

+ Trình bày quá trình hình thành xã hội phong kiến châu Âu (dựa vào sơ đồ hình 4, sách HDHKHXH7/1, tr. 84).

– Trong hoạt động này, GV có thể sử dụng phương pháp khai thác tư liệu lịch sử, sơ đồ tư duy tổ chức cho HS đàm thoại, làm việc, trao đổi theo các cặp đôi, sau đó đại diện các cặp báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– GV hướng dẫn HS quan sát kênh hình trong sách HDHKHXH7/1, đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Với sơ đồ này, HS có thể biết được quá trình hình thành chế độ phong kiến ở châu Âu, xác định các giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến châu Âu thời bấy giờ gồm lãnh chúa, nông nô.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần hình thành kiến thức:

– GV có thể tổ chức theo hình thức cặp đôi, quá trình tương tác giữa hai HS sẽ có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau, đặc biệt là ở phần trình bày dựa vào sơ đồ. Sau khi tiến hành hoạt động, GV có thể mời một cặp đôi lên để trình bày.

** Gợi ý sản phẩm:*

Với các câu hỏi trên, gợi ý sản phẩm là:

– Xác định trên lược đồ lãnh thổ của đế quốc Rô-ma.

Rô-ma (hay còn gọi là đế quốc La Mã) từng là một đế quốc rộng lớn tồn tại từ khoảng thế kỉ I TCN đến thế kỉ V, bao gồm phần đất của những nước xung quanh Địa Trung Hải ngày nay.

– Cho biết người Giéc-man đã làm gì khi tràn vào lãnh thổ Rô-ma.

Khi vào lãnh thổ của đế quốc Rô-ma, người Giéc-man đã thủ tiêu bộ máy nhà nước cũ, thành lập các vương quốc mới của họ. Người Giéc-man còn chiếm đất của chủ nô Rô-ma cũ rồi chia nhau, trong đó các tướng lĩnh quân sự và quý tộc được phần nhiều hơn. Đồng thời, các thủ lĩnh bộ lạc, các quý tộc thị tộc của người Giéc-man cũng tự xưng vua, phong các tước vị như công tước, bá tước, nam tước,... tạo nên đẳng cấp quý tộc vũ sĩ.

– Trình bày quá trình hình thành xã hội phong kiến châu Âu theo sơ đồ hình 4 sách HDHKHXH7/1.

+ Đến khoảng cuối thế kỉ V, nhiều vương quốc mới của người Giéc-man được thành lập như Ăng-glô Xắc-xông, Phơ-răng, Tây Gốt, Đông Gốt. Chủ đất của chủ nô cũ được chia cho quý tộc và các tướng lĩnh quân sự. Họ tự phong các tước vị, hình thành tầng lớp quý tộc.

+ Ki tô giáo dần dần có vai trò và có ưu thế trong đời sống nhân dân.

+ Tầng lớp quý tộc và tăng lữ được hình thành có đặc quyền và giàu có, trở thành các lãnh chúa phong kiến, còn nô lệ và nông dân biến thành nông nô phụ thuộc lãnh chúa. Quan hệ sản xuất phong kiến châu Âu hình thành.

2. Khám phá những đặc trưng của lãnh địa phong kiến châu Âu

** Mục tiêu:*

Trình bày được các đặc điểm của lãnh địa phong kiến châu Âu: kinh tế, chính trị. Nhận xét được về mối quan hệ giai cấp giữa lãnh chúa và nông nô.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, quan sát hình 5, 6, 7, 8, 9 (sách HDHKHXH7/1, tr. 86 – 87) hãy:

+ Nêu tên những công trình xây dựng chủ yếu trong lãnh địa.

+ Miêu tả hoạt động sản xuất của nông nô trong lãnh địa. Hoạt động kinh tế chủ đạo trong lãnh địa là ngành kinh tế nào?

+ Nêu những suy nghĩ của em về đời sống của lãnh chúa trong lãnh địa.

– Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học bộ môn và các kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập cá nhân và trao đổi cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần hình thành kiến thức:

GV có thể vận dụng linh hoạt kĩ thuật “phòng tranh”, xây dựng lớp học thành một cuộc triển lãm nhỏ về những hình ảnh như trong sách HDHKHXH7/1. Yêu cầu đối với các nhóm HS, sau đó tổ chức lớp học với những hướng dẫn viên tại phòng tranh, giao lưu, trao đổi đàm thoại với khách mời về nội dung các bức tranh vẽ về chế độ phong kiến châu Âu thời hậu kì trung đại.

Với hoạt động trải nghiệm này, GV có thể kết hợp với quá trình tự đánh giá bằng cách vận dụng kĩ thuật đánh giá 3 – 2 – 1.

Ví dụ: Sau khi nhóm trình bày, các em hãy nhận xét về báo cáo của nhóm bằng kĩ thuật 3 – 2 – 1, đó là: dành cho nhóm bạn 3 lời khen, 2 lời góp ý, 1 nhận xét.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Nêu tên những công trình được xây dựng chủ yếu trong lãnh địa.

Lãnh địa là một khu đất rộng, có cả đất trồng trọt. Trong khu đất của lãnh chúa có những lâu đài, dinh thự, nhà thờ, nhà kho, chuồng trại,... có hào sâu, tường cao, tạo thành những pháo đài kiên cố.

– Miêu tả hoạt động sản xuất của nông nô trong lãnh địa. Hoạt động kinh tế chủ đạo trong lãnh địa là ngành nào?

Trong lãnh địa, kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo. Giai cấp nông dân tự sản xuất ra mọi vật dụng và tiêu dùng những thứ do mình làm ra. Họ chỉ phải mua muối và sắt là hai thứ mà họ chưa tự làm ra được, ngoài ra không có sự trao đổi, buôn bán với bên ngoài. Mỗi người nông nô vừa làm ruộng, vừa làm thêm một nghề thủ công nào đó.

Đặc trưng cơ bản của kinh tế lãnh địa là kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc.

– Nêu những suy nghĩ của em về đời sống của lãnh chúa trong lãnh địa.

Trên cơ sở những kiến thức lịch sử, HS trình bày theo ý hiểu của mình, nên đảm bảo những vấn đề sau: lãnh chúa không phải lao động, có cuộc sống nhàn rỗi, xa hoa, sung sướng, suốt ngày chỉ luyện tập cung kiếm, cưỡi ngựa, hoặc tổ chức tiệc tùng, bóc lột nông nô nặng nề.

3. Tìm hiểu về sự xuất hiện các thành thị ở châu Âu thời trung đại

** Mục tiêu:*

Trình bày được sự hình thành và vai trò của các thành thị trung đại.

** Phương thức hoạt động:*

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS “nghiên cứu tư liệu”, để HS đóng vai trò là “nhà sử học nhỏ tuổi” làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, đàm thoại ở các cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về sự hình thành và vai trò của thành thị thời trung đại.

+ Trình bày nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện thành thị thời trung đại.

+ Miêu tả khung cảnh thành thị ở châu Âu thời trung đại. Chỉ ra những điểm khác nhau về kinh tế và thành phần cư dân trong các thành thị với các lãnh địa.

+ Cho biết sự xuất hiện các thành thị thời trung đại có vai trò như thế nào.

– Sau khi tiến hành hoạt động cá nhân, nhóm, hãy tạo không gian để “nhà sử học nhỏ tuổi” trình bày kết quả nghiên cứu của mình (GV chú ý uốn nắn các em nói theo văn phong khoa học, đúng với vị trí nhân vật mà HS đóng vai).

** Gợi ý sản phẩm:*

HS có thể trình bày sản phẩm nghiên cứu theo nhiều cách khác nhau, sau đó GV nhận xét, cần đảm bảo được một số nội dung sau:

– Nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện thành thị thời trung đại

+ Từ khoảng cuối thế kỉ VI, do hàng thủ công sản xuất ra ngày càng nhiều, một số thợ thủ công đã đưa hàng hoá của mình đến những nơi thuận tiện, có đông người qua lại (ngã ba, ngã tư đường, bến sông,...) để sản xuất và mua bán ở bên ngoài lãnh địa.

+ Tại những nơi này, cư dân ngày càng đông lên, rồi trở thành thị trấn nhỏ, sau này phát triển thành thành thị.

– Hoạt động của thành thị

+ Cư dân thành thị chủ yếu là những thợ thủ công và thương nhân.

+ Kinh tế chủ yếu là thủ công nghiệp và thương nghiệp.

+ Vai trò của thương nhân: thu mua hàng hoá từ nơi sản xuất, bán cho người tiêu thụ và tổ chức các hội chợ để thúc đẩy thương mại.

– Vai trò của thành thị

+ Phá vỡ nền kinh tế tự cấp tự túc, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hoá giản đơn phát triển.

+ Tạo ra không khí dân chủ tự do trong các thành thị, hình thành các trường đại học lớn.

+ Góp phần xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền, thống nhất quốc gia.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:*

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

* *Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS (chủ yếu cho HS làm việc cá nhân, trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/ cô giáo.

1. Dựa vào nội dung bài học, em hãy lập bảng theo mẫu sau vào vở và điền những nội dung phù hợp.

Yêu cầu trên nhằm vừa củng cố kiến thức về lãnh địa và thành thị vừa luyện kĩ năng thực hành lập bảng biểu.

Nội dung	Lãnh địa	Thành thị
Thời gian xuất hiện		
Hoạt động kinh tế chủ yếu		
Thành phần cư dân chủ yếu		

2. Em có cảm nhận gì về thân phận người nông nô trong lãnh địa.

Thông qua hoạt động để đánh giá nhận thức, thái độ của HS biết chia sẻ với những người lao động. GV có thể cho HS viết cảm nhận rồi cùng gắn lên bảng/ giấy/bìa đã được trang trí.

Để động viên, khuyến khích HS, có thể chọn một số bài cảm nhận để đọc và tuyên dương trên lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

1. Bảng thống kê:

Nội dung	Lãnh địa	Thành thị
Thời gian xuất hiện	Thế kỉ V – XVIII	Thế kỉ XI – XII
Hoạt động kinh tế chủ yếu	Nông nghiệp, thủ công nghiệp	Thủ công nghiệp, thương nghiệp
Thành phần cư dân chủ yếu	Lãnh chúa, nông nô	Thợ thủ công, thương nhân

2. Cảm nhận về thân phận người nông nô trong lãnh địa:

Chọn những bài viết ngắn của HS hoặc tranh vẽ, khung bảng để vinh danh các bài viết của các em.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:*

Nhằm vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS:

1. Hãy cho biết các vương quốc do người Giéc-man lập nên ở châu Âu tương ứng với quốc gia nào hiện nay.

2. Hãy đóng vai người nông nô và lãnh chúa trong lãnh địa, mô tả lại công việc và cuộc sống của mình.

** Gợi ý sản phẩm:*

1. Các vương quốc của người Giéc-man lập nên ở châu Âu tương ứng với quốc gia ngày nay là Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, I-ta-li-a,...

2. Đóng vai người nông nô, lãnh chúa trong lãnh địa, mô tả lại công việc và cuộc sống của mình.

Phần này, GV có thể hướng dẫn HS xây dựng thành những tiểu phẩm ngắn và thể hiện dưới hình thức sân khấu hoá.

** Lưu ý:*

– Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.

– HS chia sẻ với bạn bè bằng việc trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...

– Đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.

– Sưu tầm những tư liệu về các lãnh địa, thành thị thời trung đại ở châu Âu.

- HS có thể viết báo cáo (đoạn văn, trình chiếu bộ sưu tập ảnh,...).
- HS chia sẻ với bạn bè bằng việc trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

BÀI 12. CHÂU ÂU THỜI HẬU KÌ TRUNG ĐẠI

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được quá trình hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu trong lòng chế độ phong kiến.
- Lí giải được nguyên nhân xuất hiện phong trào Văn hoá Phục hưng và trình bày được nội dung tư tưởng của phong trào này.
- Trình bày được nguyên nhân, nội dung và tác động của phong trào Cải cách tôn giáo ở châu Âu thời hậu kì trung đại.
- Rèn luyện kĩ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kĩ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.
- Có ý thức đấu tranh chống chế độ áp bức, bóc lột; trân trọng những giá trị văn hoá của nhân loại.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa gợi lại những kiến thức đã biết và tạo nhận thức cho HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mà HS cần tìm hiểu của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:*

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra tình huống nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết, tạo hứng thú cho HS. Đối với phần khởi động này, dựa vào

ba bức tranh hình 1, 2 và 3 (sách HDHKHXH7/1, tr. 89, 90), HS sẽ tái hiện những kiến thức đã được học ở bài trước về châu Âu thời sơ – trung kì trung đại, đồng thời nhận ra mối liên quan giữa các nội dung lịch sử sẽ tìm hiểu.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Hãy quan sát và cho biết những hình ảnh trong hình 1, 2 và 3 đề cập đến nội dung nào của lịch sử nhân loại? Em biết gì về nội dung lịch sử đó?

GV có thể hướng dẫn thêm cho HS như sau: Những hình ảnh đó liên quan đến nội dung lịch sử nào? Em có nhận xét gì về những thay đổi của châu Âu sau các sự kiện đó?

– GV có thể hướng dẫn HS thực hiện *trò chơi*: có rất nhiều cách để xây dựng các trò chơi lịch sử nhưng thông thường ở phần khởi động, chúng ta có thể xây dựng dưới hình thức hỏi – đáp hoặc theo hình thức trắc nghiệm.

Ví dụ:

– Ai là vị thuyền trưởng đã cùng với các thủy thủ của mình tìm ra châu Mỹ?

– Các thành thị thời kì trung đại thường được thành lập ở đâu? Vì sao?

** Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm của mình với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

HS có thể biết được những hình ảnh đó liên quan đến giai đoạn hậu kì trung đại ở châu Âu. Tuy nhiên, những hiểu biết đó chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu.

HS muốn biết được đầy đủ, chi tiết những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học.

Nếu theo hình thức *trò chơi* thì HS phải được tham gia tích cực, hiệu quả và gắn với nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu

** Mục tiêu:*

Trình bày được quá trình hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh, hãy:

Nêu các biện pháp mà các quý tộc và thương nhân châu Âu đã thực hiện để tạo ra vốn và nhân công.

– Trong hoạt động này, GV có thể sử dụng phương pháp khai thác tư liệu lịch sử, tổ chức cho HS đàm thoại, làm việc, trao đổi ở các nhóm sau đó đại diện các cặp báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát kênh hình trong sách HDHKHXH7/1, đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. HS có thể biết được quá trình hình thành chế độ tư bản chủ nghĩa ở châu Âu với sự hình thành hai giai cấp cơ bản là tư sản và công nhân làm thuê – quan hệ sản xuất mới xuất hiện.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần hình thành kiến thức:

GV có thể tổ chức theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

– Chuẩn bị: *giấy A0/A1, bút dạ.*

– Nhiệm vụ nhóm: Nêu những biện pháp mà các quý tộc và thương nhân châu Âu đã dùng để tạo ra nguồn vốn và nhân công.

– Nhiệm vụ cá nhân: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh và nêu những biện pháp mà các quý tộc và thương nhân châu Âu tiến hành để tạo ra nguồn vốn và nhân công.

Sau khi HS làm việc cá nhân, nhóm sẽ trao đổi về câu hỏi của nhóm, HS sẽ hỗ trợ lẫn nhau, đặc biệt là ở phần thảo luận. Sau đó, GV có thể mời đại diện nhóm lên để trình bày.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Với các câu hỏi trên, gợi ý sản phẩm là:

Các nhóm có thể trình bày khác nhau, nhưng về cơ bản phải đảm bảo được hai nội dung, đó là: quá trình cướp bóc tài nguyên ở các thuộc địa, buôn bán nô lệ da đen và “rào đất cướp ruộng”.

– Về việc buôn bán nô lệ da đen.

Việc buôn bán nô lệ ngày càng phát đạt, trước tiên là người Bồ Đào Nha, rồi đến người Tây Ban Nha, người Pháp, người Hà Lan và sau cùng là người Anh.

Trong vòng 3 thế kỉ (từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII), rất nhiều người da đen ở châu Phi đã bị bán làm nô lệ như vậy.

Từ việc bị “săn bắt” đến việc bị bán làm nô lệ là một quá trình bi thảm nhất của người da đen. Một người Anh tên là Giô-han-xtơn đã có một đoạn ghi chép chân thực: *“Một bầy nô lệ trên bờ biển. Người nào cũng đeo một cái gông sắt nặng ở cổ hoặc bị trói chung vào 1 cây sào, tay bị xiềng, chân bị xích. Xiềng tay và xích chân đã làm cho bọn họ toạc da rách thịt, vết thương càng ngày càng lở loét, thối rữa. Những người nô lệ đó không được ăn no, không được uống nước, bị thúc ép đi cho nhanh dưới những làn roi, nên thường bị say nắng mà thiệt mạng. Nếu họ nằm xuống, nghỉ, hoặc bước đi uể oải ngã vật xuống là bị bắn chết ngay hoặc bị dao nhọn đâm chết hoặc bị cắt cuống họng một cách vô nhân đạo. Những em bé mẹ không cồng nổi hoặc đi theo không kịp đoàn người thì bị gậy đập đến vỡ óc. Nhiều nô lệ đã tự sát một cách đau khổ.*

Xem đó, bọn thực dân da trắng vẫn tự xưng là “văn minh” đã đối xử “văn minh” với người da đen như vậy đó!”

– Về cuộc “rào đất cướp ruộng”:

Manh nha từ thế kỉ XII, phong trào “rào đất cướp ruộng” ở Anh chủ yếu nhắm đến những cánh đồng trống, những khu đất công, đất rừng và các khu vực không có người cư trú. Ban đầu, việc rào đất để chiếm dụng chỉ diễn ra rải rác, với mục đích chính là để ghép các dải đất lại với nhau cho tiện quản lí và phục vụ cho cuộc trao đổi giữa các tiểu nông và người lính canh.

Phong trào rào đất bắt đầu lan rộng trong các thế kỉ XV – XVI, đến thời điểm này, các cuộc rào đất đã mang tính chất chiếm đoạt “cá lớn nuốt cá bé”. Giới chủ, thương gia, luật gia, quý tộc và đại phú nông vây rào các khu đất công, chiếm dụng làm của riêng, kéo theo đó là việc xoá sổ các nông trang và đẩy nông dân ra khỏi khu đất canh tác. Việc trưng thu này kéo dài khoảng 400 năm và chiếm dụng ít nhất gần 44 triệu mẫu đất, trong đó đỉnh điểm là giai đoạn 1801–1831 với 27 triệu mẫu đất trưng thu. Trước thế kỉ XVII, những mảnh đất bị chiếm dụng này chủ yếu được biến thành đồng cỏ và nông trại trồng nguyên liệu nhuộm, phục vụ cho ngành dệt may đang phát triển ở Anh. Sau thế kỉ XVII, đất chiếm dụng chủ yếu được dùng để trồng ngũ cốc, theo tinh thần “cách mạng nông nghiệp”.

Là một “tiền trình chinh phạt và cưỡng đoạt kéo dài”, phong trào rào đất ở Anh được tiến hành như một hình thức “xoá sổ giai cấp nông dân” trong đó *“thuộc địa đầu tiên của đế quốc Anh chính là đất nước Anh”* (Các Mác).

Tóm lại, cướp bóc và buôn bán nô lệ da đen đã tạo ra nguồn vốn khổng lồ, “rào đất cướp ruộng” đã tạo ra nguồn nhân công. Quan hệ sản xuất thay đổi – tư sản với nhân công làm thuê được hình thành – chủ nghĩa tư bản được xác lập.

2. Khám phá về phong trào Văn hoá Phục hưng

* Mục tiêu:

Trình bày được nguyên nhân, các thành tựu chính và đóng góp của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với nhân loại.

* Phương thức hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin và quan sát hình ảnh, hãy:
 - + Giải thích vì sao giai cấp tư sản đứng lên đấu tranh chống giai cấp quý tộc phong kiến.
 - + Trình bày nội dung chống phong kiến của giai cấp tư sản thông qua phong trào Văn hoá Phục hưng.
 - Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học bộ môn và các kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động cá nhân và trao đổi cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần hình thành kiến thức:

GV có thể vận dụng linh hoạt kĩ thuật “phòng tranh”, xây dựng lớp học thành một cuộc triển lãm nhỏ về những hình ảnh như trong sách HDHKHXH7/1. Yêu cầu đối với các nhóm HS, sau đó tổ chức lớp học với những hướng dẫn viên tại phòng tranh, giao lưu, trao đổi đàm thoại với khách mời về nội dung các bức tranh về phong trào Văn hoá Phục hưng.

Với hoạt động trải nghiệm này, GV có thể kết hợp với quá trình tự đánh giá bằng cách vận dụng kĩ thuật đánh giá 3 – 2 – 1.

Ví dụ: Sau khi nhóm trình bày, các em hãy nhận xét về báo cáo của nhóm bằng kĩ thuật 3 – 2 – 1, đó là: dành cho nhóm bạn 3 lời khen, 2 lời góp ý, 1 nhận xét.

* Gợi ý sản phẩm:

- Giải thích được lí do giai cấp tư sản đứng lên chống quý tộc phong kiến.
- + Trong thời hậu kì trung đại, bộ mặt kinh tế Tây Âu có nhiều thay đổi, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành cùng với sự tiến bộ của khoa học – kĩ thuật.

+ Những quan điểm lỗi thời của xã hội phong kiến, hệ tư tưởng khát khe của Giáo hội Thiên Chúa đã kìm hãm sự phát triển của giai cấp tư sản.

+ Giai cấp tư sản có thế lực về kinh tế, song chưa có địa vị về chính trị – xã hội tương ứng và muốn xoá bỏ trở ngại phong kiến.

+ Trong khi đó, phong trào Cải cách tôn giáo, cuộc đấu tranh của nông dân diễn ra sôi nổi cũng là hậu thuẫn cho giai cấp tư sản chống lại phong kiến.

– Nêu được tên một số “người khổng lồ” trong phong trào Văn hoá Phục hưng.

– Giới thiệu một nhân vật lịch sử tiêu biểu:

Lê-ô-na đơ Vanh-xi sinh năm 1452 tại làng An-chi-a-no, gần thành phố Vanh-xi, I-ta-li-a. Ngoài những bức tranh và tác phẩm điêu khắc lừng danh khắp thế giới, thiên tài Lê-ô-na đơ Vanh-xi còn để lại những bản thảo viết tay về nhiều lĩnh vực kiến thức. Ông nghiên cứu toán học, cơ học chất lỏng, địa chất và địa lí tự nhiên, khí tượng, hoá học, thiên văn, thực vật học, giải phẫu và sinh lí người, động vật.

Tuyệt tác của Lê-ô-na đơ Vanh-xi như Bức hoạ Nàng La Giô-công (hình 11). Đây là một bức chân dung nửa người phụ nữ có những nét thể hiện trên khuôn mặt thường được miêu tả là bí ẩn. Sự mơ hồ trong nét thể hiện của người mẫu, sự lạ thường của thành phần nửa khuôn mặt và sự huyền ảo của các kiểu mẫu hình thức và không khí hư ảo là những tính chất mới lạ góp phần tạo nên sự mê hoặc của bức tranh. Hiện bức tranh được trưng bày tại Bảo tàng Luvơ (Pháp). Lê-ô-na đơ Vanh-xi được coi là họa sĩ vĩ đại, nhà bác học, kĩ sư và nhà giải phẫu, một trong những đại diện xuất sắc nhất phong trào Văn hoá Phục hưng.

3. Tìm hiểu về phong trào Cải cách tôn giáo

** Mục tiêu:*

Trình bày được phong trào Cải cách tôn giáo và những ảnh hưởng của phong trào trong quá trình đánh đổ chế độ phong kiến châu Âu.

** Phương thức hoạt động:*

Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp nghiên cứu tư liệu tranh ảnh, sau đó trao đổi cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về sự hình thành và vai trò của phong trào Cải cách tôn giáo. GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:

– Quan sát hình 13 và 14 kết hợp với đọc sách HDHKHXH7/1, hãy làm rõ vấn đề sau:
+ Cho biết vì sao xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo. Nêu nội dung tư tưởng cải cách tôn giáo của Lu-thơ và Can-vanh.

+ Nêu những tác động của phong trào Cải cách tôn giáo đến xã hội châu Âu đương thời.

– Sau khi HS tiến hành hoạt động cá nhân hoặc nhóm, hãy tạo không gian để các em trình bày kết quả nghiên cứu của mình (GV chú ý uốn nắn các em nói theo văn phong khoa học đúng với vị trí nhân vật mà HS đóng vai).

** Gợi ý sản phẩm:*

HS có thể trình bày sản phẩm nghiên cứu theo nhiều cách khác nhau, GV tổ chức trao đổi, nhận xét cần đảm bảo được một số nội dung sau:

– Vì sao xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo: đảm bảo những ý như trong sách HDHKHXH7/1.

– Tác động:

+ Châm ngòi cho các cuộc khởi nghĩa nông dân, tiêu biểu là cuộc Chiến tranh nông dân Đức.

+ Tôn giáo lúc này bị phân hoá thành hai phái: đạo Tin lành và Kitô giáo.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về các nội dung thời hậu kì trung đại ở châu Âu.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS: chủ yếu cho HS làm việc cá nhân, trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/cô giáo.

1. Lập bảng theo mẫu trong sách HDHKHXH7/1)

Các nhà Văn hoá Phục hưng	Lĩnh vực	Tác phẩm/thành tựu tiêu biểu
Ph. Ra-bơ-le		
Lê-ô-na đơ Vanh-xi		

N. Cô-péc-ních		
M. Xéc-van-téc		
U. Sếch-xpia		
R. Đê-các-tơ		

2. Tại sao nói phong trào Văn hoá Phục hưng sản sinh ra “những con người khổng lồ”.

3. Em hiểu Văn hoá Phục hưng là gì?

* *Gợi ý sản phẩm:*

1. Bảng thống kê

Các nhà Văn hoá Phục hưng	Lĩnh vực	Tác phẩm/thành tựu tiêu biểu
Ph. Ra-bơ-le	Văn học	với bộ truyện Gác-găng-chuya và Păng-ta-gruy-en gồm 5 quyển
Lê-ô-na đơ Vanh-xi	Hội hoạ, khoa học	Nàng La Giô-công
N. Cô-péc-ních	Khoa học	Thuyết “Hệ mặt trời là trung tâm”
M. Xéc-van-téc	Văn học	Đôn Ki-hô-tê
U. Sếch-xpia	Văn học	Rô-mê-ô và Giu-li-ét
R. Đê-các-tơ	Khoa học	Các tiểu luận triết học

2. Tại sao nói phong trào Văn hoá Phục hưng sản sinh ra “những con người khổng lồ”?

Trong số các nhà văn hoá tiêu biểu của thời kì này, nhiều người có tên trong danh sách 10 thiên tài vĩ đại nhất mọi thời đại. Có thể nói trào lưu văn hoá thời kì này phát triển cực kì thịnh vượng, khôi phục các giá trị văn hoá của thời kì Hi Lạp – La Mã cổ đại và phát triển chúng tới mức cao nhất. Một dòng suối tươi mới lan toả khắp châu Âu, gột rửa cho thời kì trung cổ đen tối và mở đường cho thời kì cận đại.

Như Niu-tơn đã nói: “Tôi không có gì tài giỏi cả, chỉ là tôi đang đứng trên vai của những người khổng lồ”.

3. Em hiểu Văn hoá Phục hưng là gì?

Phục hưng chính là khôi phục những tinh hoa văn hoá của những thời kì trước, chủ yếu là thời kì văn minh cổ đại của Hi Lạp – Rô-ma. Bắt đầu từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVII, khởi đầu tại nước Ý sau đó lan rộng ra các nước châu Âu, kể cả Nga.

GV lựa chọn những bài viết ngắn của HS hoặc tranh vẽ, khung bảng để vinh danh các bài viết của các em.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* Mục tiêu:

Nhằm vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

* Phương thức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HS:

1. Kể tên một số nhà thờ Thiên Chúa giáo ở Việt Nam (hay ở địa phương) mà em biết.

2. Nếu sống ở các thế kỉ XIV – XVII, em có ủng hộ phong trào Văn hoá Phục hưng không? Vì sao?

* Gợi ý sản phẩm:

Phần này, GV có thể hướng dẫn HS xây dựng thành những tiểu phẩm ngắn thể hiện dưới hình thức sân khấu hoá.

* Lưu ý:

– Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.

– HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...

– GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.

– Sưu tầm nội dung một số tác phẩm tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.

BÀI 13. TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Xác định được các triều đại đánh dấu sự hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến ở Trung Quốc và Ấn Độ trên trục thời gian.
- Trình bày được các sự kiện lịch sử nổi bật, những thành tựu văn hoá, kĩ thuật tiêu biểu của Trung Quốc, Ấn Độ thời phong kiến.
- Biết được một số ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ đối với Việt Nam.
- Biết trân trọng những thành tựu văn hoá của nhân dân Trung Quốc và Ấn Độ thời phong kiến.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Đây là bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Mỗi hoạt động được thiết kế theo hướng phát huy năng lực của HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mâu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết, nhằm tạo hứng thú cho HS. Đối với phần khởi động này, GV có thể sử dụng hai câu hỏi trong sách HDHKHXH7/1.

- Kể tên các quốc gia cổ đại phương Đông mà em biết.
- Nêu những hiểu biết về Trung Quốc và Ấn Độ thời phong kiến.

* Phương thức hoạt động:

Gợi ý một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần khởi động như sau:

GV có thể chia lớp ra thành các đội và yêu cầu:

- Kể tên các quốc gia cổ đại phương Đông mà em biết.
- Liệt kê những thành tựu văn hoá/những công trình văn hoá của Ấn Độ và Trung Quốc thời phong kiến.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi đội sẽ có nhiều đáp án khác nhau, GV nên chọn sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

HS có thể biết được những kiến thức đó liên quan đến chế độ phong kiến ở Ấn Độ và Trung Quốc. Tuy nhiên, những hiểu biết đó chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu.

HS muốn biết được đầy đủ, chi tiết những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học.

Bên cạnh đó, GV có thể tổ chức cho HS chơi *trò chơi*, trả lời nhanh các câu hỏi để HS phải được tham gia tích cực, hiệu quả và gắn với nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu một số triều đại phong kiến Trung Quốc

* *Mục tiêu:*

Trình bày được các giai đoạn hình thành, phát triển và suy yếu của các triều đại phong kiến Trung Quốc.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc đoạn thông tin kết hợp quan sát các hình ảnh, hãy:
- + Hoàn thành bảng sau (vào vở) về chế độ phong kiến Trung Quốc.

Triều đại	Tóm tắt biểu hiện của sự phát triển

+ Cho biết trong các triều đại phong kiến Trung Quốc, triều đại nào phát triển thịnh đạt nhất? Vì sao em khẳng định điều đó?

Trong hoạt động này, GV có thể sử dụng phương pháp khai thác tư liệu lịch sử, lập sơ đồ tổ chức cho HS đàm thoại, trao đổi ở các nhóm sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– GV hướng dẫn HS quan sát kênh hình trong sách HDHKHXH7/1 để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần hình thành kiến thức như sau:

GV có thể tổ chức theo một số kĩ thuật, phương pháp dạy học tích cực như hoạt động nhóm và kĩ thuật tranh luận, phản biện.

– Chuẩn bị: *giấy A0/A1/bảng phụ/bút dạ.*

– Nhiệm vụ nhóm: đọc tài liệu HDHKHXH7/1 và hoàn thành bảng thống kê (như mẫu); thảo luận và chuẩn bị thông tin về những vấn đề sau:

+ Vì sao nhà Đường được đánh giá là triều đại phát triển nhất của chế độ phong kiến Trung Quốc?

+ Nhận xét, đánh giá về nhân vật gắn với sự thành lập chế độ phong kiến Trung Quốc – Hoàng đế Tàn Thủy Hoàng.

+ Vì sao trong một số tàu đắm trực vớt được ở Hội An (Việt Nam) có niên đại vào khoảng thế kỉ XVII, các nhà khảo cổ trực vớt được nhiều đồ gốm sứ Trung Quốc có men xanh trắng?

Sau khi HS làm việc cá nhân, nhóm sẽ trao đổi về câu hỏi của nhóm; các thành viên trong nhóm sẽ có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau, đặc biệt là ở phần thảo luận. Sau khi tiến hành hoạt động, GV có thể mời đại diện các nhóm lên để trình bày. Các nhóm khác lắng nghe và đưa ra ý kiến phản biện, tranh luận.

– GV nên phổ biến nguyên tắc tranh luận, phản biện, ví dụ: không có câu trả lời sai, chỉ có câu trả lời chưa đồng quan điểm.

GV có thể điều hành/ hoặc ban quản trị sẽ điều hành phần thảo luận, tranh biện.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Với các câu hỏi và cách tổ chức hoạt động học tập như trên sẽ cho ra đời những sản phẩm học tập rất khác nhau, GV nên gắn với quá trình tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng hoặc nhận xét của GV để khuyến khích các em học tập sôi nổi tích cực. Một số vấn đề quan trọng có thể lưu ý như sau:

– Hoàn thành bảng sau về chế độ phong kiến Trung Quốc.

Triều đại	Tóm tắt biểu hiện
Tần	Chế độ phong kiến Trung Quốc được thiết lập
Đường	Chế độ phong kiến Trung Quốc phát triển thịnh đạt
Thanh	Chế độ phong kiến Trung Quốc suy yếu

– Về nhân vật lịch sử Tần Thủy Hoàng

Tần Thủy Hoàng (259 TCN – 210 TCN), tên thật là Doanh Chính, còn có tên khác là Triệu Chính, là vua của nước Tần ở Trung Quốc từ năm 246 TCN đến năm 221 TCN trong thời kì Chiến Quốc. Là vị hoàng đế sáng lập ra nhà Tần, đồng thời là hoàng đế đầu tiên của Trung Quốc thống nhất vào năm 221 TCN, sau khi tiêu diệt các nước chư hầu khác. Ông cai trị cho đến khi qua đời vào năm 210 TCN ở tuổi 49.

Tự gọi mình là Thủy Hoàng Đế sau khi Trung Quốc được thống nhất, Tần Thủy Hoàng là một nhân vật quan trọng trong lịch sử Trung Quốc. Sau khi thống nhất, ông và Thừa tướng Lý Tư đã thông qua một loạt cải cách lớn về kinh tế và chính trị, tiến hành nhiều dự án khổng lồ, bao gồm việc xây dựng và kết nối các bộ phận của Vạn lí trường thành, xây khu lăng mộ nổi tiếng với đội quân bảo vệ bằng đất nung có kích thước thật và một hệ thống đường quốc gia lớn, với cái giá của rất nhiều mạng người. Để đảm bảo sự ổn định, ông đã đốt cháy nhiều cuốn sách và chôn sống một số học giả.

– Về triều Đường, GV nên đưa ra những minh chứng về sự phát triển của chế độ phong kiến Trung Quốc thông qua các thành tựu về kinh tế, chính trị, quân sự và chính sách ngoại giao, cũng như những thành tựu văn hoá của Trung Quốc dưới triều đại này.

– Về quá trình trao đổi, giao lưu buôn bán của các thương nhân Trung Quốc đến Việt Nam thế kỉ XVII cho thấy nghề thủ công nghiệp (làm gốm sứ) của Trung Quốc phát triển đến độ tinh xảo, đồng thời đây cũng là giai đoạn mà trao đổi thương mại giữa Trung Quốc với Việt Nam và nhiều nước khác phát triển, góp phần hình thành nên các đô thị sầm uất ở nước ta như Hội An, Thăng Long, Phố Hiến.

2. Khám phá một số thành tựu văn hoá, khoa học – kĩ thuật của Trung Quốc thời phong kiến

** Mục tiêu:*

Trình bày được các thành tựu chính và đóng góp của nền văn hoá Trung Quốc đối với nhân loại.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp với quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy giới thiệu một trong những thành tựu lớn về văn hoá, khoa học – kĩ thuật của Trung Quốc mà em thích. Giải thích vì sao em thích thành tựu đó?

Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và các kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập cá nhân, trao đổi cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần hình thành kiến thức như sau:

– GV có thể vận dụng linh hoạt kết hợp các kĩ thuật “đóng vai”, “triển lãm” và “sân khấu tương tác”.

– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm sẽ thực hiện một nhiệm vụ khác nhau: Giới thiệu về các thành tựu văn hoá của Trung Quốc thời phong kiến.

Các nhóm có thể báo cáo dưới nhiều hình thức như đóng vai một nhà sưu tầm đồ cổ, một hướng dẫn viên triển lãm, hướng dẫn viên du lịch hoặc nhà nghiên cứu phê bình văn học,...

Phần “sân khấu tương tác” chính là phần mà các nhân vật đóng vai đó giao lưu với những HS còn lại, nên hướng các em vào các nội dung liên hệ với lịch sử văn hoá Việt Nam.

Ví dụ: Nhóm giới thiệu về các thành tựu văn học tiêu biểu của Trung Quốc thì có thể đặt câu hỏi tương tác với các HS trong lớp là: *“Nêu tên một bài thơ của Việt Nam làm theo thể thơ đường luật.”*

Với hoạt động trải nghiệm này, GV có thể tạo nên một không khí hào hứng, tích cực ở HS, đồng thời có thể khắc sâu được kiến thức, củng cố tinh thần làm việc nhóm, tương tác của HS.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Nêu được các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Trung Quốc thời phong kiến về Nho giáo, văn học, khoa học – kĩ thuật, kiến trúc.

– Lựa chọn một thành tựu mà HS thích nhất và giải thích: đây là một vấn đề mở nên HS có thể có nhiều phương án lựa chọn và nhiều cách giải thích. GV nên tôn trọng và hướng các em đến những giá trị đóng góp cho nhân loại.

Ví dụ: Phát minh ra la bàn

Người Trung Quốc đã phát minh một dạng sơ khai của la bàn vào khoảng năm 1044. La bàn là dụng cụ dùng để xác định phương hướng trong không gian nhất định.

La bàn được ứng dụng nhiều trong các hoạt động đi biển, đi rừng, đi trên sa mạc, hướng bay của máy bay, tàu thủy, tàu ngầm, tên lửa, tàu vũ trụ,...

La bàn từ hoạt động dựa theo từ trường Trái Đất thì dùng cho xác định các hướng bắc, nam, đông, tây ở trên mặt Trái Đất. Trên các phi thuyền bay trong vũ trụ thì phải dùng la bàn không từ tính, để định hướng theo một đối tượng chỉ hướng nào đó, ví dụ hướng về phía Mặt Trời.

3. Tìm hiểu về Ấn Độ thời phong kiến

** Mục tiêu:*

Trình bày được sự hình thành, phát triển và các thành tựu của Ấn Độ thời phong kiến.

** Phương thức hoạt động:*

Đọc thông tin, vẽ trục thời gian như sách HDHKHXH7/1 vào vở và điền vào chỗ trống (...) tên gọi các vương triều hoặc sự kiện gắn với các niên đại tương ứng trên trục thời gian.

Gợi ý thêm phương pháp tổ chức:

GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp “nghiên cứu tư liệu”, thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Sau khi HS tiến hành hoạt động cá nhân hoặc nhóm, hãy tạo không gian để HS trình bày kết quả nghiên cứu của mình.

** Gợi ý sản phẩm:*

HS có thể trình bày sản phẩm nghiên cứu theo nhiều cách khác nhau, GV tổ chức cho HS trao đổi, nhận xét. Cần đảm bảo được một số nội dung sau:

– Vương triều Hoàng đế A-cơ-ba

Ông được coi là biểu tượng cho thời kì hoàng kim của triều đại Mô-gôn và cũng có thể là của toàn bộ lịch sử Ấn Độ thời phong kiến. Ông lên ngôi lúc mới 13 tuổi, sau khi vua cha qua đời. Ông đã mở nhiều cuộc chinh phạt để củng cố quyền lực của mình và sáp nhập các vùng đất ở miền Bắc và miền Trung Ấn Độ vào lãnh thổ của mình. A-cơ-ba đã thực hiện cải cách về thuế má và khuyến khích nghệ thuật. Ông cũng cho xây dựng nhiều công trình kiến trúc và là người sáng chế ra các loại nhà tiền chế cũng như các kiểu nhà có khả năng lưu động hoặc di dời dễ dàng. A-cơ-ba cũng là vị Hoàng đế xúc tiến việc dung hoà các tôn giáo ở Ấn Độ, thậm chí ông là người mở đầu cho việc các học giả thuộc các tôn giáo khác nhau tranh luận một cách công khai về tôn giáo của mình.

– Về tôn giáo, Ấn Độ là quê hương của các tôn giáo lớn, trong đó có Phật giáo và đạo Hindu.

+ *Phật giáo*: Được Thích Ca Mâu Ni (*Shakyamuni*) truyền giảng ở miền Bắc Ấn Độ vào thế kỉ VI TCN. Được truyền bá ra nhiều nơi, đến nhiều chủng tộc trong khoảng thời gian 49 năm khi Phật còn tại thế. Lịch sử phát triển của đạo Phật khá đa dạng về các bộ phái cũng như các nghi thức hay phương pháp tu học. Ngay từ buổi đầu, Bản Sư Thích Ca, người sáng lập đạo Phật, đã tổ chức được một giáo hội với các giới luật chặt chẽ. Nhờ vào sự uyển chuyển của giáo pháp, đạo Phật có thể thích nghi với nhiều hoàn cảnh xã hội, nhiều dạng người, nhiều tập tục ở các thời kì khác nhau, và do đó Phật giáo vẫn tiếp tục tồn tại đến nay và ngày càng phát triển rộng rãi trên toàn thế giới, ngay cả ở các nước có nền khoa học tiên tiến như Mỹ và các nước Tây Âu.

+ *Hin-đū giáo*: còn gọi là Ấn Độ giáo, là tôn giáo cổ xưa nhất, lớn nhất của Ấn Độ. Hiện nay, đạo Hin-đū thu hút hơn 80% dân số Ấn Độ và đạo này có mặt ở hầu khắp các bang của nước này. Trong lịch sử, đạo Hin-đū đã có ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống chính trị và văn hoá tinh thần của hầu hết các quốc gia cổ ở Đông Nam Á.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về lịch sử, văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ thời phong kiến.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS, chủ yếu cho làm việc cá nhân, trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/cô giáo.

1. Vẽ và hoàn thành trực thời gian như trong sách HDHKHXH7/1 về sự hình thành, thịnh vượng và suy thoái của chế độ phong kiến Trung Quốc. GV cũng có thể xây dựng trò chơi giải ô chữ để HS hoạt động tích cực hơn.

2. Chọn ghi vào vở những ý biểu hiện cho sự hình thành chế độ phong kiến Trung Quốc nói riêng và phong kiến phương Đông nói chung.

** Gợi ý sản phẩm:*

1. Hoàn thành trực thời gian:

– Năm 221 TCN: Tần Thủy Hoàng thiết lập chế độ phong kiến Trung Quốc

- Năm 618: Nhà Đường đưa chế độ phong kiến Trung Quốc đạt đến đỉnh cao.
- Năm 1644: Nhà Thanh được thành lập, kéo dài đến cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, là thời kì suy yếu của chế độ phong kiến Trung Quốc và cuối cùng bị thực dân phương Tây xâm lược.

2. Chọn ghi vào vở những ý biểu hiện cho sự hình thành chế độ phong kiến Trung Quốc nói riêng và phương Đông nói chung.

Các ý: c, d, e trong sách HDHKHXH7/1.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:*

Nhằm vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu các nội dung:

1. Triều đại phong kiến Trung Quốc nào đã xâm lược nước ta? Hãy kể về một thất bại trong các cuộc xâm lược đó mà em biết.
2. Di sản văn hoá nào của nước ta thể hiện sự ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ.

** Gợi ý sản phẩm:*

1. Có nhiều triều đại phong kiến Trung Quốc đã xâm lược nước ta như Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh. HS có thể kể về thất bại của quân Minh khi xâm lược nước ta đã bị nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi chỉ huy đánh bại.
2. Di sản văn hoá nước ta chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ là Thánh địa Mỹ Sơn.

Phần này, GV có thể hướng dẫn HS xây dựng thành những sản phẩm như tập san, báo tường hoặc video clip.

** Lưu ý:*

- Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.
- HS chia sẻ với bạn bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

- Nhằm giúp HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.
- Sưu tầm những tư liệu về văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc thời phong kiến.
- HS có thể viết báo cáo (đoạn văn hoặc trình chiếu bộ sưu tập ảnh,...).

BÀI 14. CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được thời điểm xuất hiện, địa bàn, sự phát triển, suy yếu của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.
- Giới thiệu được một vài di sản văn hoá ở Đông Nam Á.
- Biết quý trọng các di sản văn hoá của các nước trong khu vực và trên thế giới.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa tái hiện những kiến thức đã biết và tạo mâu thuẫn nhận thức cho HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học. Các hoạt động vận dụng và mở rộng hướng HS đến việc vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, đồng thời hướng tới rèn luyện kĩ năng tự học cho HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mâu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết, nhằm tạo hứng thú cho HS. Đối với phần khởi động này, GV có thể sử dụng câu hỏi trong sách HDHKHXH7/1.

– Dựa vào lược đồ, kể tên những quốc gia ở khu vực Đông Nam Á hiện nay.

– Em biết gì về các quốc gia đó dưới thời phong kiến?

** Phương thức hoạt động:*

Gợi ý một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần khởi động như sau:

GV có thể sử dụng lược đồ (lược đồ câm) khu vực Đông Nam Á thời phong kiến, chia cả lớp ra thành các nhóm và yêu cầu:

Nhóm 1. Viết tên các quốc gia Đông Nam Á thời phong kiến ra giấy, gắn lên lược đồ.

Nhóm 2. Nêu những hiểu biết về các quốc gia Đông Nam Á thời phong kiến.

Quy định thời gian của hoạt động, các đội hoàn thành phần thi và thuyết trình sản phẩm.

** Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi nhóm sẽ có nhiều đáp án khác nhau, GV nên chọn sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

HS có thể biết được những kiến thức đó liên quan đến chế độ phong kiến ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, những hiểu biết đó chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu.

HS muốn biết được đầy đủ, chi tiết những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu sự hình thành, phát triển và suy yếu của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á

** Mục tiêu:*

Trình bày được các giai đoạn hình thành, phát triển và suy yếu của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

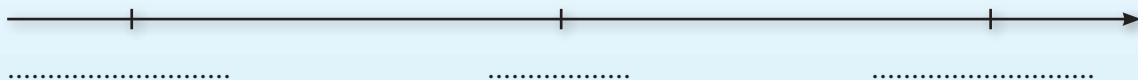
** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc đoạn hội thoại, vẽ trục thời gian dưới đây vào vở và điền vào chỗ trống (...) các thời kì phát triển của các quốc gia Đông Nam Á.

Những thế kỉ đầu CN

thế kỉ X

Nửa sau thế kỉ XVIII



Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học ở phần hình thành kiến thức như sau:

GV có thể tổ chức theo một số kĩ thuật, phương pháp dạy học tích cực như hoạt động nhóm và kĩ thuật *đóng vai, thuyết minh*.

Chuẩn bị: trang phục, đạo cụ (nếu có).

Nhiệm vụ:

– Đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/1 và hoàn thành bảng thống kê.

– Thảo luận và chuẩn bị thông tin để đóng vai các nhân vật, gợi ý một số nhân vật như *thương nhân/du khách phương Tây đến Đông Nam Á gặp người dân bản địa; HS ưu tú được phát biểu tại Hội đồng Liên hợp quốc về lịch sử hình thành và ước mơ về một Đông Nam Á thống nhất; một hướng dẫn viên địa phương,...*

Nhân vật thuyết minh/hùng biện tập trung vào một số vấn đề:

+ Những điều kiện tự nhiên, vị trí thuận lợi của khu vực Đông Nam Á.

+ Các giai đoạn chính của lịch sử Đông Nam Á thời phong kiến.

+ Niềm tự hào khi là một công dân của khu vực Đông Nam Á.

Sau khi tiến hành hoạt động, GV có thể mời đại diện nhóm lên để trình bày. Các nhóm khác lắng nghe và đưa ra ý kiến nhận xét.

GV có thể đưa ra các nguyên tắc đánh giá để động viên HS. Tuy nhiên, GV chú ý hướng dẫn các em sử dụng văn phong thuyết minh, thuyết trình khoa học, nghiêm túc.

** Gợi ý sản phẩm:*

Với các câu hỏi trên và cách tổ chức hoạt động học tập này sẽ cho ra đời những sản phẩm học tập rất khác nhau, GV nên gắn với quá trình tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng hoặc nhận xét của GV để khuyến khích các em học tập sôi nổi, tích cực.

– Về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á

+ Thuận lợi:

Vị trí địa lí: là giao điểm của con đường giao thông quốc tế, từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, lục địa Á – Âu, thuận lợi cho việc phát triển các mối quan hệ, giao lưu buôn bán quốc tế, Đông Nam Á là khu vực có tầm quan trọng hàng đầu trên thế giới.

Hệ thống sông ngòi dày đặc: sông Mê Công, sông Hồng, sông Mê Nam, sông I-ra-oa-đi,... tạo nên những vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ phì nhiêu, lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao... Đây là điều kiện thuận lợi cho sự quần cư, sinh tụ, phát triển nông nghiệp của cư dân Đông Nam Á từ thời cổ xưa.

Khí hậu gió mùa: khí hậu nóng, ẩm, mưa nhiều làm cho hệ động thực vật ở Đông Nam Á rất phong phú và đa dạng. Nhiệt độ cao, độ ẩm lớn là điều kiện cho cây cối quanh năm xanh tốt, phát triển nông nghiệp. Người Đông Nam Á từ xa xưa đã biết trồng lúa nước và các loại cây ăn quả.

Biển: vừa là đường giao thông quan trọng, vừa là nguồn cung cấp tài nguyên biển như hải sản, khoáng sản,... là điều kiện để phát triển các ngành kinh tế biển như khai thác dầu mỏ, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, giao thông biển và du lịch biển.

Tài nguyên thiên nhiên: Hệ sinh vật ở Đông Nam Á tương đối phong phú, là quê hương của nhiều loại động thực vật quý hiếm. Ngoài ra, tài nguyên khoáng sản giàu có cũng là nguồn cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho các ngành công nghiệp.

+ Khó khăn:

Địa hình bị chia cắt mạnh, không có những đồng bằng lớn, khó khăn cho giao thông đường bộ.

Sự phức tạp của gió mùa đã gây ra nhiều thiên tai như bão lụt, hạn hán, sương muối và mưa đá.

Với vị trí địa lý là trung tâm của đường giao thông quốc tế cũng khiến cho Đông Nam Á ngay từ rất sớm đã bị các nước bên ngoài nhóm ngó, xâm lược.

– Về các giai đoạn lịch sử hình thành, phát triển và suy yếu của các vương quốc Đông Nam Á (trình bày được như sách HDHKHXH7/1).

2. Khám phá về Vương quốc Cam-pu-chia

** Mục tiêu:*

Trình bày được các giai đoạn của lịch sử Vương quốc Cam-pu-chia và các thành tựu văn hoá của quốc gia này.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát hình ảnh, hãy giới thiệu với bạn về Vương quốc Cam-pu-chia.

Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và các kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập cá nhân, trao đổi cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học ở phần hình thành kiến thức như sau:

GV có thể sử dụng kĩ thuật “*chìa khoá*”, nghĩa là dụng tư liệu là tranh ảnh lịch sử, tư liệu viết để hướng dẫn HS khám phá lịch sử. Ở kĩ năng này, GV đặt ra những vấn đề để thúc đẩy sự đam mê, khám phá của HS. Một điểm lưu ý là có thể câu trả lời của HS đúng hoặc xa rời sự thật lịch sử thì GV nên chấp nhận và có những định hướng để giúp các em nhận thức đúng đắn hơn, ví dụ lời khuyên HS hãy tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu để chứng minh luận điểm của mình.

GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm sẽ thực hiện một nhiệm vụ khác nhau: Tư liệu chìa khoá có thể là bức ảnh về công trình kiến trúc Ăng-co Vát (hình 2) trong sách HDHKHXH7/1. GV có thể giao nhiệm vụ cho các nhóm: Quan sát hình 2, suy nghĩ và làm rõ một số vấn đề:

- Công trình này được xây dựng nhằm mục đích gì?
- Công trình được xây dựng từ bao giờ?
- Ai là người cho xây dựng công trình này?
- Hiện nay, công trình này còn tồn tại hay không?

Sau thời gian chuẩn bị, các nhóm có thể báo cáo dưới nhiều hình thức, có thể đưa ra những câu trả lời đúng hoặc gần đúng, cũng có thể sẽ hiện đại hoá lịch sử...

GV nên dùng các phương pháp thảo luận, phản biện, tranh luận với các nhóm để hướng dẫn các em tìm hiểu nội dung lịch sử Cam-pu-chia.

Với hoạt động trải nghiệm này, GV có thể tạo nên một không khí háo hức, tích cực của các em HS, đồng thời có thể khắc sâu được kiến thức, củng cố tin tưởng làm việc nhóm, tương tác của HS.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Giới thiệu về lịch sử Vương quốc phong kiến Cam-pu-chia:

Là một trong những nước có lịch sử lâu đời và phát triển nhất ở Đông nam Á, tộc người Khơ-me sống ở phía bắc Cam-pu-chia, giỏi săn bắn, đào ao, đắp hồ trữ nước, biết khắc chữ Phạn (ảnh hưởng từ văn hoá Ấn Độ).

Lịch sử Cam-pu-chia trải qua các giai đoạn:

- + Từ thế kỉ VI đến thế kỉ VIII: thành lập quốc gia phong kiến – mang tên Chân Lạp.
- + Từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV là thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia – thời kì Ăng-co: nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, thủ công nghiệp phát

triển; mở rộng lãnh thổ về phía đông: tiến đánh Cham-pa, trung và hạ lưu sông Mê Nam (Thái Lan), trung lưu sông Mê Công (Lào), tiến đến bắc bán đảo Mã Lai.

+ Kinh đô Ăng-co với đền tháp đồ sộ như Ăng-co Vát, Ăng-co Thom.

+ Cuối thế kỉ XIII: đất nước Cam-pu-chia bắt đầu suy yếu sau 5 lần bị người Thái xâm lược. Năm 1432, người Khơ-me bỏ kinh đô Ăng-co, lui về cư trú ở phía nam Biển Hồ (Phnôm Pênh).

+ Đến năm 1863, bị thực dân Pháp xâm lược.

– Giới thiệu về công trình kiến trúc Ăng-co Vát

Đất nước Cam-pu-chia có diện tích nhỏ nhưng đã gây được sự chú ý về nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc. Tiêu biểu là các khu đền Ăng-co kì vĩ. “Ăng-co” là do người Pháp phát âm chệch của từ Na-ga-ra, tiếng Phạn có nghĩa là kinh đô. Thời kì huy hoàng của kinh đô Khơ-me bắt đầu từ đời vua Giay-a-vác-man II (năm 802), và kéo dài đến năm 1431. Tại đây đã hình thành và phát triển những loại đền đài độc đáo của dân tộc Khơ-me, nổi bật hơn cả là hai công trình Ăng-co Thom và Ăng-co Vát.

Ăng-co Vát có nghĩa là thành phố – chùa. Vì người cha nuôi là một vị thần nên đền phải được xây giống như các toà lâu đài của thần trên thượng giới. Trên thực tế, Ăng-co Vát chính là một khu đền mộ thờ thần – vua của các triều vua chúa Khơ-me. Ngày nay, đền Ăng-co Vát được coi là biểu tượng của đất nước Cam-pu-chia.

3. Khám phá về Vương quốc Lào

* Mục tiêu:

Trình bày được sự hình thành, phát triển và các thành tựu của Vương quốc Lào thời phong kiến.

* Phương thức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh và kể với bạn về Vương quốc Lan Xang.

Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng *sơ đồ tư duy* để tìm hiểu về lịch sử Vương quốc Lào.

Có thể tổ chức cho HS hoạt động nhóm/cặp đôi. Hướng dẫn các em xây dựng sơ đồ tư duy/vẽ hình trang trí theo các nhánh chính như sau: các giai đoạn lịch sử Lào; các thành tựu văn hoá tiêu biểu như chữ viết, kiến trúc, âm nhạc, nghệ thuật....

Có thể sử dụng cách đánh giá, bầu chọn (bằng cách đánh dấu/ tặng biểu tượng vui tươi), nhóm có lượng bầu chọn nhiều nhất sẽ thuyết trình sản phẩm.

** Gợi ý sản phẩm:*

HS có thể trình bày sản phẩm nghiên cứu theo nhiều cách khác nhau, GV tổ chức cho HS trao đổi, nhận xét nhưng vẫn nên đảm bảo được một số nội dung sau:

- Về các giai đoạn phát triển của lịch sử Vương quốc Lào.
- Về công trình kiến trúc tiêu biểu Thạt Luồng.

Thạt Luồng hay là một thạt (stupa) Phật giáo ở Viêng Chăn. Thạt này được xây từ năm 1566 dưới triều vua Xet-thả-thi-lạt, theo hình một nậm rượu, trên một phế tích của một ngôi đền Ấn Độ thế kỉ XIII. Bên ngoài ngôi chùa được dát vàng.

Thạt Luồng đã bị phá huỷ trong cuộc xâm lược của người Thái vào thế kỉ XIX nhưng sau đó đã được khôi phục nguyên trạng. Kiến trúc ngôi chùa tháp mang phong cách văn hoá và bản sắc Lào đã trở thành một biểu tượng quốc gia của nước Lào, được in trên tiền giấy và quốc huy của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Theo truyền thuyết, trong tháp có lưu giữ xá lợi của Đức Phật là một sợi tóc và rất nhiều châu báu. Thạt Luồng gồm tháp chính cao 45 thước, bao quanh là các tháp phụ, sơn son thếp vàng.

Truyền thuyết của người Lào kể lại rằng, vào năm 236 Phật lịch (thế kỉ III TCN), năm nhà sư người Lào tên là Phạ Mạ Hả Lất Ta-na-thế-la, sau khi học xong ở Ấn Độ trở về quê hương. Họ đem về Lào chiếc xương đầu gối của Đức Phật. Năm nhà sư tới mừng Viêng Chăn và thuyết phục châu mừng là Chăm-tha-bu-li Pạ Xit-thi-xác cho dựng Thạt Luồng để cất giữ xá lợi Phật. Châu mừng Viêng Chăn vui sướng nhận lời và cho dựng lên ngôi tháp Đại Phật Tích (Thạt Luồng).

Vào năm 1563, sau khi giành được một loạt chiến thắng quân sự trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Miến Điện ở Hat-sỏi, Pa-kho-ui Mừng Xén, vua Xet-thả-thi-lạt, vì những lí do chiến lược đã dời đô từ Luồng Pha-băng về Viêng Chăn. Tại đây, ông cho xây dựng thành quách, lâu đài, cung điện. Vào năm 1566, ông cho dựng Thạt Luồng trên một ngôi chùa cũ, cách Viêng Chăn chừng khoảng hai cây số. Năm 1911, trong khi nghiên cứu Thạt Luồng, nhà khoa học người Pháp Hen-ri Par-men-tier đã phát hiện ra khối cổng chính của ngôi tháp đã trum lên và che lấp một ngôi tháp cũ.

Thạt Luồng là kiến trúc trung tâm của chùa Thạt Luồng và là một trong những tháp Phật lớn nhất ở Lào (chân rộng 90m x 90m và cao 45m). Trung tâm của tháp là một khối lớn uy nghi, trang nhã vươn lên cao như một mũi tên. Đế của khối trung tâm là một đài sen hình vuông đang nở tung những cánh vàng ra bốn phía. Trên đài sen là bệ cao có hình vuông và có cấu trúc khá phức tạp. Chân bệ là những nấc vuông, càng lên cao càng nhỏ lại để rồi phình ra ở phía trên thành một gờ nổi, hơi ngả ra ngoài làm chỗ đứng vững chãi cho hình quả bầu thon thả.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:*

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về lịch sử và văn hoá của các quốc gia khu vực Đông Nam Á thời phong kiến.

* *Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS: chủ yếu cho làm việc cá nhân, trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/cô giáo.

1. Quan sát lược đồ trong sách HDHKHXH7/1 và xác định vị trí một số quốc gia ở Đông Nam Á thời phong kiến.

2. Hãy miêu tả về một công trình kiến trúc hoặc kể một câu chuyện mà em thích nhất của Đông Nam Á thời phong kiến.

* *Gợi ý sản phẩm:*

HS có thể có nhiều sản phẩm để báo cáo về Đông Nam Á thời phong kiến.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* *Mục tiêu:*

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

* *Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành bảng trong sách HDHKHXH7/1 vào vở.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Tên quốc gia phong kiến – kinh đô	Tên quốc gia ngày nay – thủ đô
Đại Việt	Việt Nam – Hà Nội
Cam-pu-chia	Cam-pu-chia – Phnôm Pênh
Lan Xang	Lào – Viêng Chăn
A-út-thay-a	Thái Lan – Băng Cốc
Pa-gan	Mi-an-ma – Nây Pi-tô
	In-đô-nê-xi-a – Gia-các-ta
Ma-lăc-ca	Ma-lai-xi-a – Cua-la Lăm-pơ

* Lưu ý:

- Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.
- HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

- Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.
- Sưu tầm những tư liệu về văn hoá Đông Nam Á.
- HS có thể viết báo cáo (đoạn văn hay trình chiếu bộ sưu tập ảnh,...).

BÀI 15. BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP THỜI NGÔ – ĐINH – TIỀN LÊ (THẾ KỈ X)

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá nước ta trong thế kỉ X dưới các triều đại Ngô – Đinh – Tiền Lê.
- Giải thích được thế kỉ X là thế kỉ mở đầu chế độ phong kiến độc lập ở Việt Nam.
- Đánh giá được công lao của một số nhân vật lịch sử Việt Nam trong thế kỉ X như Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn,...
- Rèn luyện kĩ năng thuyết trình một nội dung lịch sử, kĩ năng so sánh, phân tích, đánh giá, hợp tác.
- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, có ý thức tôn trọng, ghi nhớ công lao các vị anh hùng dân tộc, ý thức tự chủ dân tộc, thống nhất đất nước.

1. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động

khởi động vừa gợi lại những kiến thức đã biết vừa tạo mâu thuẫn trong nhận thức của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mà HS cần tìm hiểu của bài học. Phần hình thành kiến thức chủ yếu là những vấn đề lịch sử dân tộc trong thế kỉ X – thế kỉ chế độ phong kiến Việt Nam được hình thành, các cuộc đấu tranh chống xâm lược...

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

** Mục tiêu:*

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mâu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết, tạo hứng thú cho HS. Đối với hoạt động này, GV hướng dẫn HS dựa vào ba hình 1, 2, 3 trong sách HDHKHXH7/1 để tái hiện những kiến thức đã được học hoặc hiểu biết của bản thân, đồng thời nhận ra mối liên quan giữa các nội dung lịch sử sẽ tìm hiểu.

** Phương thức hoạt động:*

Gợi ý một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần khởi động:

GV giao nhiệm vụ cho HS (theo sách HDHKHXH7/1). GV có thể hướng dẫn thêm cho HS như sau:

– Đọc đoạn thông tin do sử gia Ngô Thì Sĩ viết (trong sách HDHKHXH7/1), cùng thảo luận và cho biết nội dung đó đề cập đến sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử nào?

– Cho biết nội dung các hình 1, 2, 3 gắn với nhân vật, địa danh nào?

GV tổ chức cho HS nghiên cứu, thảo luận theo nhóm. Một kĩ năng phải chú ý trong dạy học lịch sử đó là “sử dụng tư liệu” nên GV cần hướng dẫn cách phân tích, đánh giá tư liệu mà ở đây là tư liệu thành văn – “Việt sử tiêu án” của Ngô Thì Sĩ.

** Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn sản phẩm phù hợp của HS để làm tình huống dẫn dắt vào hoạt động hình thành kiến thức.

HS có thể biết được những tư liệu đó. Tuy nhiên, những hiểu biết đó chỉ là ban đầu, chưa đầy đủ và chưa có hệ thống, HS muốn tìm hiểu đầy đủ, chi tiết thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu tình hình chính trị nước ta thời Ngô – Đinh – Tiền Lê

* Mục tiêu:

Trình bày được quá trình hình thành chế độ phong kiến nước ta thời Ngô – Đinh – Tiền Lê và cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc.

* Phương thức hoạt động:

GV có thể thực hiện như trong sách HDHKHXH7/1.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tổ chức ở phần hình thành kiến thức:

1.1. Tình hình nước ta thời nhà Ngô

GV có thể tổ chức HS hoạt động theo cặp đôi, yêu cầu HS đọc tài liệu và giải quyết các vấn đề:

– Việc Ngô Quyền quyết định từ bỏ chức Tiết độ sứ phản ánh điều gì? Em có nhận xét gì về tổ chức nhà nước thời Ngô Quyền?

– Trình bày tình hình nước ta sau khi Ngô Quyền mất. Tại sao sử cũ gọi “Loạn 12 sứ quân”. Tình trạng này đặt ra yêu cầu gì?

HS trao đổi, thảo luận sau đó GV mời đại diện một số cặp đôi báo cáo kết quả.

1.2. Tình hình nước ta thời nhà Đinh

– GV có thể tổ chức theo kĩ thuật *sân khấu hoá* hoặc *sân khấu tương tác*.

+ Chuẩn bị: trang phục, đạo cụ (nếu có).

+ Nhiệm vụ nhóm: phân vai trong mỗi nhóm để thể hiện được nhân vật và bối cảnh lịch sử trong giai đoạn này.

– Những vấn đề quan trọng cần giải quyết khi thực hiện hoạt động này:

+ Cho biết Đinh Bộ Lĩnh đã làm gì để thống nhất đất nước.

+ Giải thích lí do Đinh Bộ Lĩnh chọn Hoa Lư để đóng đô. Những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh có ý nghĩa như thế nào?

Sau khi làm việc cá nhân, nhóm sẽ trao đổi và thảo luận về câu hỏi của nhóm. Sau đó, GV có thể mời đại diện nhóm lên trình bày.

1.3. Tình hình nước ta thời Tiền Lê

GV có thể sử dụng kĩ thuật tranh luận, phản biện để thực hiện nội dung này.

GV chia lớp thành các nhóm. Các nhóm bầu nhóm trưởng, thư kí, người đại diện tranh luận.

GV yêu cầu HS đọc tài liệu, tập trung giải quyết các vấn đề sau:

– Nêu những quyết định của Lê Hoàn trước sự xâm lược của nhà Tống. Em đánh giá thế nào về việc tổ chức kháng chiến của Lê Hoàn?

– Tường thuật diễn biến chiến thắng quân Tống năm 981 trên lược đồ hình 8 (sách HDHKHXH7/1). Thắng lợi này có ý nghĩa như thế nào?

Sau khi thảo luận, đại diện các nhóm sẽ trình bày kết quả làm việc trước lớp, các nhóm khác tranh luận, phản biện. GV hướng dẫn HS tuân thủ nguyên tắc tôn trọng và sử dụng những ngôn ngữ, văn phong khoa học.

** Gợi ý sản phẩm:*

Với các vấn đề nêu trên thì sản phẩm của HS tương đối đa dạng, GV có thể lựa chọn nội dung để nhấn mạnh, khắc sâu, đặc biệt là về tinh thần đấu tranh chống xâm lược để bảo vệ nền độc lập. Các nhóm có thể trình bày khác nhau nhưng về cơ bản phải đảm bảo được các nội dung sau:

– Về việc Ngô Quyền quyết định từ bỏ chức Tiết độ sứ, thiết lập triều đình mới:

Mùa xuân năm 939, Ngô Quyền quyết định bỏ chức Tiết độ sứ của phong kiến phương Bắc và tự xưng Vương, đưa Dương Thị (con gái Dương Đình Nghệ) lên làm hoàng hậu, thiết lập một triều đình ở trung ương. Thành Cổ Loa là kinh đô cũ của nước Âu Lạc thời An Dương Vương được Ngô Quyền chọn làm kinh đô. Đó là một việc làm có ý nghĩa nêu cao truyền thống dựng nước và giữ nước lâu đời của dân tộc, biểu thị ý chí quyết tâm giữ vững nền độc lập vừa giành lại được sau hơn 10 thế kỉ.

Tại đây, Ngô Quyền đã xây dựng một vương triều phong kiến hoàn toàn độc lập với đầy đủ các ban văn, võ và chế định “triều nghi phẩm phục”. Bộ máy chính quyền đó đã mang tính chất tập quyền.

Sự kiện Ngô Quyền xưng Vương, lập ra nhà Ngô đã đánh dấu sự chấm dứt thời kì đô hộ của phong kiến phương Bắc, đập tan mưu đồ chiếm lĩnh An Nam của chúng, mở ra thời kì độc lập lâu dài.

– Về lí do Đinh Bộ Lĩnh chọn Hoa Lư để đóng đô và ý nghĩa của những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh: tham khảo mục 1.2 sách HDHKHXH7/1.

2. Khám phá tình hình kinh tế và văn hoá nước ta thời Ngô – Đinh – Tiền Lê

** Mục tiêu:*

Trình bày được tình hình kinh tế, văn hoá nước ta thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.

** Phương thức hoạt động:*

GV có thể thực hiện như trong mục 2 sách HDHKHXH7/1.

Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức cho HS hoạt động học tập cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp, có thể thực hiện theo trình tự sách HDHKHXH7/1.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học phần này như sau:

GV có thể hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy với hai nhánh chính là kinh tế và văn hoá, sau đó hướng dẫn các cá nhân/cặp đôi/nhóm HS thể hiện thiết kế của mình kết hợp với thuyết trình trên sản phẩm.

Với hoạt động trải nghiệm này, GV có thể kết hợp với quá trình tự đánh giá bằng cách vận dụng kĩ thuật đánh giá 3 – 2 – 1.

Ví dụ: Sau khi nhóm bạn trình bày, các HS khác nhận xét về báo cáo của nhóm bằng kĩ thuật 3 – 2 – 1, đó là: dành cho nhóm bạn 3 lời khen, 2 lời góp ý và 1 nhận xét.

** Gợi ý sản phẩm:*

Các sản phẩm của cặp đôi/nhóm là sơ đồ tư duy, tập trung vào một số vấn đề sau:

– Về ý nghĩa của lễ cày tịch điền:

Lịch sử ghi lại: Mùa xuân năm 987, lần đầu tiên vua Lê Đại Hành cùng văn võ bá quan cày ruộng ở Đọi Sơn và bắt được chum vàng, năm 988 cày ở Bàn Hải bắt được chum bạc, vì thế những thửa ruộng này còn được gọi là *Kim Ngân Điền*. Từ đó, hằng năm vào đầu xuân, nhà vua thường về địa phương tổ chức lễ tịch điền (đích thân vua xuống đi cày ruộng) để cầu được mùa và các triều đại sau đó đều duy trì nghi lễ này với các hình thức khác nhau. Đến triều Nguyễn, lễ tịch điền có nhiều “niêm luật” cụ thể, được tổ chức quy mô, do Bộ Lễ chủ trì, nhưng đến thời vua Khải Định thì chấm dứt.

Lễ cày tịch điền không chỉ mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quan tâm của các vị vua đối với nhân dân mà còn tuyên truyền, giáo dục các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, lòng biết ơn tiền nhân, tích cực phát triển sản xuất nông nghiệp.

– Về sự phát triển của Phật giáo thời Ngô – Đinh – Tiền Lê:

Đẹp xong “Loạn 12 sứ quân”, năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, lấy niên hiệu Thái Bình, chọn Hoa Lư làm kinh đô. Đặt tên nước, dựng đô, chế định triều nghi là những việc mà vị vua đầu tiên của nhà

Đình – Đình Tiên Hoàng quan tâm trước hết. Tuy nhiên, khi đất nước đã được độc lập, cũng là lúc uy tín và vai trò xã hội của Phật giáo được khẳng định. Nhà nước “non trẻ” lại đang cần một điểm tựa về ý thức, một công cụ tinh thần để xây dựng và quản lí đất nước. Trong tình hình đó, Phật giáo đã chiếm được ưu thế trong xã hội bởi triết lí tích cực là thương cảm chúng sinh. Cho nên thời Đình và Tiên Lê chọn Phật giáo là tư tưởng chính trị chính thống là hợp với lòng người, hợp với thời đại. Phật giáo đã trở thành nền tảng tư tưởng của nhà Đình và nhà Tiên Lê trong việc trị nước (tư tưởng từ bi, bác ái, khoan dung) và cung cấp thuyết trị vì thiên hạ cho bậc quân vương.

Các thiền sư tham gia chính sự giúp vua trị vì đất nước là nét nổi bật dưới thời Đình – Tiên Lê. Đối với nhà vua, các vị thiền sư không chỉ là người có học vấn uyên thâm, mà còn là những bậc thầy thấp sáng, dẫn dắt tâm linh trên con đường tìm đến hạnh phúc nhân sinh. Trong cả hai triều Đình và Tiên Lê, công việc giữ nước và trị nước đều được các vua bàn thảo cùng những thiền sư nổi tiếng. Không chỉ giữ vai trò tham chính, các nhà sư còn đóng góp công sức của mình trong mối quan hệ bang giao của nước nhà. Vua Lê Đại Hành đã giao công việc ngoại giao cho Thiền sư Pháp Thuận. Với việc tham gia chính sự của các thiền sư mà tiêu biểu là Khuông Việt đại sư, Đỗ Thuận, Vạn Hạnh (Quốc sư), Phật giáo thời Đình và Tiên Lê đã đặt nền móng vững chắc cho Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về các nội dung của thời kì Ngô – Đình – Tiên Lê.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS mà chủ yếu là làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/cô giáo.

– Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn đã có công lao như thế nào trong lịch sử dân tộc?

– Hãy nói những nhân vật ở cột bên trái với nội dung cột bên phải sao cho phù hợp (ghi số thứ tự và chữ cái tương ứng vào vở).

	a) Đặt quốc hiệu nước ta là Đại Cồ Việt
1. Ngô Quyền	b) Quyết định bỏ chức Tiết độ sứ
2. Đinh Tiên Hoàng	c) Từ bỏ quyền lợi riêng của dòng họ, đặt lợi ích dân tộc lên trên
3. Lê Hoàn	d) Đánh thắng quân Tống xâm lược lần thứ nhất
	e) Chuyển kinh đô từ Hoa Lư về Thăng Long

- Tình hình nước ta trong thế kỉ thứ X có gì khác biệt so với thời Bắc thuộc?
- Tại sao nói thế kỉ X là thế kỉ mở đầu của chế độ phong kiến độc lập ở Việt Nam?

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Những bài viết ngắn của HS hoặc tranh vẽ.
- Những sản phẩm thuyết trình chung của cả nhóm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* *Mục tiêu:*

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

* *Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS:

– Nếu đóng vai là Đinh Tiên Hoàng, em có chọn đặt kinh đô ở Hoa Lư không? Vì sao?

– Dựa vào lược đồ hình 12 (sách HDHKHXH7/1, tr.120 đóng vai là hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu cho du khách về các di tích thờ vua ở Ninh Bình.

** Gợi ý sản phẩm:*

Phần này, GV có thể hướng dẫn HS xây dựng những tiểu phẩm ngắn thể hiện dưới hình thức sân khấu hoá.

** Lưu ý:*

- Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.
- HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

- Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.
- Sưu tầm những tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn.
- HS có thể viết báo cáo (đoạn văn hay trình chiếu bộ sưu tập ảnh...).

BÀI 16. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN LÝ, TRẦN, HỒ (THẾ KỈ XI – ĐẦU THẾ KỈ XIV)

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Biết được sự ra đời của các triều đại phong kiến Lý, Trần, Hồ.
- Trình bày được tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức quân đội, nội dung chính của các bộ luật đầu tiên của nước ta và chính sách đối nội, đối ngoại của các triều đại phong kiến Lý, Trần, Hồ.
- Rèn luyện kỹ năng trình bày, giới thiệu về các sự kiện, nhân vật lịch sử, kỹ năng vẽ sơ đồ, kỹ năng liên hệ, xâu chuỗi, phân tích các sự kiện lịch sử.
- Nâng cao lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, biết ơn đối với các anh hùng dân tộc có công lao to lớn trong quá trình xây dựng nhà nước phong kiến độc lập.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa gợi lại những kiến thức đã biết vừa tạo ra mâu thuẫn trong nhận thức của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học: Sự ra đời của các triều đại phong kiến Lý, Trần, Hồ. Tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức quân đội, nội dung chính của các bộ luật đầu tiên của nước ta và chính sách đối nội, đối ngoại của các triều đại phong kiến Lý, Trần, Hồ. Trong bài học, GV cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS, nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

** Mục tiêu:*

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mâu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết về sự kiện lịch sử được đề cập đến ở đoạn trích trong “Chiếu dời đô” và qua hình ảnh về triều đại nhà Trần, từ đó kích thích sự hứng thú, khát khao, mong muốn tìm hiểu của HS về những vấn đề chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức của bài học.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS (theo sách HDHKHXH7/1). GV nhấn mạnh rằng đoạn trích đó nằm trong “Chiếu dời đô”, qua đó HS có thể biết được sự liên quan giữa đoạn trích với sự kiện Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Đại La.

Tùy theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức hoạt động cho HS theo cá nhân hoặc cặp đôi.

** Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn sản phẩm phù hợp của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

Hoặc có thể tiến hành theo cách sau: GV cho HS quan sát các hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi:

- Ba hình ảnh dưới đây gợi cho em về những triều đại phong kiến nào?
- Em có hiểu biết gì về những triều đại phong kiến đó?



Tượng đài Lý Thái tổ



Lễ hội khai ấn đền Trần



Cổng Nam thành nhà Hồ

Với các câu hỏi trên, HS có thể biết được những hình ảnh đó liên quan đến các triều đại phong kiến Lý, Trần và Hồ. HS cũng có thể có những hiểu biết ban đầu về nhà Lý như việc Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, hay những hiểu biết về nhà Trần như đóng góp của Trần Hưng Đạo, câu chuyện của Trần Quốc Toản bóp nát quả cam,... Tuy nhiên, những hiểu biết đó chỉ là ban đầu, chưa đầy đủ, chưa hệ thống. HS muốn tìm hiểu đầy đủ, chi tiết thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học.

Có thể có một số HS không biết được nội dung của những hình ảnh trên, GV gợi ý để HS biết được những hình ảnh đó liên quan đến các triều đại Lý, Trần, Hồ, sau đó dẫn dắt các em vào tìm hiểu nội dung cụ thể của bài học mà các em chưa biết.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu sự ra đời của nhà Lý

* Mục tiêu:

Nêu được sự ra đời của nhà Lý.

* Phương thức hoạt động:

– GV giao nhiệm vụ cho HS:

Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Cho biết Lý Công Uẩn lên ngôi vua trong hoàn cảnh nào. Tại sao Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La ?

+ Trình bày về tổ chức bộ máy chính quyền ở trung ương và địa phương dưới thời Lý.

Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại cặp đôi, sau đó các cặp báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, đó là nguồn thông tin để HS hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Với hình ảnh *Bản mộc khắc “Chiếu dời đô”* HS trả lời được tại sao Lý Công Uẩn lại dời đô từ Hoa Lư ra Đại La. Hình ảnh *Bia Lý Thái tổ bên sông Sào Khê tại cố đô Hoa Lư* – nơi vua ban *Chiếu dời đô* giúp HS có hiểu biết về địa điểm Lý Công Uẩn ban *Chiếu dời đô*. Hình ảnh *Tượng đài Lý Thái tổ* giúp HS có nhận thức về nhân vật Lý Công Uẩn – người quyết định dời đô (về việc tìm hiểu nhân vật Lý Công Uẩn, nếu có điều kiện GV có thể giới thiệu, nếu không GV cho HS tự tìm hiểu ở hoạt động tìm tòi mở rộng).

– GV có thể yêu cầu HS lập sơ đồ hệ thống bộ máy chính quyền ở trung ương và địa phương nhà Lý.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý, hỗ trợ HS khi các em gặp khó khăn.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Cho biết Lý Công Uẩn lên ngôi vua trong hoàn cảnh nào. Tại sao Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La ?

+ Lý Công Uẩn lên ngôi vua trong hoàn cảnh: Năm 1005, Lê Hoàn mất, Lê Long Đĩnh lên ngôi vua. Cuối năm 1009, Lê Long Đĩnh qua đời. Triều thần chán ghét nhà Tiền Lê, Lý Công Uẩn được tôn lên làm vua.

+ Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La là vì: thành Đại La, đô cũ của Cao Vương (tức Cao Biền) ở giữa khu vực trời đất được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp đất Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương. Đúng là thượng đô kinh sư mãi muôn đời.

– Trình bày về tổ chức bộ máy chính quyền ở trung ương và địa phương dưới thời Lý: Vẽ sơ đồ hệ thống chính quyền nhà Lý (thể hiện bộ máy chính quyền ở trung ương và địa phương).

2. Tìm hiểu về pháp luật, quân đội, chính sách đối nội, đối ngoại của nhà Lý

** Mục tiêu:*

Trình bày được nội dung chính của pháp luật, tổ chức quân đội và chính sách đối nội, đối ngoại của nhà Lý.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Nêu nét chính về pháp luật và quân đội thời Lý. Cho biết sự cần thiết và tác dụng của pháp luật.

+ Cho biết em hiểu thế nào về chính sách “ngụ binh ư nông” của nhà Lý.

+ Nêu chủ trương và việc làm của nhà Lý đối với các tù trưởng dân tộc miền núi và các nước láng giềng. Tại sao nhà Lý lại đề ra chủ trương đó?

– Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS, cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hỗ trợ khi các em gặp khó khăn.

– GV giải thích rõ các khái niệm: cấm quân, quân địa phương, chính sách “ngụ binh ư nông”.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Nêu nét chính về pháp luật và quân đội thời Lý. Cho biết sự cần thiết và tác dụng của pháp luật.

+ Nhà Lý ban hành bộ Hình thư – bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta.

+ Nhà Lý thi hành chính sách “ngụ binh ư nông”.

+ Quân đội thời Lý gồm hai bộ phận: cấm quân và quân địa phương, có quân bộ và quân thủy, kỉ luật nghiêm minh, được huấn luyện chu đáo...

+ Pháp luật thời Lý quy định chặt chẽ việc bảo vệ nhà vua, của công và tài sản của nhân dân, bảo vệ sản xuất nông nghiệp. Xử phạt nghiêm khắc những người phạm tội.

– Cho biết em hiểu thế nào về chính sách “ngụ binh ư nông” của nhà Lý.

Chính sách “ngụ binh ư nông” (gửi binh ở nhà nông) là cho quân sĩ luân phiên về cày ruộng và thanh niên đăng kí tên vào sổ nhưng vẫn ở nhà sản xuất, khi cần triều đình sẽ điều động.

– Nêu chủ trương và việc làm của nhà Lý đối với các tù trưởng dân tộc miền núi và các nước láng giềng. Tại sao nhà Lý lại đề ra chủ trương đó ?

+ Đối với các tù trưởng dân tộc miền núi: Nhà Lý còn gả các công chúa và ban chức tước nhưng kiên quyết trấn áp những người có ý định tách khỏi Đại Việt.

+ Đối với nhà Tống: giữ quan hệ bình thường; dẹp tan cuộc tấn công của Cham-pa do nhà Tống xúi giục.

3. Tìm hiểu nhà Trần được thành lập như thế nào

** Mục tiêu:*

Trình bày được nhà Trần thành lập như thế nào, bộ máy nhà nước thời Trần.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Cho biết nhà Trần được thành lập trong hoàn cảnh nào.

+ Trình bày và nêu nhận xét về bộ máy nhà nước thời Trần so với thời Lý.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi đàm thoại giữa các cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu hoàn cảnh nhà Trần được thành lập và bộ máy nhà nước thời Trần. Sau đó, nhận xét sự khác nhau giữa bộ máy nhà nước thời Trần so với thời Lý. Cuối cùng đại diện các cặp đôi/nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Cho biết nhà Trần được thành lập trong hoàn cảnh nào.

+ Nhà Lý ngày càng suy yếu, lụt lội, hạn hán, mất mùa liên tiếp xảy ra, dân chúng rất cực khổ. Dân nghèo và một số thế lực phong kiến ở các địa phương nổi dậy chống lại triều đình.

+ Nhà Lý phải dựa vào thế lực họ Trần để chống lại các lực lượng nổi loạn, tạo điều kiện và thời cơ cho họ Trần buộc vua nhà Lý là Lý Chiêu Hoàng phải nhường ngôi cho Trần Cảnh (1 – 1226).

– Trình bày và nêu nhận xét về bộ máy nhà nước thời Trần so với thời Lý.

Bộ máy quan lại thời Trần cũng giống như thời Lý, nhưng được tổ chức chặt chẽ hơn, thực hiện chế độ Thái thượng hoàng.

4. Tìm hiểu về pháp luật và quân đội thời Trần

** Mục tiêu:*

Nêu được nét chính về pháp luật, quân đội thời Trần và điểm mới của pháp luật nhà Trần so với nhà Lý.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Nêu những nét chính về pháp luật, quân đội thời Trần. Pháp luật dưới thời nhà Trần có điểm mới gì so với pháp luật thời Lý ?

+ Trình bày nét nổi bật của quân đội thời Trần.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, cho HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi, đàm thoại cặp đôi để tìm hiểu những nét chính về pháp luật, quân đội thời Trần và những điểm mới của pháp luật dưới thời nhà Trần so với pháp luật thời Lý. Cuối cùng các cặp báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Nêu những nét chính về pháp luật, quân đội thời Trần. Pháp luật dưới thời nhà Trần có điểm mới gì so với pháp luật thời Lý ?

+ Nhà Trần ban hành bộ luật mới gọi là Quốc triều hình luật.

+ Pháp luật nhà Trần xác nhận và bảo vệ quyền tư hữu tài sản, quy định cụ thể việc mua bán ruộng đất.

– Trình bày nét nổi bật của quân đội thời Trần.

+ Quân đội nhà Trần gồm có cấm quân và quân ở các lộ.

+ Quân đội nhà Trần được tuyển dụng theo chính sách “ngụ binh ư nông”.

+ Nhà Trần còn cử nhiều tướng giỏi cầm quân đóng giữ các vị trí hiểm yếu.

5. Tìm hiểu sự thành lập nhà Hồ và những cải cách về chính trị, quân sự của Hồ Quý Ly

** Mục tiêu:*

Trình bày được sự thành lập nhà Hồ và những cải cách về chính trị, quân sự của Hồ Quý Ly

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Cho biết nhà Hồ được thành lập trong hoàn cảnh nào.

+ Nêu những biện pháp cải cách về chính trị, quân sự của Hồ Quý Ly.

+ Chỉ ra những điểm tiến bộ trong cải cách của Hồ Quý Ly.

– Trong hoạt động này, GV tổ chức hoạt động học tập cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi hoặc nhóm rồi báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hỗ trợ khi các em gặp khó khăn.

– GV cũng có thể sử dụng phương pháp dạy học trao đổi đàm thoại và sử dụng đồ dùng trực quan trong hoạt động này.

– GV giải thích rõ khái niệm cải cách.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Cho biết nhà Hồ được thành lập trong hoàn cảnh nào.

Vào cuối thế kỉ XIV, các cuộc đấu tranh của nông dân đã làm cho nhà Trần suy yếu, làng xã tiêu điều, dân đình giảm sút.

Năm 1400, Hồ Quý Ly phế truất vua Trần và lên làm vua, đổi quốc hiệu là Đại Ngu. Nhà Hồ được thành lập.

– Nêu những biện pháp cải cách về chính trị, quân sự của Hồ Quý Ly.

+ Về chính trị: cải tổ hàng ngũ võ quan. Đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn và quy định cụ thể, rõ ràng cách làm việc của bộ máy chính quyền các cấp.

+ Về quân sự: làm lại sổ đinh để tăng quân số. Tích cực sản xuất vũ khí, chế

tạo ra một loại súng mới là súng thần cơ,... Những nơi hiểm yếu đều có bố trí phòng thủ. Cho xây dựng một số thành kiên cố như thành Tây Đô (Vĩnh Lộc – Thanh Hoá), thành Đa Bang (Ba Vì – Hà Nội).

– Chỉ ra những điểm tiến bộ trong cải cách của Hồ Quý Ly: tuyển chọn được những người tài làm quan, tự sản xuất ra một số vũ khí mới, xây dựng hệ thống thành phòng thủ ở những nơi hiểm yếu,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về bộ máy nhà nước thời Lý, Trần; những cải cách của Hồ Quý Ly.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/cô giáo.

+ Vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước thời Lý, Trần.

Yêu cầu trên vừa nhằm củng cố kiến thức về tổ chức bộ máy Nhà nước thời Lý, thời Trần vừa rèn luyện kĩ năng thực hành bộ môn thông qua vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước. HS phải dựa trên cơ sở kiến thức đã học về tổ chức bộ máy nhà nước để vừa vẽ vừa củng cố lại kiến thức thông qua chính sơ đồ đó.

+ Lập bảng theo yêu cầu sau và điền nội dung phù hợp về những cải cách của Hồ Quý Ly.

Lĩnh vực	Nội dung cải cách
Chính trị	
Quân sự	

– Yêu cầu này nhằm củng cố kiến thức về những cải cách của Hồ Quý Ly trên các lĩnh vực chính trị, quân sự. HS phải dựa vào những kiến thức đã học về nội dung những cải cách của Hồ Quý Ly để hoàn thành bảng trên.

– Việc hoàn thành bảng theo từng lĩnh vực chính trị, quân sự,... giúp HS củng cố, hệ thống hoá kiến thức đã học về các nội dung này.

** Gợi ý sản phẩm:*

+ Vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước thời Lý, Trần (thể hiện bộ máy chính quyền ở trung ương và địa phương).

– Lập bảng theo yêu cầu và điền nội dung phù hợp về những cải cách của Hồ Quý Ly.

Lĩnh vực	Nội dung cải cách
Chính trị	<ul style="list-style-type: none"> – Thay thế dần các võ quan cao cấp do quý tộc tôn thất nhà Trần nắm giữ bằng những người không phải họ Trần nhưng có tài năng và thân cận với mình. – Đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn và quy định cụ thể, rõ ràng cách làm việc của bộ máy chính quyền các cấp.
Quân sự	<ul style="list-style-type: none"> – Làm lại sổ đinh để tăng quân số. – Tích cực sản xuất vũ khí, chế tạo ra một loại súng mới là súng thần cơ và làm ra một loại thuyền chiến mới gọi là lâu thuyền. – Những nơi hiểm yếu đều có bố trí phòng thủ. Cho xây dựng một số thành kiên cố như thành Tây Đô (Vĩnh Lộc – Thanh Hoá), thành Đa Bang (Ba Vì – Hà Nội).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* *Mục tiêu:*

Nhằm vận dụng kiến thức mới đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề trong học tập và thực tiễn về:

- Sự phát triển của Thăng Long – Hà Nội từ khi Lý Công Uẩn định đô đến ngày nay.
- Bài học được rút ra và vận dụng đối với nước ta hiện nay từ những chủ trương và việc làm của nhà Lý đối với tù trưởng dân tộc miền núi.

Bài học và kinh nghiệm được rút ra và vận dụng đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền biên giới, biển và hải đảo hiện nay từ những chủ trương của nhà Lý đối với các nước láng giềng.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS:
- + Từ Thăng Long, khi Lý Công Uẩn định đô, đến Hà Nội ngày nay đã phát triển như thế nào?
- + Chủ trương và việc làm của nhà Lý đối với tù trưởng dân tộc miền núi để lại bài học lịch sử gì đối với nước ta hiện nay?
- + Những chủ trương của nhà Lý đối với các nước láng giềng để lại bài học gì đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền biên giới, biển và hải đảo hiện nay?

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Từ Thăng Long, khi Lý Công Uẩn định đô, đến Hà Nội ngày nay đã phát triển như thế nào?

Với câu hỏi này, yêu cầu HS phải nêu được những thay đổi của Thăng Long từ khi Lý Công Uẩn định đô đến ngày nay, các công trình kiến trúc tiêu biểu được xây dựng như Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu – Quốc Tử giám, Nhà hát lớn,...

– Chủ trương và việc làm của nhà Lý đối với tù trưởng dân tộc miền núi để lại bài học lịch sử đối với nước ta hiện nay:

- + Về tinh thần đoàn kết các dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- + Tin tưởng, trao quyền xây dựng và bảo vệ quê hương cho đồng bào các dân tộc miền núi.

– Những chủ trương của nhà Lý đối với các nước láng giềng để lại bài học về công cuộc bảo vệ chủ quyền biên giới, biển và hải đảo hiện nay:

- + Vận dụng chính sách ngoại giao mềm dẻo nhưng kiên quyết giữ vững độc lập chủ quyền dân tộc.
- + Tránh xung đột với các nước láng giềng.
- + Tăng cường mối quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước.

* Lưu ý:

– Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.

– HS chia sẻ với bạn bè bằng việc trao đổi sản phẩm với nhau, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...

– GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học:

- Các nhân vật Lý Công Uẩn, Trần Cảnh, Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly.
- Chiếu dời đô.
- Bộ luật “Quốc triều hình luật” thời Trần.
- Chế độ Thái thượng hoàng và tác dụng của nó.

GV hướng dẫn HS có thể lựa chọn một trong số các nội dung trên để tìm hiểu.

HS có thể viết báo cáo (đoạn văn, trình chiếu bộ sưu tập ảnh,...).

HS chia sẻ với bạn bằng việc: trao đổi sản phẩm với bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...

GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

BÀI 17. ĐỜI SỐNG KINH TẾ, VĂN HOÁ THỜI LÝ, TRẦN, HỒ (THẾ KỈ XI – ĐẦU THẾ KỈ XV)

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Biết được sự phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp thời Lý, Trần và nêu được những cải cách về kinh tế, tài chính của Hồ Quý Ly.
- Trình bày được những thay đổi về xã hội, sự phát triển về giáo dục, văn hoá thời Lý, Trần và những cải cách về xã hội, văn hoá của Hồ Quý Ly.
- Góp phần rèn luyện kĩ năng sưu tầm các tư liệu, tranh ảnh liên quan đến đời sống kinh tế, văn hoá thời Lý, Trần, Hồ ; khả năng xâu chuỗi, phân tích, liên hệ các sự kiện lịch sử.
- Biết trân trọng, gìn giữ và phát huy những di sản văn hoá thời Lý, Trần, Hồ.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa khơi lại những kiến thức đã biết vừa tạo mâu thuẫn trong nhận thức của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học: Biết được đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội thời Lý, Trần và những cải cách về kinh tế, văn hoá, xã hội của Hồ Quý Ly.

Trong bài học, GV cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

Sự kiện lịch sử được nhắc đến trong đoạn trích về việc cày ruộng tịch điền thời Trần gợi cho các em biết đến hoạt động sản xuất nông nghiệp ở các triều đại phong kiến Lý, Trần. Còn các hình ảnh Chùa Một Cột (Hà Nội), Đĩa men xanh thế kỉ XIII – XIV phản ánh hoạt động sản xuất thủ công và thành tựu về kiến trúc của các triều đại đó. Với các câu hỏi được đặt ra, các em có được những hiểu biết ban đầu, tuy nhiên, những hiểu biết đó chưa đầy đủ và cụ thể, từ đó kích thích sự

hứng thú, khát khao, mong muốn tìm hiểu những vấn đề chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức của bài học.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS (theo sách HDHKHXH7/1). GV có thể gợi ý thêm cho HS đoạn thông tin trong sách HDHKHXH7/1 nói về việc cày ruộng tịch điền, qua đó HS có thể biết được sự liên quan giữa đoạn thông tin với hoạt động sản xuất nông nghiệp thời Lý, Trần.

– Tùy theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.

** Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn sản phẩm phù hợp để làm tình huống dẫn dắt vào hoạt động hình thành kiến thức.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu đời sống kinh tế thời Lý

** Mục tiêu:*

Biết được đời sống kinh tế bao gồm nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Lý.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Trình bày tình hình nông nghiệp dưới thời Lý. Việc cày ruộng tịch điền của nhà vua có ý nghĩa như thế nào?

+ Nêu bước phát triển mới của thủ công nghiệp, thương nghiệp thời Lý.

+ Cho biết việc thuyền buôn nhiều nước đến buôn bán với Đại Việt đã phản ánh tình hình thương nghiệp của nước ta hồi đó như thế nào.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân sau đó trao đổi đàm thoại cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về tình hình nông nghiệp, ý nghĩa của việc cày ruộng tịch điền của nhà vua và tình hình thương nghiệp của nước ta dưới thời Lý, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát hình 3. Đồ gốm thời Lý trong sách HDHKHXH7/1 để HS hiểu được bước phát triển mới của thủ công nghiệp thời Lý.

– Trong quá trình HS làm việc, GV cần chú ý đến để có thể gợi ý hoặc trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.

** Gợi ý sản phẩm:*

Với các câu hỏi trên, gợi ý sản phẩm là:

– Trình bày tình hình nông nghiệp dưới thời Lý. Việc cày ruộng tịch điền của nhà vua có ý nghĩa như thế nào ?

+ Ruộng đất thuộc quyền sở hữu của nhà vua, do nông dân cày cấy và nộp thuế cho nhà vua. Các vua nhà Lý thường về các địa phương để tham gia lễ cày tịch điền. Nhà Lý có chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp.

+ Ý nghĩa: thể hiện nhà vua rất quan tâm và chăm lo đến nghề nông; hành động nhà vua xuống cày có công hiệu hơn nghìn lời nói, từ đó mà kỉ cương phép nước được giữ vững, kinh tế phát triển.

– Nêu bước phát triển mới của thủ công nghiệp, thương nghiệp thời Lý:

+ Nghề chần tằm ươm tơ, dệt lụa, làm đồ gốm, xây dựng đền đài, cung điện, nhà cửa rất phát triển.

+ Nghề làm đồ trang sức bằng vàng, bạc, nghề làm giấy,... đều được mở rộng. Tạo dựng được rất nhiều thành tựu nổi tiếng như chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên (Hà Nội), vạc Phổ Minh (Nam Định),...

– Cho biết việc thuyền buôn nhiều nước đến buôn bán với Đại Việt đã phản ánh tình hình thương nghiệp của nước ta hồi đó như thế nào.

Thương nghiệp nước ta phát triển, không chỉ buôn bán trong nước mà cả buôn bán với nước ngoài.

2. Khám phá sinh hoạt xã hội và văn hoá thời Lý

** Mục tiêu:*

Trình bày được sinh hoạt xã hội và văn hoá thời Lý.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Nêu các tầng lớp cư dân và đời sống của họ trong xã hội thời Lý.

+ Cho biết giáo dục, văn hoá thời Lý phát triển như thế nào. Theo em, việc nhà Lý xây dựng Văn miếu có ý nghĩa gì ?

– Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi hoặc nhóm rồi báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Trong quá trình HS làm việc, GV cần chú ý để có thể gợi ý, hỗ trợ HS khi các em gặp khó khăn.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Nêu các tầng lớp cư dân và đời sống của họ trong xã hội thời Lý:

Vua quan, địa chủ là giai cấp thống trị. Nông dân chiếm đa số và là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Ngoài ra còn có người chuyên làm nghề thủ công, buôn bán và nô tì.

– Cho biết giáo dục, văn hoá thời Lý phát triển như thế nào. Theo em, việc nhà Lý xây dựng Văn miếu có ý nghĩa gì ?

+ Năm 1070, Văn miếu được xây dựng ở Thăng Long. Năm 1075, khoa thi đầu tiên được mở để tuyển chọn quan lại.

+ Văn học chữ Hán bước đầu phát triển. Hầu hết các vua nhà Lý đều sùng đạo Phật, sai dựng chùa tháp, tô tượng, đúc chuông, dịch kinh Phật, soạn sách Phật,...

+ Nhân dân ưa thích ca hát, nhảy múa, nhiều trò chơi dân gian rất được ham chuộng.

+ Kiến trúc và điêu khắc rất phát triển.

– GV hướng dẫn HS khai thác kênh hình: Hình 4. *Khu Bái đường ở Văn miếu – Quốc tử giám (Hà Nội)*, Hình 5. *Chùa Phật Tích (Bắc Ninh)*, dưới thời Lý là trung tâm Phật giáo của cả nước trong sách HDHKHXH7/1 để thấy được sự phát triển cả về Phật giáo, kiến trúc và điêu khắc.

3. Tìm hiểu về kinh tế thời Trần

* *Mục tiêu:*

Trình bày được nét chính về tình hình kinh tế thời Trần.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Trình bày những việc làm của nhà Trần để phục hồi và phát triển kinh tế. Em có nhận xét gì về chủ trương phát triển nông nghiệp của nhà Trần ?

+ Giải thích lí do nhà Trần chăm lo đến việc đắp đê.

+ Nêu nhận xét về tình hình thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Trần.

– Trong hoạt động này, GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân sau đó sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại cặp đôi hoặc nhóm để hoàn thành các câu hỏi được giao.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu kênh hình:

+ Hình 6. *Chậu hoa nâu trang trí hoa văn cành lá thời Trần*, Hình 7. *Thạp gốm hoa nâu lớn trang trí hoa văn hoa sen thời Trần* thể hiện sự phát triển của sản xuất đồ gốm thời Trần.

Thông tin bổ sung về thủ công đồ gốm thời Trần: Do phát triển kế thừa trực tiếp từ gốm thời Lý, nên các loại gốm thời Trần cơ bản có phong cách giống với gốm thời Lý cả về hình dáng, màu men và hoa văn trang trí. Về hoa văn bên cạnh loại gốm trang trí hoa văn khắc chìm, thời Trần còn phổ biến loại gốm có hoa văn in khuôn trong. Dường như đây là loại hoa văn rất phát triển ở thời Trần và có sự phong phú, đa dạng hơn nhiều về hình mẫu so với gốm thời Lý.

+ Hình 8. Sơ đồ kinh thành Thăng Long thời Trần, thể hiện sự phát triển cả về kiến trúc, sản xuất thủ công nghiệp và thương nghiệp của nhà Trần.

Thông tin bổ sung về kinh thành Thăng Long thời Trần: Thời Trần cũng chia kinh thành làm 61 phường, bao gồm cả phường buôn bán, phường thợ và phường làm nông nghiệp. Bá quan văn võ, hoàng thân quốc thích cũng dựng phủ điện ở khu vực kinh thành. Có thể kể ra một số phường cổ ở kinh thành Thăng Long thời nhà Trần như sau:

Phường An Hoa nằm bên bờ sông Cái (sông Hồng) là nơi hoả táng linh cữu vua Lý Huệ Tông của nhà Lý. Sử cũ chép rằng, dù nhà Trần đã thay nhà Lý trị vì thiên hạ, Lý Huệ Tông bị bức đi tu nhưng vẫn chưa dứt tục lụy, thường lân la dạo chơi ở các phường, chợ khiến dân chúng tụ tập xem mặt rất huyền ảo. Trần Thủ Độ sợ có biến bèn ngầm sai giết Lý Huệ Tông, khoét một lối đi qua thành rồi đưa linh cữu Lý Huệ Tông đi hoả táng tại phường An Hoa. Sự kiện này diễn ra vào mùa thu năm 1226.

Phường Hạc Kiều là nơi đặt cung Phụ Thiên. Phụ Thiên là nơi ở của Trần Thừa, bố của Trần Thái Tông và được phong làm Thượng hoàng vào tháng 10 âm lịch năm 1226.

Phường Giang Khẩu là nơi giam giữ Hôn Đức Công Dương Nhật Lễ, kẻ mưu toan tiếm ngôi nhà Trần năm 1370.

– Cuối cùng, GV cho đại diện HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Trình bày những việc làm của nhà Trần để phục hồi và phát triển kinh tế. Em có nhận xét gì về chủ trương phát triển nông nghiệp của nhà Trần ?

+ Mở rộng diện tích trồng trọt.

+ Công cuộc khai khẩn đất hoang, thành lập làng xã trong nhân dân được đẩy mạnh.

+ Tổ chức đắp đê từ đầu nguồn đến cửa biển các con sông lớn gọi là đê “quai vạc” (hay đê “đỉnh nhĩ”) ; đặt chức Hà đê sứ để trông coi, đốc thúc việc đắp đê,...

– Giải thích lí do nhà Trần chăm lo đến việc đắp đê: chống lũ lụt, bảo vệ xóm làng, sản xuất, mùa màng,...

– Nêu nhận xét về tình hình thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Trần.

+ Thủ công nghiệp rất phát triển: Các xưởng thủ công nhà nước chuyên sản xuất đồ gốm, chế tạo vũ khí, đóng thuyền đi biển,... Thủ công nghiệp trong nhân dân phổ biến và phát triển, nhiều làng nghề, phường nghề xuất hiện.

+ Thương nghiệp: Buôn bán tấp nập, ở các làng xã, chợ mọc lên ngày càng nhiều. Kinh thành Thăng Long là trung tâm kinh tế khá sầm uất của cả nước.

4. Khám phá sự phát triển văn hoá thời Trần

* *Mục tiêu:*

Nêu được sự phát triển văn hoá thời Trần.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Nêu nét chính trong sinh hoạt văn hoá dưới thời Trần.

+ Giải thích tại sao văn học thời Trần phát triển mạnh và mang đậm lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc.

+ Nêu nét mới về giáo dục thời Trần.

+ Trình bày và nhận xét về tình hình khoa học – kĩ thuật thời Trần.

– Trong hoạt động này, GV có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, cho HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi, đàm thoại theo cặp/nhóm để tìm hiểu về sinh hoạt văn hoá, nét mới về giáo dục thời Trần, giải thích tại sao văn học thời Trần phát triển mạnh và mang đậm lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc; trình bày, nhận xét về tình hình khoa học – kĩ thuật thời Trần.

– GV tổ chức cho HS khai thác kênh hình: Hình 9. *Tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông*, Hình 10. *Tháp Phổ Minh (Nam Định)* để thấy được sự phát triển cả về tôn giáo và nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc.

– Cuối cùng, đại diện các cặp/nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Nêu nét chính trong sinh hoạt văn hoá dưới thời Trần.

+ Tín ngưỡng cổ truyền vẫn phổ biến và có phần phát triển hơn như tục thờ cúng tổ tiên, thờ các anh hùng dân tộc,...

+ Đạo Phật phát triển, tuy nhiên không bằng thời Lý. Chùa chiền mọc lên ở khắp nơi. Nho giáo ngày càng phát triển.

+ Các hình thức sinh hoạt văn hoá như ca hát, chèo tuồng, múa rối,... rất được ưa thích.

– Giải thích tại sao văn học thời Trần phát triển mạnh và mang đậm lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc: Dân tộc vừa trải qua ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên thắng lợi, do đó văn học tập trung phản ánh ca ngợi lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, những chiến công hiển hách của các cuộc kháng chiến đó.

– Nêu nét mới về giáo dục thời Trần: Quốc tử giám mở rộng việc đào tạo con em quý tộc, quan lại. Các lộ, phủ quanh kinh thành đều có trường công. Ở các làng đã có trường tư. Các kì thi được tổ chức ngày càng nhiều.

– Trình bày và nhận xét về tình hình khoa học – kĩ thuật thời Trần.

+ Có cơ quan chuyên viết sử (Quốc sử viện) ra đời, bộ *Đại Việt sử kí* gồm 30 quyển do Lê Văn Hưu biên soạn.

+ Về quân sự, tác phẩm nổi tiếng *Binh thư yếu lược* của Trần Hưng Đạo, đánh dấu bước phát triển về lí luận quân sự. Hồ Nguyên Trừng và các thợ thủ công giỏi đã chế tạo được súng thần cơ và đóng các loại thuyền chiến lớn.

+ Y học có người thầy thuốc nổi tiếng là Tuệ Tĩnh.

+ Nhiều công trình kiến trúc mới, có giá trị ra đời như tháp Phổ Minh (Nam Định), thành Tây Đô (thành nhà Hồ – Thanh Hoá),...

Nhận xét: Khoa học – kĩ thuật thời Trần có bước phát triển mạnh mẽ, nhất là lĩnh vực sử học và khoa học quân sự.

5. Tìm hiểu những cải cách về kinh tế, xã hội, văn hoá của Hồ Quý Ly

* *Mục tiêu:*

Trình bày được những cải cách về kinh tế, xã hội, văn hoá của Hồ Quý Ly.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Nêu những cải cách về kinh tế, văn hoá, xã hội của Hồ Quý Ly. Những cải cách đó có tác dụng như thế nào ?

+ Cho biết hạn chế trong những cải cách của Hồ Quý Ly.

– Trong hoạt động này, GV tổ chức hoạt động học tập cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi hoặc nhóm và báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Trong quá trình HS làm việc, GV cần chú ý để có thể gợi ý, hỗ trợ HS khi các em gặp khó khăn.

– GV có thể sử dụng phương pháp dạy học trao đổi đàm thoại và sử dụng đồ dùng trực quan trong hoạt động này.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu kênh hình:

+ Hình 11. *Gạch lát nền trang trí hoa sen thời nhà Hồ và Hình 12. Tiền đồng thời nhà Hồ* để hiểu sâu sắc hơn những cải cách về kinh tế, tiền tệ của Hồ Quý Ly.

+ Hình 13. *Đầu phượng bằng gốm dùng để trang trí mái cung điện thời nhà Hồ*, Hình 14. *Đầu hổ bằng gốm dùng để trang trí thời nhà Hồ*, phản ánh sự phát triển của nghề làm gốm sứ và nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời nhà Hồ.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Nêu những cải cách về kinh tế, văn hoá, xã hội của Hồ Quý Ly. Những cải cách đó có tác dụng như thế nào ?

+ Về kinh tế, tài chính, phát hành tiền giấy thay thế tiền đồng, ban hành chính sách hạn điền, quy định lại biểu thuế đinh, thuế ruộng.

+ Về xã hội, ban hành chính sách hạn nô.

+ Về văn hoá, giáo dục, bắt các nhà sư chưa đến 50 tuổi phải hoàn tục, sửa đổi cả chế độ thi cử, học tập.

+ Góp phần hạn chế tệ tập trung ruộng đất của giai cấp quý tộc, địa chủ, làm suy yếu thế lực của quý tộc tôn thất nhà Trần, tăng nguồn thu nhập của nhà nước. Cải cách văn hoá, giáo dục có nhiều tiến bộ.

– Cho biết hạn chế trong những cải cách của Hồ Quý Ly:

+ Một số chính sách chưa triệt để (gia nô, nô tì chưa được giải phóng thân phận), chưa phù hợp với tình hình thực tế.

+ Chính sách cải cách cũng chưa giải quyết được những yêu cầu bức thiết trong cuộc sống của đông đảo nhân dân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:*

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về các triều đại phong kiến Lý, Trần, Hồ

trên các lĩnh vực như kinh tế (nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp), tư tưởng, tôn giáo, văn học, giáo dục, kiến trúc.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS, chủ yếu là làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/cô giáo:

+ Lập bảng theo yêu cầu sau và điền những nội dung phù hợp.

Lĩnh vực	Thời Lý	Thời Trần	Thời Hồ
Nông nghiệp			
Thủ công nghiệp			
Thương nghiệp			

+ Lập bảng theo yêu cầu sau và điền những nội dung phù hợp.

Lĩnh vực	Thời Lý	Thời Trần	Thời Hồ
Tư tưởng, tôn giáo			
Văn học			
Giáo dục			
Kiến trúc			

Để điền những nội dung phù hợp vào bảng thống kê trên, HS phải dựa vào những kiến thức đã học trong bài học.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Lập bảng theo yêu cầu và điền những nội dung phù hợp.

Lĩnh vực	Thời Lý	Thời Trần	Thời Hồ
Nông nghiệp	Ruộng đất thuộc quyền sở hữu của nhà vua. Nhà Lý có chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp.	Mở rộng diện tích trồng trọt. Công cuộc khai khẩn đất hoang, thành lập làng xã trong nhân dân được đẩy mạnh. Tổ chức đắp đê phòng ngập lụt.	Ban hành chính sách hạn điền, quy định lại biểu thuế đinh, thuế ruộng.
Thủ công nghiệp	Nghề thủ công rất phát triển với nhiều nghề khác nhau: chần tằm ươm tơ, dệt lụa, làm đồ gốm.	Thủ công nghiệp rất phát triển: Các xưởng thủ công nhà nước chuyên sản xuất đồ gốm, chế tạo vũ khí, đóng thuyền đi biển,... Thủ công nghiệp phát triển, nhiều làng nghề, phường nghề xuất hiện.	
Thương nghiệp	Thương nghiệp nước ta phát triển, không chỉ buôn bán trong nước mà cả buôn bán với nước ngoài.	Thương nghiệp: Buôn bán tấp nập, ở các làng xã, chợ mọc lên ngày càng nhiều. Kinh thành Thăng Long là trung tâm kinh tế khá sầm uất của cả nước.	

+ Lập bảng theo yêu cầu và điền những nội dung phù hợp.

Lĩnh vực	Thời Lý	Thời Trần	Thời Hồ
Tư tưởng, tôn giáo	Các vua nhà Lý đều sùng đạo Phật, sai dựng chùa tháp, tô tượng, đúc chuông, dịch kinh Phật, soạn sách Phật,...	Tín ngưỡng cổ truyền vẫn phổ biến và có phần phát triển hơn. Nho giáo ngày càng phát triển.	Có chính sách bắt các nhà sư chưa đến 50 tuổi phải hoàn tục.
Văn học	Văn học chữ Hán bước đầu phát triển.	Văn học thời Trần phát triển mạnh và mang đậm lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc.	

Giáo dục	Năm 1070, Văn miếu được xây dựng. Năm 1075, khoa thi đầu tiên được mở.	Quốc tử giám mở rộng việc đào tạo con em quý tộc, quan lại. Các lộ phủ quanh kinh thành đều có trường công. Ở các làng đã có trường tư. Các kì thi được tổ chức ngày càng nhiều.	Sửa đổi cả chế độ thi cử, học tập.
Kiến trúc	Kiến trúc và điêu khắc rất phát triển, tiêu biểu Văn miếu...	Nhiều công trình kiến trúc mới, có giá trị ra đời như tháp Phổ Minh (Nam Định),...	Một số công trình kiến trúc tiêu biểu: thành Tây Đô (thành nhà Hồ – Thanh Hoá),...

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* Mục tiêu:

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề nhận thức mới hoặc liên quan đến thực tiễn.

* Phương thức hoạt động:

– GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Giới thiệu về Văn miếu – Quốc tử giám (Hà Nội). Theo em, những chính sách phát triển giáo dục thời Lý để lại bài học gì cho công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay ? Vì sao ?

+ Sự phát triển của các làng nghề thủ công thời Lý, Trần có mối quan hệ như thế nào với các làng nghề thủ công hiện nay ? Theo em, phải làm gì để gìn giữ và phát triển các nghề thủ công đó ?

* Gợi ý sản phẩm:

– Giới thiệu về Văn miếu – Quốc tử giám (Hà Nội). Theo em, những chính sách phát triển giáo dục thời Lý để lại bài học gì cho công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay ? Vì sao ?

+ HS xây dựng bài giới thiệu về Văn miếu – Quốc tử giám (Hà Nội): Quá trình xây dựng, các công trình kiến trúc chính, cảnh quan...

+ Những chính sách phát triển giáo dục thời Lý để lại bài học gì cho công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay ? Vì sao ?

Với câu hỏi này, yêu cầu HS nêu được những chính sách khuyến khích phát triển giáo dục: xây dựng Văn miếu, tổ chức các kì thi, chọn người tài làm quan,... dưới thời Lý là bài học để lại cho công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay.

– Sự phát triển của các làng nghề thủ công thời Lý, Trần có mối quan hệ như thế nào với các làng nghề thủ công hiện nay ? Theo em, phải làm gì để gìn giữ và phát triển các nghề thủ công đó ?

Với câu hỏi này, yêu cầu HS nêu được các làng thủ công thời Lý, Trần với các nghề như làm đồ gốm, dệt vải, rèn sắt,... vẫn được lưu truyền và phát triển đến ngày nay nhưng với quy mô lớn hơn, trình độ kĩ thuật cao hơn và áp dụng những tiến bộ của khoa học – kĩ thuật trong sản xuất. Để gìn giữ và phát triển các nghề thủ công đó thì cần có chính sách khuyến khích phát triển sản xuất và tiêu dùng, đầu tư khoa học – kĩ thuật để sản phẩm thủ công đẹp, bền hơn, giá thành rẻ hơn,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung lịch sử có liên quan đến bài học:

+ Một công trình kiến trúc tiêu biểu mà em thích.

+ Điền trang, thái ấp thời Trần.

+ Giới thiệu về một làng nghề thủ công ở địa phương em hoặc em biết mà được phát triển từ thời Lý, Trần.

– GV hướng dẫn các em có thể lựa chọn một trong số các nội dung trên để tìm hiểu.

– HS có thể viết báo cáo (đoạn văn hay bài trình chiếu hoặc bộ sưu tập ảnh,...)

– HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...

– GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

BÀI 18. CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM THỜI LÝ, TRẦN, HỒ (THẾ KỈ XI – ĐẦU THẾ KỈ XV)

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm tiêu biểu thời Lý, Trần, Hồ.
- Nêu và giải thích được nét độc đáo về nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến.
- Trình bày được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của các cuộc kháng chiến.
- Đánh giá được vai trò của các anh hùng dân tộc gắn liền với các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.
- Rèn luyện kĩ năng trình bày diễn biến cuộc kháng chiến trên sơ đồ, lược đồ lịch sử, kĩ năng liên hệ, xâu chuỗi các sự kiện lịch sử, kĩ năng phân tích, rút ra bài học lịch sử.
- Nâng cao lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, lòng biết ơn đối với các anh hùng dân tộc có công lao trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa khơi lại những kiến thức đã biết vừa tạo mâu thuẫn trong nhận thức của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mà HS cần tìm hiểu của bài học: Trình bày được nét chính các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm tiêu biểu thời Lý, Trần, Hồ, qua đó nêu, giải thích được nét độc đáo về nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến và trình bày được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của các cuộc kháng chiến. Đồng thời từ đó đánh giá được vai trò của các anh hùng dân tộc gắn liền với các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

Trong bài học GV cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:*

Đoạn trích trong bài thơ bắt hủ *Nam quốc sơn hà* gợi cho các em nhớ đến cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống trên phòng tuyến sông Như Nguyệt do Lý Thường Kiệt lãnh đạo, còn Hình 1. *Tượng đài Trần Hưng Đạo (Nam Định)* liên quan đến ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên thời nhà Trần mà tiêu biểu là người anh hùng dân tộc – Trần Hưng Đạo, còn Hình 2. *Cổng Nam thành nhà Hồ* liên quan đến cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh do Hồ Quý Ly lãnh đạo. Tuy nhiên, các em chưa thể biết đầy đủ và chi tiết nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm được rút ra từ các cuộc kháng chiến đó cũng như những đóng góp của các nhân vật lịch sử như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo. Từ đó kích thích sự tò mò, lòng khát khao mong muốn tìm hiểu những điều chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức của bài học.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS (theo sách HDHKHXH7/1). GV có thể gợi ý thêm cho HS về đoạn trích như sau: Tương truyền, để động viên, khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ, đêm đêm Lý Thường Kiệt cho người vào một ngôi đền trên bờ sông ngâm vang bài thơ bắt hủ: “Nam quốc sơn hà nam đế cư,...” qua đó HS biết được sự liên quan giữa đoạn trích với cuộc kháng chiến chống Tống do Lý Thường Kiệt lãnh đạo từ năm 1075 đến năm 1077.

Tuỳ theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn sản phẩm phù hợp của HS để làm tình huống dẫn dắt vào hoạt động hình thành kiến thức.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077)

1.1. Nhà Lý chủ động tiến công trước để phòng vệ

* *Mục tiêu:*

Trình bày được âm mưu của nhà Tống, vì sao nhà Lý chủ động tiến công sang đất Tống để phòng vệ.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Nêu âm mưu của nhà Tống khi xâm lược nước ta. Tại sao Lý Thường Kiệt chủ trương “tiến công trước để tự vệ” ?

+ Trình bày trên lược đồ cuộc tấn công vào châu Ung, châu Khâm và châu Liêm của Lý Thường Kiệt. Em có nhận xét gì về nghệ thuật “tiến công trước để tự vệ” của Lý Thường Kiệt ?

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân sau đó trao đổi đàm thoại cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về âm mưu của nhà Tống khi xâm lược nước ta và lí giải nguyên nhân Lý Thường Kiệt chủ trương “tiến công trước để tự vệ”.

– Để trình bày trên lược đồ cuộc tấn công vào châu Ung, châu Khâm và châu Liêm của Lý Thường Kiệt, GV sử dụng phương pháp tường thuật kết hợp với khai thác lược đồ Hình 3. *Vị trí Khâm Châu tại Quảng Tây*, Hình 4. *Vị trí Ung Châu (ngày nay là Nam Ninh) tại Quảng Tây* để xây dựng bài tường thuật trình bày trên lược đồ. Sau khi trình bày xong, cho HS trao đổi đàm thoại để nêu nhận xét về nghệ thuật “tiến công trước để tự vệ” của Lý Thường Kiệt.

– Trong quá trình HS làm việc, GV cần chú ý để có thể gợi ý hoặc trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.

** Gợi ý sản phẩm:*

Với các câu hỏi trên, gợi ý sản phẩm là:

– Nêu âm mưu của nhà Tống khi xâm lược nước ta. Tại sao Lý Thường Kiệt chủ trương “tiến công trước để tự vệ” ?

+ Nhà Tống muốn xâm lược Đại Việt để giải quyết khủng hoảng trong nước. Để đánh chiếm Đại Việt, nhà Tống xúi giục vua Cham-pa đánh lên từ phía nam.

+ Lý Thường Kiệt thực hiện chủ trương “tiến công trước để tự vệ” nhằm chặn thế mạnh của giặc.

– Trình bày trên lược đồ cuộc tấn công vào châu Ung, châu Khâm và châu Liêm của Lý Thường Kiệt. Em có nhận xét gì về nghệ thuật “tiến công trước để tự vệ” của Lý Thường Kiệt?

+ Tháng 10 – 1075, Lý Thường Kiệt chia làm hai đạo thủy, bộ tấn công vào đất Tống. Quân bộ do các tù trưởng Thân Cảnh Phúc, Tông Đản chỉ huy đánh vào châu Ung (Quảng Tây).

+ Lý Thường Kiệt chỉ huy cánh quân đường thủy, đổ bộ vào châu Khâm, châu Liêm (Quảng Đông).

+ Sau khi tiêu diệt các căn cứ tập kết quân, phá hủy các kho tàng của giặc, hạ thành Ung Châu. Đạt được mục tiêu, Lý Thường Kiệt chủ động rút quân.

+ Nghệ thuật “tiên công trước để tự vệ” thể hiện sự chủ động, sáng tạo của Lý Thường Kiệt. Việc tiêu diệt các căn cứ tập kết quân, phá hủy các kho tàng của giặc đã chặn được thế mạnh của giặc, sau đó rút quân về nước chuẩn bị cho cuộc kháng chiến mà biết trước là không thể tránh khỏi.

1.2. Cuộc chiến đấu trên phòng tuyến Như Nguyệt

** Mục tiêu:*

Trình bày được cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Tống trên phòng tuyến Như Nguyệt do Lý Thường Kiệt lãnh đạo

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Cho biết sau khi chủ động tiến công vào đất Tống, Lý Thường Kiệt rút quân về nước và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến ra sao.

+ Trình bày cuộc kháng chiến chống Tống tại phòng tuyến Như Nguyệt theo lược đồ. Nêu kết quả, ý nghĩa lịch sử.

+ Cho biết nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt từ năm 1075 đến năm 1077.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân sau đó trao đổi đàm thoại cặp đôi hoặc nhóm để nêu được sự chuẩn bị cho cuộc kháng chiến của Lý Thường Kiệt sau khi chủ động tiến công vào đất Tống.

– Để trình bày cuộc kháng chiến chống Tống tại phòng tuyến Như Nguyệt theo lược đồ và nêu kết quả, ý nghĩa lịch sử, GV hướng dẫn HS sử dụng phương pháp tường thuật kết hợp với khai thác lược đồ Hình 5. *Lược đồ trận chiến tại phòng tuyến Như Nguyệt* xây dựng bài tường thuật trình bày trên lược đồ. Trong quá trình trình bày diễn biến, HS chú ý kết hợp với việc khai thác bài thơ bất hủ: “Nam quốc sơn hà”.

Sau khi trình bày xong cho HS trao đổi, đàm thoại để rút ra được nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt từ năm 1075 đến năm 1077.

– Trong quá trình HS làm việc, GV cần chú ý để có thể gợi ý, hỗ trợ HS khi các em gặp khó khăn.

Thông tin bổ sung về bài thơ Nam quốc sơn hà: Theo nhà sử học Hà Văn Tấn “Không có một nhà sử học nào có thể chứng minh được rằng bài thơ *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* là của Lý Thường Kiệt. Không có một sử liệu nào cho biết điều đó cả. Sử cũ chỉ chép rằng trong trận chống Tống ở vùng sông Như Nguyệt, một đêm quân sĩ nghe tiếng ngâm bài thơ đó trong đền thờ Trương Hống, Trương Hát. Có thể đoán rằng Lý Thường Kiệt đã cho người ngâm thơ. Đi xa hơn, có thể đoán rằng Lý Thường Kiệt là tác giả bài thơ. Nhưng đó chỉ là “đoán” thôi, làm sao nói chắc được bài thơ đó là của Lý Thường Kiệt”.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Cho biết sau khi chủ động tiến công vào đất Tống, Lý Thường Kiệt rút quân về nước và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến ra sao.

+ Hạ lệnh cho các địa phương ráo riết chuẩn bị bố phòng, ở gần biên giới Việt – Tống cho quân mai phục những vị trí chiến lược quan trọng.

+ Bố trí một lực lượng thủy binh đóng ở Đông Kênh do tướng Lý Kế Nguyên chỉ huy.

+ Bộ binh được bố trí suốt dọc theo chiến tuyến sông Như Nguyệt do chính Lý Thường Kiệt chỉ huy.

– Trình bày cuộc kháng chiến chống Tống tại phòng tuyến Như Nguyệt theo lược đồ. Nêu kết quả, ý nghĩa lịch sử.

+ Tháng 1 – 1077, quân Tống tiến vào nước ta, Khi đến bờ Bắc sông Như Nguyệt, quân Tống bị chặn lại bởi phòng tuyến Như Nguyệt.

+ Quân Tống nhiều lần tìm cách tấn công quân ta nhưng bị quân nhà Lý đẩy lùi về phía bờ Bắc.

+ Cuối xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt mở cuộc tấn công lớn, quân Tống thua to, “mười phần chết đến năm, sáu”, lâm vào tình thế tuyệt vọng.

+ Giữa lúc ấy, Lý Thường Kiệt chủ động đề nghị “giảng hoà”. Quách Quỳ chấp nhận ngay. Quân Tống vội vã rút về nước.

– Cho biết nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt từ năm 1075 đến năm 1077.

+ Năm 1075, nghệ thuật “tiên công trước để tự vệ” chủ động, sáng tạo. Nhờ chủ động tiêu diệt các căn cứ tập kết quân, phá huỷ các kho tàng của giặc đã

chặn được thế mạnh của chúng, sau đó chủ động rút quân về nước để kịp thời chuẩn bị kháng chiến.

- + Xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt để chặn đánh giặc.

- + Năm 1077, khi quân Tống xâm lược nước ta bị chặn lại ở bị phòng tuyến Như Nguyệt cho quân sĩ đọc bài thơ thần bắt hủ làm hoang mang tinh thần quân Tống.

- + Khi quân Tống thua to “mười phần chết đến năm, sáu” lâm vào tình thế tuyệt vọng, Lý Thường Kiệt lại chủ động đề nghị “giảng hoà” để kết thúc chiến tranh, giữ quan hệ hoà hiếu với nhà Tống (một nước lớn bấy giờ) và giảm bớt sự tổn thất vì chiến tranh.

2. Tìm hiểu ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (thế kỉ XIII)

2.1. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên

** Mục tiêu:*

Trình bày được nét chính ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp khai thác lược đồ trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

- + Trình bày tóm tắt diễn biến ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên trên lược đồ.

- + Nêu nét độc đáo trong cách đánh giặc của nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược.

- Để trình bày diễn biến ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên trên lược đồ, GV hướng dẫn HS sử dụng phương pháp tường thuật kết hợp với khai thác Hình 7. *Lược đồ diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân Mông Cổ (1258)*, Hình 8. *Lược đồ cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân Nguyên (1285)*, Hình 9. *Lược đồ cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân Nguyên (1287 – 1288)*, tổ chức cho HS xây dựng bài tường thuật để trình bày trên lược đồ. Trong quá trình trình bày diễn biến, chú ý kết hợp với việc sử dụng một số hình ảnh, bài thơ liên quan đến các cuộc kháng chiến (nếu có) để làm sinh động và hấp dẫn hơn bài trình bày.

– HS trao đổi, đàm thoại về nét độc đáo trong cách đánh giặc của nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược.

– HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Trình bày tóm tắt diễn biến ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên trên lược đồ.

Các lần kháng chiến	Cuộc tấn công của quân Mông – Nguyên	Chủ trương kháng chiến của nhà Trần	Những thắng lợi tiêu biểu	Kết quả, ý nghĩa
Lần thứ nhất (1258)	Tháng 1 – 1258, 3 vạn quân Mông Cổ tiến vào xâm lược nước ta.	Trước tiên tạm thời lui quân để bảo toàn lực lượng, triều đình tạm rời kinh thành Thăng Long xuôi về vùng Thiên Mạc (Duy Tiên, Hà Nam). Nhân dân Thăng Long thực hiện chủ trương “vườn không nhà trống” để đánh giặc.	Quân Trần mở cuộc phản công lớn ở Đông Bộ Đầu (bên sông Hồng, ở phố Hàng Than – Hà Nội ngày nay).	Cuộc kháng chiến chỉ diễn ra trong vòng chưa đầy một tháng đã kết thúc thắng lợi.
Lần thứ hai (1285)	Đầu năm 1285, 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy tiến vào xâm lược Đại Việt, chiếm Thăng Long, sau đó tấn công đánh xuống phía nam nhằm tạo thành thế “gọng kìm” với cánh quân của Toa Đô từ Chăm-pa đánh ra Nghệ An, Thanh Hoá.	Trần Quốc Tuấn phải ra lệnh lui quân về Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương), rồi về Thăng Long, sau đó rút về Thiên Trường (Nam Định)... để củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc phản công. Nhân dân Thăng Long thực hiện lệnh “vườn không nhà trống” của triều đình.	Tháng 5 – 1285, quân Trần tổ chức phản công, giành thắng lợi ở Tây Kết, Hàm Tử (Khoái Châu, Hưng Yên), bến Chương Dương (Thường Tín, Hà Nội) và giải phóng Thăng Long.	Sau gần 2 tháng phản công, quân dân nhà Trần đã đánh tan 50 vạn quân Nguyên, đẩy nước sạch bóng quân xâm lược, cả dân tộc ca khúc khải hoàn.
Lần thứ ba (1287 – 1288)	Cuối năm 1287, hơn 30 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan làm tổng chỉ huy ở vị tiên vào Đại Việt. Ngoài ra còn có một đoàn thuyền lương do Trương Văn Hổ chỉ huy. Đạo quân bộ do Thoát Hoan trực tiếp chỉ huy đánh vào Lạng Sơn, Bắc Giang, sau đó chiếm đóng Vạn Kiếp. Cánh quân thủy do Ô Mã Nhi chỉ huy theo đường biển ngược lên sông Bạch Đằng, kéo đến Vạn Kiếp hội quân với quân Thoát Hoan.	Một cánh quân được giao nhiệm vụ đón đánh đoàn thuyền lương, triệt đường tiếp tế lương thực của địch. Nhân dân kinh thành thực hiện kế hoạch “vườn không nhà trống” của triều đình. Mở cuộc phản công quyết định đánh bại quân xâm lược.	Quân dân nhà Trần giành thắng lợi ở trận Vạn Đồn, Bạch Đằng.	Cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân Nguyên đã kết thúc thắng lợi vẻ vang.

– Nêu nét độc đáo trong cách đánh giặc của nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân Mông Cổ, trước thế giặc mạnh, vua Trần cho lui quân để bảo toàn lực lượng, thực hiện chủ trương vườn không nhà trống, quân Mông Cổ vào Thăng Long lâm vào tình thế khó khăn thiếu lương thực, lực lượng của chúng bị tiêu hao dần. Nắm được thời cơ, quân đội nhà Trần mở cuộc phản công giành thắng lợi.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (1285), Trần Quốc Tuấn phải ra lệnh lui quân về Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương), rồi về Thăng Long, sau đó rút về Thiên Trường (Nam Định) thoát khỏi hai gọng kìm của

quân Nguyên,... nhân dân Thăng Long thực hiện lệnh vườn không nhà trống. Lợi dụng thời cơ quân Nguyên lâm vào tình thế bị động lại thiếu lương thực trầm trọng, quân nhà Trần tổ chức phản công, đánh bại quân giặc.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân xâm lược Nguyên (1287 – 1288), quân Nguyên chia làm ba đạo tiến vào chiếm đóng Thăng Long, nhân dân kinh thành lại thực hiện kế hoạch vườn không nhà trống của triều đình. Quân Nguyên rơi vào thế bị động, cạn kiệt lương thực, tinh thần quân lính hoang mang, tuyệt vọng. Thoát Hoan quyết định rút quân lên Vạn Kiếp và từ đây rút quân về nước theo hai đường thủy bộ, vua tôi nhà Trần bố trí trận mai phục ở sông Bạch Đằng làm nên chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

2.2. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên

** Mục tiêu:*

Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Trình bày nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

+ Nêu những đóng góp của Trần Quốc Tuấn trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

– Trong hoạt động này, GV có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, cho HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi đàm thoại để tìm hiểu về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

– GV tổ chức cho HS trao đổi, đàm thoại kết hợp khai thác kênh hình: Hình 10. *Tượng đài Trần Quốc Tuấn (Nam Định)* để thấy được những đóng góp to lớn của Trần Hưng Đạo trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên và sau này được nhân dân ta lập đền thờ ở nhiều nơi để tưởng nhớ, qua đó cũng góp phần

giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào về những chiến công hiển hách của ông cha ta.

– Đại diện cặp/nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Trình bày nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

+ Nguyên nhân thắng lợi:

• Huy động được tất cả các tầng lớp nhân dân, các thành phần dân tộc đều tham gia đánh giặc.

• Nhà Trần đã chuẩn bị rất chu đáo, tạo ra sự gắn bó đoàn kết giữa triều đình với nhân dân.

• Quý tộc, vương hầu nhà Trần chủ động giải quyết những bất hoà, tạo nên hạt nhân của khối đại đoàn kết dân tộc mà Trần Quốc Tuấn – nhà Lý luận quân sự, Tổng chỉ huy quân đội tài ba là tấm gương tiêu biểu.

• Vương triều Trần có đường lối lãnh đạo kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

+ Ý nghĩa lịch sử:

• Đập tan tham vọng và ý chí xâm lược của đế chế Mông – Nguyên, bảo vệ được độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, đánh bại một kẻ thù hùng mạnh và tàn bạo nhất thế giới lúc bấy giờ.

• Góp phần ngăn chặn những cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước phương Nam, làm thất bại mưu đồ thôn tính miền đất còn lại ở châu Á của Hốt Tất Liệt.

+ *Bài học kinh nghiệm:* Bài học về củng cố khối đoàn kết toàn dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là sự quan tâm của nhà nước đến toàn dân, dựa vào dân để đánh giặc.

– Nêu những đóng góp của Trần Quốc Tuấn trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

+ Nhà Lý luận quân sự, Tổng chỉ huy quân đội tài ba,...

+ Soạn *Hịch tướng sĩ* để động viên tinh thần chiến đấu của quân đội.

+ Trong các cuộc kháng chiến ông đã biết tránh chỗ địch mạnh, đưa vua nhà Trần thoát khỏi 2 gọng kìm của quân Nguyên.

+ Chọn đúng thời cơ khi quân Nguyên hết lương thực, hoang mang tổ chức phản công. Chọn cách đánh giặc độc đáo kế thừa truyền thống đánh giặc của ông cha; bố trí trận địa cọc trên sông Bạch Đằng...

3. Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược đầu thế kỉ XV của nhà Hồ

** Mục tiêu:*

Trình bày được cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược đầu thế kỉ XV của nhà Hồ.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/1, hãy:

+ Trình bày diễn biến quá trình quân Minh xâm lược nước ta và cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ.

+ Giải thích vì sao cuộc kháng chiến của nhà Hồ bị thất bại nhanh chóng.

– Trong hoạt động này, GV tổ chức HS hoạt động học tập cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu quá trình quân Minh xâm lược nước ta và cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ; đồng thời giải thích vì sao cuộc kháng chiến của nhà Hồ bị thất bại nhanh chóng.

– Trong quá trình HS làm việc, GV cần chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý, hỗ trợ khi các em gặp khó khăn.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Trình bày diễn biến quá trình quân Minh xâm lược nước ta và cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ.

+ Tháng 11 – 1406, 20 vạn quân Minh do tướng Trương Phụ cầm đầu, chia làm hai cánh tràn vào biên giới nước ta.

+ Hồ Quý Ly phải lui về thành Đa Bang (Ba Vì, Hà Nội), sau đó quân Minh chiếm thành Đa Bang, Đông Đô (Thăng Long). Quân nhà Hồ phải lui về cố thủ ở thành Tây Đô. Quân Minh tấn công vào Tây Đô, Hồ Quý Ly chạy vào Hà Tĩnh và bị bắt vào cuối tháng 6 – 1407.

- Giải thích vì sao cuộc kháng chiến của nhà Hồ bị thất bại nhanh chóng.
- + Không huy động được sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc.
- + Không được sự ủng hộ của quý tộc Trần.
- + Kế sách đánh giặc sai lầm (chỉ dựa vào thành lũy,...).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:*

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077) và ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII).

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Hoàn thành phiếu học tập: Lập bảng niên biểu về cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077) và ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII) theo nội dung sau:

Cuộc kháng chiến	Âm mưu của địch	Những thắng lợi quyết định	Người lãnh đạo
Kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077)			
Ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII)			

+ Đường lối kháng chiến của nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên có khác gì so với đường lối kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh ?

Để điền những nội dung phù hợp vào bảng thống kê trên, HS phải dựa vào những kiến thức đã học về cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077) và ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII).

– Còn câu hỏi thứ 2, HS phải nêu được sự khác nhau về đường lối kháng chiến của nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên với đường lối kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Hoàn thành phiếu học tập: Lập bảng niên biểu về cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077) và ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII) theo nội dung sau:

Cuộc kháng chiến	Âm mưu của địch	Những thắng lợi quyết định	Người lãnh đạo
Kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077)	Nhà Tống muốn xâm lược Đại Việt để giải quyết khủng hoảng trong nước. Để đánh chiếm Đại Việt, nhà Tống xúi giục vua Cham-pa đánh lên từ phía nam.	– Tiêu diệt các căn cứ tập kết quân, phá huỷ các kho tàng của giặc, hạ thành Ung Châu. – Chiến thắng trên phòng tuyến Như Nguyệt.	Lý Thường Kiệt.
Ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII)	Quân Mông – Nguyên âm mưu xâm lược Đại Việt làm cầu nối xâm lược và thôn tính các phía nam Trung Quốc.	– Đông Bộ Đầu, Tây Kết, Hàm Tử (Khoái Châu, Hưng Yên), bến Chương Dương (Thường Tín, Hà Nội), trận Vân Đồn, Bạch Đằng.	Vua tôi nhà Trần, Trần Hưng Đạo.

– Đường lối kháng chiến của nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên có khác gì so với đường lối kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh ?

+ Đường lối kháng chiến của nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên là dựa vào sức mạnh của nhân dân, động viên toàn dân đánh giặc, vua tôi đồng lòng. Chủ động tránh chỗ giặc mạnh, khi giặc yếu thì tổ chức phản công.

+ Đường lối kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh chủ yếu dựa vào quân đội để chống giặc. Cố thủ ở các thành không dựa vào nhân dân, không huy động được sức mạnh của nhân dân đánh giặc.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* Mục tiêu:

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề liên quan sau: Vận dụng nghệ thuật kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt trong các cuộc kháng chiến về sau, vận dụng bài học về sự đoàn kết vua tôi trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên, bài học kinh nghiệm được rút ra từ sự thất bại trong cuộc kháng chiến của nhà Hồ trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm sau và bảo vệ chủ quyền Tổ quốc hiện nay.

* Phương thức hoạt động:

GV giao nhiệm vụ cho HS:

– Nghệ thuật kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống đã được ông cha ta vận dụng trong các cuộc kháng chiến về sau như thế nào ?

– Bài học về sự đoàn kết vua tôi trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên có thể được vận dụng trong việc đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới biển, hải đảo hiện nay như thế nào ?

– Từ sự thất bại trong cuộc kháng chiến của nhà Hồ, em rút ra được những bài học kinh nghiệm gì trong đấu tranh chống ngoại xâm?

* Gợi ý sản phẩm:

– Nghệ thuật kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống đã được ông cha ta vận dụng trong các cuộc kháng chiến về sau như thế nào ?

Khi quân Tống đang lâm vào thế bị động, bất lợi và thất bại là không thể tránh khỏi, chúng muốn rút quân về nước, quân ta đang ở thế thắng và việc đánh bại quân Tống rất dễ dàng, thì Lý Thường Kiệt lại cho người giảng hoà, kết thúc chiến tranh. Việc kết thúc chiến tranh như vậy vừa đạt được mục tiêu là kết thúc chiến tranh, quân Tống phải rút quân về nước, bảo vệ được độc lập dân tộc mà còn làm cho quân Tống không mất danh dự, từ đó vẫn giữ được mối quan hệ giao bang với nhà Tống. Nghệ thuật đó sau này được Lê Lợi và Nguyễn Trãi vận dụng trong kết thúc cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh, đó là quân

Minh đang bị vây ở thành Đông Quan, các cánh quân tiếp viện bị đánh tơi bời, Liễu Thăng bị giết, việc lấy thành Đông Quan lúc này dễ như trở bàn tay, nhưng Lê Lợi và Nguyễn Trãi lại mở Hội thề Đông Quan kết thúc chiến tranh, cung cấp thuyền ngựa, lương thực cho quân Minh rút quân về nước...

– Bài học về sự đoàn kết vua tôi trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên có thể được vận dụng trong việc đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới biển, hải đảo hiện nay như thế nào ?

Vua tôi nhà Trần trong lúc vận mệnh dân tộc bị đe dọa đã vì quyền lợi dân tộc, từ bỏ mâu thuẫn cá nhân, đoàn kết một lòng tập trung mọi sức mạnh cho cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên. Bài học đoàn kết đó cần được vận dụng trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới biển, hải đảo hiện nay đó là cần đoàn kết tất cả mọi dân tộc, giai cấp, tầng lớp của cả dân tộc vì mục tiêu quan trọng là bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của đất nước.

– Từ sự thất bại trong cuộc kháng chiến của nhà Hồ, em rút ra được những bài học kinh nghiệm gì trong đấu tranh chống ngoại xâm?

Từ thất bại của cuộc kháng chiến của nhà Hồ, bài học rút ra là đường lối kháng chiến phải linh hoạt sáng tạo, cần phải đoàn kết, huy động mọi sức mạnh của nhân dân tham gia vào cuộc kháng chiến, trong chỉ đạo quân sự phải linh hoạt, sáng tạo...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm về các nhân vật, nội dung lịch sử có liên quan đến bài học.

+ Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hồ Quý Ly.

+ Di tích phòng tuyến Như Nguyệt.

+ Khu di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng (Quảng Yên, Quảng Ninh).

– GV hướng dẫn các em có thể lựa chọn một trong số các nội dung trên để tìm hiểu.

+ HS có thể viết báo cáo (đoạn văn hay trình chiếu hoặc bộ sưu tập ảnh...)

+ HS chia sẻ với bạn bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...

– GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

BÀI 19. TỰ NHIÊN CHÂU MỸ

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Nêu được giới hạn, vị trí địa lí châu Mỹ.
- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của châu Mỹ.
- Sử dụng lược đồ để xác định được giới hạn, vị trí địa lí và nhận biết đặc điểm tự nhiên của châu Mỹ.
- Phân tích được sự phân hoá của môi trường tự nhiên ở dãy An-đet.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm 4 hoạt động (hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng được tích hợp lại). Bài học giúp HS xác định được giới hạn, vị trí địa lí châu Mỹ; trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của châu Mỹ; thông qua đó góp phần hình thành một số năng lực cần thiết cho HS (năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,...).

Để đạt được mục tiêu của bài học này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp như giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, sử dụng phương tiện trực quan,... kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để HS được tham gia vào các hoạt động học tập, tự lĩnh hội và chiếm lĩnh tri thức.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

– Giúp HS nhớ lại kiến thức đã được học về châu Mỹ ở cấp Tiểu học và một phần kiến thức liên quan đến châu Mỹ ở bài 2 (Thế giới rộng lớn và đa dạng).

– Gọi cho HS có hứng thú khi tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của châu Mỹ.

* Phương thức hoạt động:

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV có thể yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết nhanh kết quả trả lời ra giấy, sau đó gọi một hoặc hai HS báo cáo kết quả.

** Gọi ý sản phẩm:*

Sẽ có sự khác nhau giữa các HS. Sản phẩm của HS có thể không như mong đợi, nhưng nó là cơ sở để GV lựa chọn cách tổ chức hoạt động học tập cho HS nhằm đạt được mục tiêu của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về giới hạn và vị trí địa lí

** Mục tiêu:* HS xác định được giới hạn và nêu được vị trí địa lí châu Mỹ.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Đây là nội dung không khó, HS có thể dựa vào tài liệu HDHKHXH7/2 để trả lời.

(GV lưu ý để HS tìm các đường vòng cực, chí tuyến, xích đạo để rút ra nhận xét).

** Gọi ý sản phẩm:*

– Về giới hạn châu Mỹ (dựa vào lược đồ hình 1).

– Về vị trí địa lí châu Mỹ và kênh đào Pa-na-ma (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

2. Tìm hiểu về địa hình và khoáng sản

** Mục tiêu:* Trình bày được ở mức độ đơn giản về đặc điểm địa hình và khoáng sản châu Mỹ.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi kết quả với bạn bên cạnh. Nội dung này không khó, HS chỉ cần căn cứ vào hình 1 và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 là có thể trình bày được ở mức độ đơn giản đặc điểm địa hình và khoáng sản châu Mỹ.

** Gọi ý sản phẩm:*

– Câu hỏi 1 (xem thông tin và dựa vào hình 1 trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Câu hỏi 2: xem chú giải hình 1. Về sự phân bố khoáng sản: tập trung nhiều ở Bắc Mỹ, phía tây và đồng bằng trung tâm.

3. Tìm hiểu về khí hậu

* *Mục tiêu:* Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm khí hậu châu Mỹ.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- Với nội dung này, GV có thể cho HS làm việc nhóm; trong quá trình HS làm việc, GV quan sát HS, khoảng ½ thời gian, GV đi các nhóm kiểm tra kết quả; hỗ trợ các nhóm không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

Lưu ý: GV có thể sử dụng nhóm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đi hỗ trợ nhóm khác chưa hoàn thành nhiệm vụ hoặc có thể cho thêm câu hỏi nâng cao đối với nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ. Để trả lời câu hỏi thứ 2, GV có thể gợi ý cho HS liên hệ với phần vị trí để trả lời.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Châu Mỹ có rất nhiều đới và kiểu khí hậu (dựa vào lược đồ các đới khí hậu trên Trái Đất, nêu tên các đới và kiểu khí hậu ở châu Mỹ).
- Châu Mỹ có nhiều đới và kiểu khí hậu là do châu Mỹ nằm trải dài trên nhiều vĩ độ, được bao bọc bởi các biển và đại dương, hình dạng kéo dài, địa hình châu Mỹ có các dãy núi cao, đồ sộ, các dòng biển nóng, lạnh,...
- So với các đới và kiểu khí hậu của các châu lục khác thì châu Mỹ có nhiều đới và kiểu khí hậu hơn.

4. Tìm hiểu về sông ngòi và thảm thực vật

* *Mục tiêu:*

Trình bày được một số sông lớn và kiểu thảm thực vật chính ở châu Mỹ và giải thích ở mức độ đơn giản về sự đa dạng của các kiểu thảm thực vật ở châu lục này.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- Với câu 1, HS làm việc cá nhân, câu 2 thì HS có thể làm việc cặp đôi.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Tên một số sông lớn ở châu Mỹ (A-ma-dôn, Mi-xi-xi-pi,...).
- Các kiểu thảm thực vật chính ở châu Mỹ (rừng rậm nhiệt đới, rừng lá rộng, rừng cận nhiệt đới, rừng lá kim, xavan, thảo nguyên,...).

– Châu Mĩ có nhiều kiểu thảm thực vật chủ yếu là do sự đa dạng về khí hậu; tuy nhiên HS có thể trả lời/phân tích thêm: châu Mĩ nằm trải dài trên nhiều vĩ độ, sự phân hoá về địa hình, tác động của dòng biển,... GV sẽ đánh giá cao hơn.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* Củng cố lại những kiến thức, kĩ năng đã học về đặc điểm tự nhiên châu Mĩ.

* *Phương thức hoạt động:*

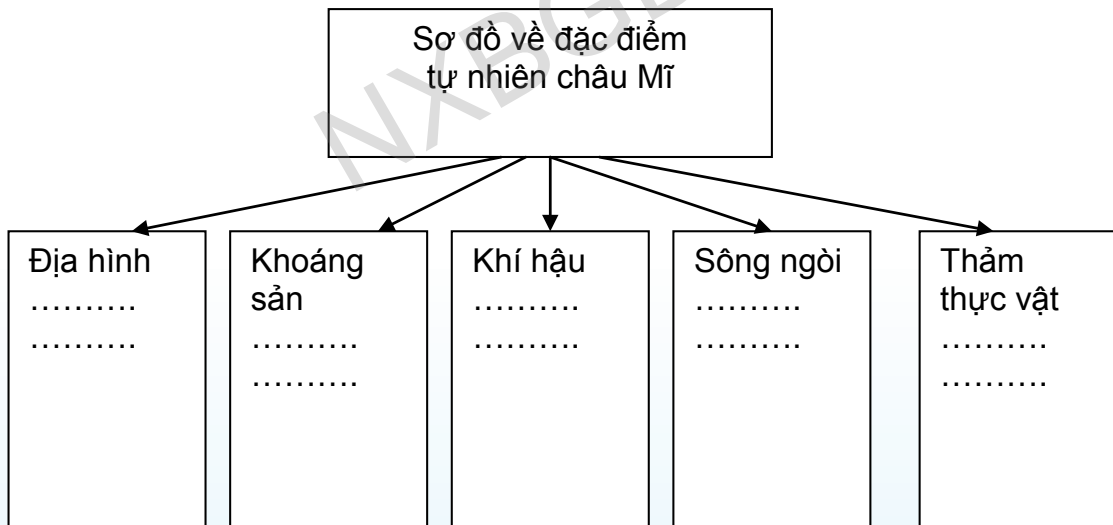
– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV có thể gợi ý HS dựa vào kiến thức đã học xây dựng sơ đồ về đặc điểm tự nhiên ở châu Mĩ.

– Dựa vào hình 1, vận dụng kiến thức về dòng biển, gió phơn để giải thích tại sao từ độ cao 0m đến 1000m của dãy Anđet, ở sườn đông có rừng nhiệt đới còn ở sườn tây là thực vật nửa hoang mạc.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Sơ đồ về đặc điểm tự nhiên châu Mĩ:



Lưu ý: HS có thể sắp xếp khác sơ đồ trên nhưng thể hiện được các đặc điểm tự nhiên châu Mĩ và hợp lí vẫn được đánh giá như nhau.

– Bảng phân tầng thảm thực vật theo độ cao giữa sườn tây và sườn đông dãy An-đet:

Sườn tây dãy An-đet		Sườn đông dãy An-đet	
Độ cao (m)	Đại thực vật	Độ cao (m)	Đại thực vật
0–1000	Thực vật nửa hoang mạc.	0–1000	Rừng nhiệt đới.
1000–2000	Cây bụi xương rồng.	1000–1300	Rừng lá rộng.
2000–3000	Chủ yếu là đồng cỏ cây bụi (ngoài ra còn có cả cây bụi xương rồng).	1300–3000	Rừng lá kim.
3000–5000	Chủ yếu là đồng cỏ núi cao (ngoài ra còn có cả đồng cỏ cây bụi).	3000–4000	Đồng cỏ.
Trên 5000	Băng tuyết.	4000–5000	Đồng cỏ núi cao.
		Trên 5000	Băng tuyết.

– Giải thích: do sườn tây dãy An-đet có khí hậu khô nóng hơn sườn đông dãy An-đet, chủ yếu do ảnh hưởng của dòng biển lạnh Pê-ru. Sườn đông dãy An-đet mưa nhiều hơn sườn tây dãy An-đet vì chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch từ biển thổi vào nên từ độ cao 0m đến 1000m, ở sườn đông có rừng nhiệt đới còn ở sườn tây là thực vật nửa hoang mạc.

Lưu ý: GV đánh giá cao HS giải thích được ảnh hưởng của dòng biển lạnh Pê-ru tới cảnh quan sườn tây dãy An-đet; hoặc GV giải thích để HS hiểu thêm về ảnh hưởng của dòng biển lạnh Pê-ru tới cảnh quan sườn tây dãy An-đet (dòng biển lạnh Pê-ru rất mạnh chảy sát bờ biển, làm cho hơi nước từ biển vào đi qua dòng biển này gặp lạnh ngưng đọng thành sương mù. Khi không khí vào đến đất liền đã mất hơi nước, trở nên khô; mưa rất hiếm tạo điều kiện cho hoang mạc phát triển).

D-E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để nêu được ý nghĩa của kênh đào Pa-na-ma.

* *Phương thức hoạt động:*

– Cá nhân HS làm việc ở nhà. GV có thể gợi ý để HS tìm kiếm thông tin về kênh đào Pa-na-ma (ở sách báo, trên mạng,...).

– Sau khi sưu tầm thông tin, HS viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 dòng) nêu ý nghĩa của kênh đào Pa-na-ma. Sản phẩm này HS có thể trao đổi cho nhau để cùng tham khảo.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Đoạn văn ngắn hoặc những thông tin HS sưu tầm được.

BÀI 20. DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU MỸ

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Biết được châu Mỹ là châu lục của những người nhập cư, thành phần chủng tộc đa dạng.
- Trình bày và giải thích được một số vấn đề phân bố dân cư và đô thị hoá ở châu Mỹ.
- Sử dụng lược đồ để nhận biết được các luồng nhập cư vào châu Mỹ ; nêu được sự phân bố dân cư và đô thị.
- Tôn trọng sự bình đẳng giữa các chủng tộc trên thế giới.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo một chuỗi 5 hoạt động, nhằm giúp HS biết được châu Mỹ là vùng đất của những người nhập cư, có thành phần chủng tộc, văn hoá đa dạng; dân cư phân bố không đồng đều; tốc độ đô thị hoá cao nhưng có sự khác nhau giữa các nước Bắc Mỹ với các nước Trung và Nam Mỹ; một số vấn đề xã hội cần phải giải quyết đối với vùng đất của người nhập cư.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Một số phương pháp được sử dụng trong bài học như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, phương pháp trực quan (bản đồ)...., GV có thể sử dụng các phương pháp khác cho phù hợp với thực tế.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:* Gợi lại những kiến thức các em đã học ở Tiểu học, ở bài 2 (Thế giới rộng lớn và đa dạng) và những hiểu biết của bản thân để kể ra một số chủng tộc ở châu Mỹ và sự ảnh hưởng của các chủng tộc đến dân cư và xã hội ở châu lục này.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho từng HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS làm việc cá nhân, ghi ra giấy những hiểu biết của mình theo yêu cầu của câu hỏi.

– GV gọi 2 HS báo cáo kết quả trước lớp hoặc thu tờ giấy trả lời câu hỏi của một số em và đọc nhanh kết quả đó.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Ở vế thứ nhất của câu hỏi, HS sẽ dễ dàng trả lời được; nhưng ở vế thứ hai của câu hỏi, HS sẽ khó trả lời hơn và kết quả sẽ có sự khác nhau, thậm chí không được như mong đợi, lúc này GV sẽ gợi mở dẫn dắt vào bài.

– Sự đa dạng về chủng tộc có ảnh hưởng đến dân cư và xã hội châu Mỹ: tạo nên sự đa dạng về văn hoá – xã hội; sự hoà huyết giữa các chủng tộc; phân biệt chủng tộc; mâu thuẫn tôn giáo,...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Khám phá về vùng đất của dân nhập cư có thành phần chủng tộc đa dạng

** Mục tiêu:* Biết được châu Mỹ là châu lục của những người nhập cư, có thành phần chủng tộc đa dạng.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS quan sát hình, rút ra nhận xét về các luồng nhập cư vào châu Mỹ. (GV có thể gợi ý về hướng và màu sắc của các mũi tên để HS nhận biết về các luồng nhập cư).

– Để trả lời được câu hỏi 2, GV có thể gợi ý cho HS căn cứ vào luồng nhập cư hoặc vào thông tin trong sách để trả lời.

** Gợi ý sản phẩm:*

– HS có thể nêu/ hoặc phân tích các luồng nhập cư vào châu Mỹ: Người Môn-gô-lô-it di dân từ châu Á đến châu Mỹ từ thời xa xưa (họ chia thành người E-xki-mô sống ở vùng cực Bắc châu Mỹ và người Anh-điêng phân bố khắp châu Mỹ). Từ thế kỉ XVI: người gốc Âu nhập cư (dẫn chứng), người châu Phi bị bắt sang làm nô lệ... Ngoài ra, có thể HS sẽ nói được, ngày nay châu Mỹ, nhất là Hoa Kì và Ca-na-đa có sức hấp dẫn đối với người nhập cư.

– Châu Mỹ có thành phần chủng tộc đa dạng vì đây là châu lục của người nhập cư. Lịch sử nhập cư đã tạo nên sự đa dạng về thành phần chủng tộc ở châu lục này.

2. Tìm hiểu về dân số và phân bố dân cư

* *Mục tiêu:* Trình bày được khái quát về dân số và phân bố dân cư châu Mỹ.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS đọc thông tin, ghi tóm tắt ra vở đặc điểm dân số châu Mỹ. Sau đó kẻ và điền vào bảng phân bố dân cư. GV gợi ý HS căn cứ vào chú giải hình 2 để nhận biết mật độ dân số và vùng phân bố chủ yếu; hoặc có thể kết hợp giữa hình 2 và thông tin để hoàn thành bảng phân bố dân cư.

– HS có thể trao đổi sản phẩm và báo cáo kết quả.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Khái quát đặc điểm dân số (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Phân bố dân cư châu Mỹ.

Mật độ dân số	Vùng phân bố chủ yếu
Dưới 1 người/km ²	Bán đảo A-la-xca, phía bắc Ca-na-đa, đồng bằng A-ma-dôn, phía nam dãy An-đet...
Từ 1 – 10 người/km ²	Hệ thống Cooc-đi-e, dãy An-đet, phía tây sơn nguyên Bra-xin...
Từ 11 – 50 người/km ²	Dải đồng bằng hẹp ven Thái Bình Dương và Đại Tây Dương; các cao nguyên Trung và Nam Mỹ.
Từ 51 – 100 người/km ²	Phía đông Hoa Kỳ, đông nam Bra-xin.
Trên 100 người/km ²	Phía nam Hồ Lớn và vùng duyên hải Đông Bắc Hoa Kỳ.

3. Tìm hiểu một số đặc điểm đô thị hoá

* *Mục tiêu:* Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm đô thị hoá ở châu Mỹ.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Đây là nhiệm vụ không khó, dựa vào lược đồ mật độ dân số và các đô thị lớn ở châu Mỹ (hình 2), HS sẽ nêu được các thành phố có số dân trên 8 triệu người; đọc thông tin HS sẽ biết được sự khác nhau cơ bản về đô thị hoá giữa Bắc Mỹ với Trung và Nam Mỹ.

Lưu ý: GV có thể phân tích hai hình ảnh minh họa để thấy sự khác nhau về đô thị hoá ở Bắc Mỹ với Trung và Nam Mỹ: Hình 3. Một góc thành phố Niu I-ooc, với nhiều nhà cao tầng hiện đại, chen chúc nhau,...; Hình 4. Một góc thành phố

Ri-ô đê Gia-nê-rô (khu ổ chuột Rô-cin-ha), nhà cửa lụp xụp, chật chội, cũ nát, không theo quy hoạch,...

– Sau khi HS thực hiện xong nhiệm vụ theo yêu cầu của tài liệu HDHKHXH7/2, GV có thể yêu cầu HS nhận xét sự phân bố các đô thị trên 8 triệu người ở châu Mỹ và giải thích nguyên nhân.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Một số đô thị trên 8 triệu người (dựa vào hình 2 để kể tên).

– Sự khác nhau về đô thị hoá giữa Bắc Mỹ với Trung và Nam Mỹ: ở Bắc Mỹ đô thị hoá gắn với quá trình công nghiệp hoá; còn Trung và Nam Mỹ, chủ yếu đô thị hoá tự phát, đô thị hoá nhanh trong khi kinh tế còn chậm phát triển.

4. Tìm hiểu khái quát một số vấn đề xã hội

* *Mục tiêu:* Nêu được khái quát một số vấn đề xã hội châu Mỹ.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS đọc thông tin, trả lời câu hỏi, trao đổi sản phẩm.

– GV có thể gợi ý, HS căn cứ vào bảng số liệu: GDP/người của một số nước châu Mỹ năm 2012 để thấy được sự chênh lệch về thu nhập giữa các quốc gia ở châu lục này.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Một số tồn tại trong xã hội châu Mỹ: sự đa dạng về chủng tộc dễ dẫn tới mâu thuẫn chủng tộc, tôn giáo, khó khăn trong quản lí xã hội; chênh lệch về mức sống giữa các nước, giải quyết việc làm gặp nhiều khó khăn...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* củng cố lại và khắc sâu kiến thức, kĩ năng đã học.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Với câu hỏi 1, HS chỉ cần tái hiện lại kiến thức đã học ở mục 2 là có thể trả lời được nguyên nhân làm cho dân số châu Mỹ tăng nhanh.

– Với câu hỏi 2, HS cần vận dụng kiến thức đã học ở cả bài 19 để trả lời, sau khi làm xong, HS có thể trao đổi kết quả và bổ sung cho nhau.

– Với câu hỏi 3, vận dụng kiến thức đã học ở mục 3, 4 và những hiểu biết của bản thân để trả lời.

– Sau khi HS làm bài xong, GV gọi HS báo cáo kết quả lần lượt theo các câu hỏi; HS trao đổi, bổ sung và hoàn thiện sản phẩm.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Dân số châu Mỹ tăng nhanh là do tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở một số nước còn cao, nhất là các nước Trung và Nam Mỹ; trong những năm gần đây, châu Mỹ (nhất là Bắc Mỹ) có sức hấp dẫn đối với dân nhập cư; ngoài ra chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao, y tế phát triển, tỉ lệ tử vong giảm... cũng có tác động đến gia tăng dân số.

– Dân cư châu Mỹ phân bố rất không đồng đều phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế – xã hội, lịch sử nhập cư... Chẳng hạn những nơi dân cư thưa thớt thường có khí hậu khắc nghiệt (lạnh giá, khô hạn), địa hình núi cao hiểm trở, rừng rậm...; những nơi dân cư tập trung đông đúc có sự thuận lợi về tự nhiên: khí hậu mát mẻ, địa hình tương đối bằng phẳng, ven biển thuận lợi cho giao thông vận tải, kinh tế phát triển...

– Những vấn đề xã hội nảy sinh do đô thị hoá tự phát ở Trung và Nam Mỹ: giải quyết việc làm, nhà ở gặp nhiều khó khăn; chất lượng cuộc sống thấp; dễ nảy sinh các tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự; môi trường ô nhiễm...

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để trình bày ảnh hưởng của các cuộc phát kiến địa lí đối với lịch sử nhập cư đến châu Mỹ.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV hướng dẫn HS, dựa vào kiến thức của bài 1 (Các cuộc phát kiến địa lí) và kiến thức đã học trong bài cũng như những hiểu biết của bản thân, liệt kê các cuộc phát kiến địa lí xem cuộc phát kiến nào có ảnh hưởng tới lịch sử nhập cư ở châu Mỹ.

– Viết thành một đoạn văn ngắn về ảnh hưởng (tích cực và tiêu cực) của cuộc phát kiến địa lí này đến lịch sử nhập cư vào châu Mỹ.

– Nếu HS khó thực hiện nhiệm vụ này GV có thể thay bằng một câu hỏi khác, hoặc GV có thể gợi ý cho HS: cuộc phát kiến địa lí có ảnh hưởng tới lịch sử nhập cư ở châu Mỹ là cuộc phát kiến địa lí của Cri-xtôp Cô-lôm-bô; ảnh hưởng tích cực của phát kiến địa lí này tới lịch sử nhập cư ở châu Mỹ là: mang lại cho châu Mỹ một lực lượng lao động dồi dào; đa dạng về chủng tộc, tôn giáo, văn hoá – xã hội; khai phá những vùng đất mới...; ảnh hưởng tiêu cực là tàn sát người Anh-điêng, cưỡng bức người da đen từ châu Phi sang làm nô lệ, các mâu thuẫn về xã hội từ chính sự đa dạng của các chủng tộc.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm của HS sẽ rất khác nhau, GV khuyến khích để các cá nhân trao đổi và bổ sung sản phẩm cho nhau.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Khuyến khích HS tìm hiểu thêm một số nội dung có liên quan đến bài học.

* *Phương thức hoạt động:* GV khuyến khích để HS thực hiện và chia sẻ sản phẩm với nhau.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là những thông tin HS sưu tầm được.

BÀI 21. KINH TẾ CHÂU MỸ

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Biết được quy mô kinh tế châu Mỹ so với thế giới.
- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm kinh tế châu Mỹ.
- Sử dụng lược đồ để nhận biết được đặc điểm kinh tế châu Mỹ.
- Nhận xét, phân tích được số liệu thống kê về kinh tế.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành một chuỗi 5 hoạt động, nhằm giúp HS biết được một cách khái quát về đặc điểm kinh tế châu Mỹ.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Một số phương pháp được sử dụng trong bài học như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, phương pháp trực quan (bản đồ, tranh ảnh...), phân tích số liệu thống kê... GV có thể sử dụng các phương pháp khác cho phù hợp với địa phương.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:* HS biết được quy mô kinh tế châu Mỹ so với thế giới và nêu được những hiểu biết về kinh tế châu Mỹ.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.
- Gọi hai HS báo cáo sản phẩm trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Nhận xét: so với các châu lục khác, châu Mỹ có tỉ trọng GDP cao, nhưng đang có xu hướng giảm.

– Những hiểu biết của HS về kinh tế châu Mỹ sẽ có sự khác nhau và thậm chí có thể nhiều HS không trả lời được, lúc này GV sẽ có những dẫn dắt vào bài.

Lưu ý: GV có thể thay nội dung hoạt động này cho phù hợp với thực tế nhưng phải đảm bảo nguyên tắc là nội dung đó không đi lệch mục tiêu và nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về nông nghiệp

* *Mục tiêu:* Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm nông nghiệp châu Mỹ.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- HS có thể trao đổi sản phẩm, bổ sung cho nhau; báo cáo trước lớp.

Lưu ý: GV có thể chuẩn bị sẵn câu hỏi dành cho những HS khá giỏi, ví dụ: Giải thích tại sao lại có sự khác nhau về sản xuất nông nghiệp giữa các nước Bắc Mỹ với các nước Trung và Nam Mỹ.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Sự khác nhau về sản xuất nông nghiệp giữa các nước Bắc Mỹ với các nước Trung và Nam Mỹ (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Một số sản phẩm nông nghiệp chính ở châu Mỹ và sự phân bố của chúng: HS có thể kẻ bảng như sau:

Sản phẩm nông nghiệp	Nơi phân bố chủ yếu
Lúa mì, ngô	Hoa Kì, Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Bra-xin, Ac-hen-ti-na, Pê-ru...
Đậu tương	Hoa Kì, Bra-xin, Ac-hen-ti-na...
Chuối	Các quốc gia ở eo đất Trung Mĩ
Nho	Ac-hen-ti-na, Bra-xin
Mía	Các quốc gia trên quần đảo Ăng-ti, nhất là Cu-ba
Cà phê	Các quốc gia ở eo đất Trung Mĩ và quần đảo Ăng-ti, Bra-xin, Cô-lôm-bi-a...
Cao su	Bra-xin
Bông	Hoa Kì, Mê-hi-cô, Bra-xin, Ac-hen-ti-na...
Lợn	Hoa Kì, Bra-xin...
Bò	Bra-xin, Ac-hen-ti-na, Hoa Kì
Cừu	Bra-xin, Mê-hi-cô...

Lưu ý: HS có thể không kẻ bảng như trên mà dựa vào hình 4, nêu được các sản phẩm nông nghiệp chính (cây trồng, vật nuôi) và sự phân bố của chúng, hoặc HS có thể nêu khái quát: cây lương thực phân bố chủ yếu ở Hoa Kì, Bra-xin...; cây công nghiệp và cây ăn quả phân bố nhiều ở các nước Trung và Nam Mĩ; chăn nuôi (lợn, bò, cừu) phân bố ở những nước có nhiều hoa màu lương thực, nhiều đồng cỏ... (Hoa Kì, Bra-xin, Ac-hen-ti-na...), kết quả vẫn được đánh giá như nhau.

2. Tìm hiểu về công nghiệp

* *Mục tiêu:* Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm công nghiệp châu Mĩ.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV có thể gợi ý để HS thực hiện nhiệm vụ: đọc kĩ câu hỏi, dựa vào thông tin đã cho để trả lời câu hỏi (ghi tóm tắt kết quả ra giấy).
- HS trao đổi sản phẩm, báo cáo, bổ sung và hoàn thiện sản phẩm.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Đặc điểm nổi bật về công nghiệp ở châu Mỹ (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Các trung tâm công nghiệp của châu Mỹ phân bố chủ yếu ở ven biển và phía bắc Hồ Lớn (Hoa Kỳ).

– Hoàn thành bảng các ngành công nghiệp chủ yếu ở một số nước và khu vực (dựa vào thông tin hoặc hình 4 trong tài liệu HDHKHXH7/2 để trả lời).

3. Tìm hiểu về dịch vụ

** Mục tiêu:* Biết được vai trò của ngành dịch vụ và một số ngành dịch vụ quan trọng ở một số nước châu Mỹ.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

Lưu ý: GV có thể cung cấp thêm thông tin về cơ cấu GDP một số nước khu vực Trung và Nam Mỹ để HS nhận ra, trong cơ cấu GDP, ngành dịch vụ các nước Bắc Mỹ chiếm tỉ trọng cao hơn các nước Trung và Nam Mỹ.

– HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung để hoàn thành sản phẩm.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Ở một số nước châu Mỹ, ngành dịch vụ đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế (dẫn chứng).

– Một số ngành dịch vụ quan trọng ở châu lục này (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 để trả lời).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:* Củng cố và khắc sâu thêm kiến thức, kĩ năng đã học.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi sản phẩm cho nhau; báo cáo kết quả, GV chốt lại nếu cần.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Nền nông nghiệp của Hoa Kỳ và Ca-na-đa phát triển ở trình độ cao do điều kiện tự nhiên có nhiều thuận lợi (dẫn chứng); trình độ khoa học kĩ thuật tiên tiến (dẫn chứng),...

– Các trung tâm công nghiệp ở châu Mỹ phân bố chủ yếu ở ven biển do có sự thuận lợi về điều kiện tự nhiên, thuận lợi về giao thông vận tải, gần nguồn nguyên liệu, dân cư tập trung đông (vừa cung cấp lực lượng lao động, vừa là thị trường tiêu thụ),...

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:* Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS về nhà trao đổi với người thân về một số sản phẩm nông nghiệp ở châu Mỹ và Việt Nam cùng có.

– Dựa vào một số sản phẩm nông nghiệp đã học trong bài, liên hệ với những sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam, xem Việt Nam và Hoa Kỳ cùng có những sản phẩm nào.

** Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể là thông tin, tranh ảnh về nội dung mà HS tìm hiểu.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

** Mục tiêu:* HS có hứng thú để tìm hiểu, khám phá, nâng cao thêm hiểu biết về một số nội dung liên quan đến bài học.

** Phương thức hoạt động:*

– Khuyến khích để HS sưu tầm thông tin để biết thêm về ngành công nghiệp hàng không vũ trụ của Hoa Kỳ.

Lưu ý: GV có thể thay bằng một nội dung khác cho phù hợp với đối tượng HS hoặc có thể để HS tự tìm tòi mở rộng về một vấn đề nào đó có liên quan đến nội dung bài học mà HS thấy hứng thú.

** Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là bài viết hoặc thông tin HS sưu tầm được.

BÀI 22. CÁC KHU VỰC CHÂU MỸ

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Nêu được giới hạn, vị trí địa lí của khu vực Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ.
- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm về tự nhiên, kinh tế – xã hội của các khu vực châu Mỹ.
- Trình bày được Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) và Khối kinh tế Mec-cô-xua (MERCOSUR).
- Nêu được vấn đề khai thác vùng A-ma-dôn và những vấn đề về môi trường cần quan tâm.
- Sử dụng lược đồ để nhận biết được đặc điểm tự nhiên, kinh tế các khu vực của châu Mỹ.
- Phân tích được bảng số liệu để rút ra nhận xét.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo một chuỗi 5 hoạt động, nhằm giúp HS biết được một cách khái quát về đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội; Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ và Khối kinh tế Mec-cô-xua; vấn đề khai thác vùng A-ma-dôn ở các khu vực của châu Mỹ.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:* Gợi lại những kiến thức các em đã học và nêu những hiểu biết của bản thân về các khu vực ở châu Mỹ.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.
- GV gọi hai HS báo cáo kết quả trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sẽ có nhiều câu trả lời khác nhau, GV gợi mở, dẫn dắt vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu khu vực Bắc Mĩ

a) Tự nhiên

* *Mục tiêu:* Nêu được giới hạn, vị trí địa lí; trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên khu vực Bắc Mĩ.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV có thể gợi ý, chỉ vị trí lát cắt địa hình Bắc Mĩ cắt ngang Hoa Kì theo vĩ tuyến 40°B (hình 2) tương ứng với vị trí hình 1, để HS thấy rõ sự phân chia thành 3 khu vực địa hình Bắc Mĩ.

– Nội dung câu hỏi không khó, HS làm việc cá nhân, ghi ngắn gọn kết quả ra vở.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Giới hạn và vị trí địa lí khu vực Bắc Mĩ. (Có thể chỉ trên lược đồ, hình 1).
- Những nét nổi bật nhất về địa hình và khí hậu Bắc Mĩ (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).
- Các khoáng sản và thảm thực vật chính ở khu vực này (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

b) Kinh tế – xã hội

* *Mục tiêu:* Biết được một cách khái quát về đặc điểm dân cư và kinh tế Bắc Mĩ.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- HS thực hiện nhiệm vụ: đọc thông tin, vận dụng kiến thức đã học, nêu ngắn gọn đặc điểm dân cư và kinh tế khu vực này.
- Trao đổi sản phẩm và báo cáo kết quả trước lớp.

Lưu ý: HS cần dựa vào bảng số liệu để chứng minh các nước Bắc Mĩ có thu nhập cao.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Đặc điểm dân cư ở khu vực Bắc Mĩ: Các nước Bắc Mĩ có số dân khá đông; Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên có sự khác nhau giữa các nước; Bắc Mĩ là một trong những khu vực hiện nay thu hút dân nhập cư bậc nhất thế giới; người dân có mức sống cao.

– Khái quát đặc điểm kinh tế ở khu vực này (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

c) Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA)

* *Mục tiêu*: Biết được mục tiêu của NAFTA.

* *Phương thức hoạt động*:

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Nội dung này không khó, HS thực hiện cá nhân: dựa vào tài liệu, ghi tóm tắt kết quả vào vở theo gợi ý trong tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV gọi 2 HS báo cáo kết quả. GV nhận xét, bổ sung.

* *Gợi ý sản phẩm*:

Tóm tắt về năm thành lập, các nước thành viên và mục tiêu của NAFTA (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

2. Tìm hiểu khu vực Trung và Nam Mỹ

a) Tự nhiên

* *Mục tiêu*: Nêu được giới hạn, vị trí địa lí; trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên khu vực Trung và Nam Mỹ.

* *Phương thức hoạt động*:

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi sản phẩm, bổ sung cho nhau.

(Lưu ý: GV có thể yêu cầu thêm HS so sánh đặc điểm địa hình Bắc Mỹ với Trung và Nam Mỹ. Gợi ý cho HS căn cứ vào vị trí địa lí, hình dạng, đặc điểm địa hình Trung và Nam Mỹ; lược đồ hình 2, bài 19 để biết các kiểu khí hậu Trung và Nam Mỹ và giải thích vì sao khu vực này có gần đủ các kiểu khí hậu trên Trái Đất).

* *Gợi ý sản phẩm*:

– Vị trí địa lí khu vực Trung và Nam Mỹ (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Đặc điểm địa hình và kể tên các khoáng sản, kiểu thảm thực vật chính ở khu vực Trung và Nam Mỹ (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Trung và Nam Mỹ có gần đủ các kiểu khí hậu trên Trái Đất do trải dài trên nhiều vĩ độ (nằm ở nửa cầu Bắc và chủ yếu ở nửa cầu Nam), hình dạng lãnh thổ (phần rộng nhất nằm ở các vĩ độ thấp, càng xuống phía nam hình dạng lãnh thổ càng thu hẹp lại), cấu trúc địa hình, vị trí gần hay xa biển,...

b) Kinh tế – xã hội

* *Mục tiêu:* Biết được một cách khái quát về đặc điểm dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Trung và Nam Mỹ.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi sản phẩm và báo cáo kết quả trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Một số vấn đề về dân cư, xã hội ở khu vực Trung và Nam Mỹ (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Khái quát đặc điểm kinh tế ở khu vực này (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

c) Khối thị trường chung Mec-cô-xua

* *Mục tiêu:* Biết được mục tiêu của khối thị trường chung Mec-cô-xua.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Nội dung này không khó, HS thực hiện cá nhân: dựa vào tài liệu, ghi tóm tắt kết quả vào vở theo gợi ý trong tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV gọi 2 HS báo cáo kết quả. GV nhận xét, bổ sung.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sau khi thực hiện nhiệm vụ, HS có thể tóm tắt được về năm thành lập, các nước thành viên và mục tiêu của Mec-cô-xua.

d) Vấn đề khai thác rừng A-ma-dôn

* *Mục tiêu:* Giải thích được ý nghĩa của việc bảo vệ rừng A-ma-dôn.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– HS đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, trao đổi sản phẩm với bạn bên cạnh; báo cáo kết quả trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Phải đặt vấn đề bảo vệ rừng A-ma-dôn vì rừng A-ma-dôn là lá phổi của thế giới, một vùng dự trữ sinh học quý giá; có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp, công nghiệp và giao thông vận tải đường sông.

– Việc khai thác rừng A-ma-dôn có tác động đến kinh tế và môi trường: góp phần phát triển kinh tế và đời sống người dân ở vùng đồng bằng A-ma-dôn nhưng cũng làm cho môi trường rừng A-ma-dôn bị huỷ hoại dần, ảnh hưởng tới khí hậu khu vực và toàn cầu.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học; rèn luyện kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
– GV gợi ý HS nhận xét và giải thích sự thay đổi về tỉ trọng GDP của các khu vực châu Mỹ.

– HS trao đổi sản phẩm và báo cáo kết quả trước lớp để cùng sửa chữa.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Vẽ 2 biểu đồ tròn (lưu ý đúng và đẹp).
– Nhận xét: Có sự khác nhau về tỉ trọng GDP giữa hai khu vực ở châu Mỹ. Khu vực Bắc Mỹ chiếm tỉ trọng GDP rất cao nhưng có xu hướng giảm; khu vực Trung và Nam Mỹ, ngược lại (dẫn chứng).

– Giải thích: Các nước Bắc Mỹ có nền kinh tế rất phát triển nhưng đang bị cạnh tranh bởi Nhật Bản, Liên minh châu Âu, các nước công nghiệp mới; còn các nước khu vực Trung và Nam Mỹ kém phát triển hơn, nhưng trong những năm gần đây nhiều nước công nghiệp mới đã xuất hiện ở khu vực này.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* *Mục tiêu:* HS biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đất nước hoặc địa phương.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
– GV nhắc HS đọc kĩ nội dung: d) Vấn đề khai thác rừng A-ma-dôn để liên hệ với thực tiễn Việt Nam (hoặc với địa phương) về vấn đề khai thác và bảo vệ rừng.

– GV có thể gợi ý việc khai thác rừng mang lại những gì? Hậu quả của việc khai thác rừng bừa bãi? Cần có biện pháp gì để bảo vệ rừng.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Bài viết hoặc tập tranh ảnh về khai thác và hậu quả của việc khai thác rừng bừa bãi.

– Sản phẩm này có thể trưng bày ở một vị trí nào đó của nhà trường để mọi người quan sát và cùng có ý thức bảo vệ rừng.

Lưu ý: GV cũng có thể thay thế nội dung này sao cho phù hợp với thực tế.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Mong muốn HS tiếp tục tìm tòi mở rộng kiến thức có liên quan đến nội dung bài học.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV khuyến khích HS thực hiện.
- Có thể để HS tự tìm tòi về một vấn đề gì đó có liên quan mà HS thấy hứng thú, không nhất thiết tất cả HS phải thực hiện một nhiệm vụ như trong tài liệu HDHKHXH7/2.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là bài viết, thông tin, tranh ảnh về nội dung HS tìm tòi.

BÀI 23. CHÂU NAM CỰC

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Nêu được phạm vi, giới hạn lãnh thổ và vị trí địa lí của châu Nam Cực.
- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên của châu Nam Cực.
- Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lát cắt địa hình, lược đồ về đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực.
- Có ý thức trách nhiệm đối với việc bảo vệ môi trường.

1. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành một chuỗi 5 hoạt động, với mục tiêu là tìm hiểu về vị trí địa lí, giới hạn, trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực, vận dụng kiến thức được học để tìm hiểu thêm về hiện tượng suy giảm tầng ôzôn ở Nam Cực.

GV vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học cho HS, chú ý rèn luyện cho HS các kĩ năng phân tích lược đồ, biểu đồ và lát cắt địa lí tự nhiên. GV động viên khuyến khích HS tìm hiểu thêm kiến thức về châu Nam Cực.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

** Mục tiêu:*

- Giúp HS nhớ lại những kiến thức đã học về châu Nam Cực ở Tiểu học và nêu những hiểu biết của bản thân về châu lục này.
- Gọi cho HS hứng thú khi tìm hiểu về châu Nam Cực.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV lưu ý HS nêu những hiểu biết của mình về châu Nam Cực.
- HS có thể khai thác nội dung các hình trong tài liệu HDHKHXH7/2 để viết ra những hiểu biết và trao đổi với bạn bên cạnh, chuẩn bị tham gia trao đổi với cả lớp.

** Gợi ý sản phẩm:*

Kết quả HS viết ra giấy những hiểu biết của mình về châu Nam Cực, GV tổng hợp, tạo ra tình huống để đặt dẫn vào nội dung của bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về phạm vi, giới hạn lãnh thổ và vị trí địa lí

** Mục tiêu:*

HS xác định được trên lược đồ và nêu được phạm vi, giới hạn lãnh thổ và vị trí địa lí của châu Nam Cực.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- HS thực hiện và báo cáo kết quả.
- GV hướng dẫn thêm: ở ý 1, HS cần thực hiện 2 nội dung: (1) Xác định giới hạn lãnh thổ; (2) Xác định vị trí địa lí. Để thực hiện 2 nội dung này HS dựa vào lược đồ hình 1 và 5. Ý 2, đòi hỏi HS tư duy tổng hợp, GV chỉ yêu cầu HS trả lời một cách khái quát.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Giới hạn châu Nam Cực: diện tích 14,1 triệu km², gồm phần lục địa Nam Cực và các đảo ven lục địa.

– Vị trí địa lí: nằm từ vòng cực Nam đến cực Nam, bao bọc xung quanh là các đại dương.

– Vị trí địa lí ảnh hưởng sâu sắc đến khí hậu.

2. Nhận xét đặc điểm khí hậu

** Mục tiêu:*

– Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm khí hậu của châu Nam Cực.

– Phân tích được biểu đồ nhiệt độ châu Nam Cực.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV hướng dẫn HS dựa vào lược đồ: đọc thông tin xác định được nhiệt độ trung bình năm, đọc bảng chú giải lược đồ xác định được nhiệt độ tối thấp tuyệt đối và các loại gió ở châu Nam Cực. Để giải thích vì sao châu lục này là nơi có nhiều gió mạnh nhất trên thế giới, GV gợi ý cho HS dựa vào vị trí địa lí, độ cao địa hình,... để trả lời.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Nhiệt độ trung bình năm ở châu Nam Cực, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 và lược đồ).

– Các loại gió hoạt động ở châu Nam Cực (xem thông tin trên lược đồ hình 5).

– Châu lục này là nơi có nhiều gió mạnh nhất trên thế giới vì nằm từ vòng cực Nam đến cực Nam nơi có khí áp cao, gió Đông cực từ trung tâm lục địa tỏa ra theo hướng ngược chiều kim đồng hồ; địa hình cao, có khiên băng khá bằng phẳng.

3. Khám phá địa hình, khoáng sản và sinh vật

** Mục tiêu:*

– Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản đặc điểm địa hình, khoáng sản, sinh vật của châu Nam Cực.

– Phân tích được lát cắt địa hình, lược đồ về đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV hướng dẫn thêm cho HS: để trình bày được đặc điểm bề mặt địa hình cần phân tích địa hình thực tế của châu Nam Cực (màu nâu trên lát cắt địa hình, kết hợp với lược đồ); Địa hình lớp băng phủ châu Nam Cực (phân tích lát cắt địa hình khiên băng). Để giải thích tại sao châu Nam Cực là hoang mạc lạnh mà

vùng ven biển vẫn có chim và động vật sinh sống, HS cần đọc kĩ thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 để trả lời.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Đặc điểm bề mặt địa hình: độ cao trung bình khá lớn, nhiều nơi có độ cao thực tế trên 2000m, bề mặt địa hình không bằng phẳng, có một số dãy núi cao (dãy Xuyên Nam Cực), một số khu vực trũng thấp.

– Đặc điểm bề mặt lớp phủ băng: lớp phủ băng dày khoảng 2000m, khá bằng phẳng.

– Các loại khoáng sản (xem lược đồ 5 trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Nguyên nhân châu Nam Cực là hoang mạc lạnh mà vùng ven biển vẫn có chim và động vật sinh sống (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

4. Tìm hiểu về hiện tượng suy giảm tầng ôzôn ở Nam Cực

* *Mục tiêu:* Nêu được hiện tượng suy giảm tầng ôzôn ở Nam Cực, nguyên nhân và vai trò của tầng ô zôn đối với đời sống và sản xuất.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm của HS được tóm tắt theo nội dung tài liệu HDHKHXH7/2.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* Giúp HS rèn luyện cách đọc biểu đồ khí hậu và lược đồ địa hình

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Khi nhận xét chế độ nhiệt ở hai địa điểm trạm Vô-xtốc và trạm Lit-tơn A-mê-ri-ca, GV hướng dẫn HS nhận xét về nhiệt độ tháng cao nhất, thấp nhất, biên độ nhiệt độ và diễn biến nhiệt độ trong năm.

– Khi nhận xét các khu vực đóng băng và không đóng băng ở châu Nam Cực, HS dựa vào lược đồ, đọc bảng chú giải để biết kí hiệu khu vực đóng băng và không đóng băng, trên cơ sở đó chỉ ra sự phân bố trên lược đồ.

– GV tổ chức cho HS thảo luận khi có kết quả cá nhân.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Nhiệt độ các tháng đều dưới 0°C.

– Khu vực không đóng băng tập trung ở các đảo và dãy xuyên Nam Cực. Hầu hết lục địa bị băng bao phủ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* *Mục tiêu:* Giúp HS liên hệ được ảnh hưởng của băng tan ở Nam Cực, mực nước biển dâng đối với đời sống và sản xuất của dân cư vùng ven biển nước ta.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV gợi ý cho HS về nhà trao đổi với người thân, tìm các thông tin trên báo, trang website và các nguồn thông tin khác nói về vấn đề này.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là bài viết, thông tin, tranh ảnh liên quan tới nội dung tìm hiểu.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* Giúp HS khám phá được lịch sử nghiên cứu và thám hiểm châu Nam Cực.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- HS thực hiện ở nhà, trao đổi với người thân hay tra cứu thông tin.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm sẽ là bài viết, hình ảnh hoặc video clip về nội dung tìm tòi.

BÀI 24. CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Biết được phạm vi lãnh thổ, vị trí địa lí của châu Đại Dương.
- Nêu và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của lục địa Ô-xtrây-li-a, các đảo và quần đảo.
- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm về dân cư, kinh tế ở châu Đại Dương.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích số liệu thống kê, đọc biểu đồ, lược đồ về kinh tế – xã hội của châu Đại Dương.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành một chuỗi 5 hoạt động, với mục tiêu là tìm hiểu các đặc điểm về tự nhiên, dân cư và những nét sơ lược nhất về kinh tế châu Đại Dương.

GV vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như: phân tích số liệu thống kê, phân tích biểu đồ, phân tích lược đồ để hướng dẫn HS hoàn thành nội dung bài học. Các hình thức tổ chức dạy học GV có thể sử dụng như: hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm và dạy học toàn lớp để giúp HS học tập.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:* Giúp HS nhớ lại và viết ra những gì đã biết về châu Đại Dương hoặc Ô-xtrây-li-a để từ đó kết nối vào kiến thức của bài mới.

* *Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

* *Gợi ý sản phẩm:*

HS có thể kể về bất cứ điều gì mà các em biết về châu Đại Dương: có thể kể về một cảnh quan, một loài động vật, một hoạt động văn hoá,...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí

* *Mục tiêu:* Xác định được phạm vi lãnh thổ, vị trí địa lí của châu Đại Dương.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV gợi ý cho HS đọc kĩ thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 để trả lời câu hỏi.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Lãnh thổ châu Đại Dương bao gồm các bộ phận (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Vị trí địa lí của Ô-xtrây-li-a nằm giữa Thái Bình Dương, ở nửa cầu Nam khoảng vĩ độ 10°N đến 60°N, có đường chí tuyến Nam chạy ngang lãnh thổ; các đảo lớn và chuỗi đảo của châu Đại Dương nằm ở phía bắc và phía đông so với Ô-xtrây-li-a.

2. Khám phá một số đặc điểm tự nhiên

* Mục tiêu:

– Nêu và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm tự nhiên của lục địa Ô-xtrây-li-a, các đảo và quần đảo.

– Rèn luyện kĩ năng đọc lược đồ châu Đại Dương.

* Phương thức hoạt động:

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin và hoàn thành bảng. GV cần lưu ý, các đảo của châu Đại Dương có 2 loại. Một loại được hình thành từ một bộ phận lục địa được tách ra, một loại là các đảo được hình thành do núi lửa phun ngầm dưới đáy đại dương và do sự phát triển của san hô.

* Gợi ý sản phẩm:

HS có thể hoàn thành được bảng:

Đặc điểm tự nhiên	Lục địa Ô-xtrây-li-a	Các đảo và quần đảo
Địa hình	Độ cao trung bình thấp.	Các đảo núi lửa và san hô.
Khí hậu	Phân hoá : phía bắc là khí hậu nhiệt đới, phía nam có khí hậu ôn đới.	Khí hậu của phần lớn các đảo là nóng ẩm và điều hoà. Đảo Niu Di-len có khí hậu ôn đới.
Khoáng sản	Vàng, sắt, đồng, than, dầu mỏ, khí tự nhiên,...	Dầu mỏ và sắt ở các đảo lớn.
Sinh vật và các tài nguyên khác	Thú có túi, cáo mỏ vịt, bạch đàn,...	Rừng xích đạo và rừng nhiệt đới xanh quanh năm.
Thiên tai	Bão và nước biển dâng.	Bão và nước biển dâng.

3. Tìm hiểu về dân cư

* Mục tiêu:

– Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm về dân cư ở châu Đại Dương.

– Rèn luyện kĩ năng phân tích số liệu thống kê về dân cư ở châu Đại Dương.

* Phương thức hoạt động:

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

** Gợi ý sản phẩm:*

– So sánh châu Đại Dương với thế giới: diện tích châu Đại Dương chiếm 6,8% diện tích thế giới; trong khi đó, số dân chỉ chiếm 0,52% dân số thế giới, mật độ dân số thế giới gấp 13 lần châu Đại Dương; tỉ lệ dân thành thị châu Đại Dương cao hơn tỉ lệ chung của thế giới.

– So sánh Ô-xtrây-li-a, Niu Di-len với châu Đại Dương:

+ Mật độ dân số: Ô-xtrây-li-a thấp hơn châu Đại Dương, Niu Di-len cao gấp 4 lần châu Đại Dương.

+ Tỉ lệ dân thành thị: Ô-xtrây-li-a, Niu Di-len cao hơn tỉ lệ chung của châu Đại Dương.

– Đặc điểm thành phần dân cư châu Đại Dương (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

4. Tìm hiểu về kinh tế

** Mục tiêu:*

– Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm về kinh tế ở châu Đại Dương.

– Rèn luyện kĩ năng phân tích số liệu thống kê, đọc lược đồ về kinh tế – xã hội châu Đại Dương.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV hướng dẫn HS phân tích bảng số liệu thống kê để nhận xét quy mô GDP và GDP/người của một số quốc gia, chỉ ra được quốc gia có GDP, GDP/người cao nhất, thấp nhất; cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của các quốc gia.

– Để kể tên một số trung tâm công nghiệp và các ngành công nghiệp ở mỗi trung tâm, GV có thể hướng dẫn HS tìm các trung tâm có tên trong câu hỏi trên lược đồ, sau đó xem bảng chú giải và kể tên các ngành công nghiệp ở mỗi trung tâm.

– Dựa vào chú giải kể được tên một số sản phẩm nông nghiệp chính, tra cứu trên lược đồ để chỉ ra sự phân bố.

** Gợi ý sản phẩm:*

– GDP và GDP/người của Ô-xtrây-li-a cao nhất, sau đó là Niu Di-len; GDP và GDP/người của Pa-pua Niu Ghi-nê thấp nhất trong 3 quốc gia.

– Cơ cấu GDP: Ô-xtrây-li-a, Niu Di-len có tỉ trọng ngành dịch vụ cao nhất, ngành nông nghiệp thấp nhất; Pa-pua Niu Ghi-nê tỉ trọng ngành công nghiệp cao nhất, ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng khá cao.

– Các ngành công nghiệp trong mỗi trung tâm và phân bố một số sản phẩm nông nghiệp chính (HS xem hình 8 trong tài liệu HDHKHXH7/2 để trả lời).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:* Giúp HS rèn luyện được kĩ năng đọc lát cắt địa hình và biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV hướng dẫn HS đọc lát cắt địa hình lục địa Ô-xtrây-li-a theo vĩ tuyến 30°N, chỉ ra có các dạng địa hình phổ biến, độ cao trung bình của các dạng địa hình đó, đặc điểm khái quát của mỗi dạng địa hình.
- GV hướng dẫn HS kẻ bảng nhiệt độ, lượng mưa.

	Trạm Đác uyn	Trạm A-li-xơ Xprinh
Nhiệt độ cao nhất (tháng mấy, bao nhiêu độ C)		
Nhiệt độ thấp nhất (tháng mấy, bao nhiêu độ C)		
Biên độ nhiệt độ		
Tổng lượng mưa		
Các tháng có lượng mưa cao		
Các tháng có lượng mưa thấp		

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Đọc lát cắt
- + Từ Tây sang Đông có các dạng địa hình sau: đồng bằng ven biển, độ cao trung bình khoảng 100m; cao nguyên, độ cao trung bình khoảng 500m; đồng bằng trung tâm, độ cao trung bình khoảng 150–200m; dãy Đông Ô-xtrây-li-a có đỉnh núi Rao-đơ Mao cao khoảng 1500m; đồng bằng ven biển phía đông, độ cao trung bình từ 0–50m.

+ Đặc điểm địa hình: các đồng bằng ven biển có độ cao thấp dần về phía biển; cao nguyên có một số đỉnh nhô cao với độ cao không lớn; đồng bằng trung tâm bề mặt bị chia cắt bởi sông và hồ.

– Sau khi thực hiện nhiệm vụ, HS có thể kẻ được bảng nhiệt độ và lượng mưa như sau:

	Trạm Đác ụyn	Trạm A-li-xơ Xprinh
Nhiệt độ cao nhất (tháng mấy, bao nhiêu độ C)	tháng 12, 30°C	tháng 1, 29°C
Nhiệt độ thấp nhất (tháng mấy, bao nhiêu độ C)	tháng 7, 24°C	tháng 7, 14°C
Biên độ nhiệt độ	6	15
Tổng lượng mưa	1533	274
Các tháng có lượng mưa cao	12, 1, 2, 3	12, 1, 2
Các tháng có lượng mưa thấp	5, 6, 7, 8, 9	5, 6, 7, 8, 9

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* *Mục tiêu:* Giúp HS nâng cao kiến thức đã học; liên hệ các loài thực vật ở Ô-xtrây-li-a với Việt Nam.

* *Phương thức hoạt động:*

GV giao cho HS về nhà thực hiện, có thể tra cứu thêm thông tin hoặc hỏi người thân.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là bài viết hoặc tranh ảnh sưu tầm của HS, chú ý phần giải thích.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:* giúp HS có thể tìm hiểu thêm những nội dung mà HS yêu thích về đất nước Ô-xtrây-li-a.

* *Phương thức hoạt động:*

GV giao cho HS về nhà thực hiện, tra cứu thêm thông tin, tranh ảnh,...

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là các thông tin, tranh ảnh mà HS sưu tầm được.

BÀI 25. TỰ NHIÊN CHÂU ÂU

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Nêu được giới hạn, vị trí địa lí của châu Âu.
- Trình bày và giải thích được một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của châu Âu.
- Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa, sử dụng lược đồ, tranh, ảnh để nhận biết được các đặc điểm tự nhiên của châu Âu.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm 4 hoạt động (hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng được tích hợp lại) nối tiếp nhau theo một logic chặt chẽ.

Vấn đề HS cần phải tìm hiểu và giải quyết trong bài là: Vị trí, giới hạn và đặc điểm nổi bật về tự nhiên của châu Âu.

Để giải quyết vấn đề trên, nội dung bài học đã đề cập đến vị trí, giới hạn; một số nét khái quát về tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thực vật và các môi trường tự nhiên) của châu Âu.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt là các PPDH đặc thù của bộ môn như sử dụng lược đồ, sơ đồ, biểu đồ. GV cần tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện dạy học (lớp học, phương tiện dạy học...), làm sao HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

Nhằm gợi những hiểu biết của HS về tự nhiên châu Âu. Qua đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

* Phương thức hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, sau đó lựa chọn một sản phẩm của HS để trình bày trước lớp.

** Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là những bản nháp ghi kết quả thảo luận của các cặp. Kết quả thảo luận có thể rất phong phú, đa dạng; có thể có ý đúng, ý chưa đúng, GV không nên đánh giá ngay kết quả thảo luận của các cặp, mà thông qua đó định hướng HS tìm hiểu kiến thức mới, những kiến thức mới sẽ giúp HS hoàn thiện hơn những hiểu biết đã có của các em.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về giới hạn, vị trí địa lí, địa hình

** Mục tiêu:*

- Nêu được giới hạn, vị trí địa lí của châu Âu.
- Trình bày được đặc điểm địa hình của châu Âu.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- Trong phần này, GV cần lưu ý HS: vĩ độ địa lí, đặc điểm bờ biển của Châu Âu,...; đây là những kiến thức cần để giải thích đặc điểm khí hậu châu Âu ở bài sau.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Xác định giới hạn, vị trí địa lí của châu Âu trên lược đồ hình 1 (Lược đồ tự nhiên châu Âu).
- Kể tên và nêu sự phân bố các dạng địa hình chính của châu Âu và sự phân bố (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

2. Tìm hiểu về khí hậu, sông ngòi và thực vật

a) Khí hậu

** Mục tiêu:*

Trình bày và giải thích được một số đặc điểm khí hậu của châu Âu.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV lưu ý HS khi kể tên các kiểu khí hậu ở châu Âu, chỉ ra kiểu khí hậu nào chiếm phần lớn lãnh thổ châu Âu và giải thích vì sao.
- GV lưu ý HS khi quan sát lược đồ khí hậu châu Âu: ven bờ phía tây lục địa có dòng biển nào chảy qua (tên dòng biển? là dòng biển nóng hay lạnh?), loại gió

thời từ biển vào lục địa châu Âu? Trên cơ sở đó HS có thể giải thích được vì sao ở phía tây châu Âu có khí hậu ẩm áp và mưa nhiều hơn ở phía đông.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Các kiểu khí hậu ở châu Âu và sự phân bố của chúng (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Phía tây châu Âu do chịu ảnh hưởng của dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương và có gió Tây ôn đới thổi từ biển vào nên khí hậu ẩm áp và mưa nhiều hơn ở phía đông.

b) Sông ngòi và thực vật

** Mục tiêu:*

Trình bày và giải thích được một số đặc điểm sông ngòi và thực vật của châu Âu.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Một số con sông lớn ở châu Âu và vai trò của chúng (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Các kiểu thảm thực vật chính ở châu Âu và sự phân bố (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

3. Khám phá các môi trường tự nhiên

** Mục tiêu:*

– Kể tên được các kiểu môi trường tự nhiên ở châu Âu và nêu được sự khác nhau giữa môi trường ôn đới hải dương và ôn đới lục địa.

– Trình bày và giải thích được sự phân bố các đai thực vật ở trên dãy An-pơ.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Câu hỏi 1 và 2 tương đối đơn giản, HS chỉ cần dựa vào thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 là có thể hoàn thành được nhiệm vụ. Riêng câu 3, GV có thể cho HS thảo luận cặp đôi.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Kể tên các kiểu môi trường ở châu Âu. Nêu sự khác nhau giữa môi trường ôn đới hải dương và ôn đới lục địa (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Trên dãy An-pơ, các đai thực vật thay đổi từ thấp lên cao (dẫn chứng). Nguyên nhân của sự thay đổi này là do sự thay đổi nhiệt độ khi lên cao.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* Mục tiêu:

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về đặc điểm tự nhiên nói chung và đặc điểm các kiểu khí hậu ở châu Âu nói riêng; củng cố và phát triển kĩ năng phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.

* Phương thức hoạt động:

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cặp đôi hoặc theo nhóm. Một số cặp/ nhóm phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của trạm A, một số cặp/nhóm khác phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của trạm B,... Kết quả làm việc của các cặp/nhóm được viết ra giấy.

– GV tổ chức cho các cặp/nhóm trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

* Gợi ý sản phẩm:

Nội dung của bảng như sau:

Nội dung	Trạm A	Trạm B	Trạm C
1. Nhiệt độ			
– Nhiệt độ trung bình tháng 1.	Khoảng -10°C .	Khoảng 7°C .	Trên 0°C .
– Nhiệt độ trung bình tháng 7.	Khoảng trên 10°C .	Khoảng trên 10°C .	Khoảng 10°C .
– Nhận xét chung về chế độ nhiệt	Mùa hạ nóng, mùa đông lạnh; biên độ nhiệt trong năm lớn.	Mùa hạ nóng, mùa đông ấm.	Mùa hạ mát, mùa đông không lạnh lắm.
2. Lượng mưa			
– Các tháng mưa nhiều.	Tháng 5, 6, 7, 8.	Tháng 9, 10, 11, 12, 1.	Tháng 8, 9, 10, 11, 12, 1, 2, 3.
– Các tháng mưa ít.	Tháng 12, 1, 2.	Tháng 5,6,7,8.	Tháng 4, 5, 6, 7.
– Nhận xét chung về chế độ mưa.	Mưa vào mùa hạ.	Mưa tập trung vào thu–đông.	Mưa quanh năm.
3. Kiểu khí hậu	Ôn đới lục địa.	Địa trung hải.	Ôn đới hải dương.

D–E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

* Mục tiêu:

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về hiện tượng “đêm trắng” diễn ra ở vùng cực Bắc của châu Âu.

* Phương thức hoạt động:

- GV giao cho từng HS thu thập tư liệu và viết đoạn văn ngắn.
- GV gợi ý HS khi viết đoạn văn ngắn theo bố cục: Thế nào là hiện tượng đêm trắng? Hiện tượng này thường có vào khoảng thời gian nào trong năm? Nguyên nhân của hiện tượng.
- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

* Gợi ý sản phẩm:

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 26. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI CHÂU ÂU

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Trình bày được một số đặc điểm về dân cư và xã hội châu Âu.
- Sử dụng lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh để nhận biết được các đặc điểm về dân cư và xã hội châu Âu.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm 4 hoạt động (hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng được tích hợp lại) nối tiếp nhau theo một logic chặt chẽ.

Vấn đề HS cần phải tìm hiểu và giải quyết trong bài là đặc điểm dân cư và xã hội châu Âu. Để giải quyết vấn đề này, nội dung bài học đã đề cập đến các vấn đề: ngôn ngữ, tôn giáo và văn hoá, đặc điểm dân số và mức độ đô thị hoá ở châu Âu.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt là các PPDH đặc thù của bộ môn như sử dụng lược đồ, tranh ảnh, bảng số liệu. GV cần tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện dạy học (lớp học, phương tiện dạy học,...), làm sao HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

** Mục tiêu:*

Giúp HS nhớ lại những hiểu biết của mình về dân cư và xã hội châu Âu (dân cư, tôn giáo, kiến trúc, âm nhạc...). Qua đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, sau đó lựa chọn một sản phẩm của HS để trình bày trước lớp.

** Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là những bản nháp ghi kết quả thảo luận của các cặp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu sự đa dạng về ngôn ngữ, tôn giáo và văn hoá

** Mục tiêu:*

Nêu được các nhóm ngôn ngữ và những tôn giáo phổ biến ở châu Âu.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- Yêu cầu của câu hỏi không khó, HS chỉ cần dựa vào hình 1. Lược đồ các nhóm ngôn ngữ và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Bảng thống kê các nhóm ngôn ngữ:

Nhóm ngôn ngữ	Các nước
Giecmán	Anh, Bỉ, Đức, Áo, Hà Lan, Na-uy, Thụy Điển,...
Latinh	Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, I-ta-li-a, Ru-ma-ni,...
Xlavơ	Nga, Xi-lô-va-ki-a, Xec-bi, Bun-ga-ri, Ba Lan,...
Hi Lạp	Hi Lạp
Các ngôn ngữ khác	Lat-vi-a, Lit-va, An-ba-ni,...

– Những tôn giáo phổ biến ở châu Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

2. Tìm hiểu về đặc điểm dân số và mức độ đô thị hoá

* *Mục tiêu:*

Nêu được đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở châu Âu.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Yêu cầu của câu hỏi không khó, HS chỉ cần dựa vào hình 2. Lược đồ phân bố dân cư và đô thị ở châu Âu và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Đặc điểm của dân số, phân bố dân cư và đô thị hoá ở châu Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp sẽ làm cho dân số dưới độ tuổi lao động giảm, dân số trong độ tuổi lao động tăng chậm, đồng thời dân số trên độ tuổi lao động tăng nhanh và dân số châu Âu đang già đi. Đặc điểm này về lâu dài sẽ dẫn tới tình trạng thiếu lao động và tạo gánh nặng cho quỹ phúc lợi xã hội.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về đặc điểm dân cư châu Âu; củng cố và phát triển kĩ năng phân tích bảng số liệu.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Câu 1.

+ Những khu vực đông dân của châu Âu: ven Địa Trung Hải và ven Đại Tây Dương; khu vực thưa dân: Bắc Âu.

+ Quy mô dân số của các thành phố: Luân Đôn và Mát-xcơ-va có trên 5 triệu dân, Ma-đrit và Rô-ma có trên 3 triệu dân.

– Câu 2.

+ Nhận xét cơ cấu dân số châu Âu: độ tuổi từ 15 đến 65 tuổi chiếm tỉ lệ lớn trong dân số, tỉ lệ độ tuổi từ 0 đến 14 thấp nhất.

+ Ảnh hưởng của cơ cấu dân số đến vấn đề lao động (xem gợi ý sản phẩm ở mục 2 của hoạt động hình thành kiến thức).

D-E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

** Mục tiêu:*

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về một lĩnh vực văn hoá của châu Âu.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Cá nhân HS thu thập tư liệu.

– Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

** Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 27. KINH TẾ CHÂU ÂU

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Trình bày và giải thích được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm về kinh tế của châu Âu.
- Sử dụng được lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh để nhận biết các đặc điểm về kinh tế ở châu Âu.
- Rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm chuỗi 5 hoạt động nối tiếp nhau theo một logic chặt chẽ.

Vấn đề HS cần phải tìm hiểu và giải quyết trong bài là đặc điểm kinh tế châu Âu. Để giải quyết vấn đề này, nội dung bài học đã đề cập đến các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở châu Âu.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt là các PPDH đặc thù của bộ môn như sử dụng lược đồ, tranh ảnh, bảng số liệu. GV cần tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện dạy học (lớp học, phương tiện dạy học...), làm sao HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

Giúp HS nhớ lại những hiểu biết của HS về các sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nổi tiếng của châu Âu. Qua đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

* Phương thức hoạt động:

GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân/cặp đôi, yêu cầu HS viết tên các sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nổi tiếng của châu Âu mà các em biết ra

giấy nháp. Sau đó, chỉ định một vài HS hoặc một vài cặp đọc cho cả lớp cùng nghe sản phẩm mà các em đã hoàn thành.

** Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm rất đa dạng, trên cơ sở báo cáo của HS, GV tổng hợp, tạo ra tình huống để dắt dẫn nội dung của hoạt động khởi động vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về nông nghiệp

** Mục tiêu:*

Trình bày được đặc điểm sản xuất nông nghiệp và sự phân bố một số nông sản chính ở châu Âu .

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Yêu cầu của câu hỏi không khó, HS chỉ cần dựa vào hình 1. Lược đồ nông nghiệp châu Âu và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Đặc điểm sản xuất nông nghiệp ở châu Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Phân biệt đặc điểm của hai hình thức sản xuất nông nghiệp hộ gia đình và trang trại ở châu Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Sự phân bố của một số loại nông sản:

+ Lúa mì, ngô, củ cải đường: được trồng nhiều ở các đồng bằng phía bắc châu Âu.

+ Nho, cam, chanh: được trồng chủ yếu ở vùng ven biển quanh Địa Trung Hải.

+ Chăn nuôi bò, lợn: tập trung chủ yếu ở các vùng đồng bằng phía bắc của Tây và Trung Âu.

2. Tìm hiểu về công nghiệp

** Mục tiêu:*

Trình bày được đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp và sự phân bố các ngành công nghiệp chủ yếu ở châu Âu .

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- Yêu cầu của câu hỏi không khó, HS chỉ cần dựa vào hình 2. Lược đồ công nghiệp châu Âu và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Những đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp ở châu Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).
- Sự phân bố các ngành công nghiệp chủ yếu ở châu Âu:
 - + Luyện kim đen: phân bố chủ yếu ở các nước Tây và Trung Âu; luyện kim màu phân bố chủ yếu ở các nước Bắc Âu, Tây và Trung Âu.
 - + Cơ khí, hoá chất: phân bố chủ yếu ở các nước Tây và Trung Âu.
 - + Sản xuất ô tô, máy bay: phân bố chủ yếu ở các nước Tây và Trung Âu; Đông Âu.
 - + Đóng tàu: phân bố chủ yếu ở các nước Bắc Âu, Tây Âu và Nam Âu.

3. Tìm hiểu về dịch vụ

** Mục tiêu:*

Trình bày được đặc điểm lĩnh vực dịch vụ ở châu Âu và chỉ ra các yếu tố làm cho ngành dịch vụ ở châu Âu phát triển mạnh.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- Với câu hỏi 2, đòi hỏi HS phải kết nối các kiến thức đã học, phân tích và tổng hợp, vì vậy GV nên tổ chức cho HS làm việc cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Đặc điểm lĩnh vực dịch vụ ở châu Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).
- Ngành du lịch phát triển mạnh ở châu Âu là do: châu Âu có nhiều cảnh quan tự nhiên đẹp (dãy An-pơ, rừng ôn đới vào mùa thu,...) và hiện tượng tự nhiên

đặc biệt (hiện tượng “đêm trắng” ở Saint Peterburg của Nga), nhiều công trình kiến trúc đẹp và nổi tiếng (tháp Eiffel và bảo tàng Louvre cùng Kim tự tháp kính ở Pháp; Cung điện Mùa Đông và Cung điện Mùa Hè ở Nga...), cơ sở hạ tầng phục vụ khách du lịch tốt, các hoạt động du lịch phong phú và đa dạng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về kinh tế ở châu Âu. Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ cơ cấu GDP.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Ba nguyên nhân chính làm cho sản xuất nông nghiệp ở châu Âu đạt hiệu quả cao là nền nông nghiệp thâm canh, phát triển ở trình độ cao; áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật tiên tiến; gắn chặt với công nghiệp chế biến.

– Nhận xét: ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn nhất (79,2%) và ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhất (2,0 %) trong cơ cấu GDP của Pháp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:*

Giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để tìm hiểu những biện pháp bảo vệ môi trường ở các địa điểm du lịch tại địa phương hoặc những khu du lịch mà em biết hoặc đã đến và tác động của việc bảo vệ tốt môi trường tới hoạt động du lịch.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– GV gợi ý HS: xác định địa điểm du lịch cần tìm hiểu; dự kiến các phương pháp tiến hành: quan sát trên thực địa, hỏi người dân địa phương, tham khảo báo cáo của các ngành chức năng (nếu có)...

– GV tổ chức cho HS trao đổi thông tin với nhau.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm rất đa dạng, tùy theo các biện pháp mà học sinh nêu ra đối với từng địa phương.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:*

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về sự hợp tác của các nước châu Âu trong sản xuất máy bay E-bớt.

* *Phương thức hoạt động:*

Sau khi HS thu thập tư liệu và viết một đoạn văn ngắn, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm là một đoạn văn ngắn (khoảng 10 dòng) về nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 28. CÁC KHU VỰC CHÂU ÂU

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Biết được sự khác nhau về đặc điểm tự nhiên và kinh tế của các khu vực Bắc Âu, Tây và Trung Âu, Nam Âu và Đông Âu.
- Trình bày được về Liên minh châu Âu (EU).
- Sử dụng được lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh để nhận biết các đặc điểm về tự nhiên và kinh tế của các khu vực châu Âu.

1. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm chuỗi 5 hoạt động nối tiếp nhau theo một lôgic chặt chẽ.

Vấn đề HS cần phải giải quyết trong bài là: sự khác nhau về đặc điểm tự nhiên và kinh tế của các khu vực ở châu Âu và tìm hiểu về Liên minh châu Âu (EU).

Để giải quyết vấn đề trên, bài học có các nội dung như: Tự nhiên và kinh tế của các khu vực; quá trình thành lập và cơ cấu tổ chức của EU.

Khi dạy bài này, GV nên tổ chức cho HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một nội dung, ví dụ bốn nhóm tìm hiểu về bốn khu vực của châu Âu, còn một nhóm tìm hiểu về Liên minh châu Âu. Sau đó, cho các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp. Trong quá trình các nhóm trình bày, GV yêu cầu HS lắng nghe và ghi lại những nội dung mà các nhóm bạn đã tìm hiểu để có thể nắm được hoàn chỉnh nội dung bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:*

Nhằm huy động những hiểu biết của HS về vị trí địa lí và tên thủ đô của một số quốc gia ở châu Âu. Qua đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- HS viết ý kiến của cá nhân ra giấy nháp.
- GV yêu cầu 2 HS đọc kết quả làm việc trước lớp.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm đa dạng, GV lựa chọn để kết nối với bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về khu vực Bắc Âu

* *Mục tiêu:*

Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên và kinh tế của khu vực Bắc Âu.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Nhìn chung các câu hỏi ở mục này không khó, HS chỉ cần dựa vào hình 1. Lược đồ tự nhiên khu vực Bắc Âu, quan sát ảnh 2, 3, đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 là có thể trả lời được.

** Gợi ý sản phẩm:*

a) Tự nhiên

– Đặc điểm khí hậu khu vực Bắc Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2). GV giải thích thêm: Do nằm ở vùng vĩ độ cao và có một phần lãnh thổ nằm trong vòng cực Bắc nên phần lớn Bắc Âu có khí hậu ôn đới lục địa, lạnh. Do ảnh hưởng của dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương và gió Tây ôn đới nên phía tây dãy Xcan-đi-na-vi có khí hậu ấm và ẩm hơn phía đông.

– Đặc điểm địa hình, thực vật và khoáng sản của khu vực Bắc Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

b) Kinh tế

– Các ngành kinh tế chủ yếu của Bắc Âu là: kinh tế biển (hàng hải và đánh cá), thủy điện, khai thác rừng. Các ngành kinh tế này phát triển dựa trên ba thế mạnh của các nước Bắc Âu là: biển, rừng và thủy năng.

– Ngành trồng trọt không phát triển ở các nước Bắc Âu là do điều kiện tự nhiên không thuận lợi (địa hình, khí hậu).

2. Tìm hiểu về khu vực Tây và Trung Âu

** Mục tiêu:*

Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên và kinh tế của khu vực Tây và Trung Âu.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Các câu hỏi ở mục này không khó, HS chỉ cần dựa vào hình 2. Lược đồ tự nhiên khu vực Tây và Trung Âu, quan sát ảnh 4, 5 và đọc thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2 là có thể trả lời được. Riêng câu hỏi về một số trung tâm công nghiệp lớn ở châu Âu đòi hỏi HS phải có kiến thức thực tế mới trả lời được, do đó GV cần gợi ý, giúp đỡ để HS hoàn thành được nhiệm vụ.

** Gợi ý sản phẩm:*

a) Tự nhiên.

– Đặc điểm khí hậu khu vực Tây và Trung Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Đặc điểm ba miền địa hình ở khu vực Tây và Trung Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

b) Kinh tế

– Những nét nổi bật về ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ của khu vực Tây và Trung Âu (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Một số trung tâm công nghiệp lớn: Bec-lin, Mui-ních, Phran-phuốc,... (CHLB Đức); Tu-lu-dơ, Booc-đô, Mác-xây,... (Pháp); Xanh Pê-tec-bua (LB Nga),...

– Một số trung tâm tài chính lớn: Luân Đôn, Pa-ri,...

– Cảng biển lớn nhất châu Âu là: Rôt-tec-đam (Hà Lan).

3. Tìm hiểu về khu vực Nam Âu

** Mục tiêu:*

Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên và kinh tế của khu vực Nam Âu.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Để hoàn thành nhiệm vụ, ngoài làm việc với lược đồ, đọc thông tin, HS còn phải phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa, phải liên hệ với kiến thức đã học và vận dụng kiến thức thực tế mới trả lời được, do đó GV cần gợi ý, giúp đỡ để HS hoàn thành được nhiệm vụ.

** Gợi ý sản phẩm:*

a) Tự nhiên

– Đặc điểm địa hình, khoáng sản và thảm thực vật tự nhiên của khu vực Nam Âu. (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Khí hậu Nam Âu thuộc kiểu khí hậu địa trung hải, mùa hạ nóng khô, mùa đông ẩm, mưa tập trung vào mùa thu – đông.

b) Kinh tế

– Các sản phẩm nông nghiệp của Nam Âu và giải thích tại sao Nam Âu lại có những sản phẩm đó (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

– Nam Âu là nơi có nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đặc sắc. Ví dụ: về tự nhiên, Nam Âu có nhiều bãi biển, nhiều phong cảnh đẹp; về mặt văn hoá – xã hội, Nam Âu có nhiều công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hoá và nghệ thuật cổ đại nổi tiếng như thành phố Vơ-ni-dơ, tháp nghiêng Pi-da, Đấu trường La Mã... (I-ta-li-a).

4. Tìm hiểu về khu vực Đông Âu

* *Mục tiêu:*

Trình bày được những đặc điểm nổi bật về tự nhiên và kinh tế của khu vực Nam Âu.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- Nhiệm vụ ở mục này không khó, HS có thể làm việc độc lập và hoàn thành được nhiệm vụ qua quan sát tranh ảnh, sử dụng lược đồ và khai thác thông tin trong bài.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- a) Tự nhiên (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).
- b) Kinh tế

HS hoàn thành được bảng sau:

Nội dung \ Ngành	Công nghiệp	Nông nghiệp
Điều kiện tự nhiên để phát triển	Khoáng sản có trữ lượng lớn (quặng sắt, quặng kim loại màu, than đá, dầu mỏ,...).	Đồng bằng rộng lớn, đất đai màu mỡ (đất đen, đất xám).
Các ngành công nghiệp/ sản phẩm nông nghiệp	Khai thác khoáng sản, luyện kim, cơ khí, hoá chất.	Lúa mì, ngô; chăn nuôi bò thịt, bò sữa và các loại gia cầm.
Các nước phát triển	LB Nga, U-crai-na.	U-crai-na.

5. Tìm hiểu về Liên minh châu Âu (EU)

* *Mục tiêu:*

Trình bày được quá trình thành lập và mở rộng của EU; cơ cấu tổ chức của EU.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

– Các câu hỏi trong mục này có những ý khó, vượt qua tầm suy nghĩ, tư duy của HS. Vì vậy, trong quá trình dạy, GV có thể điều chỉnh câu hỏi cho phù hợp với nội dung thông tin trong bài, đồng thời phù hợp với đối tượng HS.

– GV nên gợi ý HS trong khi tìm hiểu nội dung làm sao HS định hướng được vấn đề cần tìm hiểu, qua đó nắm được nội dung bài học. Ví dụ: khi tìm hiểu nội dung mục a, GV có thể gợi ý HS dựa vào lược đồ hình 12 và xác định các nước tham gia EU năm 2007 (có bao nhiêu nước?), sau đó đọc thông tin để biết đến năm 2013, EU đã có bao nhiêu thành viên, qua đó thấy được sự mở rộng của EU. Với mục b, nhằm giúp HS trả lời được đúng hướng, GV có thể hỏi: Vì sao nói EU là một mô hình liên minh toàn diện nhất thế giới?

** Gợi ý sản phẩm:*

a) Quá trình thành lập và mở rộng của EU

– EU được mở rộng từng bước, qua nhiều giai đoạn. Năm 1957, EU có 6 thành viên, đến năm 2013 có 28 thành viên.

– Một số nước tham gia EU năm 1957 (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

b) Cơ cấu tổ chức

EU là hình thức liên minh cao nhất trong các hình thức tổ chức kinh tế khu vực hiện nay trên thế giới vì:

– EU có cơ quan lập pháp là nghị viện châu Âu.

– EU là một mô hình liên minh toàn diện nhất thế giới (xem thông tin trong tài liệu HDHKHXH7/2).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về các khu vực châu Âu và Liên minh châu Âu .

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Câu 1. Những nét khác biệt về khí hậu của các khu vực:
 - + Bắc Âu: Nhìn chung có khí hậu lạnh giá vào mùa đông, mát mẻ vào mùa hạ. Song có sự khác biệt giữa hai bên dãy núi Xcan-đi-na-vi; ở phía đông có mùa đông rất giá lạnh, có tuyết rơi; ở phía tây, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ mát, mưa nhiều.
 - + Đông Âu: Khí hậu ôn đới lục địa, càng đi về phía đông và đông nam tính chất lục địa càng sâu sắc.
 - + Nam Âu: Khí hậu địa trung hải, mùa hạ nóng khô, mùa đông ẩm, mưa tập trung vào mùa thu – đông.
- Câu 2. Nền kinh tế của Đông Âu có những khác biệt so với các khu vực khác ở châu Âu: do có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp và nông nghiệp, nên ngành công nghiệp khá phát triển, đặc biệt là các ngành truyền thống; sản xuất nông nghiệp được tiến hành theo quy mô lớn.
- Câu 3. Vai trò của EU trong hoạt động thương mại của thế giới: EU là tổ chức thương mại hàng đầu trên thế giới, chiếm tỉ trọng 40% hoạt động ngoại thương của thế giới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:*

Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để trình bày và giải thích sự thay đổi thảm thực vật từ khu vực Bắc Âu xuống Tây Âu, Trung Âu và Nam Âu.

** Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- GV gợi ý HS:
 - + Dựa vào lược đồ tự nhiên của các khu vực để xác định các kiểu thảm thực vật chủ yếu ở từng khu vực.
 - + Dựa vào đặc điểm khí hậu của các khu vực để giải thích.
 - + Rút ra kết luận.
- GV tổ chức cho HS trao đổi thông tin với nhau.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Thảm thực vật thay đổi từ bắc xuống nam và từ tây sang đông.
- Nguyên nhân chủ yếu là sự thay đổi của khí hậu.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* *Mục tiêu:*

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách sưu tầm tư liệu nói về mối quan hệ của EU với Việt Nam.

* *Phương thức hoạt động:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDHKHXH7/2.
- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu hoặc tranh ảnh về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 29. CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được hoàn cảnh và tóm tắt diễn biến chính ba thời kì của khởi nghĩa Lam Sơn, đặc biệt là trận Tốt Động – Chúc Động và trận Chi Lăng – Xương Giang trên lược đồ.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Đánh giá được vai trò của Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa chống quân Minh.
- Rèn luyện các kĩ năng: sử dụng lược đồ lịch sử, trình bày một vấn đề, đánh giá vai trò nhân vật lịch sử.
- Biết ơn, kính trọng các anh hùng và nhân dân trong cuộc đấu tranh vì nền độc lập của dân tộc.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo mô hình chuỗi 5 hoạt động cơ bản của tài liệu hướng dẫn học theo mô hình Trường học mới, bao gồm: hoạt động khởi động, hoạt động hình thành kiến thức, hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng và hoạt động tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động giúp HS huy động những kiến thức liên quan đến bài học, tạo ra sự mâu thuẫn, tò mò của HS trước khi tìm hiểu kiến thức. Hoạt động hình thành kiến thức được thiết kế theo tiến trình của cuộc khởi nghĩa, từ hoàn cảnh, nguyên nhân, các giai đoạn, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa. Hoạt động luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng giúp HS ôn tập, củng cố, nâng cao, mở rộng các kiến thức đã được học và tìm hiểu kiến thức có liên quan đến nội dung bài học.

Bài học có gợi ý các hoạt động học tập cho từng nội dung, tuy nhiên, GV có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với bối cảnh của lớp học nhằm đạt mục tiêu đề ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

Bài học này gợi ý hoạt động khởi động để tìm hiểu về kinh nghiệm, hiểu biết của HS về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thông qua một đoạn trích trong tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* (một tác phẩm viết về quá trình hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn). Đoạn trích giúp gợi lại hình ảnh về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, quyết tâm của những người tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Từ đó, kích thích HS có hứng thú để tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa.

* Phương thức hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ, yêu cầu HS:
 - + Đọc đoạn trích trong sách HDHKHXH7/2 và cho biết em liên tưởng đến sự kiện nào.
 - + Chia sẻ những hiểu biết của em về một số nhân vật lịch sử liên quan đến sự kiện mà em biết.
- GV có thể thực hiện hoạt động này theo nhiều cách:

– HS đọc đoạn trích trong sách HDHKHXH7/2 (hoặc GV đọc cho HS thảo luận, chia sẻ trong phạm vi cả lớp hoặc theo từng nhóm).

– GV có thể cho HS xem đoạn phim ngắn về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn hoặc về Lê Lợi, Nguyễn Trãi.

– Kể câu chuyện Lê Lợi trả kiếm cho thần Kim Quy.

Từ đoạn phim hoặc chuyện kể, gọi cho HS sự tò mò, hứng thú tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và các nhân vật lịch sử trong khởi nghĩa Lam Sơn.

** Gợi ý sản phẩm:*

Tùy theo mức độ hiểu biết của từng HS mà các câu trả lời sẽ khác nhau. GV lựa chọn câu trả lời phù hợp để kết nối vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu hoàn cảnh lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

** Mục tiêu:*

Trình bày được hoàn cảnh lịch sử của nước ta đầu thế kỉ XV và hiểu được đó là hoàn cảnh bùng nổ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ, yêu cầu HS đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/2, hãy:

+ Trình bày những chính sách cai trị của nhà Minh đối với nước ta về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá.

+ Nêu nguyên nhân bùng nổ của cuộc khởi nghĩa chống quân Minh.

– GV có thể tổ chức làm việc theo cá nhân hoặc cặp đôi, sử dụng phương pháp đàm thoại, trao đổi nhóm để hoàn thiện bảng về chính sách cai trị của nhà Minh đối với nước ta.

– GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi hoặc thảo luận nhóm về nguyên nhân bùng nổ các cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược.

Sau đó, các cá nhân hoặc đại diện nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Những nét chính về chính sách cai trị của nhà Minh đối với nước ta.

+ Chính trị: thiết lập hệ thống chính quyền đô hộ, xoá bỏ quốc hiệu Đại Việt, đổi thành quận Giao Chỉ, sáp nhập nước ta vào Trung Quốc.

+ Kinh tế: Thực hiện chính sách bóc lột tàn bạo, đặt ra hàng trăm thứ thuế nặng nề.

+ Văn hoá: đồng hoá về văn hoá, cưỡng bức nhân dân ta từ bỏ phong tục tập quán của mình; thiêu huỷ và mang về Trung Quốc nhiều sách có giá trị; bắt phụ nữ, trẻ em Việt Nam đưa về Trung Quốc làm nô tì.

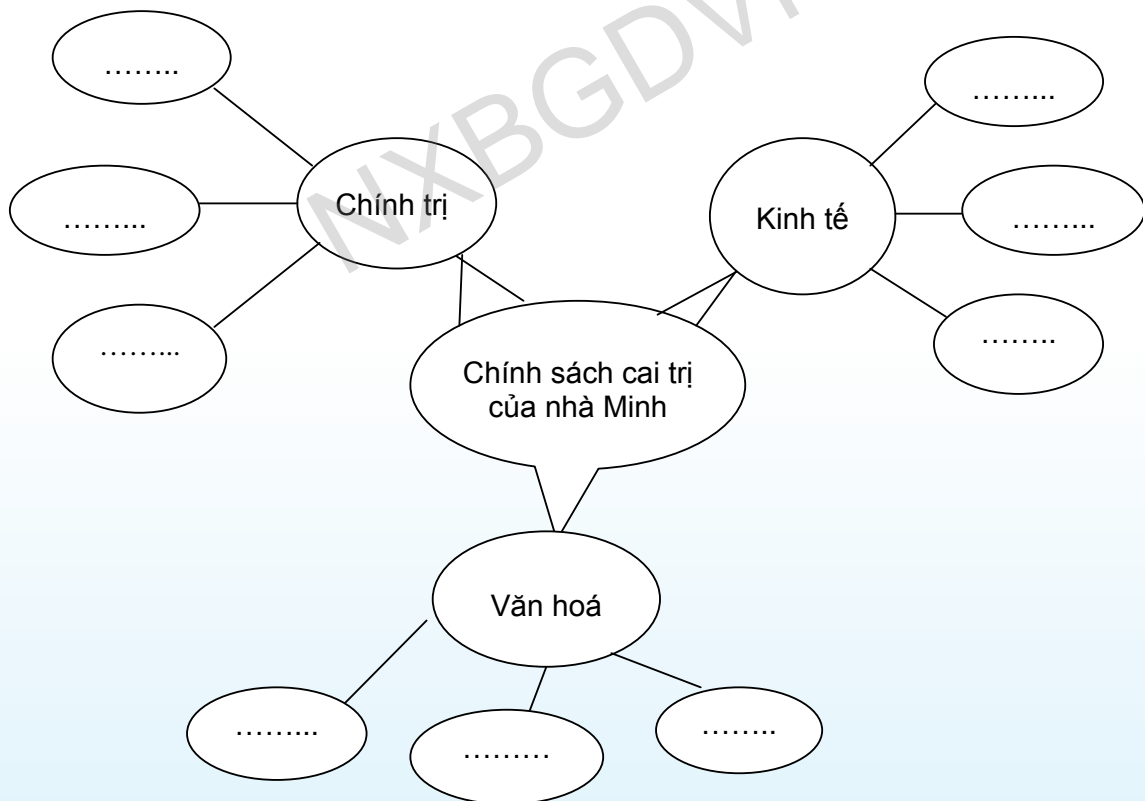
– Nguyên nhân bùng nổ các cuộc kháng chiến chống Minh:

+ Sự thất bại của nhà Hồ trong cuộc kháng chiến chống Minh;

+ Chính sách áp bức, bóc lột tàn bạo của nhà Minh đối với nhân dân ta.

* *Gợi ý một số phương án khác:*

– Để tìm hiểu về chính sách cai trị của nhà Minh, GV cũng có thể sử dụng sơ đồ tư duy, định hướng HS khai thác thông tin và điền vào sơ đồ tư duy theo gợi ý sau:



Sơ đồ tư duy về chính sách cai trị của nhà Minh

– GV đọc một số đoạn trích trong tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” về giai đoạn đất nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà Minh, sau sự thất bại của nhà Hồ, để giúp HS hiểu được những chính sách tàn bạo của nhà Minh. Qua đó, GV có thể đặt các câu hỏi để HS tìm hiểu hoàn cảnh của đất nước ta đầu thế kỉ XV:

+ Đoạn trích thể hiện chính sách cai trị của nhà Minh đối với nhân dân ta như thế nào?

+ Trình bày cuộc sống của nhân dân ta dưới sự cai trị của nhà Minh.

+ Theo em, vì sao nhân dân ta nổi dậy chống lại nhà Minh?

GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

2. Tìm hiểu diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)

2.1. Những năm đầu hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn ở miền Tây Thanh Hoá (1418 – 1423)

** Mục tiêu:*

Trình bày được những năm đầu hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn ở miền Tây Thanh Hoá (1418 – 1423) – giai đoạn nghĩa quân còn gặp nhiều khó khăn, nhiều lần, Lê Lợi và bộ chỉ huy nghĩa quân tạm thời hoà hoãn với quân Minh để bảo toàn lực lượng.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin, kết hợp quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/2, hãy:

+ Giải thích vì sao hào kiệt khắp nơi tìm về Lam Sơn hội tụ dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Lê Lợi.

+ Nêu tình hình hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm 1418 – 1423. Trong bối cảnh đó, Lê Lợi quyết định tạm hoà với quân Minh nhằm mục đích gì?

– GV có thể gợi ý thêm bằng các câu hỏi:

Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa vào thời gian nào, ở đâu? Thái độ của các hào kiệt đối với việc làm của Lê Lợi ra sao? Vì sao hào kiệt khắp nơi tìm về Lam Sơn tụ hội dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Lê Lợi?

+ Với phần nội dung đơn giản (Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa vào thời gian nào, ở đâu? Nêu tình hình hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm 1418 – 1423), GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân. Sau đó, cho HS làm việc nhóm, trao đổi, đàm thoại để HS chia sẻ câu trả lời với các thành viên trong nhóm. Đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả trao đổi trước lớp.

+ Với các nội dung khó hơn (giải thích vì sao hào kiệt khắp nơi tìm về Lam Sơn tụ hội dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Lê Lợi), GV có thể tổ chức cho HS thảo luận theo cặp đôi hoặc nhóm, giữa các nhóm trong lớp.

– GV giới thiệu thêm về tượng đài Lê Lợi tại thành phố Thanh Hoá, giúp HS khắc sâu hình tượng nhân vật và bổ sung thông tin để đánh giá công lao của Lê Lợi.

Một số thông tin bổ sung về Lê Lợi:

“Lê Lợi sinh ngày 6 tháng 8 năm Ất Sửu (10–9–1385) tại quê mẹ ở làng Chủ Sơn, huyện Lôi Dương. Lớn lên, Lê Lợi là một người thông minh, mạnh khỏe và có uy tín lớn trong vùng. Ông có lòng yêu nước thiết tha, có ý chí đánh đuổi quân Minh để giải phóng dân tộc, cùng với công việc chuẩn bị khởi nghĩa đã làm cho tiếng tăm của ông lừng lẫy khắp nơi. Ông là người khởi xướng, tổ chức, người lãnh tụ tối cao của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn...”

Lê Lợi không bị quan tước dụ dỗ, không bị uy thế khuất phục, nên dù nhà Minh dùng trăm phương nghìn kế khôn khéo, rút cục vẫn vô hiệu”.

(Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập II)

Ông thường nói với mọi người: “Bậc trượng phu sinh ở đời phải cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm hàng nghìn thuở, chứ đâu lại xun xoe đi phục dịch kẻ khác”.

(Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*)

– Hoặc GV có thể kể câu chuyện/ yêu cầu HS sưu tầm những mẫu chuyện về việc Nguyễn Trãi tham gia cuộc khởi nghĩa.

Thông tin bổ sung về Nguyễn Trãi:

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) là con Nguyễn Phi Khanh. Cả hai cha con đều đỗ đại khoa và làm quan thời Hồ. Nguyễn Trãi là người học rộng, tài cao, có lòng yêu nước thương dân hết mực. Quân Minh tìm đủ mọi cách để dụ dỗ ông nhưng đều thất bại. Từ thành Đông Quan, ông bí mật trốn vào Lam Sơn theo Lê Lợi khởi nghĩa và dâng bản Bình Ngô sách (Kể sách đánh quân Ngô).

– GV khắc sâu hơn cho HS hình ảnh Lê Lai đã liều mình cứu chúa, đóng giả Lê Lợi để Lê Lợi có thể thoát khỏi sự uy hiếp của quân địch. Từ đó thấy được vai trò của các tướng lĩnh trong cuộc khởi nghĩa.

** Gọi ý sản phẩm:*

HS trả lời được các ý sau:

– Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa vào đầu năm 1418, tại Lam Sơn (Thanh Hoá). Hào kiệt các nơi đều ủng hộ việc làm của Lê Lợi, tụ hội về Lam Sơn ngày càng đông. Điều đó chứng tỏ việc làm của Lê Lợi hợp lòng dân trong bối cảnh quân Minh đang đô hộ nước ta nên được dân chúng ủng hộ.

– Trong những năm 1418 – 1423, nghĩa quân gặp nhiều khó khăn:

+ Lực lượng yếu, thiếu lương thực trầm trọng.

+ Bị quân Minh nhiều lần tấn công, phải rút lui lên núi Chí Linh, quân số có lúc chỉ còn hơn 100 người.

– Lê Lợi quyết định tạm hoà hoãn với quân Minh nhằm bảo toàn lực lượng, tạo cơ hội để phát triển lực lượng nghĩa quân.

2.2. Những thắng lợi đầu tiên của nghĩa quân Lam Sơn (1424 – 1426)

** Mục tiêu:*

Trình bày được sự phát triển của khởi nghĩa Lam Sơn trong những năm 1424 – 1426 khi nghĩa quân giành được những thắng lợi đầu tiên và tiến quân ra Bắc, mở rộng phạm vi hoạt động.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin trong bảng, kết hợp quan sát lược đồ (sách HDHKHXH7/2) hãy:

+ Cho biết vì sao Nguyễn Chích lại đề xuất kế hoạch chuyển quân vào Nghệ An. Kế hoạch đó đem lại những kết quả gì?

+ Trình bày cuộc tiến quân ra Bắc của Lê Lợi trên lược đồ.

– GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi hoặc nhóm, yêu cầu HS thảo luận để trả lời câu hỏi về kế hoạch chuyển quân vào Nghệ An của Nguyễn Chích. Sau khi HS thảo luận xong, GV yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– GV bổ sung thêm câu hỏi để HS trình bày về giai đoạn 2 của cuộc khởi nghĩa: Trong giai đoạn này, tình hình nghĩa quân như thế nào? Nghĩa quân giành được những thắng lợi lớn nào?

(Gợi ý: Đây là giai đoạn lực lượng nghĩa quân phát triển nhanh chóng sau khi thực hiện chuyển quân vào Nghệ An, nhờ sự ủng hộ của nhân dân. Nghĩa quân

đã nhanh chóng giải phóng được Nghệ An, Thanh Hoá, Tân Bình, Thuận Hoá và tiến quân ra Bắc).

– GV hướng dẫn HS chỉ lược đồ: tên lược đồ, đọc chú giải của lược đồ, chỉ đúng hướng mũi tên, đúng các điểm được thể hiện trên lược đồ. GV yêu cầu HS trình bày trước lớp và điều chỉnh cho HS về cách chỉ lược đồ.

– GV nhấn mạnh sự ủng hộ của các tướng lĩnh và nhân dân đối với sự trưởng thành và thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Nguyễn Chích đề xuất kế hoạch chuyển quân vào Nghệ An vì:
+ Ở Lam Sơn, nghĩa quân liên tục bị quân địch bao vây, tấn công.
+ Lực lượng của nghĩa quân đang giảm sút; còn Nghệ An là nơi đất rộng, người đông, dễ dàng phát triển lực lượng nghĩa quân đồng thời là nơi hiểm yếu, tránh được sự tấn công của quân địch.

– Kết quả: Lực lượng nghĩa quân được củng cố và lớn mạnh. Trong vòng 2 năm, nghĩa quân đã nhanh chóng giải phóng được Nghệ An, Thanh Hoá, Tân Bình, Thuận Hoá và tiến quân ra Bắc, mở rộng phạm vi hoạt động.

2.3. Trận Tốt Động – Chúc Động (cuối năm 1426) và trận Chi Lăng – Xương Giang (10 – 1427) – khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng

** Mục tiêu:*

– Trình bày được những thắng lợi lớn ở Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng – Xương Giang (1426 – 1427) trên lược đồ; hiểu được đây là những thắng lợi làm tiền đề cho cuộc khởi nghĩa toàn thắng.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/2 và quan sát lược đồ, hãy trình bày diễn biến trận Tốt Động – Chúc Động và trận Chi Lăng – Xương Giang trên lược đồ.

– GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi hoặc nhóm, lần lượt các HS trong nhóm trình bày kết hợp chỉ trên lược đồ.

– GV yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện trình bày diễn biến trận Tốt Động – Chúc Động, sau đó là trận Chi Lăng – Xương Giang (hoặc sử dụng máy chiếu để

phóng to lược đồ) trước lớp. Các HS khác nhận xét, điều chỉnh. GV nhận xét về nội dung và kĩ năng chỉ lược đồ; có những điều chỉnh để hoàn thiện.

– GV cũng có thể thực hiện trình bày kết hợp với chỉ trên lược đồ hai trận đánh đó, bổ sung thêm các thông tin mà sách HDHKHXH7/2 chưa đề cập về hai trận đánh để cho bài học được sinh động hơn.

– GV bổ sung thêm câu hỏi: Nêu ý nghĩa của chiến thắng Tốt Động – Chúc Động và Chi Lăng – Xương Giang đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Giải thích để HS hiểu đây là hai chiến thắng quyết định đến thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.

** Gợi ý sản phẩm:*

Trình bày được thời gian, hướng đi, các sự kiện chính, kết quả của hai trận Tốt Động – Chúc Động và Chi Lăng – Xương Giang.

** Gợi ý các phương án khác:*

– Nội dung về diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được thể hiện khá rõ rệt qua tác phẩm *Bình Ngô đại cáo*. Từ bối cảnh lịch sử của cuộc khởi nghĩa, các giai đoạn của cuộc khởi nghĩa, GV có thể sử dụng các đoạn trích trong tác phẩm đó để giúp HS đạt được mục tiêu của từng nội dung. Việc GV sử dụng các đoạn nhằm cung cấp thêm thông tin cho HS, hoặc GV giao cho từng nhóm làm việc với từng đoạn trích khác nhau. Tuy nhiên, việc sử dụng cần kết hợp với các thông tin và yêu cầu ở sách HDHKHXH7/2 nhằm giúp HS đạt được mục tiêu.

– GV có thể kể thêm các câu chuyện về việc Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa (kiến ăn lá thành chữ "...", việc Nguyễn Trãi tham gia cuộc khởi nghĩa,...), việc dân chúng các nơi ủng hộ cuộc khởi nghĩa. Nhiều tấm gương yêu nước xuất hiện như bà Lương Thị Minh Nguyệt ở làng Chuế Cầu (Ý Yên – Nam Định) bán rượu, thịt ở thành Cổ Lộng, lùa cho giặc uống say rồi bí mật ném xuống kênh chảy ra sông Đáy; hoặc cô gái người làng Đào Đặng (Hưng Yên) xinh đẹp, hát hay thường được mời đến hát mua vui cho giặc. Đêm đến, sau những buổi ca hát, tiệc tùng, nhiều tên chui vào bao tải để tránh muỗi. Cô cùng trai làng bí mật khiêng ném xuống sông.

– GV có thể tổ chức cho HS đóng kịch theo gợi ý về một số nội dung: hội thề Lũng Nhai, Lê Lai liều mình cứu chúa, Nguyễn Chích thuyết phục Lê Lợi và ban chỉ huy nghĩa quân tiến quân vào Nghệ An,...

Tuy nhiên, các hoạt động thiên về diễn kịch, kể chuyện cần giao nhiệm vụ cho HS và có sự chuẩn bị từ trước về nội dung.

3. Tìm hiểu kết quả, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

3.1. Kết quả và nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

** Mục tiêu:*

Trình bày được:

– Kết quả cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng. Cuối năm 1427, Vương Thông xin hàng, chấp nhận mở hội thề Đông Quan, rút về nước.

– Nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là nhờ quyết tâm, tinh thần đấu tranh giành độc lập và ủng hộ cho cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta; cùng với đường lối nghệ thuật đánh giặc đúng đắn của những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin, hãy:

+ Trình bày kết quả của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

+ Nêu những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Theo em, nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Tại sao?

– GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó, thảo luận cả lớp.

– GV cũng có thể sử dụng kĩ thuật "khăn trải bàn", mỗi nhóm 4 HS, trình bày những ý kiến khác nhau về nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng. Cuối năm 1427, Vương Thông xin hàng, chấp nhận mở hội thề Đông Quan, rút quân về nước.

– Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi là do quyết tâm giành độc lập của nhân dân ta; tinh thần đoàn kết, tham gia, ủng hộ cho cuộc khởi nghĩa. Đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Lê Lợi và Nguyễn Trãi cùng bộ tham mưu nghĩa quân.

3.2. Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

** Mục tiêu:*

Trình bày được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

** Phương thức hoạt động:*

- GV yêu cầu HS, hoặc có thể GV đọc đoạn trích trong tác phẩm Bình Ngô đại cáo.
- GV nêu câu hỏi: Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thể hiện như thế nào qua đoạn trích trong tác phẩm Bình Ngô đại cáo?
- GV có thể tổ chức để HS thảo luận nhóm hoặc theo lớp.

** Gợi ý sản phẩm:*

Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn: Kết thúc 20 năm đô hộ của nhà Minh, mở ra thời kì thái bình phát triển bền vững của đất nước.

** Gợi ý các phương án khác:*

GV có thể cung cấp thông tin để HS biết về hội thề Đông Quan và tổ chức cho HS đóng kịch về hội thề Đông Quan. Trong đó, lồng ghép nội dung đoạn trích trong tác phẩm Bình Ngô đại cáo nói về ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

HS trả lời câu hỏi về hoàn cảnh bùng nổ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đánh giá vai trò của Lê Lợi và đóng góp của nhân dân trong cuộc khởi nghĩa, nối được các thời kì của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn tương ứng với nội dung các đoạn trích của tác phẩm Bình Ngô đại cáo.

** Phương thức hoạt động:*

GV giao nhiệm vụ cho HS: Trả lời câu hỏi và làm bài tập:

1. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nổ ra trong hoàn cảnh nào?
2. Nêu vai trò của Lê Lợi và đóng góp của nhân dân trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
3. Nối nội dung ở cột A (các thời kì của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn) với cột B (các đoạn trích trong tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi) cho phù hợp (ghi vào vở câu trả lời).

GV tổ chức HS thành các nhóm để thảo luận câu hỏi. Có thể thực hiện theo kĩ thuật "khăn trải bàn", các thành viên ghi câu trả lời, sau đó thống nhất câu trả lời của cả nhóm.

B

a) “Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật,
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.
Sĩ khí đã hăng
Quân thanh càng mạnh.
Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
Lý An, Phương Chính, nín thở cầu thoát thân.
Thừa thắng đuổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại,
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.”

A

1. Thời kì đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 – 1423)

2. Thời kì nghĩa quân giành được nhiều thắng lợi từ Thanh Hoá đến đèo Hải Vân (1424 – 1426)

3. Thời kì khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng (cuối năm 1426 – cuối năm 1427)

b) “Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm
Tốt Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
...
Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế
Ngày hai mươi, trận Mã Yên, Liễu Thăng cụt đầu
Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong
Ngày hăm tám, Thượng thư Lý Khánh cùng kẻ tỵ vẫn.
...
Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chất đầy đường
Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước.
...
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền,
ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc,
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến nước mà vẫn tim đập chân run.”

c) “Ta đây :
Núi Lam Sơn dấy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
...
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang mạnh.
...
Phản vì giận quân thù ngang dọc,
Phản vì lo vận nước khó khăn,
Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
Lúc Khôi Huyện quân không một đội.
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn
Ta gắng trí khắc phục gian nan.”

*** Gọi ý sản phẩm:**

- Hoàn cảnh bùng nổ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn:
- + Nhà Hồ kháng chiến chống quân Minh thất bại. Nhà Minh thực hiện nhiều chính sách cai trị, đô hộ khiến cho đời sống nhân dân ta khổ cực.
- + Các cuộc khởi nghĩa chống quân Minh đều thất bại.
- Vai trò của Lê Lợi: khởi xướng, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa; tập hợp anh hùng hào kiệt các nơi về tham gia khởi nghĩa; chiêu tập được sự ủng hộ, sự tham gia đóng góp của dân chúng cho cuộc khởi nghĩa; đưa ra đường lối cho cuộc khởi nghĩa.
- Đóng góp của nhân dân về người, lương thực, thực phẩm, luôn ủng hộ nghĩa quân.

2. Nối nội dung ở cột A (các thời kì của khởi nghĩa Lam Sơn) với cột B (các đoạn trích trong tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi) cho phù hợp.

Nối: 1 – c; 2 – a; 3 – b.

*** Gọi ý các phương án khác**

GV có thể thiết kế trò chơi: các câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi trả lời nhanh, ô chữ,... để giúp HS luyện tập, củng cố kiến thức. GV có thể tổ chức cho cả lớp hoặc chia theo đội để thực hiện các trò chơi.

Ví dụ về thiết kế trò chơi ô chữ:

Tìm từ chìa khoá ở cột A bằng cách trả lời các câu hỏi và điền từ vào ô trống theo hàng ngang (từ khoá này giúp GV khắc sâu về ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đó là mở ra một thời kì mới, phát triển lâu dài, bền vững của đất nước dưới thời Lê sơ). Từ khoá: THỜI LÊ SƠ

	A											
1				T	H	U	Â	N	H	O	A	
2		N	H	A	H	Ô						
3		L	Ê	L	Ơ	I						
4	L	Ê	L	A	I							
5		C	H	I	L	Ă	N	G				
6	N	G	U	Y	Ê	N	T	R	A	I		
7		L	A	M	S	Ơ	N					
8			V	Ư	Ơ	N	G	T	H	Ô	N	G

1. Tên cũ của Thừa Thiên – Huế đầu thế kỉ XV.
2. Triều đại phong kiến của nước ta đã thất bại trước sự xâm lược của nhà Minh.
3. Người khởi xướng cuộc khởi nghĩa chống quân Minh ở miền Tây Thanh Hoá.
4. Người đã đóng giả làm Lê Lợi, chỉ huy toán quân liều chết phá vòng vây quân địch.

5. Quân ta đã giết chết Liễu Thăng ở trận đánh này. Đây cũng là tên một cửa ải ở tỉnh Lạng Sơn.

6. Tác giả của tác phẩm “Bình Ngô đại cáo”.

7. Căn cứ của nghĩa binh do Lê Lợi chọn trong buổi đầu khởi nghĩa.

8. Tướng của nhà Minh, người đã chấp nhận mở hội thề Đông Quan để được rút quân về nước.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:*

HS vận dụng những kiến thức đã học vào một tình huống học tập, phát triển các năng lực về giao tiếp; thể hiện nhận thức lịch sử và thái độ của các nhân vật lịch sử khi tham gia hoá thân vào các nhân vật trong vở kịch về hội thề Lũng Nhai hoặc hội thề Đông Quan.

** Phương thức hoạt động:*

– GV cung cấp thêm tư liệu cho HS và hỗ trợ HS trong quá trình xây dựng kịch bản. HS cùng làm việc nhóm, xây dựng kịch bản, chia sẻ với GV, luyện tập ở nhà.

– GV có thể dành thời gian hoặc tổ chức hoạt động ngoại khoá để HS được thể hiện kết quả làm việc của mình. GV nên có những khen ngợi, khuyến khích phù hợp đối với HS.

** Gợi ý sản phẩm:*

Các đoạn kịch ngắn do HS xây dựng và biểu diễn.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

** Mục tiêu:*

Tạo điều kiện, cơ hội cho các HS có nhu cầu, hứng thú muốn tìm hiểu thêm về các vấn đề liên quan đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Hoạt động này cung cấp cho HS một số tài liệu tham khảo để các em có thể tìm đọc.

** Phương thức hoạt động*

GV nên giới thiệu với toàn thể HS về các tài liệu tham khảo này và cả những tài liệu tham khảo GV sưu tầm được. GV có thể hướng dẫn các em chọn một hoặc một số vấn đề để tìm hiểu và gợi ý một số hoạt động cho HS: viết cảm nghĩ về các nhân vật; sưu tầm tranh ảnh hoặc các tài liệu (sách, báo, phim,...), vẽ tranh về các nhân vật hoặc các sự kiện,...

Nên có đánh giá và khen ngợi sản phẩm của HS, khuyến khích HS thực hiện hoạt động tìm tòi mở rộng.

BÀI 30. NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527)

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được những nét chính về tổ chức chính quyền, quân đội, nội dung của bộ Luật Hồng Đức; nêu được tên các giai cấp, tầng lớp xã hội thời Lê sơ.
- Trình bày, nhận xét được những chính sách về kinh tế, các thành tựu chủ yếu về văn hoá, giáo dục của nước Đại Việt thời Lê sơ.
- Nêu được tên một số danh nhân văn hoá xuất sắc của dân tộc thời Lê sơ.
- Phát triển kĩ năng quan sát, so sánh, vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước thời Lê sơ, đánh giá nhân vật lịch sử Lê Thánh Tông.
- Có thái độ kính trọng các danh nhân lịch sử.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo mô hình chuỗi 5 hoạt động cơ bản của mô hình Trường học mới, bao gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động giúp HS huy động những kiến thức đã biết liên quan đến bài học, tạo ra sự mâu thuẫn, tò mò của HS trước khi tìm hiểu kiến thức mới. Hoạt động hình thành kiến thức được thiết kế nhằm giúp HS tìm hiểu về các khía cạnh của đất nước dưới triều Lê sơ: chính trị (bộ máy chính quyền, quân đội, pháp luật), kinh tế, văn hoá, xã hội. Hoạt động luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng giúp HS ôn tập, củng cố, nâng cao, mở rộng các kiến thức đã được học và tìm hiểu sâu hơn kiến thức mới có liên quan đến nội dung bài học.

Bài học có gợi ý các hoạt động học tập cho từng nội dung, tuy nhiên, GV có thể vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với bối cảnh của lớp học nhằm đạt mục tiêu đề ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* Mục tiêu:

Hoạt động khởi động nhằm kích thích sự hiểu biết của HS thông qua đoạn trích nội dung bia tiến sĩ đầu tiên khoa thi Nhâm Tuất năm 1442 và hình ảnh về

khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh (Thanh Hoá). Nội dung đoạn trích nói về tầm quan trọng của giáo dục và tuyển chọn nhân tài đối với sự phát triển đất nước dưới thời Lê sơ và khu di tích Lam Kinh do vua Lê Lợi sau khi lên ngôi đã cho xây dựng, từ đó khơi gợi trí tò mò của HS về triều đại Lê sơ và mong muốn tìm hiểu về triều đại đó.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc đoạn trích nội dung bia tiến sĩ đầu tiên khoa thi Nhâm Tuất do Thân Nhân Trung soạn lời và quan sát hình 1. Khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh (Thanh Hoá) trong sách HDHKHXH7/2. Sau đó, HS trả lời các câu hỏi:

+ Hình ảnh và thông tin đó liên quan đến triều đại phong kiến nào trong lịch sử dân tộc?

+ Nêu hiểu biết của em về triều đại đó.

– GV có thể tổ chức hoạt động cho toàn lớp, các cá nhân chia sẻ hiểu biết của bản thân. Nếu nhiệm vụ đặt ra quá khó với HS, GV có thể đặt các câu hỏi và gợi ý:

+ Bia tiến sĩ được xây dựng đầu tiên vào năm nào, năm đó thuộc triều đại phong kiến nào?

+ Liên hệ với bài học trước và kết quả của khởi nghĩa Lam Sơn.

– GV cũng có thể cho các HS chia sẻ về khu di tích quốc gia Lam Kinh (Thanh Hoá) với những hiểu biết riêng của các em. GV có thể mở rộng, gắn với nội dung của bài học trước để HS nắm được hoàn cảnh ra đời của triều Lê sơ.

** Gợi ý sản phẩm:*

Câu trả lời của các HS có thể khác nhau. GV lựa chọn câu trả lời phù hợp để dẫn dắt, kết nối vào bài học mới.

Đoạn trích nội dung bia tiến sĩ và hình ảnh về khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh liên quan đến triều đại Lê sơ (một triều đại được thành lập bởi Lê Lợi sau khi đánh tan quân Minh năm 1427).

Đây là triều đại tồn tại lâu và hùng mạnh trong lịch sử phong kiến dân tộc với sự phát triển về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục cũng như mở rộng lãnh thổ.

Hoặc có thể tiến hành theo cách sau:

GV có thể sử dụng các đoạn video ngắn trong tuyển tập: *Thăng Long nhân kiệt* để giới thiệu về một số nhân vật tiêu biểu (Lê Lợi, Lê Thánh Tông), một số nét về

nước Đại Việt thời Lê sơ, đặt các câu hỏi để khai thác và tạo hứng thú cho HS tìm hiểu nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê sơ

** Mục tiêu:*

Hiểu về tổ chức bộ máy chính quyền, vẽ được sơ đồ bộ máy nhà nước thời vua Lê Thánh Tông.

Giải thích được: Cải cách của vua Lê Thánh Tông nhằm hoàn chỉnh bộ máy nhà nước và tăng quyền kiểm soát của nhà vua đối với chính quyền, nâng cao quyền lực của nhà vua.

Kể tên được 13 đạo thừa tuyên trên lược đồ.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin, quan sát lược đồ hình 2. Lược đồ các đơn vị hành chính Đại Việt thời Lê sơ trong sách HDHKHXH7/2 và thực hiện các yêu cầu sau:

+ Cho biết những cải cách của vua Lê Thánh Tông nhằm mục đích gì.

+ Vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông.

+ Dựa vào lược đồ, kể tên 13 đạo thừa tuyên dưới thời Lê sơ.

– Với nhiệm vụ vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi để cùng thảo luận chọn phương án chung. Hoặc GV có thể tổ chức hoạt động cho HS theo nhóm, mỗi nhóm sẽ thảo luận để có được sản phẩm chung.

GV lưu ý HS nên tham khảo thông tin ở phần chú thích (1), (2), (3) cuối trang 92 sách HDHKHXH7/2 để vẽ sơ đồ được chính xác hơn.

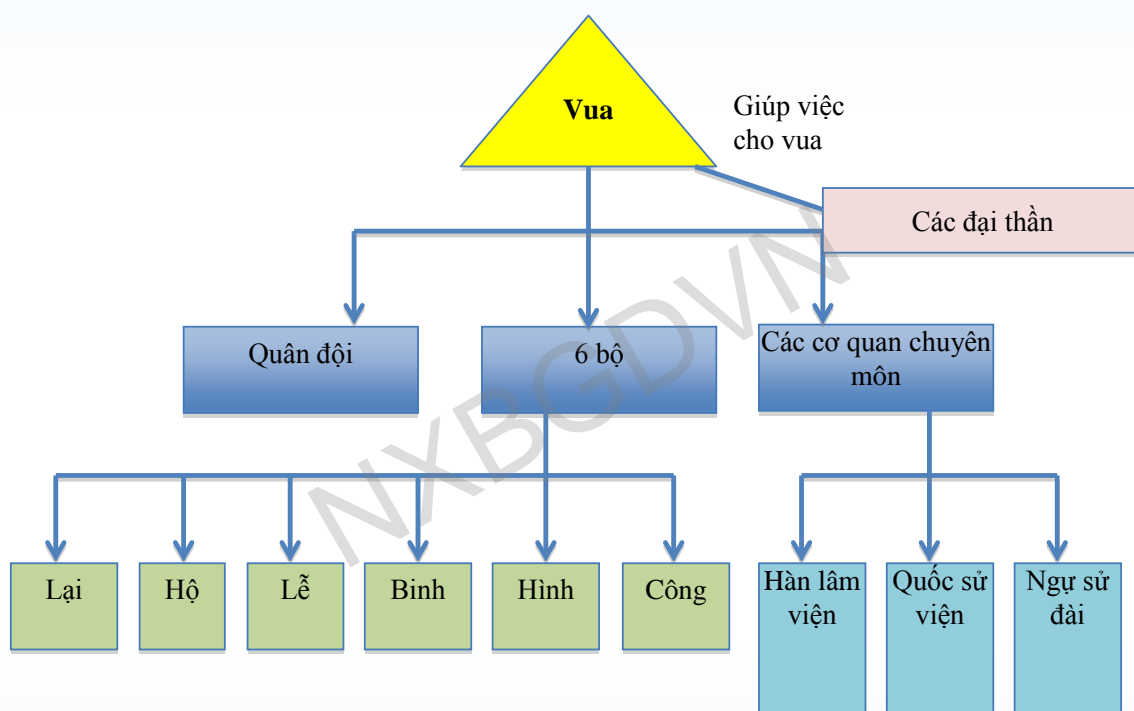
Sau đó, các nhóm báo cáo trước lớp về sơ đồ mà nhóm mình đã vẽ. GV lấy ý kiến nhận xét từ các thành viên khác và điều chỉnh sơ đồ (nếu cần thiết).

– Với câu hỏi: Cho biết những cải cách của vua Lê Thánh Tông nhằm mục đích gì, GV nên tổ chức HS làm việc theo nhóm (4 đến 6 HS) vì đây là câu hỏi khó, cần sự thảo luận của nhiều HS. GV có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, mỗi HS ghi ý kiến của mình, thảo luận và thống nhất ý kiến của toàn nhóm. Sau đó các nhóm cùng chia sẻ, GV bổ sung, giải thích để HS hiểu về cải cách của vua Lê Thánh Tông. Ở đây, GV nên nhấn mạnh việc tập trung quyền lực vào tay nhà vua một cách triệt để là biểu hiện cao nhất của chế độ phong kiến tập quyền thời Lê sơ.

– Với yêu cầu kể tên 13 đạo thừa tuyên trên lược đồ, GV có thể cho HS tự chỉ theo cặp đôi. Sau đó, gọi một số HS chỉ trước lớp. Đây là nội dung không quá khó, GV nên lưu ý đến kĩ năng chỉ lược đồ của HS để điều chỉnh. GV cũng cần lưu ý với HS về việc mở rộng lãnh thổ của nước ta thời Lê sơ so với thời Lý – Trần và công lao của vua Lê Thánh Tông.

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Sơ đồ bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông:
- Cho biết những cải cách của vua Lê Thánh Tông nhằm mục đích gì. Cải cách của vua Lê Thánh Tông nhằm hoàn chỉnh bộ máy nhà nước và tăng quyền kiểm soát của nhà vua đối với chính quyền, nâng cao quyền lực của nhà vua.



– Kể tên 13 đạo thừa tuyên theo lược đồ:

Hưng Hoá, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Nam Sách, Thiên Trường, Thanh Hoá, Nghệ An, Hưng Hoá, Quảng Nam.

2. Tìm hiểu về quân đội và pháp luật thời Lê sơ

* *Mục tiêu:*

– Nêu được cách tổ chức quân đội thời Lê sơ, điểm giống nhau giữa tổ chức quân đội thời Lê sơ và thời Lý – Trần và dẫn chứng cho thấy nhà Lê sơ rất quan tâm đến việc bảo vệ biên giới quốc gia.

– Chỉ ra được những điểm khác nhau trong nội dung bộ Luật Hồng Đức so với các bộ luật trước đó thời Lý – Trần và đưa ra được nhận xét về sự tiến bộ của bộ Luật Hồng Đức.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS, yêu cầu HS đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/2 và trả lời các câu hỏi:

+ Cho biết cách tổ chức quân đội thời Lê sơ có điểm gì giống với thời Lý – Trần. Nêu dẫn chứng cho thấy triều Lê sơ rất quan tâm đến việc bảo vệ lãnh thổ quốc gia.

+ Chỉ ra những điểm khác nhau trong nội dung bộ Luật Hồng Đức so với các bộ luật thời Lý – Trần. Sự khác biệt đó thể hiện điều gì của bộ Luật Hồng Đức?

– Với các câu hỏi trên GV sử dụng phương pháp trao đổi, đàm thoại cặp đôi, sau đó yêu cầu cặp đôi chia sẻ ý kiến trước lớp và các thành viên khác thảo luận. GV nhận xét và bổ sung.

– GV nên đọc một số đoạn trích trong Luật Hồng Đức để giúp HS hiểu biết rõ hơn nội dung và đánh giá sự tiến bộ của bộ luật.

Một số quy định trong luật bộ Luật Hồng Đức:

“Không có sự phân biệt về tiền công nhật cho lao động đàn ông với đàn bà”.

Điều 23 quy định tiền công nhật cho nô tì là 30 đồng.

Điều 322: Con gái thấy chồng chưa cưới có ác tật có thể kêu quan mà trả đồ sính lễ, nếu con rể lẳng mạ cha mẹ vợ, đem thưa quan, cho li dị.

Điều 388: Trong quyền thừa kế tài sản cha mẹ để lại, pháp luật cũng không phân biệt con trai – con gái. Nếu cha mẹ mất cả thì lấy 1/20 số ruộng đất làm phần hương hỏa, giao cho người con trưởng giữ, còn lại chia đều cho các con.

Điều 391: người giữ hương hỏa có con trai trưởng thì dùng con trai trưởng, không có con trai trưởng thì dùng con gái trưởng.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Cách tổ chức quân đội thời Lê sơ có điểm giống với thời Lý – Trần:

Tổ chức quân đội theo chế độ “ngự binh ư nông”, gồm có hai bộ phận chính: quân triều đình và quân địa phương.

Việc quan tâm đến bảo vệ biên giới quốc gia thời Lê sơ được thể hiện qua việc tổ chức cho quân lính luyện tập võ nghệ thường xuyên, luôn bố trí quân đội canh phòng, bảo vệ ở vùng biên giới để ngăn chặn không cho quân địch xâm lấn.

– Bộ Luật Hồng Đức được ban hành dưới thời Lê Thánh Tông bao gồm một số nội dung cơ bản sau: bảo vệ quyền lợi của vua và hoàng tộc, của quan lại và giai cấp thống trị, địa chủ phong kiến; bảo vệ chủ quyền quốc gia; khuyến khích phát triển kinh tế và giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo vệ một số quyền lợi của phụ nữ.

Bảo vệ một số quyền lợi của phụ nữ là điểm khác biệt và thể hiện sự tiến bộ của Luật Hồng Đức so với các bộ luật được ban hành thời Lý – Trần.

3. Tìm hiểu về tình hình kinh tế thời Lê sơ

* *Mục tiêu:*

Trình bày được tình hình kinh tế thời Lê sơ và nêu được tác dụng của các chính sách kinh tế đó đối với sự phát triển kinh tế của đất nước.

* *Phương thức hoạt động:*

GV yêu cầu HS đọc thông tin và thực hiện nhiệm vụ theo sách HDHKHXH7/2:

+ Hoàn thành bảng về tình hình phát triển kinh tế dưới thời Lê sơ theo yêu cầu sau:

Lĩnh vực	Tình hình phát triển
Nông nghiệp	
Thủ công nghiệp	
Thương nghiệp	

+ Nêu tác dụng của các chính sách kinh tế dưới triều đại Lê sơ.

– Với nội dung hoàn thành bảng theo yêu cầu, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó chia sẻ sản phẩm trước lớp, GV để HS tự đánh giá lẫn nhau, điều chỉnh sản phẩm của nhau. Sau đó GV mới đưa ra nhận xét cuối cùng.

GV cũng có thể tổ chức cho nhóm 4 đến 6 em thực hiện, hoàn thiện sản phẩm trên giấy A0 và chia sẻ trước lớp.

– Để HS thấy được tác dụng của các chính sách kinh tế thời Lê sơ, GV nên lưu ý HS nhớ lại, khai thác bối cảnh đất nước lúc Lê Lợi đánh thắng quân Minh và lập nên triều Lê sơ. Đó là thời kì kinh tế đất nước kiệt quệ và gặp nhiều khó khăn.

* *Gợi ý sản phẩm*

– Hoàn thành bảng:

Lĩnh vực	Tình hình phát triển
Nông nghiệp	Thực hiện chế độ “Ngụ binh ư nông”; đặt các chức quan chuyên chăm lo về sản xuất nông nghiệp; thực hiện chế độ quân điền; cấm giết trâu bò bừa bãi,...
Thủ công nghiệp	– Xuất hiện nhiều làng nghề thủ công và các phường thủ công với nhiều sản phẩm phong phú; – Lập các công xưởng do nhà nước quản lí, sản xuất các sản phẩm dùng cho nhà vua, vũ khí, đúc tiền, đóng thuyền.
Thương nghiệp	– Cho phép và ban hành luật về mở chợ mới, họp chợ; – Buôn bán với nước ngoài được duy trì ở một số nơi và được kiểm soát chặt chẽ.

– Những chính sách, biện pháp tích cực về kinh tế của các vị vua thời Lê sơ đã nhanh chóng thúc đẩy sự phục hồi và phát triển kinh tế của nước ta, giúp cho đời sống nhân dân được cải thiện, xã hội ổn định.

4. Tìm hiểu về xã hội thời Lê sơ

* *Mục tiêu:* Kể được tên các giai cấp và tầng lớp thời Lê sơ.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS khai thác thông tin trong sách HDHKHXH7/2 và trả lời câu hỏi: Thời Lê sơ trong xã hội có những giai cấp và tầng lớp nào?

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó, yêu cầu một số HS trình bày ý kiến và nhận xét.

– GV có thể phân tích thêm để HS thấy được sự thay đổi trong xã hội giữa thời Lê sơ so với thời Lý – Trần. Thời Lê sơ không còn tầng lớp vương hầu, quý tộc Trần và nông nô. Tầng lớp nô tì bị giảm dần và sau đó cũng bị xoá bỏ. Thời kì này thì tầng lớp địa chủ tăng lên.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội thời Lê sơ:

– Giai cấp thống trị: địa chủ, quan lại.

– Giai cấp bị trị: chủ yếu là nông dân, thương nhân, thợ thủ công; thấp hèn nhất trong xã hội là tầng lớp nô tì.

5. Tìm hiểu về giáo dục và khoa cử thời Lê sơ

* Mục tiêu:

– Trình bày được các chính sách của nhà Lê sơ khuyến khích phát triển giáo dục, thi cử để tuyển chọn nhân tài cho đất nước. Nêu được tác dụng của các chính sách đó.

– Trình bày được ý nghĩa của việc dựng bia tiến sĩ trong Văn miếu.

* Phương thức hoạt động:

– GV giao nhiệm vụ cho HS, HS đọc thông tin, kết hợp quan sát *hình 3. Bia tiến sĩ trong Văn miếu (Hà Nội)* trong sách HDHKHXH7/2 để trả lời câu hỏi:

+ Nêu các chính sách về giáo dục, thi cử của triều đại Lê sơ. Các chính sách đó có tác dụng ra sao?

+ Cho biết việc dựng bia tiến sĩ trong Văn miếu có ý nghĩa như thế nào.

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân. Mỗi cá nhân tự trả lời câu hỏi sau đó có thể chia sẻ trước lớp. HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn, sau đó GV mới có những điều chỉnh cuối cùng.

– GV cũng có thể trích đọc một số tài liệu khác nói về giáo dục, thi cử thời Lê sơ và giới thiệu thêm thông tin về việc dựng bia tiến sĩ trong Văn miếu (Hà Nội) và việc bảo tồn bia tiến sĩ hiện nay.

* Gợi ý sản phẩm:

– Chính sách về giáo dục, thi cử của triều đại Lê sơ: khuyến khích việc giáo dục, thi cử; cho phép mở trường học, khoa thi một cách thường xuyên và cho phép người có học dự thi để tuyển chọn nhân tài. Nhờ đó, thời Lê sơ đã tuyển chọn được nhiều nhân tài cho đất nước, bổ dụng được nhiều người đỗ đạt cao vào làm quan.

– Việc dựng bia tiến sĩ trong Văn miếu với chủ trương đề cao Nho học và tôn vinh bậc trí thức Nho học nhằm khuyến khích, động viên mọi người học hành, thi cử, đỗ đạt.

6. Tìm hiểu về các thành tựu văn học, khoa học, nghệ thuật và một số danh nhân văn hoá của dân tộc thời Lê sơ

* Mục tiêu:

– Nêu được một số thành tựu về văn học, khoa học và nghệ thuật thời Lê sơ.

– Kể được tên một số danh nhân văn hoá của dân tộc thời Lê sơ.

* Phương thức hoạt động:

– GV giao nhiệm vụ cho HS, yêu cầu HS đọc thông tin, kết hợp quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/2 và hoàn thành bảng theo yêu cầu.

Lĩnh vực	Tác giả	Tác phẩm

– GV có thể tổ chức HS làm việc cá nhân hoặc nhóm, sau khi hoàn thành nhiệm vụ thì chia sẻ trước lớp; các HS/nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV có thể sử dụng các video trong *Tuyển tập Thăng Long nhân kiệt* để giới thiệu chi tiết thêm về một số danh nhân văn hoá thời Lê sơ (Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông) cho HS.

* Gợi ý sản phẩm:

Lĩnh vực	Tác giả	Tác phẩm
Văn học	– Nguyễn Trãi – Lê Thánh Tông	– Bình Ngô đại cáo, Quân trung từ mệnh tập, Chí Linh sơn phú, Quốc âm thi tập,... – Quỳnh uyển cửu ca, Châu cơ thắng thưởng, Hồng Đức quốc âm thi tập.
Sử học	– Ngô Sĩ Liên	– Đại Việt sử kí toàn thư. – Đại Việt sử kí, Lam Sơn thực lục, Hoàng triều quan chế,...
Địa lí học		Hồng Đức bản đồ, Dư địa chí, An Nam hình thắng đồ.
Y học		Bản thảo thực vật toát yếu.
Toán học		Đại thành toán pháp, Lập thành toán pháp.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* Mục tiêu:

HS được ôn luyện hệ thống về đóng góp của một số nhân vật lịch sử, danh nhân văn hoá thời Lê sơ và các thành tựu thời Lê sơ đạt được.

So sánh được những điểm khác biệt giữa triều Lê sơ và Lý – Trần về bộ máy nhà nước, về các đơn vị hành chính ở địa phương, đào tạo tuyển chọn quan lại và pháp luật. Từ đó, nhận xét được sự phát triển và tiến bộ của thời Lê sơ.

* *Phương thức hoạt động:*

– Nối các thông tin ở cột bên trái với cột bên phải sao cho phù hợp.

1. Lê Thánh Tông	a) Dư địa chí, Quốc âm thi tập
2. Nguyễn Trãi	b) Lập 6 bộ, chia cả nước thành 13 đạo
3. Ngô Sĩ Liên	c) Đại Việt sử kí toàn thư
	d) Cung điện Lam Kinh

GV tổ chức HS làm việc cá nhân, sau đó chia sẻ sản phẩm trước lớp. HS khác nhận xét sản phẩm của bạn. GV điều chỉnh và củng cố (nếu cần).

– Trình bày một số thành tựu đạt được dưới thời Lê sơ trên các lĩnh vực kinh tế, pháp luật, giáo dục, văn học – nghệ thuật, khoa học.

GV tổ chức HS làm việc cá nhân, yêu cầu HS ghi vào vở một số thành tựu đạt được dưới thời Lê sơ trên các lĩnh vực: kinh tế, pháp luật, giáo dục, văn học – nghệ thuật, khoa học.

HS thực hiện sau đó chia sẻ trước lớp. GV điều chỉnh và củng cố (nếu cần).

– Hoàn thành bảng so sánh.

GV tổ chức HS làm việc nhóm lớn (4 – 6 HS), yêu cầu các nhóm thảo luận, chia sẻ và hoàn thành bảng so sánh, ghi kết quả vào giấy A0 hoặc A1.

Sau đó từng nhóm trình bày kết quả của mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV đưa ra ý kiến trên cơ sở nhận xét, điều chỉnh bài làm của HS.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Nối thông tin ở cột bên trái với cột bên phải cho phù hợp: 1 – b); 2 – a); 3 – c).

– Một số thành tựu đạt được dưới thời Lê sơ:

+ Kinh tế: phục hồi và phát triển kinh tế; nông nghiệp được quan tâm, khuyến khích phát triển với nhiều chính sách tiến bộ; có nhiều làng nghề thủ công với nhiều nghề thủ công xuất hiện; buôn bán trong và ngoài nước được quan tâm.

+ Pháp luật: ban hành bộ Quốc triều hình luật với nhiều chính sách tiến bộ, đặc biệt là bảo vệ sản xuất nông nghiệp và chính sách đối với phụ nữ.

+ Giáo dục: khuyến khích học hành, thi cử; việc mở khoa thi đều đặn hơn, tuyển được nhiều nhân tài cho đất nước.

+ Văn học – nghệ thuật: đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực, để lại nhiều tác giả và tác phẩm có giá trị.

+ Khoa học với nhiều ngành (sử học, địa lí, y học, toán học) phát triển hơn trước với nhiều tác phẩm được ghi nhận và hữu ích.

– Hoàn thành bảng so sánh:

Nội dung	Thời Lý – Trần	Thời Lê sơ
Bộ máy nhà nước ở trung ương	Vua nắm quyền hành cao nhất nhưng vẫn còn các quan lại cao cấp (tướng quốc, đại tổng quản, đại hành khiển); thời Trần có chế độ Thái thượng hoàng hạn chế quyền lực của vua.	Vua nắm mọi quyền hành, từ các hoạt động của các cơ quan trung ương đến quân đội. Quyền lực của vua lớn hơn rất nhiều.
Các đơn vị hành chính địa phương	Tổ chức thành các lộ (24 lộ thời Lý và 12 lộ thời Trần) với một chức quan đứng đầu là An phủ sứ.	Tổ chức thành 13 đạo thừa tuyên; thay chức An phủ sứ bằng 3 ti phụ trách 3 mặt hoạt động khác nhau, hiệu quả hơn và tránh việc lạm dụng quyền lực.
Cách đào tạo, tuyển chọn, bổ dụng quan lại	Chủ yếu là đề cử từ những quan lại có uy tín.	Chủ yếu là thông qua thi cử.
Pháp luật	Bảo vệ quyền lợi nhà vua, chế độ phong kiến, lãnh thổ quốc gia và sản xuất.	Ngoài các quy định giống thời Lý – Trần, còn bảo vệ một số quyền lợi của phụ nữ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Dựa vào đoạn thông tin trong sách HDHKHXH7/2, kết hợp với hiểu biết của em, nêu chủ trương của các vua thời Lê đối với lãnh thổ của đất nước. Chủ trương đó có giá trị đến ngày nay không? Tại sao?

* Mục tiêu:

Hiểu và trình bày được những giá trị trong tư tưởng, chính sách của các vua thời Lê sơ đối với việc bảo vệ lãnh thổ của đất nước và tình hình đất nước hiện nay.

** Phương thức hoạt động:*

– GV yêu cầu HS đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/2 và kết hợp với hiểu biết của HS để trả lời câu hỏi:

+ Nêu chủ trương của các vua thời Lê sơ đối với lãnh thổ đất nước.

+ Chủ trương đó có giá trị đến ngày nay không? Vì sao?

– GV tổ chức cho HS thảo luận toàn lớp để các em được nêu ý kiến cá nhân hoặc GV có thể tổ chức thi hùng biện giữa các thành viên trong lớp.

** Gợi ý sản phẩm:*

Chủ trương: dùng hết mọi sức lực, quyết tâm để bảo vệ từng tấc đất của lãnh thổ đất nước. Chủ trương đó đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị.

2. Em hãy đóng vai một thuyết minh viên ở Bảo tàng Lịch sử, giới thiệu cho các bạn về một lĩnh vực thuộc triều đại Lê sơ mà em thích nhất.

** Mục tiêu:*

Giúp phát triển năng lực giao tiếp, sử dụng các kiến thức HS có được để giới thiệu về một lĩnh vực, giúp củng cố kiến thức, kĩ năng cho HS.

** Phương thức hoạt động:*

GV có thể cho HS chuẩn bị ở nhà, thiết kế lớp học theo kiểu phòng tranh, trưng bày các tranh ảnh về thời Lê sơ. Các HS hoặc nhóm đã có sự chuẩn bị sẽ lựa chọn nội dung phù hợp để giới thiệu. Sau đó, GV nhận xét và khuyến khích HS.

** Gợi ý sản phẩm:*

Các nhóm hoặc HS khác nhau sẽ có các sản phẩm khác nhau.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

** Mục tiêu:*

Hoạt động tìm tòi, mở rộng nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho các HS có nhu cầu, hứng thú muốn tìm hiểu thêm về các vấn đề liên quan đến thời Lê sơ. Hoạt động này cung cấp một số tài liệu tham khảo để các em có thể tìm đọc.

** Phương thức hoạt động:*

GV nên giới thiệu với toàn thể HS về các tài liệu tham khảo này và cả những tài liệu tham khảo GV sưu tầm được. GV hướng dẫn các em chọn một hoặc một số vấn đề để tìm hiểu và gợi ý một số hoạt động cho HS: viết cảm nghĩ về nhân

vật; sưu tầm tranh ảnh hoặc các tài liệu (sách, báo, phim,...), vẽ tranh về các nhân vật hoặc các sự kiện,...

GV nên có đánh giá và khen ngợi sản phẩm của HS, khuyến khích HS thực hiện hoạt động tìm tòi, mở rộng.

BÀI 31. ĐẠI VIỆT TRONG CÁC THẾ KỶ XVI – XVIII

Mục tiêu

Sau bài học HS:

- Trình bày được từ đầu thế kỷ XVI, do sự suy yếu của nhà nước phong kiến tập quyền cùng với sự tranh giành quyền lợi giữa các phe phái ngày càng gay gắt đã gây ra những cuộc chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến. Tình trạng đó đã làm cho đất nước ta bị chia cắt lâu dài, kinh tế bị tàn phá ở nhiều nơi, đời sống của nhân dân đói khổ, văn hoá bị kìm hãm.
- Ghi nhớ được một số thành tựu cũng như danh nhân văn hoá tiêu biểu ở nước ta trong các thế kỷ XVI – XVIII.
- Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa nông dân thế kỷ XVIII.
- Phát triển kĩ năng đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, năng lực hợp tác kĩ năng sử dụng lược đồ, tranh ảnh, tư liệu trong học tập.
- Có thái độ phê phán thế lực phong kiến đã chia cắt đất nước ta, đồng tình với các cuộc đấu tranh của nông dân chống chế độ phong kiến lạc hậu; khâm phục, tự hào về những giá trị văn hoá vật chất, tinh thần của cha ông ta.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

Đại Việt trong các thế kỷ XVI – XVIII tập trung ở hai nội dung chính là sự suy yếu của Nhà nước phong kiến tập quyền cùng với sự tranh giành quyền lực giữa các phe phái đã dẫn tới sự chia cắt Nam – Bắc triều, Đàng trong – Đàng ngoài gây nhiều tổn hại cho sự phát triển đất nước và phong trào Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII. Do tầm quan trọng của phong trào Tây Sơn trong lịch sử dân tộc nên nội dung này tách thành một bài học riêng.

GV có thể tổ chức dạy học bài này trong 4 tiết, mỗi tiết nên có đủ các hoạt động theo mô hình Trường học mới.

II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:*

GV có thể tổ chức hoạt động khởi động bằng những câu hỏi gợi mở trong sách HDHKHXH7/2 hoặc có cách khởi động khác phù hợp với khả năng nhận thức của HS, với điều kiện, môi trường cụ thể của lớp học. Song dù khởi động bằng cách nào cũng phải hướng HS vào nội dung cơ bản của bài, phải kích thích được nhu cầu học tập bài mới của các em. Ví dụ: Chiến tranh Nam – Bắc triều, chiến tranh Đàng Trong – Đàng Ngoài trong lịch sử nước ta thế kỉ XVI – XVIII là chiến tranh của những dòng họ nào? Tính chất của những cuộc chiến tranh đó? Hoặc: Em biết gì về lịch sử nước ta từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII.

* *Phương thức hoạt động:*

– Vào đầu giờ học, sau khi ổn định lớp, có thể kiểm tra hay không kiểm tra bài cũ, GV định hướng sự chú ý của HS bằng những câu hỏi hoặc nội dung cơ bản để khởi động. Có thể gợi ý cho HS vài nét về tình hình nước ta đầu thế kỉ XVI, tình hình đó tất yếu dẫn đến điều gì?

– Tùy tình hình lớp, có thể tổ chức HS làm việc cá nhân hoặc nhóm. HS có thể trả lời hoặc không trả lời câu hỏi khởi động, GV dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Tìm hiểu các cuộc chiến tranh Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn

* *Mục tiêu:*

– Biết được vài nét về tình hình nước ta đầu thế kỉ XVI.
– Giải thích nguyên nhân, đánh giá hậu quả của chiến tranh Nam – Bắc triều và chiến tranh Trịnh – Nguyễn.

* *Phương thức hoạt động:*

– Lần lượt tổ chức HS tìm hiểu chiến tranh Nam – Bắc triều và chiến tranh Trịnh – Nguyễn.

Về chiến tranh Nam – Bắc triều, GV giới thiệu: “Vào đầu thế kỉ XVI, nhà Lê bắt đầu suy yếu. Vua, quan chỉ biết ăn chơi xa xỉ, xây dựng lâu đài, cung điện tốn kém. Lê Uy Mục ở ngôi từ năm 1505 đến năm 1509, đêm nào cũng cùng cung phi vui đùa uống rượu quá độ. Khi uống rượu say thì giết cung phi. Nội bộ triều Lê

chia bè kéo cánh, tranh giành quyền lực. Quan lại địa phương cậy quyền thế ức hiếp nhân dân. Điều đó đã làm cho đời sống nhân dân lâm vào cảnh khốn cùng. Sự tranh chấp giữa các phe phái phong kiến diễn ra quyết liệt”.

– GV nêu câu hỏi cho cả lớp hoặc chia nhóm trao đổi thảo luận:

+ Xác định trên lược đồ vị trí địa lí Bắc triều, Nam triều.

+ Trình bày nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến tranh Nam – Bắc triều.

+ Vì sao gọi là chiến tranh Nam – Bắc triều.

+ Hậu quả của chiến tranh Nam – Bắc triều.

+ Em có đồng tình, ủng hộ cuộc chiến tranh này không? Vì sao?

Đoạn thông tin trong sách HDHKHXH7/2 sẽ giúp cho HS có tư liệu, sự kiện để trả lời các câu hỏi trên.

– GV tổ chức cho các em phát biểu ý kiến cá nhân hoặc nhóm.

– GV nhận xét và chốt ý: Do mâu thuẫn giữa hai tập đoàn phong kiến Lê và Mạc đã dẫn đến chiến tranh Nam – Bắc triều (nhà Mạc ở phía Bắc nên gọi là Bắc triều. Nguyễn Kim lập một người thuộc dòng dõi nhà Lê lên làm vua, gọi là Nam Triều).

Cuộc chiến tranh này kéo dài hơn 50 năm (từ năm 1533 đến năm 1592) đã gây ra hậu quả nặng nề: làng mạc điêu tàn, xơ xác, kinh tế suy sụp, nhân dân đói khổ.

Về chiến tranh Trịnh – Nguyễn, GV hướng dẫn HS đọc đoạn thông tin và quan sát hình 2. “Phủ chúa Trịnh” trong sách HDHKHXH7/2, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi:

+ Nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn.

+ Hậu quả của chiến tranh Trịnh – Nguyễn.

Nêu ý kiến của em về tính chất của cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn. Em có đồng tình với cuộc chiến tranh này không? Vì sao?

– GV có thể gợi mở cho HS hiểu hơn về thế lực của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài khi miêu tả hình ảnh Phủ chúa Trịnh:

Quần thể Phủ chúa Trịnh được xây dựng trên một diện tích rộng, trong đó khu chính ở phía tây nam hồ Hoàn Kiếm ngày nay. Sau đó có thêm nhiều công trình kiến trúc tiến dần sang phía đông và phía nam. Có nhà nghiên cứu cho rằng quần thể kiến trúc này gồm 52 cung điện lớn nhỏ khác nhau.

Đương thời, kiến trúc chính của Phủ chúa Trịnh hình chữ nhật, có tường bao bọc xung quanh. Có hai cửa ra ngoài là Chính môn (phía nam) và Tuyên

Vũ môn (phía đông, trông ra hồ Hoàn Kiếm). Ven hồ, chúa Trịnh cho xây dựng nhiều nguyệt đàn, thủy tạ, dựng Tả Vọng đình trên gò Rùa (nền Tháp Rùa ngày nay). Đặc biệt là lầu Ngũ Long được xây dựng bên hồ khoảng đầu thế kỉ XVIII, mang hình 5 con rồng, dát bằng các mảnh sứ và có đá cẩm thạch xây quần xung quanh. Phủ chúa Trịnh là một dãy lầu đài nguy nga, đồ sộ, xen kẽ nhiều sắc thiên nhiên tô điểm cho phủ chúa càng thêm lộng lẫy. Năm 1787, Lê Chiêu Thống đã thiêu huỷ công trình này. Bức tranh là bức vẽ một phần của Phủ chúa Trịnh – đó là Phủ đường (Chính sự đường) nằm ở trung tâm của vương phủ, gồm:

Sân điện rộng lớn nằm chính giữa toà Chính sự đường (Đại đường), thêm gác hai tầng bày nghi trượng, vũ khí, chiêm trống, nghi vệ... Phía sau là toà Trung đường, Nghị sự đường, Hậu đường, Tĩnh đường.

Phía hữu có viên chức phó câu kê, cai hợp, thủ hợp và tướng thần, lại tiếp đến Hữu Xuyên đường, Kính Thiên lâu (xem sao, tế đất trời).

Phía bên tả có ti phó câu kê xá nhân (coi xét trong phủ Tả Xuyên đường).

Quần thể Phủ chúa Trịnh được xây trong suốt một thời gian dài (1592 – 1749), được coi là một công trình kiến trúc hoành tráng bậc nhất Thăng Long thời đó.

Sau khi HS trả lời, GV nhận xét, chốt ý: Nguyên nhân dẫn đến chiến tranh Trịnh – Nguyễn xuất phát từ những mâu thuẫn của hai tập đoàn phong kiến Nguyễn ở Đàng Trong, Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài. Cuộc chiến tranh này diễn ra gần 50 năm từ năm 1627 đến năm 1672 gây ra bao nhiêu đau thương cho dân tộc, tổn hại đến sự phát triển của đất nước.

2. Tìm hiểu tình hình kinh tế thế kỉ XVI – XVIII

* Mục tiêu:

– Trình bày được quá trình mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn ở hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

– Biết được những nét chính về tình hình kinh tế Đàng Trong, Đàng Ngoài trong các thế kỉ XVI – XVIII.

– Giải thích được vì sao trong khi nông nghiệp Đàng Trong phát triển thì ở Đàng Ngoài lại bị ngưng trệ, khủng hoảng.

– Trình bày được những thành tựu tiêu biểu về thủ công nghiệp, thương nghiệp, ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII.

– Giải thích được lí do một số đô thị xuất hiện và thương nhân nhiều nước đến nước ta buôn bán.

**Phương thức hoạt động:*

Về nông nghiệp:

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc đoạn thông tin trong sách HDHKHXH7/2 và cho biết quá trình mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền ở quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của các chúa Nguyễn, tìm ra những điểm khác nhau giữa nông nghiệp ở Đàng Trong và Đàng Ngoài.

– GV nên mở rộng giúp HS hiểu rõ hơn quá trình mở rộng lãnh thổ của chúa Nguyễn ở Đàng Trong nhất là quá trình xác lập chủ quyền của nhà nước Đại Việt đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Có thể cung cấp thêm tư liệu: Cuốn *Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* – một trong những tác phẩm đầu tiên đề cập đến chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa do Đỗ Bá Công Đạo sưu tầm biên soạn vào khoảng năm 1630 – 1653, đã xác nhận rằng chúa Nguyễn lập đội Hoàng Sa để quản lí và khai thác quần đảo này từ thế kỉ XVII. Xứ Đàng Trong do các chúa Nguyễn quản lí từ cuối thế kỉ XVI đã mở rộng ra khu vực các quần đảo giữa Biển Đông. Tên gọi nôm na mà nhân dân xứ Đàng Trong đặt cho 2 quần đảo san hô là Bãi Cát Vàng, rồi chuyển sang âm Hán Việt là Hoàng Sa. Tên gọi này được dùng để chỉ chung cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

– GV có thể gợi ý, ở Đàng Ngoài chính quyền Lê – Trịnh ít quan tâm đến thủy lợi và tổ chức khai hoang. Ruộng đất nhiều nơi bị hoang hoá. Ngược lại ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn đẩy mạnh khai thác, tổ chức khai hoang mở rộng lãnh thổ: Cấp công cụ, lương ăn, lập thành làng, ấp. Nhờ quá trình khai hoang và điều kiện tự nhiên thuận lợi nên nông nghiệp Đàng Trong phát triển rõ rệt.

Về thủ công nghiệp và thương nghiệp:

– GV tổ chức HS đọc đoạn thông tin kết hợp quan sát hình 3 và hình 4 trong sách HDHKHXH7/2 để trả lời câu hỏi sau:

- + Cho biết tình hình thủ công nghiệp và thương nghiệp trong các thế kỉ XVI – XVIII.
- + Giải thích sự xuất hiện của một số đô thị và thương nhân nhiều nước đến nước ta buôn bán chứng tỏ điều gì.
- + Kể tên những làng thủ công nổi tiếng ở nước ta thời xưa và hiện nay.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Về nông nghiệp, trong các thế kỉ XVI – XVIII ở Đàng Ngoài thì ngừng trệ, chậm phát triển, ở Đàng Trong do điều kiện tự nhiên thuận lợi và các chính sách

tiến bộ của chúa Nguyễn nên phát triển nhanh chóng. Các chúa Nguyễn đã mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

– Về thủ công nghiệp và thương nghiệp tiếp tục phát triển, xuất hiện nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng: gốm Bát Tràng, dệt La Khê, rèn sắt Phú Bài, làng mía đường ở Quảng Nam,... Một số đô thị ra đời: Phố Hiến, Thanh Hà (Thừa Thiên Huế), Hội An (Quảng Nam), Gia Định.

GV có thể đọc cho HS đoạn tư liệu: Một số người phương Tây đến nước ta bấy giờ mô tả: “Các phố Kẻ Chợ (Thăng Long) đều rộng, đẹp, nhiều phố lát gạch. Phố sá buôn bán nhộn nhịp, nhất là vào ngày mùng một và ngày rằm âm lịch. Mỗi phố bán một thứ hàng hoá”, “nhờ con sông Cái (sông Hồng) chảy qua ven kinh thành, thuyền chở hàng hoá ra vào rất đông”.

“Hội An là thành phố cảng lớn nhất ở Đàng Trong. Các hàng hoá từ Quảng Nam, Bình Khang, Diên Khánh... đều theo đường thuỷ, đường bộ tập trung về Hội An”.

– Về hình 4, *Một cảnh của Thăng Long thế kỉ XVII*, GV có thể hướng dẫn: Đây là bức vẽ Thăng Long thế kỉ XVII của S. Ba-ron – một thương nhân Hà Lan, trong cuốn *Miêu tả vương quốc Đàng Ngoài (1680)*. Tranh của Ba-ron diễn tả cảnh duyệt quân ở giữa hồ Tả Vọng và sông Nhị Hà (sông Hồng) trước vương phủ và lầu Ngũ Long – một công trình kiến trúc lộng lẫy của Thăng Long, vừa là pháo đài luyện tập quân sự, vừa là nơi báii vọng của các tân khoa thế kỉ XVII – XVIII. Bức vẽ còn diễn tả cảnh thuyền bè đi lại tấp nập trên sông Hồng; trên bờ là hình ảnh những phố phường sầm uất, những ngôi nhà nhấp nhô. Đặc biệt, trong bức vẽ tác giả còn tái hiện các thương điểm của người Hà Lan, người Anh dựng ngay ven bờ sông một cách sinh động.

– Qua bức vẽ, ta thấy Thăng Long ngoài là trung tâm chính trị, văn hoá còn thực sự là trung tâm kinh tế, là nơi hội tụ các phường thủ công, trung tâm thu hút các thương nhân châu Á, châu Âu đến trao đổi, buôn bán tạo nên sự phát triển phồn thịnh của đô thị nước ta thời bấy giờ.

3. Tìm hiểu về những thành tựu văn hoá

* *Mục tiêu:*

- Biết được những tôn giáo lớn ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVII.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, văn học, nghệ thuật dân gian ở nước ta.

** Phương thức hoạt động:*

– GV yêu cầu HS đọc đoạn thông tin và quan sát hình ảnh trong sách HDHKHXH7/2, kết hợp với sự hiểu biết từ thực tiễn của các em để trao đổi thảo luận (có thể chia lớp thành 4 nhóm) để thảo luận 4 vấn đề:

+ Nhận xét về đời sống tinh thần của nhân dân ta thế kỉ XVI – XVIII.

+ Vì sao chữ Quốc ngữ lại được sử dụng đến ngày nay?

+ Nêu những thành tựu chủ yếu về văn học ở nước ta thế kỉ XVI – XVIII.

+ Nêu tên và ý nghĩa của một số công trình nghệ thuật dân gian ở nước ta thế kỉ XVI – XVIII.

– Sau khi các nhóm thảo luận, báo cáo kết quả, GV nhận xét rồi bổ sung, kết luận một số ý chính:

+ Đời sống tinh thần của nhân dân ta rất phong phú. Nho giáo vẫn giữ vị trí chủ đạo, được đề cao trong học tập, thi cử, tuyển dụng quan lại. Đạo giáo, Phật giáo được phục hồi. Văn hoá truyền thống, các lễ hội ở nông thôn được duy trì. Thiên chúa giáo được du nhập ngày càng tăng.

+ Chữ Quốc ngữ xuất hiện ở nước ta vào đầu thế kỉ XVII. Đây là thứ chữ viết rất tiện lợi, khoa học và dễ phổ biến nên được sử dụng rộng rãi đến ngày nay.

+ Văn học chữ Hán, chữ Nôm phát triển mạnh với các nhà thơ nổi tiếng Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đào Duy Từ, Nguyễn Dữ, Phùng Khắc Khoan...

Văn học dân gian phát triển phong phú với hai bộ phận là văn học bình dân và thơ ca dân gian với nội dung chính là đả kích chế độ phong kiến, đề cao tinh thần nhân đạo, lạc quan yêu đời của nhân dân lao động.

+ Nghệ thuật dân gian rất phát triển, đa dạng và phong phú về loại hình. GV có thể cho HS quan sát hình 5. *Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay* và giới thiệu thêm: Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) được tạc vào năm 1656. Trải qua gần 4 thế kỉ, bức tượng vẫn còn nguyên vẹn.

Tương truyền bà Ngọc Trúc (vợ Quận công Lê Trụ) bị ép làm vợ của vua Lê Thánh Tông và phong làm hoàng hậu. Về sau, bà buồn chán bỏ đi tu tại chùa Ninh Phúc. Tại đây bà cho xây Bút Tháp và hoàn thành pho tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay. Bức tượng cao 3,7m, Phật được tạc hiện với 11 đầu, 1000 tay (thực tế chỉ đếm được 994 tay) và 1000 mắt, mỗi lòng bàn tay có một mắt. Gần 1000 bàn tay được xếp thành một vòng hào quang. Nguyên liệu tạc

tượng bằng gỗ, nhưng toát lên vẻ đẹp tự nhiên, rục rờ. Phật Bà có khuôn mặt đẹp, đầu đội mũ hoa sen, phía trên là 8 đầu nhỏ xếp thành 3 tầng, cao vút lên như ngọn tháp. Trên đỉnh là một pho tượng Phật nữa. Hai cánh tay Phật chấp trước ngực, 40 cánh tay khác xòe ra uyển chuyển, các ngón tay như đang cử động theo điệu múa mềm mại; những bàn tay khác và những con mắt nhỏ xếp xung quanh tỏa ra ánh sáng hào quang của mặt trời rục rờ. Phần dưới là chiếc bệ vuông có 4 quỳ đội, chạm nổi sư tử, gờ chỉ hoa lá, cánh sen. Mặt bệ là lớp sóng có cua, ốc bơi lội; giữa nổi lên đầu rồng giơ hai tay đội sen và tượng Phật.

Công trình này do Nam tước Trương Văn Thọ thực hiện trong ba năm mới xong. Đó là công trình nổi tiếng, thể hiện tài năng điêu khắc gỗ trong nền nghệ thuật dân gian Việt Nam thời bấy giờ.

4. Tìm hiểu về khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII

* *Mục tiêu:*

– Biết được nguyên nhân dẫn tới các cuộc khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.

– Kể tên được một số cuộc khởi nghĩa và nhận xét về phong trào nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV yêu cầu HS đọc đoạn thông tin kết hợp quan sát lược đồ trong sách HDHKHXH7/2, hãy:

+ Nêu nguyên nhân diễn ra các cuộc khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.

+ Kể tên một số cuộc khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài tiêu biểu trong thế kỉ XVIII.

+ Nhận xét về phong trào nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.

– GV bổ sung thêm một số tư liệu lịch sử, rồi rút ra nguyên nhân diễn ra các cuộc khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII:

Chúa Trịnh Giang cho xây dựng chùa lớn. Năm 1730, hàng vạn dân ở Hải Dương phải đi đào sông, kéo gỗ và đắp đường, chở gạch đá để tu sửa hai chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm.

Chúa Trịnh Sâm càng lún sâu hơn vào “vũng bùn” ăn chơi hưởng lạc. Vào dịp Tết Trung thu, “chúa phát gấm làm hàng trăm, hàng ngàn cái đèn lồng tinh xảo tuyệt vời, mỗi cái giá đến mấy chục lượng vàng”.

(Thượng kinh kí sự)

Trong phủ chúa có đến bốn, năm trăm hoạn quan, “ngạo mạn, hách dịch...; cả nước căm ghét, ghê tởm, kinh sợ chúng”.

Quan lại xét xử “đọc nước béo cò”, “để cho kẻ giảo hoạt lọt lưới pháp luật, kẻ điều toa được múa mép, kẻ lí ngay đành phải chịu thua”.

(Thông sứ của Ngự sử đài năm 1719)

Vì trưng thu quá mức dân kiệt cả vật lực mà không thể nộp đủ đến nỗi trở thành bần cùng mà bỏ cả nghề nghiệp. Có người vì thuế sơn mà chặt cả cây sơn, vì thuế vải lụa mà phá khung cửi, vì thu cá tôm mà phải xé chài lưới...

(Nhà sử học Phan Huy Chú)

Nạn đói khủng khiếp năm 1740 – 1741 ở Đàng Ngoài đến nỗi, “Dân lưu vong bồng bế, dắt díu nhau đi kiếm ăn đầy đường... Dân phần nhiều sống nhờ rau cỏ, ăn cả chuột rắn. Người chết đói ngổ ngang, người sống sót không còn một phần mười. Làng nào có tiếng trừ mật cũng chỉ còn năm, ba hộ mà thôi”.

Về các cuộc khởi nghĩa lớn, GV nên tổ chức HS điền trên bảng các nội dung: tên cuộc khởi nghĩa, thời gian, địa bàn chính, kết quả. Sau đó tổ chức cho các em nhận xét về phong trào nông dân Đàng Ngoài.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Vào giữa thế kỉ XVIII, chính quyền phong kiến Đàng Ngoài suy sụp. Vua Lê chỉ làm bù nhìn. Phủ chúa nắm mọi quyền hành, cai trị độc đoán. Quan lại ra sức đục khoét, bóc lột của dân. Sản xuất nông nghiệp bị đình đốn. Hạn hán, lụt lội liên tiếp xảy ra. Công thương nghiệp thì sa sút, điêu tàn, hàng chục vạn nông dân chết đói. Đây là nguyên nhân dẫn đến các cuộc khởi nghĩa của nông dân.

– Kể tên các cuộc khởi nghĩa lớn theo sách HDHKHXH7/2.

– Nhận xét: Các cuộc khởi nghĩa đều thất bại vì diễn ra rời rạc, không liên kết thành một phong trào rộng lớn. Tuy nhiên, các cuộc khởi nghĩa đã phản ánh ý chí đấu tranh chống áp bức, cường quyền của nhân dân ta, làm cho chính quyền phong kiến Đàng Ngoài lung lay.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

** Mục tiêu:*

Củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới cho HS nhất là nguyên nhân của tình trạng chia cắt nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII; Những chuyển biến ở nước ta về chính trị, lãnh thổ, kinh tế, văn hoá xã hội thế kỉ XVI – XVIII.

** Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm:*

GV dựa vào sách HDHKHXH7/2 hoặc có thể sáng tạo những bài tập khác để HS luyện tập, củng cố kiến thức.

1. Trình bày tóm tắt về tình hình kinh tế, văn hoá nước ta thế kỉ XVI – XVIII. Cần nêu được những ý chính về nông nghiệp Đàng Trong thì phát triển do nông dân được tạo điều kiện khai hoang lập ấp, Đàng Ngoài thì khủng hoảng do chính quyền Lê – Trịnh không chăm lo phát triển nông nghiệp. Về thủ công nghiệp, thương nghiệp tiếp tục phát triển trong cả nước. Nền văn hoá có những thành tựu mới cả về tôn giáo, chữ viết, văn hoá, nghệ thuật...

2. Lập bảng về những cuộc khởi nghĩa lớn ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.

Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Địa bàn
Nguyễn Dương Hưng	1737	Sơn Tây
Nguyễn Hữu Cầu	1741 – 1751	Hải Phòng
Hoàng Công Chất	1739 – 1769	Sơn Nam – Tây Bắc
Nguyễn Danh Phương	1740 – 1751	Vĩnh Phúc
Lê Duy Mật	1738 – 1770	Thanh Hoá, Nghệ An

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* Mục tiêu:

– Biết sử dụng kiến thức đã học vào cuộc sống nhất là những sự kiện, hiện tượng gần gũi với các em.

– Liên hệ với cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, hải đảo nước ta hiện nay.

* Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm:

Hoạt động vận dụng không bắt buộc tất cả HS phải hoàn thành song trong quá trình tổ chức dạy học nên động viên khuyến khích đông đảo HS tham gia.

– Các em biết được tên đường phố, trường học mang tên các nhân vật lịch sử trong bài học và giải thích được vì sao lại đặt tên đó.

– Sưu tầm tư liệu về Nguyễn Bình Khiêm – Trạng Trình.

– Tìm hiểu truyền thống làng nghề hoặc chợ ở địa phương em.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

* Mục tiêu:

– Giúp những HS yêu thích môn Lịch sử tìm hiểu thêm kiến thức có liên quan đến bài học.

– Luyện tập cho HS kĩ năng sưu tầm tư liệu, tương tác với người thân về kiến thức bộ môn.

* *Phương thức hoạt động:*

- HS làm việc ở nhà, có sự trợ giúp của người thân, tìm hiểu thông qua công nghệ truyền thông.
- Tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm và báo cáo trước lớp.
- Đánh giá sản phẩm của HS.

BÀI 32. PHONG TRÀO TÂY SƠN

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

Trình bày được những nét chính về xã hội Đàng Trong nửa sau thế kỉ XVIII, từ đó nhận thức được nguyên nhân dẫn đến những cuộc khởi nghĩa nông dân.

Nhớ được những mốc quan trọng trong quá trình phát triển của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn.

Giải thích, đánh giá được một số sự kiện, hiện tượng tiêu biểu như nguyên nhân bùng nổ khởi nghĩa Tây Sơn, nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ, thống nhất đất nước.

Phân biệt được khái niệm khởi nghĩa Tây Sơn với phong trào Tây Sơn.

Có thái độ đồng tình, khâm phục, kính trọng với những nhân vật có công với đất nước như Quang Trung – Nguyễn Huệ, Nguyễn Thiếp, Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm, đồng thời phê phán, lên án hành động bán nước của Lê Chiêu Thống...

1. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài này được tổ chức dạy trong 3 tiết. Vì vậy, ngoài việc tổ chức dạy học theo sách HDHKHXH7/2, GV cần phân chia nội dung vừa đảm bảo thời lượng lên lớp, vừa đảm bảo logic lịch sử của bài, giúp các em có cách nhìn hệ thống với logic chặt chẽ. Trong thực tiễn dạy học, mỗi tiết, GV nên thiết kế 5 hoạt động cho phù hợp. Điều đó giúp HS sau mỗi buổi lên lớp được mở rộng thêm kiến thức mới, các em sẽ hứng thú hơn với môn học. Trong quá trình dạy, GV kết hợp mô hình Trường học mới với các phương pháp dạy học truyền thống phù hợp với đặc trưng của bộ môn, vừa giúp các em lĩnh hội vững chắc kiến thức vừa phát triển năng lực, phẩm chất, tư tưởng tình cảm như mục tiêu đã đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

* *Mục tiêu:*

Định hướng HS nhận thức đúng về phong trào Tây Sơn, vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung đối với dân tộc ta nửa sau thế kỉ XVIII.

* *Phương thức hoạt động:*

– Ngoài cách khởi động theo sách HDHKHXH7/2, GV có thể tham khảo một số cách khởi động sau:

+ Có HS nói rằng Quang Trung – Nguyễn Huệ là 2 anh em. Điều đó có đúng không? Vì sao?

+ Sử dụng bức ảnh chụp đường phố Quang Trung hay Nguyễn Huệ, rồi nêu câu hỏi để HS suy nghĩ vì sao đường phố này được mang tên Quang Trung...

+ Sử dụng câu thơ: “Mà nay áo vải cờ đào, Giúp dân dựng nước xiết bao công trình”, rồi hỏi HS: Ai là tác giả của câu thơ này? Câu thơ này nói về nhân vật lịch sử nào?

– Sau khi nêu vấn đề, tạo hứng thú học tập cho HS, GV có thể gọi một số em trả lời theo hiểu biết của mình. Tuy nhiên, câu trả lời của các em có thể đúng hoặc sai, song lại là căn cứ để GV dẫn dắt vào nội dung bài học.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Sản phẩm của phần khởi động chính là những nội dung cơ bản của bài. Câu trả lời của HS chỉ để GV đánh giá sự hiểu biết của HS trước khi học bài mới, giúp GV có cách thức hướng dẫn HS học tập cho phù hợp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Trong quá trình tổ chức dạy học bài này, GV có thể gộp mục 1 và mục 2 trong sách Hướng dẫn học.

1. Tìm hiểu tình hình xã hội Đàng Trong nửa sau thế kỉ XVIII và 2. Sự bùng nổ của khởi nghĩa Tây Sơn

* *Mục tiêu:*

Nêu được tình hình xã hội Đàng Trong giữa thế kỉ XVIII.

– Xác định được trên lược đồ nơi bùng nổ và địa bàn hoạt động của nghĩa quân Tây Sơn trong những năm đầu khởi nghĩa.

– Nêu mục đích ban đầu của khởi nghĩa Tây Sơn.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Tìm hiểu tình hình xã hội Đàng Trong nửa sau thế kỉ XVIII, rút ra nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa Tây Sơn.

– Yêu cầu HS quan sát lược đồ căn cứ địa của nghĩa quân Tây Sơn để xác định nơi bùng nổ khởi nghĩa, địa bàn hoạt động của nghĩa quân Tây Sơn thời kì đầu của cuộc khởi nghĩa.

– Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm hoặc cặp đôi để thảo luận những vấn đề nêu trên. Cả lớp nghe ý kiến phát biểu của đại diện nhóm hoặc cá nhân.

– Ở lớp khá giỏi, GV có thể chỉ nêu nguồn sử liệu để HS nhận xét đánh giá về tình hình Đàng Trong nửa sau thế kỉ XVIII, nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa Tây Sơn.

Nhà bác học Lê Quý Đôn (thế kỉ XVIII) nhận xét: “Từ quan to đến quan nhỏ nhà cửa chạm trổ... lấy sự phú quý phong lưu để khoe khoang lẫn nhau... Họ coi vàng bạc như cát, lúa gạo như bùn, hoang phí vô cùng”. Trương Thúc Loan “Thu lợi 5 cửa nguồn, nhận của đút lót, vàng bạc châu báu gấm vóc chứa đầy nhà. Ruộng vườn, tôi tớ, trâu ngựa không biết bao nhiêu mà kể”.

+ Về khởi nghĩa “chàng Lía”, có ca dao:

*“Ai về Bình Định mà nghe,
Nghe thơ chàng Lía hát về Quảng Nam.
Chiều chiều én lượn Trông Mây,
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành”.*

** Gọi ý sản phẩm:*

– Về tình hình xã hội Đàng Trong, từ giữa thế kỉ XVIII, chính quyền họ Nguyễn đã khủng hoảng, thối nát. Nạn mua quan bán tước phổ biến, ở địa phương quan lại, cường hào đàn áp, bóc lột nhân dân thậm tệ. Cuộc sống của người dân vô cùng cực khổ. Đây là nguyên nhân dẫn đến các cuộc đấu tranh của nhân dân, nổi lên là khởi nghĩa của chàng Lía ở Bình Định.

– Về khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ, GV có thể chốt ý cho HS ghi:

Khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ do ba anh em là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ lãnh đạo với mục đích ban đầu là “lấy của người giàu chia cho người nghèo”; xoá nợ cho nông dân; bãi bỏ nhiều thứ thuế. Tổ tiên của 3 anh em Nguyễn Nhạc vốn là họ Hồ ở Nghệ An, bị bắt làm tù binh khi họ Nguyễn đánh ra Đàng Ngoài và bị đưa về vùng Tây Sơn khốn hoang. Lúc đầu, nông dân nghèo,

đồng bào Chăm, đồng bào Ba-na vùng An Khê (Gia Lai) nhiệt tình tham gia khởi nghĩa. Thợ thủ công, thương nhân, kể cả hào mục địa phương cũng nổi dậy hưởng ứng.

– GV có thể nêu câu hỏi cho cả lớp thảo luận: Vì sao người ta nói nghĩa quân Tây Sơn là “những kẻ nhân đức với người nghèo”?

3. Tìm hiểu sự kiện nghĩa quân Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn và đánh tan quân xâm lược Xiêm

** Mục tiêu:*

– Biết được quá trình phát triển của khởi nghĩa Tây Sơn từ hạ thành Quy Nhơn năm 1773 đến lật đổ chính quyền họ Nguyễn, đánh tan quân xâm lược Xiêm.

– Trình bày được trên lược đồ diễn biến chính trận Rạch Gầm – Xoài Mút.

– Đánh giá được ý nghĩa của sự kiện Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn và đánh tan quân xâm lược Xiêm.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/2, hãy:

+ Cho biết vì sao quân Tây Sơn phải hoà hoãn với quân Trịnh.

+ Trình bày diễn biến chính quá trình nghĩa quân Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn trên lược đồ.

+ Cho biết tại sao Nguyễn Huệ chọn khúc sông Tiền (đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút) làm trận quyết chiến với quân Xiêm.

+ Trình bày diễn biến trận Rạch Gầm – Xoài Mút trên lược đồ.

+ Nêu ý nghĩa của chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Sau khi các nhóm đã trao đổi, GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm trước cả lớp.

– GV cần nhận xét, đánh giá kết quả trao đổi của các em và chốt ý:

+ Sau 3 năm nổi dậy khởi nghĩa (1771 – 1774), nghĩa quân Tây Sơn đã mở rộng vùng kiểm soát, chiếm phần lớn phủ Quy Nhơn, đẩy chúa Nguyễn vào tình thế suy yếu. Lợi dụng tình thế đó, chúa Trịnh đem quân đánh chiếm Phú Xuân. Nghĩa quân Tây Sơn đứng trước tình thế tấn công của quân Trịnh ở phía Bắc, lại phải chống chọi với quân Nguyễn phía Nam nên Nguyễn Nhạc đã tạm thời hoà hoãn với quân Trịnh để tập trung lực lượng đánh quân Nguyễn. Nhờ sách lược

đó, nghĩa quân Tây Sơn tấn công 4 lần vào Gia Định, tiêu diệt được các chúa Nguyễn. Chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong đến đây bị đánh đổ.

+ Khởi nghĩa Tây Sơn đã lật đổ chúa Nguyễn, làm chủ toàn bộ vùng đất Đàng Trong, xoá bỏ được một tập đoàn phong kiến đã lỗi thời, làm cơ sở để củng cố lực lượng tấn công tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài.

+ Khi 5 vạn quân Xiêm kéo vào Gia Định, đốt phá, giết người, cướp của khiến nhân dân ta vô cùng căm phẫn. Tháng 1 – 1785, Nguyễn Huệ đã chọn khúc sông Tiền (đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút), một địa thế hiểm trở, cây cối rậm rạp, thuận lợi cho việc phục kích (GV có thể sử dụng lược đồ) “Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút” để mô tả.

+ Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút có ý nghĩa lịch sử to lớn, không chỉ bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chống lại thế lực ngoại xâm hùng mạnh lúc bấy giờ là quân Xiêm mà còn là một trong những đội thủy chiến lớn nhất, phản ánh nghệ thuật quân sự của dân tộc ta nói chung, của Nguyễn Huệ nói riêng.

4. Tìm hiểu sự kiện quân Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh, thu phục Bắc Hà

** Mục tiêu:*

Biết được những nét chính về sự kiện quân Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh, thu phục Bắc Hà.

** Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/2, hãy:

+ Trình bày diễn biến sự kiện quân Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh.

+ Cho biết điều gì giúp quân Tây Sơn lật đổ được chính quyền phong kiến Nguyễn, Trịnh, Lê.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Sau khi đánh chiếm được Phú Xuân tháng 6 – 1786, Nguyễn Huệ quyết định tiến thẳng ra Đàng Ngoài. Ông nêu danh nghĩa “Phù Lê diệt Trịnh”, kêu gọi nhân dân hưởng ứng. Tháng 7 – 1786, Nguyễn Huệ chỉ huy nghĩa quân đánh thẳng vào Thăng Long. Chúa Trịnh bị dân bắt và nộp cho quân Tây Sơn. Chính quyền họ Trịnh tồn tại hơn 200 năm đến đây sụp đổ. Nguyễn Huệ tiến vào Thăng Long, giao chính quyền ở Đàng Ngoài cho vua Lê rồi trở về Nam.

– Cùng với việc tiêu diệt chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong, việc quân Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài đã tạo những điều kiện cơ bản cho sự thống nhất đất nước, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân cả nước.

5. Tìm hiểu sự kiện quân Tây Sơn đại phá quân Thanh xâm lược và 6. Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn

* Mục tiêu:

– Biết được ý nghĩa của sự kiện Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế (12 – 1788) lấy niên hiệu là Quang Trung.

– Giải thích được vì sao vua Quang Trung quyết định tiêu diệt quân Thanh vào dịp Tết Kỉ Dậu (1789).

– Trình bày được diễn biến chính nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược của nhân dân ta cuối thế kỉ XVIII.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/2, kết hợp quan sát lược đồ, hãy:

+ Nêu ý nghĩa của sự kiện Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế (12–1788).

+ Ý nghĩa của bài thơ dụ Hịch tướng sĩ của Quang Trung.

“Đánh cho để dài tóc

Đánh cho để đen răng

Đánh cho nó chích luân bất phản

Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn

Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”.

+ Giải thích vì sao vua Quang Trung quyết định tiêu diệt quân Thanh vào dịp Tết Kỉ Dậu (1789).

+ Trình bày diễn biến chính cuộc chiến đấu chống quân Thanh của nhân dân ta cuối thế kỉ XVIII trên lược đồ.

+ Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, sau đó từng nhóm báo cáo kết quả thảo luận. GV nhận xét, chốt ý chính.

* Gợi ý sản phẩm

– Cuối năm 1788, nhà Thanh cử Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân chia làm nhiều hướng tiến vào nước ta. Trước thế mạnh của quân xâm lược, quân ta rút khỏi Thăng Long (giống như 3 lần kháng chiến của nhà Trần chống quân xâm lược Mông – Nguyên thế kỉ XIII), chuẩn bị lực lượng xây dựng phòng tuyến Tam Điệp (Ninh Bình), liên kết với quân thủy đóng ở Biện Sơn (Thanh Hoá).

– Nhận được tin cấp báo quân Thanh xâm lược nước ta, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế (1788) lấy niên hiệu là Quang Trung nhằm khẳng định vị thế của dân tộc ta, khẳng định sự lãnh đạo tối cao của một vị hoàng đế để chống xâm lược.

– Bài thơ của Quang Trung có ý nghĩa như một bản Tuyên ngôn Độc lập, khẳng định ý chí quyết chiến quyết thắng của dân tộc ta trong việc bảo vệ độc lập dân tộc, giữ gìn nền văn hoá và những phong tục tập quán lâu đời của nhân dân ta.

– Phong trào Tây Sơn thắng lợi trước hết là nhờ ý chí đấu tranh chống áp bức bóc lột và tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Tiếp đó là sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt và nghệ thuật quân sự độc đáo của Quang Trung và bộ chỉ huy nghĩa quân. Quang Trung là vị anh hùng dân tộc vĩ đại của nhân dân ở thế kỉ XVIII.

7. Tìm hiểu Quang Trung xây dựng đất nước

* *Mục tiêu:*

– Biết được những chính sách của vua Quang Trung nhằm khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định xã hội, phát triển văn hoá dân tộc.

– Trình bày được những điểm nổi bật trong chính sách quốc phòng, ngoại giao của vua Quang Trung.

* *Phương thức hoạt động:*

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin trong sách HDHKHXH7/2, hãy:

+ Trình bày những chính sách của vua Quang Trung nhằm phục hồi, phát triển kinh tế, ổn định xã hội và phát triển văn hoá dân tộc.

+ Cho biết việc ban bố chiếu lập học thể hiện hoài bão gì của vua Quang Trung.

+ Nêu những điểm nổi bật trong chính sách quốc phòng, ngoại giao của vua Quang Trung.

– GV tổ chức trao đổi, thảo luận chung cả lớp về câu thơ của công chúa Ngọc Hân về Quang Trung:

Mà nay áo vải cờ đào,

Giúp dân dựng nước, xiết bao công trình.

– GV gợi mở giúp HS phân tích, khai thác các sự kiện để làm sáng tỏ câu thơ trên.

* *Gợi ý sản phẩm:*

– Nguyễn Huệ là một trong những người khởi xướng, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Tây Sơn với khẩu hiệu “lấy của người giàu chia cho người nghèo”. Ông là đại diện tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam, yêu chuộng tự do, độc lập.

– Trong suốt 21 năm (từ năm 1771 đến năm 1792) Nguyễn Huệ – Quang Trung đã “giúp dân”: đánh đổ 2 tập đoàn phong kiến: chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chúa Trịnh và vua Lê ở Đàng Ngoài; xoá bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt nền móng cho sự thống nhất đất nước; đập tan 2 thế lực ngoại xâm hùng mạnh lúc bấy giờ là 5 vạn quân Xiêm, 29 vạn quân Thanh, bảo vững chắc nền độc lập dân tộc; đưa ra nhiều chính sách tiến bộ để phục hồi kinh tế, xây dựng văn hoá dân tộc, củng cố quốc phòng, ngoại giao khôn khéo mềm dẻo.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:*

Ôn luyện kiến thức về phong trào Tây Sơn, ghi nhớ, củng cố những kiến thức cơ bản cho HS.

- Phát triển kĩ năng lập bảng, phân tích, bình luận.
- Nâng cao năng lực đánh giá sự kiện, nhân vật theo quan điểm lịch sử.

* *Phương thức hoạt động:*

– Căn cứ vào thời gian còn lại của bài học mà tổ chức luyện tập kiến thức cho HS. Cụ thể: Điền nội dung sự kiện cho phù hợp với thời gian trong bảng về phong trào Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII. Có thể cho HS điền trên bảng đen hay phiếu học tập.

– Tổ chức HS thảo luận về những đóng góp của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử nước ta nửa sau thế kỉ XVIII. Đóng góp nào là quan trọng nhất? Vì sao?

* *Gợi ý sản phẩm:*

- Hoàn thành bảng:

Thời gian	Sự kiện
Năm 1771	Khởi nghĩa Tây Sơn
Năm 1773	Nghĩa quân Tây Sơn hạ thành Quy Nhơn
Năm 1777	Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong
Năm 1785	Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút, đánh tan quân xâm lược Xiêm
Năm 1786	Đánh chiếm Phú Xuân, tấn công ra Đàng Ngoài
Năm 1788	Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế – niên hiệu Quang Trung
Năm 1789	Đánh tan 29 vạn quân xâm lược Thanh

- Những cống hiến của phong trào Tây Sơn:
- + Lật đổ ách thống trị của 2 tập đoàn phong kiến: Nguyễn ở Đàng Trong và Trịnh ở Đàng Ngoài.
- + Đặt nền móng cho sự thống nhất đất nước.
- + Đánh tan 5 vạn quân xâm lược Xiêm, 29 vạn quân xâm lược Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.
- + Bước đầu khôi phục kinh tế, phát triển xã hội với những chính sách tiên bộ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

** Mục tiêu:*

- Biết vận dụng kiến thức vào cuộc sống.
- Rèn luyện cho HS những kĩ năng xem xét, liên hệ giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống.
- Nâng cao năng lực giao tiếp, quan sát và khả năng sử dụng ngôn ngữ sử học.

** Phương thức hoạt động:*

- GV hướng dẫn HS tự học theo các bài tập trong sách hướng dẫn học.
- Mặc dù đây là hoạt động tự nguyện không bắt buộc tất cả HS phải hoàn thành song nên động viên khuyến khích nhiều em tham gia.
- HS báo cáo sản phẩm với thầy cô giáo, trao đổi với bạn bè.

** Gợi ý sản phẩm:*

- Trình bày những nét lớn về công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay. Liên hệ những chính sách về kinh tế, văn hoá, ngoại giao của vua Quang Trung với đường lối đổi mới của Đảng ta hiện nay.
- Quan sát tìm hiểu những tượng đài, đền thờ, đường phố, trường học mang tên những danh nhân trong bài học.

E. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG

** Mục tiêu:*

- Giúp HS mở rộng hiểu biết về một số sự kiện cơ bản của bài học.
- Tạo hứng thú cho HS học tập môn Lịch sử.

** Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm*

- HS đọc đoạn trích trong sách hướng dẫn, từ đó suy nghĩ và trình bày những cảm thụ của em về nội dung bài viết.

BÀI 33. VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được vào nửa đầu thế kỉ XIX, tình hình xã hội nước ta đòi hỏi phải có sự phát triển mới về mọi mặt kinh tế, văn hoá, quân sự. Nhưng chính quyền nhà Nguyễn lại kìm hãm sự phát triển của xã hội, làm cho nhân dân ta phải sống trong vòng lạc hậu, khổ cực.
- Giải thích được nguyên nhân bùng nổ các cuộc đấu tranh chống chính quyền nhà Nguyễn là do mâu thuẫn giữa nhân dân ta với triều đình phong kiến.
- Ghi nhớ được những cuộc khởi nghĩa nông dân tiêu biểu vào nửa đầu thế kỉ XIX.
- Giải thích được vì sao trong bối cảnh khủng hoảng về kinh tế, xã hội nhưng nền văn học, nghệ thuật, khoa học – kĩ thuật vẫn có bước phát triển mới.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp, tư duy logic, quan điểm lịch sử. Biết sử dụng tranh ảnh, phương pháp bộ môn để nhận thức lịch sử.
- Trân trọng, tự hào những giá trị văn hoá của dân tộc đạt được dưới triều Nguyễn.

1. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động của mô hình Trường học mới gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa nhắc lại những kiến thức đã biết vừa tạo mâu thuẫn trong nhận thức cho HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học.

- Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội nước ta nửa đầu thế kỉ XIX.
- Các cuộc đấu tranh tiêu biểu của nông dân chống lại chế độ phong kiến.
- Những thành tựu văn hoá, khoa học – kĩ thuật ở nước ta cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

Trong quá trình dạy học, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn kết hợp với tổ chức luyện tập để HS tự lĩnh hội kiến thức. Chú ý dạy cách học cho HS thông qua hoạt động theo mô hình Trường học mới.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

** Mục tiêu:*

- Định hướng sự chú ý của HS vào nội dung bài học.
- Kích thích nhu cầu học tập của HS bằng những vấn đề mâu thuẫn trong nhận thức, giúp các em hứng thú hơn với bài học.
- Tạo sự gần gũi thân thiết giữa thầy và trò, trò với trò.

** Phương thức hoạt động:*

- Có nhiều cách khởi động học tập cho HS, hoặc là dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề, hoặc bằng đoạn phim tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học hoặc nội dung cơ bản của bài học. Dù bằng cách nào cũng phải kích thích được nhu cầu học tập của các em, thu hút sự chú ý của các em vào nội dung bài học.
- Ngoài gợi ý khởi động trong sách HDHKHXH7/2, GV có thể khởi động bằng cách khác như cho HS quan sát bức ảnh về Nguyễn Ánh, về Đại nội Huế rồi nêu câu hỏi: Bức tranh mà các em đang quan sát liên quan đến sự kiện lịch sử nào? Em biết gì về sự kiện lịch sử đó?
- Sau khi đã tạo được sự chú ý của HS vào nội dung bài học, GV có thể tổ chức cho một vài em phát biểu. Chính những câu trả lời của HS (có thể đúng hoặc sai) là cơ sở để GV dẫn dắt vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu tình hình chính trị nước ta nửa đầu thế kỉ XIX

** Mục tiêu:*

- Biết được nét chính về sự thành lập nhà Nguyễn đầu thế kỉ XIX.
- Trình bày được những nét lớn về nhà nước quân chủ tập quyền cũng như những chính sách về luật pháp, quân đội, ngoại giao của nhà Nguyễn đầu thế kỉ XIX.
- Đánh giá được tình hình chính trị ở nước ta đầu thế kỉ XIX.

** Phương thức hoạt động:*

- GV kể cho HS nghe vài nét về sự ra đời của nhà Nguyễn. Có thể so sánh sự ra đời của nhà Nguyễn với sự ra đời của các vương triều Lí, Trần, Lê.
- GV yêu cầu HS đọc đoạn thông tin trong sách HDHKHXH7/2 rồi chia nhóm để trao đổi, thảo luận các vấn đề sau:

- + Bộ máy hành chính của nước ta đầu thế kỉ XIX.
- + Luật pháp.
- + Xây dựng quân đội.
- + Chính sách đối ngoại của nhà Nguyễn.
- + Đánh giá những chính sách của nhà Nguyễn.
- Sau khi các nhóm báo cáo sản phẩm, GV nhận xét và chốt ý.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Nhân nội bộ Tây Sơn suy yếu, Nguyễn Ánh đánh bại triều Tây Sơn, lên ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu là Gia Long, chọn Phú Xuân làm kinh đô, lập ra triều Nguyễn. Nhà nước quân chủ tập quyền được củng cố.

Về hành chính, vua trực tiếp điều hành mọi việc từ trung ương đến địa phương. Dưới vua có 6 bộ, giải quyết những công việc cụ thể. Trong những năm 1831 – 1832, nhà Nguyễn chia nước làm 30 tỉnh và một phủ trực thuộc (Thừa Thiên). Đứng đầu mỗi tỉnh là Tổng đốc (tỉnh lớn) và Tuần phủ (tỉnh vừa và nhỏ). Chia miền núi thành châu do tù trưởng địa phương quản lí, bên cạnh có lưu quan người Kinh giám sát.

– Về luật pháp, nhà Nguyễn ban hành *Luật Gia Long* (Hoàng triều luật lệ), trên thực tế là sự mô phỏng thụ động luật nhà Thanh, hầu như không thấy dấu ấn của *Quốc triều hình luật* thời Lê và pháp luật Việt Nam ở các triều đại trước.

– Quân đội nhà Nguyễn gồm nhiều binh chủng. Ở kinh đô và các trấn, tỉnh đều xây thành trì vững chắc. Một hệ thống trạm ngựa được thiết lập từ Nam Quan đến Cà Mau để kịp thời chuyển tin tức giữa triều đình với các địa phương.

– Về đối ngoại, các vua Nguyễn thần phục nhà Thanh, trong khi đó lại khước từ mối quan hệ với phương Tây. Điều này càng thúc đẩy nước Pháp chuẩn bị xâm lược nước ta.

– Nhà Nguyễn đã thực hiện nhiều chính sách nhằm củng cố địa vị thống trị, thiết lập chế độ phong kiến tập quyền.

2. Tìm hiểu tình hình kinh tế nước ta nửa đầu thế kỉ XIX

** Mục tiêu:*

– Trình bày được những nét lớn về tình hình kinh tế: nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp ở nước ta nửa đầu thế kỉ XIX.

– Biết đánh giá, nhận xét về công cuộc khẩn hoang dưới triều Nguyễn.

– Giải thích được vì sao diện tích canh tác được tăng thêm nhưng vẫn còn tình trạng nông dân lưu vong.

– Đánh giá được thủ công nghiệp ở nước ta nửa đầu thế kỉ XIX.

** Phương thức hoạt động:*

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc đoạn thông tin trong sách HDHKHXH7/2, lựa chọn những sự kiện, hiện tượng phản ánh tình hình kinh tế ở nước ta nửa đầu thế kỉ XIX.

GV gợi ý để HS chú trọng đến các mặt: Khai hoang, chính sách nông nghiệp, thương nghiệp, thủ công nghiệp,... để nhận xét, đánh giá về các mặt đó.

** Gợi ý sản phẩm:*

– Về nông nghiệp, sau nhiều năm chiến tranh, nông nghiệp nước ta sa sút nghiêm trọng. Các vua Nguyễn rất chú ý việc khai hoang. Các biện pháp di dân lập ấp và lập đồn điền được tiến hành ở nhiều tỉnh phía bắc và phía nam.

Năm 1828, Nguyễn Công Trứ được cử làm Doanh điền sứ. Ông chiêu mộ dân lưu vong khai phá miền ven biển, lập nên các huyện Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình). Hàng trăm đồn điền được thành lập rải rác ở các tỉnh Nam Kỳ.

Việc khai hoang đã tăng thêm diện tích canh tác. Nhưng ruộng đất bỏ hoang vẫn còn nhiều, vì nông dân bị địa chủ, cường hào cướp mất ruộng đất, phải lưu vong.

Ở các tỉnh phía bắc, việc sửa đắp đê không được chú trọng. Lụt lội, hạn hán xảy ra luôn.

– Về công thương nghiệp, theo đà phát triển của các thế kỉ trước, công thương nghiệp có điều kiện phát triển. Nhà Nguyễn lập nhiều xưởng đúc tiền, đúc súng, đóng tàu ở kinh đô Huế, Hà Nội, Gia Định... Thợ giỏi các địa phương được tập trung về sản xuất trong các xưởng của nhà nước.

Ngành khai thác mỏ được mở rộng. Cả nước có hàng trăm mỏ được khai thác. Nhưng cách khai thác còn lạc hậu. Các mỏ hoạt động thất thường và sa sút dần.

Các nghề thủ công ở nông thôn và thành thị vẫn không ngừng phát triển. Nhiều làng thủ công nổi tiếng khắp nước như làng Bát Tràng, Ngũ Xã, Vạn Phúc (Hà Nội), Bảo An (Quảng Nam),... Tuy nhiên, hoạt động thủ công nghiệp trong dân gian còn rất phân tán. Thợ thủ công phải nộp thuế sản phẩm nặng nề.

Sang thế kỉ XIX, đất nước đã thống nhất, việc buôn bán có nhiều thuận lợi. Ngoài các thành thị nổi tiếng trước đó như Hà Nội, Phú Xuân (Huế), Gia Định, nhiều thị tứ mới xuất hiện rải rác các tỉnh Nam Bộ và Trung Bộ.

Thuyền buôn bán các nước Xiêm, Mã Lai, nhất là Trung Quốc thường xuyên sang nước ta mua bán hàng hoá. Tàu buôn phương Tây cũng đến buôn bán nhưng không được mở cửa hàng mà chỉ được ra vào một số cảng quy định.

3. Tìm hiểu các cuộc khởi nghĩa nông dân nửa đầu thế kỉ XIX

* Mục tiêu:

- Biết được những cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân nửa đầu thế kỉ XIX.
- Nhận xét được các cuộc khởi nghĩa nông dân nửa đầu thế kỉ XIX các mặt: nguyên nhân, mục tiêu, lực lượng tham gia, quy mô.

* Phương thức hoạt động:

- Tổ chức HS tìm hiểu những cuộc khởi nghĩa của nông dân nửa đầu thế kỉ XIX: tên khởi nghĩa, thời gian, địa bàn hoạt động, ý nghĩa.
- Yêu cầu các em trao đổi thảo luận để rút ra những điểm chung về nguyên nhân bùng nổ, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa.
- Có thể sử dụng lược đồ Việt Nam, xác định những cuộc khởi nghĩa nông dân nửa đầu thế kỉ XIX.

* Gợi ý sản phẩm:

- Cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành (1821 – 1827), phát triển rộng từ Thái Bình đến Nam Định, Hải Dương, Quảng Yên, đánh bại nhiều lực lượng lớn của triều đình. Đây là cuộc khởi nghĩa lớn nhất và điển hình nhất của phong trào nông dân nửa đầu thế kỉ XIX.
- Cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân (1833 – 1835), nổ ra ở vùng người thiểu số miền núi Việt Bắc và một số làng người Mường, người Việt ở trung du.
- Khởi nghĩa của Lê Văn Khôi (1833 – 1856), diễn ra ở Gia Định, sau lan rộng ra cả 6 tỉnh Nam Kỳ.
- Khởi nghĩa Cao Bá Quát (1854 – 1856). Ông là một nhà nho, nổi tiếng học giỏi và làm thơ hay. Ông căm ghét chế độ phong kiến đương thời, nên về quê kêu gọi nông dân khởi nghĩa. Nhưng kế hoạch bị lộ, khởi nghĩa sớm thất bại.
- Đời sống nhân dân, nhất là nông dân dưới triều Nguyễn vô cùng cực khổ vì địa chủ hào lí chiếm đoạt ruộng đất, quan lại tham nhũng, tô thuế phu dịch nặng nề. Nạn dịch bệnh, nạn đói hoành hành khắp nơi.

Các cuộc khởi nghĩa nông dân thế kỉ XIX tuy nổ ra khắp nơi, song rất phân tán, nên không đạt kết quả mong muốn. Triều đình nhà Nguyễn đàn áp dã man các cuộc khởi nghĩa.

4. Tìm hiểu sự phát triển của văn hoá dân tộc cuối thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX

** Mục tiêu:*

– Nêu và ghi nhớ được một số tác giả, tác phẩm văn học tiêu biểu ở cuối thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX.

– Trình bày được những hiểu biết về nghệ thuật dân gian.

– Biết được một số thành tựu về khoa học, kĩ thuật ở nước ta cuối thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX.

** Phương thức hoạt động:*

– GV yêu cầu HS: Đọc đoạn thông tin kết hợp với quan sát hình trong sách HDHKHXH7/2, hãy:

+ Kể tên những tác giả, tác phẩm văn học tiêu biểu.

+ Trình bày hiểu biết về nghệ thuật dân gian thời Nguyễn và liên hệ với ngày nay.

+ Nêu các công trình kiến trúc, các tác phẩm sử học, y học nổi tiếng thời kì này.

– GV giới thiệu thêm về một số hình ảnh trong sách HDHKHXH7/2: *Hình 5. Chăn trâu thổi sáo*: “Thế kỉ XVIII – XIX, trong nhân dân xuất hiện những loại tranh dân gian, một sáng tạo đặc biệt của nền hội họa dân tộc, mà tiêu biểu là tranh Đông Hồ. Đề tài tranh thường lấy cảm hứng từ bản chất lạc quan, yêu đời của người dân Việt Nam. Bức tranh *Chăn trâu thổi sáo* là một trong những bức tranh truyền thống của làng tranh Đông Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Bức tranh vừa hiện thực vừa lãng mạn diễn tả cảnh hai chú bé vừa chăn trâu, vừa thả diều, một em ngồi vắt vẻo trên lưng trâu thổi sáo say sưa, trong lúc hai chú trâu có vẻ chú ý, vểnh tai lên nghe, nhưng chẳng hiểu gì (đàn gảy tai trâu). Người xem quan sát bức tranh có cảm giác đây không phải là công việc nặng nhọc, vất vả, mà là một cảnh lao động vui tươi nhàn nhã. Bức tranh toát lên nét đẹp trong đời sống sản xuất ở nông thôn, dù trong hoàn cảnh nào con người cũng tràn đầy niềm lạc quan, yêu đời”.

Hình 6. Chùa Tây Phương: “Chùa Tây Phương còn có tên là Sùng Phúc tự, cao khoảng 50 m dựng trên núi Câu Lậu, ở xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Chùa Tây Phương được xây dựng lần đầu vào đời Cao Biền (865 – 875). Đến niên hiệu Chính Hòa (1680 – 1705), khi Tây Phương Trịnh Tạc đi qua đây đã cho sửa lại chùa và xây thêm tam quan. Sau đó chùa lại bị phá, đến năm 1794, dưới triều Tây Sơn, chùa được xây lại trên nền chùa cũ. Từ chân núi leo lên 862

bạc lát đá ong thì đến cửa chùa. Chùa có ba nếp nhà song song: bái đường, chính điện và hậu cung. Mỗi nếp nhà có hai tầng mái với các đầu đao cong vút. Bức ảnh trong sách chụp một phần của chùa Tây Phương, trong đó nổi bật cấu trúc mái chùa, thể hiện nghệ thuật kiến trúc độc đáo, tinh xảo của các nghệ nhân xưa đã tạo nên vẻ đẹp hiếm có của chùa Tây Phương. Tường chùa được xây hoàn toàn bằng gạch Bát Tràng nung đỏ, không trát vôi, điểm những cửa sổ với những biểu tượng “sắc” và “không”. Hiện nay chùa Tây Phương vẫn còn lưu giữ được nhiều di vật quý như 62 pho tượng Phật, trong đó có 18 vị La Hán (Phật tổ); chuông đồng đúc năm Bính Thìn (1796)... Chùa Tây Phương không chỉ là một thắng cảnh nổi tiếng của Hà Nội mà còn là một trong những ngôi chùa đẹp nhất Việt Nam”.

* *Gợi ý sản phẩm:*

Đến cuối thế kỉ XVIII, nền văn học dân gian ở nước ta phát triển rực rỡ, với nhiều hình thức như tục ngữ, ca dao, truyện Nôm, truyện tiểu lâm,... Trải qua nhiều thế kỉ, văn học viết bằng chữ Nôm phát triển đến đỉnh cao, tiêu biểu là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Nội dung *Truyện Kiều* lên án những bất công và tội ác trong xã hội phong kiến, vạch trần tệ tham nhũng của quan lại...

Có thể kể thêm các tác phẩm nổi tiếng khác như *Chinh phụ ngâm khúc*, *Cung oán ngâm khúc*, thơ của Hồ Xuân Hương, Bà huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu... Ngoài ra, có nhiều truyện Nôm khuyết danh.

Văn nghệ dân gian phát triển như tuồng, chèo, dân ca quan họ, hát trống quân, hát ví, cò lả. Hội họa với sự xuất hiện của hàng loạt tranh dân gian, trong đó nổi tiếng nhất là tranh Đông Hồ, khắc họa được cuộc sống hiện thực của người nông dân một cách đơn giản, hóm hỉnh, tươi vui như *Đánh vật*, *Chăn trâu thổi sáo*, *Hứng dừa*, *Đám cưới chuột*.

Các công trình kiến trúc nổi tiếng thời kì này là chùa Tây Phương (Thạch Thất, Hà Nội), đình làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), di tích lăng tẩm các vua Nguyễn ở Huế.

Thời kì này có nhiều nhà sử học nổi tiếng như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú với những tác phẩm tiêu biểu như *Đại Nam thực lục*, *Vân đài loại ngữ*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Về y học, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đã thu thập được 2854 phương thuốc chữa bệnh và đặc biệt ông đã biên soạn bộ sách *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* (66 quyển)...

Về mặt kĩ thuật, đã chế được máy xe gỗ chạy bằng sức nước và lần đầu tiên thí nghiệm thành công tàu thủy chạy bằng hơi nước.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* *Mục tiêu:*

– Củng cố lại những kiến thức đã học, giúp các em ghi nhớ được những sự kiện tiêu biểu.

– Rèn luyện kĩ năng phân tích, đánh giá, nhận xét các sự kiện theo quan điểm lịch sử.

* *Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm*

– Căn cứ vào thời gian luyện tập, GV tổ chức cho HS trao đổi trên lớp hoặc sử dụng phiếu học tập, điền trên bảng đen...

– Nhận xét về các chính sách của triều Nguyễn: có nhiều chính sách tiến bộ tích cực trên các mặt như: khai hoang, lập đồn điền, phát triển thủ công nghiệp, củng cố chính quyền quân chủ tập quyền, phân chia địa giới hành chính... Tuy nhiên còn nhiều chính sách hạn chế như chính sách bế quan tỏa cảng, đối ngoại tiêu cực, chiếm đoạt ruộng đất của nông dân...

– Nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa nông dân: tự phát, lẻ tẻ thiếu liên kết, không có đường lối đúng đắn, chính quyền nhà Nguyễn mạnh tay đàn áp khởi nghĩa...

– Tổ chức HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi nối ô chữ ở cột bên trái với cột bên phải cho phù hợp, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

1 – b); 2 – d); 3 – g); 4 – c); 5 – e)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Tổ chức, nhắc nhở HS làm các bài tập vận dụng. Gợi ý các em khai thác tư liệu trên Internet, có thể hỏi thêm người thân. Tất nhiên đây là công việc tự nguyện, không bắt buộc tất cả HS phải hoàn thành, song nên khuyến khích, động viên các em tham gia, có sản phẩm để trao đổi với thầy/cô giáo, bạn bè.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Sử dụng gợi ý trong sách HDHKHXH7/2, động viên các em mở rộng kiến thức thông qua các hoạt động thực tiễn.

– Trân trọng sản phẩm của các em đồng thời phổ biến, khích lệ tinh thần học tập của các em.

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN THỨ NHẤT. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG	7
I. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC	7
II. TỔ CHỨC DẠY HỌC	10
III. KHUNG KẾ HOẠCH ĐỐI VỚI MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI	15
PHẦN THỨ HAI. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH	19
Bài 1. Các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI	19
Bài 2. Thế giới rộng lớn và đa dạng	27
Bài 3. Môi trường đới nóng	31
Bài 4. Môi trường đới ôn hoà	35
Bài 5. Môi trường đới lạnh	39
Bài 6. Môi trường hoang mạc, vùng núi, biển và đại dương	44
Bài 7. Thành phần nhân văn của môi trường	50
Bài 8. Tự nhiên, dân cư và xã hội châu Phi	56
Bài 9. Kinh tế châu Phi	63
Bài 10. Các khu vực châu Phi	68
Bài 11. Châu Âu thời sơ – trung kì, trung đại	75
Bài 12. Châu Âu thời hậu kì trung đại	83
Bài 13. Trung Quốc và Ấn Độ thời phong kiến	92
Bài 14. Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á	100
Bài 15. Buổi đầu độc lập thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (thế kỉ X)	108
Bài 16. Sự hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến Lý, Trần, Hồ (Thế kỉ XI – đầu thế kỉ XIV)	115

Bài 17. Đời sống kinh tế, văn hoá thời Lý, Trần, Hồ (Thế kỉ XI – đầu thế kỉ XV)	126
Bài 18. Các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm thời Lý, Trần, Hồ (Thế kỉ XI – đầu thế kỉ XV)	138
Bài 19. Tự nhiên châu Mĩ	152
Bài 20. Dân cư, xã hội châu Mĩ	157
Bài 21. Kinh tế châu Mĩ	162
Bài 22. Các khu vực châu Mĩ	167
Bài 23. Châu Nam Cực	172
Bài 24. Châu Đại Dương	176
Bài 25. Tự nhiên châu Âu	182
Bài 26. Dân cư và xã hội châu Âu	186
Bài 27. Kinh tế châu Âu	190
Bài 28. Các khu vực châu Âu	194
Bài 29. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	201
Bài 30. Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527)	215
Bài 31. Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII	227
Bài 32. Phong trào Tây Sơn	237
Bài 33. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX	246

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng thành viên MẠC VĂN THIÊN
Tổng Giám đốc GS. TS. VŨ VĂN HÙNG
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập TS. PHAN XUÂN THÀNH

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học VŨ ĐÌNH CHUẨN
Phó Tổng biên tập NGUYỄN HIỀN TRANG
Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập nội dung và sửa bản in :

NÔNG THỊ HUỆ – TRƯƠNG THỊ THU HIỀN – PHẠM THUYẾT QUỲNH

Trình bày bìa :

ĐÌNH THANH LIÊM

Sửa bản in :

NÔNG THỊ HUỆ – PHẠM THUYẾT QUỲNH

Thiết kế sách :

TẠ XUÂN PHƯƠNG

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN
MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI LỚP 7

Mã số : T7K13a6-ĐTH

In bản, (QĐ.....), khổ 19 x 27 cm, tại

In tại..... Địa chỉ

Cơ sở in Địa chỉ

Số ĐKXB : 15-2016/CXBIPH/320-1895/GD.

Số QĐXB :/QĐ-GD ngày tháng..... năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2016.

Mã số ISBN: 978-604-0-08028-8